

Hồng Y L.J. Suenens

**THÁNH THẦN,  
HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG  
CỦA GIÁO HỘI**

**Quyển một**

**Nguyễn Đăng Trúc và Nguyễn Chính Kết**  
chuyển dịch ra Việt ngữ

**Éditions de l'Association FIAT  
Định Hướng Tùng Thư  
2003**



*Lạy Chúa Thánh Thần,  
xin Ngài canh tân những kỳ công của Ngài  
trong cuộc sống hôm nay của chúng con,  
như một Ngày Hiện Xuống Mới.*

**Gioan XXIII**

*Nhu cầu khẩn thiết nhất của Giáo Hội  
luôn luôn là sống Ngày Hiện Xuống*

**Phaolô VI**

**Hồng Y L.J. Suenens**  
(16 tháng bảy 1904 – 06 tháng năm 1996)

## **L'Esprit-Saint, souffle vital de L'Église**

Xuất bản lần đầu vào tháng 07 năm 1974  
do Nhà xb **Desclée de Brouwer**

*Hiệp Hội FIAT tái bản ngày lễ Hiện Xuống 2001*

Định Hướng Tùng Thư xuất bản lần đầu năm 2003 bằng việt ngữ

với giấy phép của Hiệp Hội Fiat

*ISBN 2-912554-31-4*

© Éditions de l'Association FIAT  
Kardinaal Sterckxlaan, 29  
B- 1860 Oppem-Meise **Belgique**

© Định Hướng Tùng Thư  
Cộng Đoàn Đức Mẹ La Vang  
13 g rue de l'ILL  
67116 Reichstett, **France**

## LỜI TỰA

Đức Hồng Y L. J. Suenens từ biệt chúng ta về với Chúa đã được 5 năm\*. Suốt những năm dài trong cuộc đời giám mục, Ngài đã phục vụ Thầy Chí Thánh của mình với lòng nhiệt thành tông đồ, ngay cả những ngày tháng cuối đời của tuổi thọ quá cừ tuần. Lúc nào ngài cũng miệt mài phục vụ thiện ích Giáo Hội cho đến tận ngày vào bệnh viện. Bấy giờ ngài có ngỏ lời với một nữ tu: «*Tôi đến đây để thực hiện cuộc vượt qua vĩ đại của đời tôi*». Ngày hôm sau ngài phó trút linh hồn trong tay Chúa Cha. Cũng như Đức Kitô, ngài có thể thực sự nói rằng: «*Mọi sự đã hoàn tất*».

Quả thực, nhìn vào đời sống linh mục và giám mục tốt lành của Hồng Y Suenens, người ta vẫn còn sững sốt về những gì ngài đã làm để phục vụ Giáo Hội mà ngài hết lòng yêu mến. Ngài đã chọn khẩu hiệu «*In Spiritu Sancto*» (trong Thánh Thần) cho đời giám mục của mình. Và Thánh Thần đã thiết thực hướng dẫn ngài trên con đường đầy những «*bất ngờ của Thiên Chúa*». Ngài vẫn luôn nói đến sự kiện kỳ diệu này cho những ai muốn hỏi ngài về những biến cố quan trọng trong cuộc đời hoạt động tông đồ của mình.

Hồng Y Suenens đã dành phần lớn cuộc đời, trí tuệ và tình yêu để phục vụ công cuộc canh tân đoàn sủng. Nếu chỉ nhìn về bề ngoài nơi khuôn mặt ngài, chỉ nghe giọng nói hơi đơn điệu hoặc chỉ biết được lối sống hơi khắc khổ của ngài, không ai nghĩ rằng Đức Hồng Y Suenens sau này sẽ trở thành vị «*Hồng Y Bảo Trợ*» cho phong trào đoàn sủng và những sinh hoạt hăng say của phong trào ấy. Các cuộc hội Canh Tân linh hoạt tung bùng bao nhiêu, thì gương mặt của ngài như bình thân bất động bấy nhiêu khi ngài lên tiếng, trừ những chớp sáng nơi cái nhìn của ngài.

Hồng Y Suenens hiểu rất rõ tầm quan trọng của trào lưu Canh Tân đối với Giáo Hội, ngài hiểu những thiện ích phát sinh từ đó cũng như những lệch đường nguy hiểm có thể xảy ra. Ngài cũng hiểu tầm quan trọng của việc phán đoán phân biện trong Giáo Hội. Đức Phaolô VI cũng hiểu điều ấy nên đã trao ngài phận vụ dẫn dắt trào lưu vốn tế nhị này, qua quyết định công bố ngay tại vương cung thánh đường Thánh-Phêrô ở Rôma.

Vị Hồng Y giờ đã im tiếng. Số phận con người là thế. Nhưng «*Defunctus adhuc loquitur*» – «*người chết vẫn tiếp tục nói với chúng ta*» (Dt 11,4) thông qua các tác phẩm của Ngài. Vì thế, chúng tôi thật vui mừng khi có được những số lớn tác phẩm của Hồng Y Suenens tái xuất bản trong loạt *Các tài liệu ở Malines* và ở các nơi khác. Tất cả những tác phẩm này đều nằm trong chiều hướng giúp “suy nghĩ phân biện”, rất hữu ích và thích đáng. Một số tác phẩm này cho thấy lúc bấy giờ Hồng Y Suenens thực sự can đảm khi cho phổ biến. Nhưng chính lúc này đây, chúng ta có thể kiểm chứng chắc chắn được rằng «*Vị Hồng Y Bảo Trợ*» này đúng thật là một nhà hướng dẫn bảo đảm an toàn, biết đặt những cột mốc dọc đường Canh Tân vào lúc chưa có tấm bản đồ chỉ đường dẫn lối.

Xin cảm ơn Đức Hồng Y đáng kính vẫn đang nói với chúng con kể cả sau khi về với Chúa Cha. Xin cảm ơn những ai đưa ra sáng kiến và những ai thực hiện công việc tái bản này.

**Hồng Y Godfried Danneels**

Tổng Giám Mục Malines-Bruxelles

\* *Lời Tựa* viết năm 2001



## **LỜI GIỚI THIỆU** **Của Đức Cha MAI THANH LƯƠNG**

Lúc Phong Trào Canh Tân Đặc Sủng vừa chớm nở, Đức Hồng Y L.J.Suenens đã được tặng cho danh xưng là tổ phụ của phong trào. Danh từ “patriarch” diễn tả phần nào cách trung thực nơi Ngài về lòng mộ mến và hăng say hoạt động cho phong trào.

Hàng năm trong thập niên bảy mươi, Ngài thường chủ tọa các buổi Đại Hội tại Đại Học Notre Dame thường thu hút mỗi lần trên 100 ngàn tham dự viên.

Cuốn sách *Thánh Linh, Hơi Thở Sống Động Của Giáo Hội* là bảo chứng về lòng sùng kính Thánh Linh của Ngài, và đồng thời đề cao vai trò Ngài đã liên kết cách mật thiết Công Đồng Vaticanô II với Phong Trào Canh Tân Đặc Sủng. Đúng như lời Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII, khi hiệu triệu các Giám Mục và Giáo Phụ về tham dự Công Đồng, đã chính thức công bố: “Đây là Lễ Hiện Xuống Mới của Giáo Hội”. Bước sang thiên niên kỷ mới này Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II cũng loan báo khắp nơi: “Chúng ta bước sang thiên kỷ của Chúa Thánh Thần.”

Đứng trước những thách đố của thời đại, chỉ có cậy trông vào Chúa Thánh Linh – Đấng Thánh Hóa và Ban Sức Sống, Giáo Hội mới có thể vươn lên và bảo tồn được đời sống quá mong manh này.

**Đức Cha Mai Thanh Lương**  
Giám Mục Phụ Tá Giáo Phận Orange

California – Hoa Kỳ  
Ngày 14 tháng 7 năm 2003





## LỜI GIỚI THIỆU

### Của Cơ Sở Hy Vọng

Chúa Giêsu nói trong Tin Mừng Thánh Gioan: “*Thầy còn nhiều điều phải nói với các con, nhưng bây giờ các con chưa thể lãnh hội được. Khi Thánh Thần Sự Thật đến, Ngài sẽ dẫn đưa các con đến chân lý toàn vẹn*”. Lời Chúa Giêsu nói lên tầm quan trọng của những mạc khải do Chúa Thánh Linh trong thời đại hôm nay.

Trong thiên niên kỷ trước, hình như có khuynh hướng cho rằng tất cả những mạc khải về Tình Yêu Thiên Chúa và ơn cứu độ của Ngài đã hoàn tất, ta chỉ cần nhìn về quá khứ như nhà khảo cổ tìm tòi và chiêm ngưỡng những kho tàng được khám phá. Quả thật mạc khải chính thức trong Giáo Hội đã chấm dứt với sách Khải Huyền. Nhưng Chúa Thánh Thần, Đấng linh hoạt và tự do như cơn gió, vẫn không ngừng tác động và soi sáng trong tâm hồn người tín hữu, như lời hứa của Chúa Giêsu. Ngay cả Lê Hiến Xuông, khi Chúa Thánh Thần đến như làn gió mạnh và như ngọn lửa từ trời, cũng dường như được coi là một sự kiện đã đi vào quá khứ. Và những ân huệ lạ lùng của Chúa Thánh Linh thời Giáo Hội sơ khai cũng được coi như chỉ còn là một thời vang bóng.

Thiên niên kỷ mới, với những biến cố lay chuyển Giáo Hội và rung động địa cầu, đã bắt buộc người tín hữu phải đặt vấn đề quyết liệt về niềm tin của mình, đồng thời phải lựa chọn một cái nhìn về những dấu chỉ thời đại. Một cái nhìn hoang hốt và phiến diện có thể làm ta bi quan và mất tin tưởng nơi Thiên Chúa và Giáo Hội của Ngài: các dòng tu sa sút, chủng viện phải đóng cửa, gương mù về tình dục của một số giáo sĩ tại Hoa Kỳ, giáo dân bỏ tham dự các bí tích .... Những biến động về mặt xã hội cũng làm ta lo âu và thấy cuộc sống của mình bất an ngay tự nền tảng, cho dù tại một quốc gia tân tiến và hùng mạnh nhất địa cầu.

Nhưng nếu nhìn những dấu chỉ thời đại dưới ánh sáng đức tin, vững lòng trông cậy vào Tình Thương Thiên Chúa và vào lời hứa của Chúa Cứu Thế, ta có thể cảm nhận được làn gió rung chuyển của một Ngày Hiện Xuông Mới. Và ngọn lửa của Chúa Thánh Thần, Đấng có sức thiêu đốt tâm hồn và đổ tràn niềm vui mừng và hy vọng, bùng cháy trong tâm hồn ta. Chúa Thánh Thần vẫn đang hoạt động mạnh mẽ để canh tân Giáo Hội và đổi thay mặt địa cầu. Ngài vẫn tiếp tục, và ngày càng mạnh mẽ, soi sáng tâm hồn các tín hữu và mạc khải những kho tàng kỳ diệu, phong phú khôn lường của Tình Thương Chúa. Lời hứa ngày xưa của Chúa Giêsu vẫn còn đang hiện thực hôm nay: nơi đâu có hai ba người họp lại vì danh Thầy, sẽ có Thầy ở giữa.

Tác phẩm “*Thánh Thần, hơi thở sống động của Giáo Hội*” của Đức Hồng Y L.J.Suenens chính là một kim chỉ nam hiếm quý giúp ta nhận ra sức mạnh vô cùng phong phú của Thánh Thần vẫn luôn tuôn tràn trong Hội Thánh suốt chiều dài lịch sử ơn cứu độ. Đức Hồng Y Suenens quả thực là vị Hồng Y của Thánh Thần. Khi được tấn phong Giám Mục, Ngài chọn khẩu hiệu “*Trong Chúa Thánh Thần*”. Bản thân Ngài đã có cảm nghiệm về các đặc ân của Chúa Thánh Linh. Chính từ cảm nghiệm nội tâm sâu xa và tâm tình khiêm tốn, Đức Hồng Y đã chuyển đạt cho người đọc ngọn lửa sốt sắng mà Ngài đã lãnh nhận. Tác phẩm của Ngài phối hợp tuyệt vời sự nhiệt thành sốt sắng do những ân huệ lạ lùng của Chúa Thánh Linh và sự hướng dẫn vững chắc trên căn bản thần học chính thống của Giáo Hội. Lòng yêu mến và trung thành với Giáo Hội của Đức Hồng Y được biểu lộ rõ ràng qua toàn bộ tác phẩm. Chính Đức Hồng Y là một trong những vị lãnh đạo trụ cột của Giáo Hội: Tổng Giám Mục Giáo Phận Malines-Bruxelles, trách nhiệm chuẩn bị và điều hành Công Đồng Vatican II. Ngài hăng say phục vụ Chúa Giêsu và Giáo Hội cho đến những năm tháng cuối cùng của tuổi thọ quá cửu tuần.

Sau ba thập niên được ấn hành và tái bản, tác phẩm của Đức Hồng Y vẫn mang đầy tính mới lạ và tiên tri. Từ chương đầu “Thánh Thần, hơi thở sống động của Giáo Hội” đến chương cuối “Thánh Thần, niềm hy vọng của tôi” người đọc luôn được hướng dẫn đến những chân trời đầy hứng khởi. Trong tác phẩm, bản chất và vai trò của Giáo Hội, tương quan giữa định chế và đặc sủng, tín hữu và chủ chăn, vai trò các ngôn sứ ... được trình bày thật tuyệt vời. Những chương nói về Chúa Thánh Thần và Bí Tích Thánh Thể, Chúa Thánh Thần và Mẹ Maria giúp ta tham gia phụng vụ với một tâm tình mới. Việc sùng kính Mẹ Maria cũng mang một chiều kích thần học sâu xa và mới mẻ. Nổi bật trong tác phẩm là những chương nói về chứng nghiệm tôn giáo và tác động của Thánh Linh. Tác giả so sánh chứng nghiệm về Thiên Chúa với hình ảnh một lữ khách trong đêm đông giá lạnh tình cờ gặp được căn nhà rực rỡ đèn sáng có ánh lửa sưởi ấm áp bập bùng. Nhưng lữ khách chỉ có thể được sưởi ấm khi mở cửa bước vào trong nhà. Bao lâu chỉ đứng ngoài nhìn vào, khách vẫn bị toàn thân lạnh giá. Lữ khách đó là hình ảnh chúng ta, những Kitô hữu đang đi tìm Thiên Chúa trong đêm tối của đức tin.

Các đặc ân Thánh Linh được phân tách rất tinh vi qua cái nhìn mới lạ và sâu xa của tác giả. Xuyên qua tác phẩm ta mới chợt nhận ra những ơn huệ lạ lùng của Chúa Thánh Thần thời Giáo Hội sơ khai vẫn đang hiện diện phong phú giữa lòng Hội Thánh Chúa hôm nay. Nhưng tác phẩm không ngừng tại đó mà còn mở ra những chân trời bao la về tác động của Chúa Thánh Thần giữa Cộng Đoàn Dân Chúa trong tương lai. Thánh Thần hướng dẫn và là sức liên kết từng cộng đoàn Kitô hữu. Thánh Thần như điểm tâm linh hội tụ của hy vọng đại kết các giáo hội tin vào Chúa Kitô. Chúa Thánh Linh thúc người Kitô hữu hiện diện giữa thế gian như môn đệ Chúa Giêsu: vừa ở với, vừa đối lập, vừa siêu việt khỏi thế gian để mang ơn cứu độ cho thế gian.

Chúng tôi hy vọng và tin tưởng việc phổ biến rộng rãi tác phẩm “*Thánh Thần, hơi thở sống động của Giáo Hội*” sẽ giúp nhiều người nhận ra ơn gọi Kitô hữu đích thực và trở thành những khí cụ sống động của Chúa Thánh Thần, Đấng đang tác động như một cơn gió mạnh để đổi mới mặt địa cầu.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Định Hướng Tụng Thư đã cho phép Cơ Sở Hy Vọng tái bản tác phẩm quý giá này do quý vị giáo sư Nguyễn Đăng Trúc và Nguyễn Chính Kết dày công chuyển ngữ.

Xin cảm ơn sự bảo trợ của Phong Trào Canh Tân Đặc Sủng\* tại Orange County, một Phong Trào Đang hoạt động rất mạnh mẽ phục vụ Thiên Chúa và Giáo Hội.

Chúng tôi kính dâng cuốn sách này cho sự quan phòng của Chúa Thánh Linh.

*Cơ Sở Hy Vọng*  
Mùa Phục Sinh 2003

\* **Phong Trào Canh Tân Đặc Sủng** là danh xưng của phong trào tại Orange County. Trong cuốn sách này, từ ngữ “charisme” được chuyển ngữ là “đoàn sủng”. Cơ Sở Hy Vọng tôn trọng nguyên văn của dịch giả.

## Chương I

# THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI

*Một sứ điệp chỉ đáng tin khi có khả năng mở ra cho chúng ta niềm hy vọng vào tương lai.*

W. Kasper

### 1. Giáo Hội nào?

Từ ngữ «*Giáo Hội*» bao gồm đủ thứ hình ảnh và kiểu mẫu. Người ta có thể định nghĩa Giáo Hội là một loại xã hội có phẩm trật, là nhiệm thể Đức Kitô, là dân Chúa, là cộng đoàn địa phương hay hoàn vũ, là cộng đoàn cánh chung, là bí tích của Đức Kitô, là tác năng phục vụ thế giới. Những căng thẳng hiện nay một phần phát sinh do việc một số người chủ trương ưu tiên một mẫu mực độc chuyên hoặc quá ưu thắng trong các kiểu mẫu ấy. Sự thật thì phức tạp hơn nhiều: chính Giáo Hội là một mẫu nhiệm tiếp nhận muôn vàn chiều kích phong phú khôn lường của Đức Kitô mà chúng ta phải đón nhận tất cả cùng một lượt.

Khi tôi còn trẻ, người ta trình bày Giáo Hội như một xã hội có phẩm trật, hoàn hảo về mặt pháp lý, với đủ mọi quyền lực hàm ngụ nơi qui chế này. Kiểu mẫu này phản chiếu hình ảnh một Giáo Hội rập khuôn một xã hội dân sự, thậm chí quân sự, với một phẩm trật có trên có dưới, lấy sự đồng dạng làm lý tưởng, tuân theo một kỷ luật gắt gao đến tận chi tiết, điều hành cả giáo sĩ lẫn giáo dân, và áp đặt một loạt những gò bó quan liêu lên cả hàng giám mục. Danh sách những gì mà giám mục phải đệ trình xin phép Rôma thật khó mà tin nổi, ngay cả việc xin cho phép một nữ tu sửa đổi bản di chúc hoặc cho phép một linh mục ốm đau được dâng thánh lễ tại phòng riêng.

Công đồng Vatican II nhấn mạnh rằng Giáo Hội là Dân Chúa đang tiến bước, phục vụ cho nhân loại. Khi mô tả mẫu nhiệm Giáo Hội, Hiến Chế *Lumen Gentium* trong chương đầu tiên đã đưa ra rất nhiều hình ảnh về Giáo Hội để chúng ta đừng đóng khung mẫu nhiệm Giáo Hội trong những tấm vách quá chật hẹp của mình. Sau đó, Hiến Chế định nghĩa Giáo Hội là *Dân Chúa* trong tính toàn thể của nó. Nghĩa là đưa lên hàng đầu giá trị ưu tiên của phép rửa, sự bình đẳng căn bản giữa hàng ngũ con cái Thiên Chúa, và nhờ vậy cải cách và vượt qua một quan điểm về Giáo Hội mà ngày nay gọi là lối nhìn «*kim tự tháp*», để rồi định vị thừa tác vụ (linh mục, giám mục) vào giữa lòng toàn bộ Giáo Hội và để phục vụ toàn bộ Giáo Hội. Hướng nhìn này thấm nhuần sứ điệp Tin Mừng hơn là dựa vào uy thế pháp lý, mà lại không chối bỏ vai trò của hàng giáo phẩm.

Tôi tin rằng đã đến giờ người Công Giáo theo lẽ nghi Rô-ma cần phải làm nổi bật vị thế và chức năng của Thánh Thần để làm quân bình hơn cái nhìn của chúng ta về Giáo Hội.

Tôi gọi chúng ta là những người «*theo lễ nghi Rô-ma*» vì những người theo lễ nghi Đông phương, dù là Công Giáo hay Chính thống, đều luôn luôn đồng ý trong việc nhấn mạnh lập trường ấy. Đức Phaolô VI đã nhắc lại sự cần thiết phải làm như thế: «*Tiếp theo Kitô-học và đặc biệt là Giáo-Hội-học của Công Đông, cần phải tiến hành một lối học hiểu và một lối thờ phượng mới về Chúa Thánh Thần, vì đó là việc bổ sung thiết yếu cho Công Đông*»<sup>1</sup>.

Hẳn nhiên, người ta có thể tìm thấy rất nhiều qui chiếu về Chúa Thánh Thần trong các tài liệu Công Đông, và thường lại được đưa vào bản văn do yêu cầu nhấn mạnh của các nghị phụ Đông phương hoặc nhân cơ hội có cuộc tranh luận về các đoàn sùng. Nhưng chúng ta cần phải thâm nhập trọn vẹn chiều kích «*Thánh Thần*» của Giáo Hội, dưới khía cạnh hiệp thông trong Thánh Thần.

Chính việc cùng nhau chấp nhận Chúa Thánh Thần là thực tế sống động, là Đấng lập nên Giáo Hội, mới là yếu tố có thể giúp chúng ta tìm lại sự hiệp nhất, hiện đang gặp nguy cơ phân hóa, giữa các Kitô hữu trung thành với Giáo Hội định chế và các Kitô hữu muốn tự do và thoát ly mọi liên hệ cụ thể linh hoạt với Giáo Hội. Hiện đang có một sự đối nghịch ngày càng gia tăng giữa đám đông Kitô hữu được gọi là «*truyền thống*» là những người vẫn tiếp tục tìm thấy nơi Giáo Hội những biểu hiện hữu hình: như phẩm trật, phụng vụ, thần học, giáo luật..., và một thiểu số Kitô hữu được gọi là «*phản kháng*», quan niệm Giáo Hội như là một đám đông Kitô hữu «*đang trên đường tìm kiếm*». Những người này muốn giải thích lại Tin Mừng cho thời đại hôm nay khởi từ chứng nghiệm sống và từ các biến cố, chứ không – hoặc hầu như không – dựa vào cách giải thích của Giáo Hội mà ta gọi là «*được thiết lập*».

Chúng ta sơ phác đường phân ranh như thế, may mà còn chưa cố định; nhưng hẳn đó là những ranh giới ngày càng rõ nét, đặc biệt qua sự kiện nhiều bạn trẻ không chấp nhận tự «*đồng khung*» trong cơ chế, và đáng tiếc là đã xa rời Giáo Hội hoặc tìm sự nương tựa nơi những nhóm tự phát để cùng nhau bày tỏ lý tưởng sống của mình.

Càng ngày người ta càng đồng ý rằng việc khám phá lại mối liên hệ cần thiết giữa định chế và tự do là vấn đề trọng yếu mà Giáo Hội hiện nay phải giải quyết. Mối liên hệ này chẳng phải do chúng ta phát minh ra vì nó không phải là một cái gì nhân tạo, cũng không phải là kết quả do thỏa thuận hay thương lượng mà có. Mối liên hệ ấy có một tên gọi riêng: đó chính là Thánh Thần. Tự bản chất, Ngài là «*tác nhân hiệp thông*». Chính Ngài làm cho toàn Giáo Hội sống động từ bên trong. Chính Ngài ban cho Giáo Hội những cơ quan và guồng máy hữu hình của tổ chức Giáo Hội.

Qua những trang sách này, chúng ta sẽ làm cho vấn đề sáng tỏ và rõ nét hơn. Trong chương này, chúng ta chỉ cần ghi nhận những tương quan sâu xa và phong phú giữa «*định chế*» và «*đoàn sùng*».

## **2. Hai chiều kích của Giáo Hội**

Nói chung, trong ngôn ngữ thông thường, nói tới Giáo Hội-định chế là người ta nhắm đến Giáo Hội hữu hình, với những nét phức tạp về mặt xã hội do quá khứ lịch sử và các nét cá biệt của mỗi dân tộc. Giới truyền thông có thói quen trình bày cho công chúng một Giáo Hội «*theo mô hình sẵn có*» này với những hình ảnh khi lồi khi lõm; nhất là vì ưa gây kích động nên dễ tạo ra ấn tượng méo mó. Đó là Giáo Hội dưới khía cạnh xã hội học, với những thực tế lịch sử muôn màu và bất chừng.

Nhưng đối với tín hữu, Giáo Hội là một thực thể thuộc một trật tự hoàn toàn khác. Giáo Hội thiết yếu là một mẫu nhiệm hữu hình lẫn vô hình một cách bất khả phân ly, là trung gian giữa Đức Giêsu và chúng ta. Giáo Hội ấy có nhiệm vụ sống Tin Mừng và làm chứng Tin Mừng ấy cho từng thế hệ. *Giáo Hội của Tin Mừng* này bao gồm những con người, vì thế phải chịu đủ thứ bấp bênh gây ra do sự yếu đuối của con người, nhưng dù sao vẫn được Thánh

---

<sup>1</sup> Cuộc tiếp kiến ngày 6-6-1973, *Doc. Cath.* số 1635, 1973, trang 601

Thần điều động, ban quyền năng, và đảm bảo về sự trung tín.

Cấu trúc Giáo Hội theo quan điểm thần học và theo quan điểm xã hội học không giống nhau. Đối với người tín hữu, sự sắp xếp về mặt cơ chế trong cộng đồng Giáo Hội là do Đức Giêsu mong muốn và phác họa, nó mãi mãi gắn liền với sức sống và sự tăng trưởng của một Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền. Hình ảnh Giáo Hội xuất hiện một cách tinh lọc trong Kinh Thánh. Người ta thấy hình ảnh ấy nơi những Kitô hữu đầu tiên chăm chú nghe giáo huấn của các Tông Đồ, tụ họp nhau để cầu nguyện và cử hành Thánh Thể, tuy khác biệt nhau về tác vụ nhưng hiệp nhất với nhau trong một cộng đồng huynh đệ. Họ được dẫn dắt bởi những vị có trách nhiệm tổ chức trật tự nội bộ và liên lạc với những cộng đồng Kitô hữu khác. Những vị hữu trách này luôn lo lắng trung thành với kho tàng được lãnh nhận và chuyển giao từ các nhân chứng có thẩm quyền, có tư cách, được ủy nhiệm, liên tục tiếp nối những chứng nhân đầu tiên làm chứng về sự Phục Sinh của Thầy Chí Thánh.

Đó là những đường nét sơ phác về Giáo Hội định chế; chúng vốn thuộc về yếu tính của Giáo Hội ấy.

Nhưng hơn thế nữa, lịch sử Giáo Hội lúc khai sinh từng bước cho thấy trong Giáo Hội không có sự tách biệt giữa «*tổ chức Giáo Hội*» và «*Chúa Thánh Thần*», vì Thánh Thần là linh hồn và là sự sống của Giáo Hội.

Các Tông Đồ đã lãnh nhận từ Thầy Chí Thánh mệnh lệnh tối hậu là không được tự biên tự diễn trong việc thi hành sứ mệnh Ngài giao phó, mà phải chờ Đấng sẽ dùng quyền năng phủ lên họ và dần dần mạc khải cho họ tiếp cận viên mãn chân lý mà họ vừa thoáng thấy. Giáo Hội «*có cơ cấu*» trước tiên không phải là một thực tại pháp lý mà là một thực tại bí tích. Thánh Thần ngự xuống trên những kẻ được Thầy Chí Thánh ủy nhiệm. «*Các con hãy nhận lấy Thánh Thần*» là lời khởi màn nói với bất cứ ai lên đường hành động nhân danh Giáo Hội. Ngay cả hiện nay, không gì mạnh mẽ bằng những câu nói dùng trong nghi thức tấn phong giám mục ... «*Lạy Chúa xin giúp cho vị này thi hành sứ vụ hòa giải bằng lời nói và hành động, với quyền năng các dấu chỉ và phép lạ*». Những lời này không phải là văn chương bóng bẩy mà là một hình thức biểu lộ đức tin.

Như thế, Giáo Hội của Tin Mừng ấy vừa hữu hình vừa vô hình. Không bao giờ được nói có hai Giáo Hội: một Giáo Hội cơ chế hữu hình, và một Giáo Hội đoàn sủng vô hình. Sự kết hợp hai chiều kích này thiết yếu xây dựng nên ý niệm về Giáo Hội.

Theo đức tin, người ta không thể quan niệm một «*Giáo Hội thiêng liêng*» riêng để trung thành với Tin Mừng và Thánh Thần, đối lập với một «*Giáo Hội định chế*» được đồng hoá một cách nào đó với một thứ áo mão bên ngoài.

Đức Phaolô VI tuyên bố: «*Thánh Thần, Đấng ban phát các đoàn sủng và đồng thời làm linh hoạt Giáo Hội, đã làm cho việc linh ứng đoàn sủng và cơ cấu pháp lý của Giáo Hội đồng quy một cách tuyệt vời*»<sup>2</sup>.

Từ ngữ «*charisme*» (đoàn sủng) đã đi vào ngôn ngữ thế tục. Theo ý nghĩa nói rộng này, đoàn sủng ám chỉ một thứ tài năng ngoại hạng, một thứ *từ lực cá nhân*. Theo ý nghĩa tôn giáo và thánh kinh là ý nghĩa duy nhất mà chúng ta quan tâm ở đây, đoàn sủng là một ân huệ đặc biệt, một biểu hiện thấy được và ban nhưng không của Thánh Thần, một ân sủng đặc biệt Thiên Chúa, nhằm xây dựng *toàn nhiệm thể Giáo Hội*. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau.

Chúng ta thấy cách dùng từ ngữ ấy trong xã hội hiện nay cũng không luôn luôn trùng hợp với lối nói của thánh Phaolô. Chẳng hạn một số tín hữu đã coi «*đoàn sủng*» là cái gì đối nghịch với «*tác vụ*» (tiếng Đức: Amt; tiếng Pháp: ministère). Họ hiểu một cách giản lược «*tác vụ*» là một phận vụ được thi hành đều đặn trong cộng đồng và cho cộng đồng bởi một số người được chính thức ủy nhiệm. Quan niệm như thế là đi ngược lại tư tưởng thánh Phaolô. Theo Ngài, từ ngữ «*đoàn sủng*» chẳng những có nghĩa là các ơn huệ thiêng liêng thần bí nhất

<sup>2</sup> Ilarino DA MILANO trích trong bài báo «Carisma e Gerachia», *L'Observatore Romano*, ngày 4-10-1973, trang 5.

hoặc có tính cách tôn giáo nhất, mà còn có nghĩa là những phận vụ rất hữu hình trong Giáo Hội, như làm tông đồ, giảng dạy, điều hành. Đàng khác, thánh Phaolô cũng nhấn mạnh rằng phải xem tất cả các đoàn sùng – chứ không chỉ các phận vụ chính thức – là những tác vụ được trao ban, trước hết là để phục vụ cộng đoàn.

Theo tôi, những ghi nhận ấy có thể giúp ta tránh được những tình thế tiến thoái lưỡng nan và những vấn đề nêu lên một cách giả tạo. Chúng giúp ta tránh được việc phân rẽ «*những gì mà Thiên Chúa đã kết hiệp*» (Mt 19,6). Đừng bao giờ quên rằng Giáo Hội không thể hiện hữu nếu thiếu chiều kích đoàn sùng. Phủ nhận chiều kích này không phải chỉ làm nghèo Giáo Hội mà còn phủ nhận luôn cả sự hiện hữu của Giáo Hội. Không có chiều kích này, Giáo Hội không phải chỉ bị mất một bộ phận nào đó của mình, giống như một người bị mất bàn tay, nhưng sẽ không còn là Giáo Hội nữa, vì chính yếu tính của Giáo Hội sẽ bị tiêu hủy.

Người phương Tây chúng ta thích dùng những từ ngữ Kitô học để mô tả Giáo Hội, xem Giáo Hội như hoàn toàn được Đức Kitô thiết lập nơi các cơ cấu, và Thánh Thần xem ra chỉ xuất hiện khi các cơ cấu Giáo Hội đã được thiết lập xong, nhằm thúc đẩy và làm cho các cơ cấu này sống động. Quan niệm như thế khiến người ta tưởng rằng Thánh Thần thuộc về giai đoạn hai trong việc thiết lập Giáo Hội. Đâu phải thế! Thánh Thần, cũng như Đức Kitô, đã lập nên Giáo Hội. Gán cho Thánh Thần vị thế tiếp nối như Đấng làm sinh động và kết hợp Giáo Hội thì chưa đủ. Sự hiện diện trong hai chức năng này của Ngài không hề đưa đến chủ nghĩa nhị nguyên trong lòng Giáo Hội vì Thánh Thần tấn phong Giáo Hội cũng chính là Thánh Thần của Đức Kitô, Đấng đã nhận lãnh quyền thông ban Thánh Thần ấy cho các Tông Đồ như giá khổ nạn chuộc tội của Ngài.

Sự kết hợp này đem lại rất nhiều kết quả cho đời sống thiêng liêng, tu đức, phụng vụ, thờ phượng và tông đồ của Giáo Hội. Giáo Hội là kết quả sứ mệnh của Hai Ngôi Vị Thiên Chúa: sứ mệnh của Ngôi Con nhập thể và sứ mệnh của Ngôi Thánh Thần được gởi đến cho Ngôi Con để cộng đồng nhân loại của các tín hữu trở nên thân thể Đức Kitô và nên bí tích phổ quát của ơn cứu độ.

Như vậy, chúng ta không được xem phẫn trật với đoàn sùng, cũng như công việc của Chúa Con với công việc của Thánh Thần đối kháng nhau.

## **2. Giáo Hội lắng nghe Thánh Thần**

### **3.**

#### **Đón nhận đoàn sùng**

Dù tận thâm sâu, hai chiều kích trên của Giáo Hội liên kết với nhau, nhưng phải thừa nhận rằng lịch sử đã từng chứng kiến những ngày tháng căng thẳng giữa hai chiều kích ấy. Sự căng thẳng này đôi khi phát sinh từ những đối kháng giữa hàng giáo phẩm với những Kitô hữu nguy-đoàn-sùng.

Những hiện tượng siêu nhiên giả mạo xảy ra đây đây – chẳng hạn như lối kết tạp tôn giáo kiểu chiều hồn ở Ba-Tây và những nơi khác. Việc quần chúng tò mò ham thích những chuyện dị thường khiến ta phải luôn bình tĩnh. Trong bối cảnh như thế, việc vận dụng ơn suy xét rất tế nhị, nên hàng giáo phẩm rất dễ có khuynh hướng phải hành động theo cách chắc chắn nhất. Sự kiện này giải thích – nhưng không phải luôn luôn biện minh được – một số ngờ vực và lên án quá lạm mà lịch sử đã từng ghi nhận. Thật vậy, các phong trào tâm linh do các dòng tu phát động, lúc khởi đầu, thường có sự căng thẳng giữa người sáng lập phong trào và hàng giáo phẩm, đó không phải là chuyện hiếm xảy ra. Lịch sử cho thấy việc bãi miễn một số tu sĩ một phần là do những xung đột loại này. Nhiều vị sáng lập dòng, nam có nữ có, lúc khởi đầu đã bị lầm tưởng là những nhà cuồng tưởng của thời đại, như trường hợp thánh Phan-xi-cô thành Assisi và I-nha-xi-ô thành Loyola.

Trong số những trường hợp như vậy phải kể đến đoạn đường gian khổ của thánh

Grignon de Montfort. Vị này liên tiếp bị tước quyền trong tám giáo phận vì các giáo quyền thời ấy đều có ít nhiều khuynh hướng Janseniste. Cũng có trường hợp cực kỳ bi đát như trường hợp của một vị nữ sáng lập dòng nọ, vị này bị giáo quyền trục xuất khỏi nhà dòng và chỉ được trở về lại nhà dòng với năm xương tàn sau khi qua đời nửa thế kỷ, lúc sắp được phong chân phước!

### **Chủ chăn và tín hữu đều được Thánh Thần tác động**

Còn một điểm tôi cho là quan trọng: đó là không nên đánh giá cái này cao hơn cái kia giữa các cặp song đối như «đoàn sùng – định chế» và «tín hữu – chủ chăn». Đoàn sùng không là kho tàng riêng chỉ dành cho một giới tín hữu. Đoàn khác, nếu người ta hiểu «định chế» theo một nghĩa rộng, bao gồm tất cả những gì cấu thành cơ sở hữu hình trong Giáo Hội và di sản của quá khứ kể từ thời Giáo Hội sơ khai, thì sự hiện hữu của hàng giáo dân trong Giáo Hội cũng thuộc về «định chế» Giáo Hội không khác gì sự hiện hữu của hàng giáo phẩm.

Đoàn sùng không phải là của riêng hàng giáo dân hoặc hàng giáo phẩm. Trong số «các ngôn sứ» của thời đại, người ta có thể kể ra nhiều giáo dân. Và lại danh từ «ngôn sứ» không phải là để sử dụng và đánh giá. Ngôn sứ không nhất thiết phải là những người được nói đến nhiều nhất. Mỗi tín hữu đều được mời gọi làm chứng cho đức tin của mình ở bên ngoài và bên trong Giáo Hội, được mời gọi vận dụng những tiềm năng đoàn sùng gắn liền với phép rửa tội của mình.

Không một giới nào trong hai đối tượng này – hàng giáo phẩm hay hàng giáo dân – là tiêu biểu duy nhất cho định chế Giáo Hội. Di sản quá khứ của Giáo Hội, kể cả Tin Mừng, cả chúng ta đức tin từ những thời đầu tiên của Giáo Hội, đều hiện diện và sống động từ cả hai phía. Cả hai phía phải cùng nhau phát minh ra cách thể hiện lòng trung tín với đức tin của mình trong thời đại hôm nay. Cả hai phía phải cùng nhau đương đầu với những khó khăn để phát huy những sáng kiến mới trong đời sống Giáo Hội thích ứng với nội dung Tin Mừng. Ý tưởng «Dân Thiên Chúa» của Công Đồng Vatican II ở đây phải được đặt lên hàng đầu. Người ta thường quên rằng ở đây «Dân Thiên Chúa» không ám chỉ là phải đối nghịch với «việc cai trị» như trong thuật ngữ chính trị. Dân Thiên Chúa có nghĩa là những người được rửa tội, kể cả Giáo Hoàng và các Giám Mục.

Trong cuộc hành trình của Dân Thiên Chúa, các vị chủ chăn có một phận vụ đặc biệt, một công việc phục vụ cá biệt mà họ phải thực hiện. Việc phục vụ này có quan hệ với sự hiệp nhất hữu hình của Giáo Hội. Các vị chủ chăn được tấn phong trước tiên không phải để chỉ huy mà để liên kết, để đảm bảo sự hiệp thông giữa các cá nhân và để duy trì sự liên tục trong thời gian và sự hài hòa trong không gian. Mất đi khả năng tự điều chỉnh, Giáo Hội sẽ bị rơi vào cuồng tưởng và cá nhân chủ nghĩa.

Là bộ phận có chức năng quyết định trong Giáo Hội, các vị chủ chăn phải sống trong Thánh Thần, phải đặc biệt chú tâm tới toàn bộ các «dấu chỉ thời đại» và tới các chứng từ mang tính ngôn sứ được biểu lộ từ nhiều phía. Những chứng từ ấy cần được lắng nghe, và vì quyền năng tối thượng của Tin Mừng cần được tiếp nhận vào sinh hoạt toàn bộ của Giáo Hội, để Giáo Hội trở nên nhân chứng tốt hơn cho Nước Trời đang đến.

Trong Giáo Hội, luôn luôn có sự hiện diện ngôn sứ của Thánh Thần, có thể rõ rệt hoặc kín đáo. Có thể xảy ra trường hợp sau: một vị «ngôn sứ» nào đó muốn thức tỉnh lương tâm mọi người bằng cách công bố một sứ điệp đanh thép nhưng có phần nào phiến diện. Nhưng không phải vì thấy phiến diện như thế mà các chủ chăn không nên lắng nghe: bộ phận chủ chăn là phải phân biệt để nhận ra điều gì tốt và đón nhận nó, đồng thời hướng dẫn nó hòa nhập vào một lối nhìn rộng rãi và có thể quân bình hơn.

Như vậy, Thánh Thần tác động trên các vị mục tử để những gì họ quyết định phù hợp với Tin Mừng, với đời sống Giáo Hội và sự quang lâm của Nước Chúa. Và Ngài cũng còn đòi buộc các mục tử phải đón nhận tất cả những cách thức biểu hiện của Ngài. Ngài luôn ngăn cản không để Giáo Hội tự coi mình là cùng đích. Ngài gìn giữ Giáo Hội để Giáo Hội luôn

hướng về mục tiêu cuối cùng là Nước Trời đang đến và về Đức Giêsu Kitô, là Chúa Tể duy nhất của Giáo Hội.

### Mở lòng đón nhận sự phê phán của Tin Mừng

Vì phải hòa nhập vào bối cảnh lịch sử của mỗi thời đại, nên Giáo Hội cần thường xuyên tự phê và tự xét để luôn trung thành với sứ mạng của mình. Tự bản chất, Giáo Hội hoàn toàn liên kết với Lời Chúa, và sự từng phục theo bản chất này buộc Giáo Hội phải đều đặn trở về nguồn. Thánh Thần không ngừng giúp Giáo Hội tránh xa những quan niệm chật hẹp, những thỏa hiệp và cả tội lỗi nữa, vì Giáo Hội vẫn luôn luôn bao gồm những con người thiếu sót, bất trung với cái lý tưởng mà họ được mời gọi phụng sự.

Việc phê phán giúp Giáo Hội trở nên tốt hơn có thể đến từ bên trong lẫn bên ngoài. Đôi khi từ những đối thủ của Giáo Hội. Ngạn ngữ «*Fas est ab hoste doceri*» có nghĩa là: *kẻ khôn ngoan biết học khôn từ chính kẻ thù mình*, ngạn ngữ này cũng đúng cho cả Giáo Hội.

Giáo quyền phải biết lắng nghe, phải dám kịp thời nhận lãnh trách nhiệm trước những đòi hỏi cần thiết phải xét lại, để tránh cho mình bị dồn vào thế cùng khi mọi sự đã quá trễ tràng. Thật đáng buồn khi thấy «*con cái sự sáng*» chậm trễ hơn «*con cái thế gian*» trong việc biết tự phê bình, tự lượng định một cách vô tư và nghiêm túc về phương pháp và kết quả sinh hoạt của mình. Chúng ta thấy các chủ xí nghiệp biết mời những nhà chuyên môn đến nghiên cứu từ bên trong tất cả các bộ phận thuộc tổ chức của họ, để phát hiện ra những điểm yếu về kỹ thuật hay tâm lý, hầu chấn chỉnh lại tất cả những gì đang kèm hãm và cản trở khiến xí nghiệp không vận hành tốt đẹp được. Tôi biết rằng Giáo Hội không phải là một loại xã hội có thể đồng hoá với những xí nghiệp. Tuy vậy vẫn có những quy luật có giá trị cho bất kỳ cơ chế nào, bất kỳ nơi nào cần người ta cộng tác với nhau để thực hiện một mục tiêu đã định. Chấp nhận hay cố vũ sự phê phán là một phân quy luật trong cuộc sống của con người mà ta không thể bỏ qua được.

Giáo Hội còn có một lý do thường xuyên buộc phải đặt tự kiểm thảo trên bình diện tương quan phục vụ con người. Giáo Hội không phải là một xã hội như bất cứ xã hội nào khác. Sứ điệp Giáo Hội cứu mang và là lẽ sống cho chính mình đòi buộc Giáo Hội nhất thiết phải thực thi đối với chính Giáo Hội cũng như đối với những người được Giáo Hội ngõ lời.

Một trong những đặc trưng của Giáo Hội chính là: Giáo Hội trước tiên thể hiện nơi mình như một «*định chế-sứ điệp*».

Là «*định chế-sứ điệp*» nên Giáo Hội là một xã hội thuộc loại đặc biệt. Sứ điệp thì không hề thay đổi, nhưng định chế luôn phải phục vụ sứ điệp đó thì cần phải chấp nhận những đổi thay cần thiết, do đó Giáo Hội như phải chuyển mình. Cũng như *Con Người*, Giáo Hội không có nơi tựa đầu: sự thao thức hướng về ngày cánh chung đòi Giáo Hội luôn kiên trì và canh tân cuộc sống hành của mình, nhưng không vì vậy mà đặt vấn đề về những cấu trúc nên tảng, dứt khoát và hình thành nên mình. Những cấu trúc này luôn tồn tại và hướng dẫn cuộc hành trình của Giáo Hội.

Một khi xác định được nền đất vững chắc dưới chân mình rồi, Giáo Hội cởi mở đón nhận mọi phê phán xây dựng nhằm làm cho Giáo Hội ngày càng trung thành hơn với chính mình, nghĩa là trung thành với Đức Giêsu.

Giáo Hội phải luôn luôn tự nhìn lại lịch sử của mình và tự nhìn ngắm mình trong tấm gương nguyên thủy để tìm lại «*khuôn mặt từ thuở chào đời*» của mình để khỏi quên đi khuôn mặt ấy như lời khuyên của Thánh Giacôbê (Gc 1,23). Lịch sử Giáo Hội là trường dạy đức khiêm nhường cho tất cả chúng ta.

Nhưng lịch sử Giáo Hội cũng là trường dạy hy vọng. Nó dạy cho ta biết rằng những thời kỳ đảo điên nhất thường chuẩn bị cho những chặng đường bất ngờ.



## Đón nhận tự do của Thánh Thần

Giáo Hội của Đức Kitô phải vâng phục chỉ một và cũng một Thánh Thần ấy trong mọi chiều kích. Là một xã hội hữu hình và tại thế, Giáo Hội hiển nhiên phải có luật lệ và có guồng máy. Giáo Hội không thể coi thường luật lệ, nhưng cũng phải cẩn thận để tránh rơi vào tình trạng câu nệ pháp lý hay vị lệ luật. Bộ giáo luật luôn luôn cần được tham chiếu với Thánh Thần và được Thánh Thần cảm hứng. Hiển nhiên, Tin Mừng phải là luật tối thượng. Lời Chúa và Thánh Thần Đức Giêsu là nguyên lý tối cao hướng dẫn Giáo Hội, và mọi phẩm trật đều phải phục tùng Lời Chúa và Thánh Thần.

Sự nguy hiểm của tình trạng câu nệ pháp lý gia tăng mỗi lần quyền bính trung ương ở tầm vóc thế giới lại đưa ra những luật lệ quá tỉ mỉ và cứng nhắc, có nguy cơ không phù hợp khi đem áp dụng vào những hoàn cảnh cụ thể hết sức khác biệt nhau. Giáo Hội bị cám dỗ rất mạnh là cứ muôn thống nhất Giáo Hội bằng những sắc lệnh hay luật lệ, và như thế là lẫn lộn giữa sự hiệp nhất và sự đồng dạng.

Đức Thượng Phụ Athénagoras mới đây đã cảnh báo Giáo Hội Chính Thống để tránh tình trạng câu nệ pháp lý:

*«Chúng ta đã biến Giáo Hội thành một tổ chức như những tổ chức khác. Trước đây tất cả nỗ lực của chúng ta là thành lập nó, và nay thì làm cho nó vận hành. Và nó tiến bước được một cách nào đó, có lẽ không hay cho lắm nhưng nó đang tiến bước. Tuy vậy nó bước đi như một bộ máy, chứ không phải như một cuộc sống.»<sup>3</sup>*

Để kết luận chương này, tôi mời các bạn suy niệm một bản văn có nguồn gốc Chính thống giáo của Giáo Chủ Ignatios de Lattaquie, đã được đọc trong hội nghị đại kết các Giáo Hội tổ chức tại Upsal. Giáo Chủ Ignatios mời gọi chúng ta nhìn nhận quyền ưu thắng của Thánh Thần như là nguyên lý sống động của Giáo Hội:

*Không Thánh Thần, Thiên Chúa quả thực xa xôi.  
Đức Kitô chìm quên trong quá khứ,  
Tin Mừng chỉ là văn tự chết khô.  
Giáo Hội có gì khác hơn tổ chức trần thế  
Quyền bính chỉ để cai trị.  
Truyền giáo là tuyên truyền.  
Phụng tự có khác chi đồng bóng,  
Và cuộc sống Kitô hữu èo ọt trong luân lý chủ-nô.*

*Nhưng trong Thánh Thần :  
Vũ trụ vươn cao, rên siết vì Nước Trời sinh hạ.  
Đức Kitô phục sinh cư ngụ cõi người ta.  
Tin Mừng đổ tràn sức sống  
Giáo Hội thể hiện mối thông hiệp của Ba Ngôi  
Giáo quyền là phục vụ giải phóng  
Truyền giáo là một lễ Hiện Xuống  
Phụng vụ sống lại quá khứ và mở cửa tương lai  
Sinh hoạt của con người trở nên thân thiêng cao cả.<sup>4</sup>*

<sup>3</sup> Olivier Clément, *Dialogue avec le patriarche Athénagoras*, Fayard, Paris 1969, trang 154.

<sup>4</sup> *Rapport d'Upsal 1968* Conseil oecuménique des Églises, tr 297, Genève, 1969.



## Chương II

# CHỨNG NGHIỆM ĐOÀN SÙNG TRONG GIÁO HỘI

*Từ lâu, trước khi trở thành một tín điều trong kinh Tin Kính, Thánh Thần đã là một thực thể sống động trong chứng nghiệm của Giáo Hội nguyên thủy.*

Edouard Schweitzer

Tới đây, chúng ta đã thấy được sự hòa hợp giữa hai chiều kích của Giáo Hội: chiều kích định chế và chiều kích đoàn sùng. Bây giờ chúng ta nghiên cứu sâu hơn chiều kích đoàn sùng của Giáo Hội theo như lịch sử Giáo Hội đã ghi lại kể từ thời Giáo Hội sơ khai đến Công Đồng Vatican II.

### 1. Thánh Thần linh hoạt Giáo Hội thời sơ khai

#### 2.

Như chúng ta đã nói, những biểu lộ của Thánh Thần hay đoàn sùng là những ân huệ của Thánh Thần mà người ta có thể nhìn thấy được và *có mục đích phục vụ cộng đoàn* để xây dựng nước Thiên Chúa.

Các đoàn sùng này bùng lên như những ánh hào quang lúc hừng đông vào sáng ngày lễ Hiện Xuống. Chúng xuất hiện trong từng trang lịch sử của Giáo Hội nguyên thủy. Đọc qua sách Công Vụ Tông Đồ là thấy đầy những đoàn sùng. Chúng ta chọn tác phẩm được linh ứng này không phải để gán cho nó một giá trị ưu tiên. Chúng ta biết rằng cần phải đọc sách Công Vụ dưới ánh sáng của những nguồn khác chứ không ngược lại. Tuy nhiên những gương cụ thể mà Thánh Lu-ca ghi lại cho chúng ta những ấn tượng đặc biệt.

Ngay ở trang đầu tiên, Thánh Thần thị hiện một cách thật bất ngờ thậm chí gây hoang mang. Ngài ra tay can thiệp biết bao lần, thật bất ngờ và nhanh như chớp. Rõ ràng chính Ngài sắp xếp mọi sự, đẩy lên sức sống nơi các Tông Đồ và cộng đồng tín hữu. Ngài can thiệp đến tận chi tiết cuộc sống hàng ngày của Giáo Hội, giúp Giáo Hội lan rộng trong đế quốc Rô-ma, tới mức độ có thể nói rằng sách Công Vụ Tông Đồ là quyển Tin Mừng thứ năm: Tin Mừng của Thánh Thần.

Ngay khi rời khỏi Nhà Hội vào sáng ngày lễ Thánh Thần, lập tức Phêrô nhắc lại việc Thánh Thần tuôn đổ xuống một cách kỳ diệu đúng như ngôn sứ Giô-en đã tiên báo:

*«Thiên Chúa phán: trong những ngày cuối cùng  
Ta sẽ đổ Thánh Thần ta trên hết thảy người phàm  
Con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ*

*Thanh niên sẽ thấy thị kiến  
Bô lão sẽ được báo mộng  
Và ta cũng sẽ đổ Thánh Thần của ta  
trên cả tôi nam tớ nữ của ta ...  
Trước khi ngày Đức Chúa đến.  
Ngày vĩ đại vinh quang» (Cv 2,16-20, Ge 3,1-5)*

Thời gian chúng ta chờ đợi ngày quang lâm để được thấy trọn vẹn uy quyền của Thiên Chúa là thời gian Thánh Thần hoạt động. Người ta cảm nhận được Ngài trong từng trang của sách Công Vụ. Ngài hiện diện và hoạt động hơn cả những nhân vật được nêu tên tuổi và việc làm của họ. Người ta nói về Thánh Thần như nói đến một sự hiện diện thân thương và an lành. Cả những khi thánh Lu-ca không nêu danh Ngài, ta vẫn nhận ra Ngài hiện diện và toả chiếu trong từng trang sách thánh. Ngài xếp đặt và âm thầm kết dệt nên toàn cảnh công cuộc tông đồ.

Chính Thánh Thần gợi ý cho các Tông Đồ những điều phải nói trước Đại Công Nghị Do Thái, trước các quan Tổng Trấn hoặc Tổng Đốc của Rô-ma cũng như trong những bài thuyết giảng hằng ngày: *«Tôi nói, tôi giảng, chẳng dùng lời lẽ khôn khéo hấp dẫn mà chỉ dựa vào bằng chứng xác thực của Thánh Thần và quyền năng Thiên Chúa. Có vậy, đức tin của anh em mới không dựa vào lẽ khôn ngoan người phàm, nhưng dựa vào quyền năng Thiên Chúa» (1Cr 2,4-5).*

Chính Ngài linh ứng những hành vi tông đồ táo bạo: *«Thánh Thần nói với ông Phi-líp-phê: Tiến lên đuổi kịp xe đó» (Cv 8,29).*

Và sau đó *«Khi hai ông lên khỏi nước, Thánh Thần Chúa đem ông Phi-líp-phê đi mất và viên thái giám không còn thấy ông nữa» (Cv 8,39).*

Thánh Thần là sức mạnh của các vị tử đạo: *«Được đầy ơn Thánh Thần, Tê-pha-nô dăm dăm nhìn trời, thấy vinh quang Thiên Chúa, và thấy Đức Giêsu đứng bên hữu Thiên Chúa» (Cv 7,55).*

Chính Thánh Thần dẫn Phêrô tới nhà Cor-nê-li-ô: *«Ông Phêrô vẫn còn phân vân về thị kiến thì Thánh Thần bảo ông: Kia có ba người đang tìm người. Đứng lên, xuống mà đi với họ, đừng ngần ngại gì, vì chính ta sai họ đến» (Cv 10,19-20).*

Chính Thánh Thần đã chọn lựa các Tông Đồ: *«Một hôm đang khi họ làm việc thờ phượng Chúa và ăn chay thì Thánh Thần phán bảo: “Hãy dành riêng Ba-na-ba và Sao-lô cho Ta để lo công việc Ta đã kêu gọi hai người ấy làm”». (Cv 13,2).*

Thánh Thần là niềm vui và sự an tâm của những người bị bách hại: *«Những người Do Thái sách động nhóm phụ nữ thượng lưu đã theo đạo Do Thái và những thân hào trong thành, xúi giục họ ngược đãi ông Phaolô và ông Ba-na-ba và trục xuất hai ông ra khỏi lãnh thổ của họ ... Về phần các môn đệ họ được tràn đầy hoan lạc và Thánh Thần» (Cv 13,50-52).*

Thánh Thần chủ tọa những cuộc họp quyết định tương lai của Giáo Hội sơ khai. Khi đưa ra các chỉ thị, các Tông Đồ thường nói: *«Thánh Thần và chúng tôi quyết định không đặt lên vai anh em một gánh nặng nào khác ngoài những điều cần thiết này...» (Cv 15,28).*

Thánh Thần còn vạch đường chỉ lối, dẫn dắt và ngăn giữ các Tông Đồ: *«Các ông đi qua miền Phy-gi-a và Ga-lát vì Thánh Thần ngăn cản không cho các ông rao giảng lời Chúa ở Tiểu Á. Khi tới sát ranh giới My-xi-a, các ông thử vào miền Bi-thy-ni-a, nhưng Thánh Thần Đức Giêsu không cho phép» (Cv 16,6-7).*

Đặc biệt, chính Thánh Thần là đấng chỉ đạo hành động truyền giáo của Thánh Phaolô: *«Giờ đây, bị Thánh Thần trói buộc, tôi về Giê-ru-sa-lem mà không biết những gì sẽ xảy ra cho tôi ở đó, trừ ra điều này, là tôi đến thành nào thì Thánh Thần cũng khuyên cáo tôi rằng xiềng xích và gian truân đang chờ đợi tôi. Nhưng mạng sống tôi, tôi coi thật chẳng đáng giá gì...» (Cv 20,22-24).*

Như thế, thực tế là Giáo Hội nguyên thủy đã diễn tả và sống đức tin của mình trong Thánh Thần.

### 3. Thánh Thần tuôn đổ các ơn

Thánh Thần thôi thúc Giáo Hội tiến trên các nẻo đường trần thế và làm cho Giáo Hội trở thành một Giáo Hội truyền giáo và Công Giáo.

Ngài cũng tạo nên sự hiệp nhất sống động trong Nhiệm Thể Đức Kitô, thánh hóa các Kitô hữu và tuôn đổ trên họ quyền lực của Ngài. Thánh Phaolô cho chúng ta thấy hành động hiện diện khắp nơi của Thánh Thần trong từng trang sách.

Chính Đức Giêsu đã từng báo trước rằng Thánh Thần mà Ngài gọi đến với các môn đệ sẽ tự biểu lộ cho họ qua những ân sủng và ân huệ lạ lùng đến nỗi các môn đệ sẽ làm được những việc to tát hơn Ngài, kể cả các phép lạ.

Các đoàn sủng bùng lên trong Giáo Hội nguyên thủy như những chồi non vào mùa xuân, chủ yếu là những biểu hiện đa dạng và hữu hình của một thực thể độc nhất: đó là sự sống của Thánh Thần tuôn trào vào tâm hồn các Kitô hữu.

Những ân huệ ấy được ban là để dựng xây Giáo Hội; chúng bổ sung lẫn nhau. Thánh Phaolô nhấn mạnh sự đồng quy của các ân huệ ấy trong bản văn nổi tiếng sau đây:

*«Có nhiều đoàn sủng khác nhau nhưng chỉ có một Thánh Thần. Có nhiều hoạt động khác nhau nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thánh Thần tỏ mình ra nơi mỗi người một cách là vì ích chung. Người thì được Thánh Thần ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thánh Thần ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thánh Thần ban cho lòng tin, kẻ thì cũng được chính Thánh Thần duy nhất ấy ban cho những đoàn sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri, kẻ thì được ơn phân định Thánh Thần, kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ, kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. Nhưng chính Thánh Thần duy nhất ấy làm ra tất cả điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người» (1Cr 12,4-11).*

Thư thứ nhất của thánh Phaolô gởi tín hữu Cô-rin-tô chương 12 mà chúng ta vừa nêu, đi trước và chuẩn bị cho chương 13 là chương thánh Phaolô mô tả sự cao đẹp và tính ưu việt của Đức Ái<sup>5</sup> là «điều duy nhất tồn tại mãi». Tuy nhiên, nếu Đức Ái ưu việt trên tất cả, nếu Đức Ái là mặt trời soi chiếu đời sống Kitô hữu mà Thánh Thần ban cho, thì ánh sáng của Đức Ái ấy vẫn không làm lu mờ ánh sáng của những vì sao xuất hiện trong đêm tối của chúng ta.

Chính vì thế Thánh Phaolô đề cập đến những đoàn sủng như ơn khôn ngoan trong lời nói và ơn hiểu biết để trình bày (1Cr 12,8), ơn đức tin (1Cr 12,9), ơn giảng dạy (Rm 12,7; 1Cr 12,28 tt; 14,26), ơn khuyến nhủ, ơn ủi an (Rm 12,8), ơn phục vụ (Rm 12,7), ơn suy xét (1Cr 12,10), ơn giúp đỡ và coi sóc (1Cr 12,28), v.v...

Như thế, trong tinh thần của Thánh Phaolô, Giáo Hội Đức Kitô không hề xuất lộ như một tổ chức thuần hành chánh. Giáo Hội là nhiệm thể Đức Kitô hằng sống, ngôi vị, sống động nhờ Thánh Thần.

### 4. Chứng nghiệm đoàn sủng qua các thế kỷ

Ai đọc Thánh Kinh cũng đều thắc mắc: Tại sao lúc đầu đoàn sủng được ban dồi dào như thế rồi ngưng dần lại qua các thế kỷ? Thánh Gioan Kim Khẩu tự nêu lên câu hỏi ấy và

---

<sup>5</sup> La charité théologique

gượng trả lời như sau: Giáo Hội nguyên thủy cần được ưu đãi như thế để tạo một cái đà cho việc truyền giáo. Tóm lại, đó là một tình trạng ngoại lệ. Trả lời như thế thì yếu và tỏ ra lúng túng. Thực ra hiện tượng đoàn sùng chưa bao giờ biến mất khỏi Giáo Hội vì Thánh Thần luôn trung kiên ở với Giáo Hội.

Vào cuối thế kỷ thứ hai, thánh I-rê-nê còn nhận thấy các đoàn sùng đặc biệt vẫn xuất hiện thường xuyên trong Giáo Hội như là những hiện tượng cộm nổi, ai cũng biết. Thánh nhân viết: «*Nhiều anh em trong Giáo Hội được ơn tiên tri, nhờ Thánh Thần nói được đủ mọi thứ tiếng, nói ra những điều bí mật của nhiều người để sinh ích cho họ và để giải bày mẫu nhiệm Thiên Chúa*». (Adv. Haer. V.6,1)

Dần dần văn học tôn giáo trở nên cần trọng hơn với chủ đề này: trong cộng đoàn Giáo Hội, các biểu lộ của Thánh Thần ngày càng khó thấy hơn vì đức tin đã suy giảm, và ngày càng có nhiều người chỉ nhìn Kitô giáo dưới khía cạnh xã hội. Người ta không còn thấy Thánh Thần biểu lộ nhiều như trước. Tuy nhiên Thánh Thần vẫn còn biểu lộ một cách rõ ràng ở những nơi sống đức tin mãnh liệt, nghĩa là trong những môi trường hạn hẹp hơn của các đan sĩ nam nữ, đặc biệt trong môi trường của những vị sáng lập các dòng tu.

Ban đầu, đan tu quả thật là một phong trào đoàn sùng. Sự khổ hạnh mà phong trào này đề cao được xem như chiến thắng của Thánh Thần trên các thế lực tăm tối của thế gian, xác thịt và ma quỷ. Tất cả các áng văn trong các *Truyện Tích Các Giáo-Phụ*<sup>6</sup> đầy dẫy những ơn tiên tri, ơn làm phép lạ, đặc biệt là ơn chữa bệnh. Đứng sau hình thức diễn tả bóng nổi và ngây thơ của thời đại lúc ấy, người ta cảm nhận được rằng các Kitô hữu những thế hệ xưa đã tin bằng một đức tin sống động và mạnh mẽ vào việc xúc dầu để lãnh nhận Thánh Thần và vào các ơn huệ của Ngài.

Những đan sĩ đích thực được nhìn nhận như là những linh phụ có khả năng hướng dẫn kẻ khác trên con đường của Thánh Thần. Đặc biệt trong truyền thống phương Đông, dân Kitô giáo vẫn coi các đan sĩ là những người khôn ngoan hướng dẫn tâm linh, và họ tự nguyện đến tham vấn những vị ấy.

Bàn về chính các đoàn sùng, các tác giả sách thiêng liêng nhấn mạnh rằng người ta cần dùng trí tuệ cẩn thận suy xét và không bao giờ nên xem các ơn huệ là cùng đích mà là những phương tiện để thực hiện Đức Ái một cách tích cực hơn. Người ta không tranh cãi về sự hiện hữu của các ơn huệ ấy. Qua các thời đại, ngoài những thời kỳ phản ứng chống lại những lợi dụng của các giáo phái, hàng giáo phẩm luôn biểu lộ một thái độ nói chung là tích cực đối với vấn đề đoàn sùng. Các mục tử như thánh A-tha-na-si-ô hay thánh Ba-si-li-ô từng dựa vào các đan sĩ để ủng hộ công cuộc canh tân tôn giáo.

Vào thế kỷ 11, một đan sĩ nổi tiếng ở Cons-tan-ti-nô-pô-li là thánh Si-mê-on, được gọi là một thần học gia mới, đã lên tiếng bằng một lời nói đầy tính đoàn sùng. Đối với thánh nhân, lễ Hiện Xuống luôn luôn hiện thực, chính Thánh Thần nối kết chúng ta với Đức Kitô và dẫn chúng ta tới Chúa Cha, sau khi nhờ lòng ăn năn chúng ta đến được ánh sáng của Thánh Thần trong tâm hồn. Theo thánh nhân, chỉ những ai cảm nghiệm được Thánh Thần mới có thể thực sự hướng dẫn kẻ khác, dù người đó có là giáo dân hay không.

Mặc dù ở phương Tây truyền thống Thánh Thần ít được nhấn mạnh hơn, nhưng niềm tin vào Thánh Thần cũng vẫn sống động, đặc biệt trong đời sống các vị sáng lập dòng và đời sống các thánh nhân. Thánh Ignatiô Loyola, và nhiều vị khác, từng viết những trang sách về linh thao. Trước và sau thánh Ignatiô, có các thần học gia và các tác giả sách thiêng liêng khác đã phân tích các ơn huệ và hướng dẫn cách sử dụng những ơn ấy. Thánh Gio-an Thánh Giá và Thánh nữ Tê-rê-xa ở A-vi-la có thể quan niệm khác nhau về vai trò của ơn được an ủi hay những biểu hiện khả giác của đời sống tâm linh -Thánh Tê-rê-xa quan niệm một Kitô giáo gắn với tâm tình bình dị của con người hơn thánh Gio-an Thánh Giá- nhưng cả hai đều chứng nghiệm về Thiên Chúa hết sức sâu xa.

---

<sup>6</sup> Apophthegmata Patrum

Để thấy được rằng các đoàn sùng phi thường vẫn còn hiện diện tới ngày hôm nay, nên đọc lại cuộc đời các vị thánh gần gũi chúng ta hơn. Đọc lại kỹ lưỡng cuộc đời các vị thánh – chẳng hạn Cha Sở giáo xứ Ars, thánh Don Bosco và bao vị khác – giúp chúng ta thấy các đoàn sùng xuất hiện là sự kiện không thể chối cãi được: ơn suy xét, ơn tiên tri, ơn chữa bệnh... Như vậy, người ta không thể quả quyết rằng các đoàn sùng chỉ là hiện tượng xa xưa.

#### 4. Sự phục hồi tại Công đồng

Đối với đoàn sùng, Công Đồng luôn có thái độ đón nhận và cởi mở. Trong một đoạn văn rất quân bình, Công Đồng dù rất cẩn trọng đã nhìn nhận tầm quan trọng luôn luôn hiện thực của đoàn sùng. Chúng tôi mạo muội thêm rằng: hiện thực hơn bao giờ hết.

Sau đây là hai đoạn văn căn bản của Công Đồng:

##### 1. Hiến Chế *Lumen Gentium*, đoạn 12:

*«Hơn nữa, cũng chính Thánh Thần ấy, không chỉ thánh hóa và hướng dẫn dân Thiên Chúa bằng các bí tích, các thừa tác vụ và trang bị họ bằng các nhân đức, nhưng Ngài còn ban phát ân sủng đặc biệt cho mọi cấp bậc các tín hữu “phân chia ân huệ cho mỗi người theo ý Ngài” (1Cr 12,1), khiến người lãnh nhận ân sủng ấy có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội như lời chép rằng: “Thánh Thần hiện diện trong mỗi người hầu mang lại lợi ích” (1Cr,12,7). Phải lãnh nhận những đoàn sùng này, từ các ơn chói lọi nhất đến các ơn thường mà nhiều người lãnh được, với lòng tri ân và yên ủi vì các ơn đó mang ích lợi và phù hợp với nhu cầu của Giáo Hội. Nhưng không nên liêu lĩnh kêu nài những ơn đặc biệt và cũng đừng vì đó mà tự đắc mong rằng việc tông đồ sinh kết quả. Những vị thủ lãnh trong Giáo Hội có thẩm quyền phán quyết về tính cách chân chính và sự sử dụng hợp lý các ơn lạ ấy; Các ngài có nhiệm vụ đặc biệt phải khảo sát tất cả không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để trừc nghiệm và giữ lại những điều thiện hảo» (xem 1Tx 5,12 và 19-21).*

Giáo huấn ấy cũng được đưa ra trong sắc lệnh *Tông Đồ Giáo Dân*, chương 3:

*«Để thể hiện việc tông đồ này, Thánh Thần thánh hóa dân Chúa qua tác vụ và các bí tích. Ngài cũng ban cho các tín hữu những ơn đặc biệt (xem 1Cr 12,7), “Phân phát những ơn đó cho mọi người tùy ý Ngài” (1Cr 12,11) để “mỗi người tùy theo ơn đã nhận mà giúp đỡ nhau” và chính họ trở nên như những người quản lý trung tín giữ mọi thứ ơn của Thiên Chúa (1Pr 4,10) hầu xây dựng toàn thân trong đức ái (x. Ep 4,16). Do sự đón nhận những đoàn sùng này dầu là những đoàn sùng thông thường, mỗi tín hữu có quyền lợi và bổn phận sử dụng những ơn đó trong Giáo Hội cũng như giữa trần gian để mưu ích cho mọi người và xây dựng Giáo Hội trong tự do của Thánh Thần, Đáng “muốn đâu thì thổi đến đó” (Ga 3,8) và đồng thời sử dụng trong sự hiệp thông với anh em trong Đức Kitô, nhất là với các vị chủ chăn của mình. Chính các Ngài có nhiệm vụ xét đoán về bản tính đích thực và việc sử dụng thích hợp những đoàn sùng đó, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để thử nghiệm mọi việc và điều nào tốt thì giữ lấy” (x. 1Tx 5,12; 19,21)».*

Công đồng nhắc nhở dân Chúa lưu tâm tới các đoàn sùng và kêu mời họ ý thức hơn về sự hiện diện thường xuyên và chủ động của Thánh Thần trong Giáo Hội. Công Đồng cũng thực hiện điều này nơi những văn kiện khác – có tới 252 chỗ bàn về Thánh Thần trong các tài liệu Công Đồng – nhưng đặc biệt hơn là trong những đoạn nói về cái cách phụng vụ được Công Đồng khởi xướng. Đáng chú ý là trong các công thức đổi mới của việc cử hành phụng vụ và bí tích, Giáo Hội đã đặt vai trò thánh hóa của Thánh Thần lên hàng đầu. Trong chương tiếp theo, chúng tôi mong muốn độc giả lưu tâm điểm này để nhận ra rõ ràng hơn nữa hoạt động của Thánh Thần giữa chúng ta.





## Chương III

# THÁNH THẦN VÀ VIỆC CANH TÂN PHỤNG VỤ

*Giáo Hội được xây dựng trên cả  
bí tích Thánh Thể lẫn biến cố Hiện Xuống*

Paul Evdokimov

### Đức Kitô và Thánh Thần

Trong «*Sắc Lệnh Chức Vụ và Đời Sống các Linh Mục*», khi nói về Thánh Thể, Công Đồng Vatican II xác định bằng một công thức tuyệt vời: Thánh Thể là thân xác Đức Giêsu Kitô «*được Thánh Thần làm cho sống và đồng thời ban sự sống*». Chúng ta cần hiểu sâu sắc những lời này vì chúng nói lên một cách tuyệt diệu mối liên hệ giữa Thánh Thể và Thánh Thần, giữa biến cố Vượt Qua của Đức Giêsu và biến cố Hiện Xuống của Thánh Thần. Chúng dẫn ta đến trọng tâm của toàn bộ đời sống phụng vụ Kitô hữu.

Nếu lời phát biểu trên khiến ta ngạc nhiên, phải chăng là vì chúng ta thường đặt Đức Giêsu một bên và Thánh Thần một ngả, nên không thấy rõ sự liên kết bất khả phân ly giữa Đức Kitô vinh hiển, phục sinh và hằng sống với Thánh Thần, Đấng hoàn tất và hiện thực hóa công việc của Ngài? Chúng ta phải hiểu rằng ngày hôm nay Đức Kitô vẫn hành động trong Giáo Hội của Ngài nhờ Thánh Thần và trong Thánh Thần như Chúa Cha đã hứa. Hẳn nhiên người ta có thể lúc thì nhấn mạnh Đức Kitô, lúc thì nhấn mạnh Thánh Thần Ngài, nhưng dù khác nhau, hai Đấng ấy vẫn không bao giờ tách biệt nhau: trong đời sống cụ thể của Kitô hữu, hai Đấng luôn qui hợp để đối chiếu được toàn vẹn.

### Thánh Thể và Thánh Thần

Khi chúng ta cử hành bữa ăn của Chúa, trước tiên chúng ta hãy hướng về Đấng mời chúng ta vào bàn, như xưa vào chiều tối thứ năm Tuần Thánh Ngài đã nói với các môn đệ: «*Ta khát khao ăn Lễ Vượt Qua này với các con*» (Lc 22,15). Ngày hôm nay vẫn thế: trước tiên chính Đức Giêsu ước ao kết hiệp với chúng ta. Ngài luôn luôn yêu chúng ta trước và mời gọi chúng ta đồng bàn với Ngài. Ngài ăn mình chủ tọa bữa ăn, còn vị linh mục nhân danh Ngài chủ tọa một cách hữu hình. Thánh Thể chính là Đức Giêsu luôn đồng hành với các môn đệ trong niềm mong đợi ngày quang lâm của Ngài vào cuối thời gian. Thánh Thể vừa là một hành vi của Đức Giêsu vừa là của Giáo Hội một cách bất khả phân ly, hay đúng hơn, là một hành vi của Đức Kitô «*trong*» và «*vì*» Giáo Hội Ngài.

Tuy nhiên hành vi này của Đức Kitô không tách biệt với hành động của Thánh Thần. Chính nhờ Thánh Thần mà Đức Kitô hiện diện giữa chúng ta một cách mới mẻ, bí tích và hiện thực.

Thánh Thể mà chúng ta cử hành biểu lộ vị trí chủ tể và quyền năng của Đức Giêsu vinh hiển giữa chúng ta; nhưng vinh quang này đến từ Thánh Thần, như Đức Kitô đã loan báo: «*Ngài sẽ tôn vinh Thầy*» (Ga 16,14). Đức Giêsu là Chúa *trong* và *bởi* Thánh Thần. Chính Thánh Thần làm cho quá khứ của Đức Giêsu thành hiện tại, đặc biệt hơn nữa, làm cho cuộc Vượt Qua của Đức Giêsu từ sự chết sang sự sống luôn luôn hiện thực. Thánh Thần tác động không phải ở bên lề mà ở ngay trọng tâm những cử hành phụng vụ của chúng ta. Hành vi thánh hóa của Thánh Thần được thể hiện không phải chỉ lúc Truyền Phép hay lúc bánh rượu biến thành Mình Máu Thánh mà còn được thể hiện nơi các tín hữu đón nhận Thánh Thể nữa.

Đó là chứng nghiệm thâm tín của truyền thống. Một kinh nguyện Thánh Thể mà người ta cho là của Thánh Gioan Kim Khẩu nói rõ việc bánh rượu biến thành Mình Máu Thánh là do Thánh Thần:

*«Chúng con khẩn khoản nài xin Cha ban Thánh Thần Cha trên chúng con và trên những lễ vật dâng hiến Cha đây. Xin làm cho tám bánh này trở nên Mình Thánh Đức Kitô nhờ Thánh Thần của Cha (Amen) và làm cho chén rượu này thành Máu Thánh Đức Kitô nhờ Thánh Thần của Cha (Amen) để những ai tham dự thánh lễ này được Mình và Máu Thánh Ngài thanh tẩy tâm hồn, được tha tội, được hiệp thông với Thánh Thần của Cha, được sự viên mãn của nước Trời, được an tâm trước nhan Cha, không bị xét xử và kết tội»<sup>7</sup>.*

Như vậy, đây là lời kinh khẩn cầu Thánh Thần gồm hai lời nguyện: xin Thánh Thần xuống trên những lễ vật được dâng và trên cộng đoàn Kitô hữu là những người sắp được dưỡng nuôi bằng những lễ vật ấy, đồng thời từ đó ban xuống nguồn bác ái huynh đệ ngày càng tăng triển. Sở dĩ thế là vì trước tiên sự thông truyền Thánh Thần làm cho các tín hữu được ơn tăng tiến trong Đức Ái, nối kết họ với nhau trong Thiên Chúa. Ngay sau khi truyền phép, chúng ta cầu xin Thiên Chúa như sau:

*«Lạy Cha, xin hãy nhớ đến Hội Thánh Cha lan rộng khắp hoàn cầu, để kiện toàn Hội Thánh trong đức Mến...»* (Kinh nguyện Thánh Thể II).

Đó chính là lý do tối hậu khiến Giáo Hội luôn cầu xin Thánh Thần Thiên Chúa ngự đến mỗi khi tụ tập để cử hành Thánh Thể.

Một bản văn cổ của Fulgence de Ruspe diễn tả điều ấy một cách cô đọng hiểm có. Tôi xin trích đôi dòng:

*«Đức Kitô vì yêu nên đã chết cho chúng ta, vì thế, khi cử hành nghi thức tưởng niệm sự chết của Người, chúng ta cầu xin cho lòng Mến ấy cũng được ban cho chúng ta nhờ việc Thánh Thần ngự đến... Khi cộng đoàn xin Thiên Chúa sai Thánh Thần đến trong Hy lễ Mình Máu Đức Kitô, thì Giáo Hội nài xin ơn mến yêu để giúp Giáo Hội giữ được sự thống nhất tinh thần trong mối dây hòa bình».*

Chúng ta nên lưu ý điểm này là hành động thánh hóa không chỉ liên quan đến những lễ vật Thánh Thể được dâng, mà còn tác động những tâm tình bên trong các tín hữu sắp lãnh nhận những lễ vật ấy. Việc dâng lên Thiên Chúa và sự đón nhận của con người liên kết với nhau trong cùng một màu nhiệm Thánh Thần.

Sau khi phác họa vắn gọn các mối liên kết không thể tách rời giữa Đức Giêsu vinh hiển và Thánh Thần Ngài ở trong phép Thánh Thể, bây giờ tôi xin nêu ra một vài khía cạnh của việc canh tân phụng vụ được thực hiện trong chiều hướng ấy. Những khía cạnh này cũng nhấn mạnh đến sự gắn gũi và hiện diện năng động của Thánh Thần.

---

<sup>7</sup> F. E. BRIGHTMAN và G. E. HAMMOND, *Liturgies Eastern and Western* quyển I, trang 329-330. Được J. M. R. TILLAND, O. P. trung dẫn trong một bài viết rất hay: «*Thánh Thể và Thánh Thần*» đăng trong tạp chí *Nouvelle Revue Théologique*, ngày 4-4-1968, trang 371.

## Phụng Vụ Lời Chúa

Sự kiện đầu tiên mang dấu chứng việc canh tân phụng vụ là việc nhấn mạnh đến tầm quan trọng phần phụng vụ Lời Chúa đi trước phần cử hành Thánh Thể.

Việc đọc Thánh Kinh hay Lời Chúa được mặc khải qua Thánh Thần giúp chúng ta hiệp thông sâu xa với Thiên Chúa, Đấng tự tỏ mình ra cho Giáo Hội theo nhịp điệu năm phụng vụ. Qua đó, Đức Giêsu thực hiện lời hứa sẽ gửi Thánh Thần Người lần hồi dạy dỗ chúng ta: *«Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thánh Thần sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn»* (Ga 16,12-13). Như thế Giáo Hội trải ra trước mắt chúng ta một lịch sử cứu độ đi từ Mùa Vọng tới lễ tôn vinh toàn thể các Thánh, vượt qua hai đỉnh cao là Phục Sinh và Hiện Xuống.

Giáo Hội nuôi dưỡng con cái mình trong mỗi giai đoạn của cuộc hành trình bằng Lời Chúa là những trang Kinh Thánh. Tất cả chúng ta đều hưởng được ơn ích, nếu chúng ta chấp nhận đi vào lối dưỡng dục đầy tình mẫu tử nhằm đúc nắn chúng ta càng ngày càng nên giống Chúa Giêsu Kitô để đến với Chúa Cha. Thánh Thần là căn nguồn của các trang sách mà Giáo Hội chọn lựa; Thánh Thần soi sáng để thâm hiểu ý nghĩa, Ngài cập nhật sứ điệp Kinh Thánh không những cho sinh hoạt cộng đoàn mà còn vì lợi ích riêng mỗi người chúng ta. Với tinh thần đức tin, mỗi khi mở những trang sách lễ ra là chúng ta đến nơi hẹn do Thánh Thần xếp đặt để gặp gỡ Thiên Chúa. Những bản văn được chọn lựa cho chúng ta là những bản văn ưu tiên giúp chúng ta thực sự *«đồng cảm với Giáo Hội»* và càng ngày càng đi sâu vào *«chính những tâm tình của Đức Giêsu»* (1Cr 2,16).

Ngày nay Thiên Chúa vẫn nói với chúng ta qua những bản văn Cựu và Tân Ước. Tôi cần đón nhận những trang sách thánh này như đón nhận lá thư của một người bạn muốn chia sẻ những âu lo, sợ hãi, hy vọng của tôi, muốn đồng hành với tôi để chỉ đường cho tôi. Thánh Thần nói với tôi qua những dòng chữ mà Giáo Hội suy niệm mỗi ngày. Dù tôi không thể đến tham dự cử hành Thánh Thể, tôi vẫn nên cầm trong tay quyển sách lễ, hiệp thông cách thiêng liêng cùng Giáo Hội, để nhờ đó đối thoại với Đức Kitô và làm cho ngày sống của tôi thấm nhuần sứ điệp của Ngài. Chúng ta cần để Lời Chúa hằng ngày hành động trong chúng ta, nắn đúc chúng ta, giống như đất sét trong tay thợ gốm. Câu trả lời của đức Maria khi sứ thần truyền tin: *«Xin vâng lời Thiên Sứ truyền»* (Lc 1,38) phải là khuôn mẫu cho tất cả chúng ta trong từng chi tiết nhỏ nhặt của đời sống hàng ngày. Nếu trong tổ ấm gia đình Kitô hữu của mình, mỗi buổi tối chúng ta cùng nhau đọc vài hàng trong sách lễ, thì thật phúc đức và việc huấn luyện sống đời Kitô hữu sẽ liên tục và tốt đẹp dường nào!

Anh chị em Tin Lành coi việc đọc Thánh Kinh mỗi ngày là điều tốt đẹp nhất trong truyền thống tôn giáo của họ. Chúng ta cũng thế, cần phải biết lắng nghe lời Chúa. Câu *«xin hãy nói, vì tôi tớ Ngài đang lắng tai nghe»* (1Sm 3,10) chính là một thái độ tâm linh tuyệt hảo. Việc lắng nghe Lời Chúa được đề nghị trong khung phụng vụ giúp chúng ta vừa mở lòng trước Thiên Chúa vừa hiệp thông với anh chị em mình.

Khi tấn phong một tân giám mục, vị chủ phong trao cho vị tân giám mục sách bài đọc Tin Mừng và nói: *«Hãy nhận lấy Tin Mừng, hãy rao giảng Lời Chúa...»* Khi nhận lãnh bí tích rửa tội, tất cả chúng ta cũng đều lãnh nhận một lệnh truyền tương tự. Nếu giám mục có sứ mệnh làm người chính thức cất nghĩa Kinh Thánh nhân danh Giáo Hội, thì tất cả chúng ta đều là những người phục vụ Lời Chúa và mang sứ điệp của Ngài. Để thuộc về gia đình Đức Giêsu và đi vào trong Thánh Thần Ngài, chúng ta phải làm quen với Thánh Kinh. Chúng ta vui mừng khi thấy càng ngày càng đông các Kitô hữu cùng nhau chia sẻ tấm bánh sự sống là Lời Chúa: đó cũng là dấu hiệu của hy vọng.

## Phụng Vụ Thánh Thể

Sau khi phân phụng vụ Lời Chúa được canh tân, Giáo Hội thời hậu công đồng đã công hiến cho chúng ta những bản văn mới, phong phú và đa dạng hơn trước. Hiện chúng ta có bốn Kinh Nguyện Thánh Thể chính thức để cử hành phụng vụ hàng ngày. Chúng ta thấy rõ quyền năng Thánh Thần được nhấn mạnh trong các Kinh Nguyện Thánh Thể ấy.

Chẳng hạn, trong Kinh Nguyện Thánh Thể IV, chúng ta hãy đọc lời nguyện xin Chúa Cha gọi Thánh Thần xuống thánh hóa lễ vật như sau:

*«Lạy Cha, chúng con nài xin Chúa Thánh Thần đoái thương thánh hóa những của lễ này, để trở nên Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, hầu cử hành mẫu nhiệm cao cả mà chính Người đã trời lại cho chúng con làm giao ước muôn đời».*

Tiếp theo, sau Truyền Phép là lời nguyện xin Chúa Cha sai Thánh Thần xuống để thông hiệp:

*«Lạy Cha, xin đoái nhìn của lễ chính Cha đã dọn sẵn cho Hội Thánh Cha, xin Cha nhân từ ban cho những người thông phần cùng một bánh và chén này, nhờ Chúa Thánh Thần đoàn tụ tất cả thành một thân thể, trở nên của lễ sống động trong Đức Kitô, để ca tụng vinh quang Chúa».*

Trong Thánh Thể, Thánh Thần ở ngay trọng tâm phần truyền phép cũng như phần hiệp lễ.

## **Phụng Vụ Bí Tích**

Ta cũng có thể trở lại phần phụng vụ riêng cho từng bí tích để thấy Giáo Hội nhìn nhận sự hiện diện của Thánh Thần. Tôi chỉ xin đưa ra một vài kinh nguyện bí tích liên quan đến phép Rửa Tội, Thêm Sức và Xức dầu bệnh nhân.

### ***Phép Rửa Tội***

Để hiểu rõ vai trò của Thánh Thần trong bí tích Rửa Tội, chỉ cần đọc lại nghi thức làm phép trọng thể nước rửa tội trong Canh Thức Phục Sinh. Thánh Thần được tuyên xưng là tác nhân thánh hóa nước rửa tội. Sau khi kêu cầu Thánh Thần, Đấng bay lượn trên mặt nước vào thời khởi nguyên vũ trụ, cũng như trong lần Đức Giêsu chịu phép rửa và được Thánh Thần xức dầu ở sông Gioc-đan, nghi thức làm phép nước kết thúc bằng lời nguyện sau:

*«Lạy Cha nhờ ân sủng Con Ngài ban, chúng con cầu xin Cha cho quyền năng Thánh Thần xuống trên nước này để bất cứ ai lãnh nhận phép rửa, được mai táng trong sự chết cùng với Đức Kitô, thì cũng được sống lại với Người».*

### ***Phép Thêm Sức***

Đối với phép Thêm Sức, cũng có những canh tân quan trọng. Trước tiên, việc cử hành bí tích Thêm Sức được chuẩn bị bằng phụng vụ Lời Chúa gồm những bài đọc tập trung vào mẫu nhiệm Hiện Xuống. Ngoài ra, sách bài đọc mới chứa đựng ba mươi bảy bài đọc về Thánh Thần. Tiếp đến, vì phép Thêm Sức liên quan tới Thánh Thể, nên theo nghi thức mới, Giáo Hội mong muốn bí tích Thêm Sức được cử hành trong tiến trình cử hành Thánh Lễ, để những người mới lãnh nhận Thêm Sức được rước lễ.

Trước tiên Đức Giám Mục đặt tay lên tập thể những người lãnh nhận bí tích Thêm Sức, đồng thời cầu xin Thiên Chúa gọi Thánh Thần Ngài xuống trên họ, rồi vạch dấu thánh giá để xức dầu thánh lên trán từng người, miệng nói “(Gọi tên...), con hãy nhận lấy dấu ấn Thánh Thần được ban cho con”.

## *Phép Xức Dầu Bệnh Nhân*

Cuối cùng, ta nhận rõ có một thần học hướng về Thánh Thần nơi việc canh tân phụng vụ trong nghi thức xức dầu bệnh nhân.

Trong thánh lễ làm phép dầu ngày Thứ năm tuần thánh, giám mục làm phép dầu để dùng cho bí tích xức dầu bệnh nhân với những lời nguyện rất cô đọng nhưng ít người để ý:

*«Lạy Cha là Thiên Chúa chúng con, Cha là nguồn mọi an ủi. Cha muốn chữa lành mọi yếu đuối, bệnh tật của chúng con qua người Con của Cha. Xin lắng nghe lời nguyện cầu đầy tin tưởng của chúng con. Xin từ trời gởi Đấng An Ủi là Thánh Thần Cha trên dầu này, là thứ dầu Cha đã tạo thành để đem sinh lực cho thân thể chúng con. Xin Cha làm phép để dầu này nâng đỡ thân xác, linh hồn và tinh thần những bệnh nhân được xức dầu, ước gì dầu này làm tan đi mọi đau đớn, bệnh tật, buồn khổ cả thể xác lẫn tinh thần. Xin Cha cũng dùng dầu này như một công cụ để ban ân sủng của Cha cho chúng con, nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con».*

Ngay trong việc xức dầu bệnh nhân, chức năng của Thánh Thần, là tác nhân thánh hóa dầu thánh, nổi bật lên: *«Nhờ Thánh Thần Cha, Cha đã thánh hóa dầu này, để hôm nay, nhờ đức tin, dầu này giúp chúng con nhận ra sức mạnh tình yêu của Cha»*

Kể từ đây, mọi linh mục đều có thể làm phép dầu, và khi cử hành nghi thức ấy, vị linh mục nói rõ ý nghĩa việc xức dầu như sau:

*«Chúc tụng Chúa Cha ...  
Cha đã sai Con Cha là Đức Giêsu  
Đến chữa lành những vết thương của chúng con*

*«Chúc tụng Chúa Con độc nhất  
Người đến để thi ân giáng phúc  
Và chữa lành cho tất cả chúng con*

*«Chúc tụng Thánh Thần tạo dựng  
Sức mạnh của Ngài luôn củng cố  
Sự yếu đuối của con người chúng con».*

Cuối cùng, cần lưu ý rằng bí tích này đã được canh tân để thực sự là bí tích trợ lực trong trường hợp bệnh nặng, và là *«bí tích xức dầu»*, chứ không còn là *«bí tích xức dầu lần cuối»* dành cho những người đang hấp hối. Người ta đã tìm lại được truyền thống cao đẹp của Giáo Hội là tập trung ưu tiên vào việc chữa lành bản tính con người chúng ta.

Paul Evdokimov đã viết rất đúng:

*«Đức Giêsu Cứu Thế là “thần chữa bệnh”, là “Đấng đem lại sức khoẻ”, chính Người từng nói: “Không phải những kẻ khoẻ mạnh cần đến thầy thuốc mà là những kẻ bệnh hoạn”. Câu “Đức tin của con đã cứu con” hay “Đức tin của con đã chữa con lành” chính là hành động linh thiêng chữa lành linh hồn lẫn thể xác trong mỗi con người chúng ta. Cũng trong khái niệm điều trị ấy, bí tích hòa giải được ví như một “bệnh viện” và phép Thánh Thể như “phương dược trường sinh”»<sup>8</sup>.*

Trong nhãn quan này, điều quan trọng hơn cả trong phép hòa giải hay việc tha tội chính là nhằm phục hồi sự sống lành mạnh trọn vẹn cho người bệnh nhờ hành động của Thánh Thần.

Nên lưu ý rằng các bí tích bổ sung cho nhau và đặc biệt phép Thánh Thể được ban cho chúng ta là *«để chữa lành linh hồn lẫn thể xác»*, đồng thời cũng là bảo chứng cho sự phục sinh tương lai của thân xác chúng ta. Còn bí tích hòa giải cũng bao hàm chiều kích chữa lành tâm linh mà trước đây chưa được nhấn mạnh đủ trong các tài liệu đào tạo Kitô giáo và trong công việc mục vụ của chúng ta.

<sup>8</sup> Paul EVDOKIMOV, *sách đã dẫn*, trang 88.

Người ta có thể thêm vào đây cả bí tích Truyền Chức nữa. Ngày xưa, trong các Giáo Hội Đông Phương, khi tấn phong một giám mục, vị này được khuyên phải trở nên một «*người chữa lành trong Hội thánh Chúa*». Ngày nay, nghi thức Byzantin vẫn còn nhắc đến quyền năng chữa lành vào dịp truyền chức linh mục hoặc tấn phong giám mục. Truyền thống Giáo Hội đã luôn ghi nhận mối liên kết sâu xa giữa việc truyền chức và tác vụ chữa lành. Trong phụng vụ Rô-ma, sự chữa lành này được mô tả là tác động của Thánh Thần, và theo một lời nguyện hiệp lễ trong lễ Hiện Xuống, chính Thánh Thần «*thứ tha các tội lỗi*».

## **Cầu nguyện và chữa lành**

Việc canh tân bí tích xứ dầu bệnh nhân mời gọi chúng ta tự vấn về thái độ tâm linh của chúng ta đối với các bệnh nhân, đồng thời mời gọi chúng ta canh tân lại niềm tin của mình trong việc cầu nguyện cho họ được lành bệnh.

Trong cuộc đời Đức Giêsu, việc chữa bệnh đóng một vai trò lớn lao đến nỗi Ngài không thể không tiếp tục công việc nhân hậu này là tái tạo sức khoẻ thể xác lẫn tinh thần cho con người qua các môn đệ Ngài. Để có thể làm được việc ấy, (như ngày xưa Ngài vẫn thường đòi hỏi) Đức Giêsu yêu cầu chúng ta phải có một đức tin mong đợi và tín thác, tương tự như đức tin của người phụ nữ chạm vào áo Ngài và bà được chữa lành nhờ một quyền lực từ Ngài phát ra.

Đàng khác, trong Giáo Hội sơ khai, người ta thấy các Tông Đồ nhân danh Đức Giêsu chữa lành biết bao bệnh nhân, làm những đám đông phải sửng sốt. Không phải chỉ có các Tông Đồ mới có đoàn sùng chữa bệnh này mà cả các đồ đệ của các ngài nữa, chẳng hạn thầy sáu Philipphê. Người ta bảo rằng khi nghe vị này nói, thấy vị này làm các phép lạ, đám đông đã tuôn đến để nghe giảng... và cả thành phố đều rất hân hoan vui mừng ( xem Cv 8,6-8).

Chúng ta phải canh tân niềm tin của chúng ta vào quyền năng của Chúa, Ngài vẫn hoạt động cứu giúp các bệnh nhân nhờ lời cầu nguyện của chúng ta. Chúng ta cũng nên lắng nghe lương tâm chất vấn về vấn đề này trước những gương đức tin sống động của những anh chị em Tin Lành. Và lại, chúng ta cũng thấy ngay trong Giáo Hội Công Giáo, việc cầu nguyện tập thể cho bệnh nhân đang được phục hồi tại những nơi mà Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng gây nhiều ảnh hưởng. Tôi đã từng nhìn thấy nhiều Kitô hữu tụ họp nhau trong căn phòng của một người bệnh và cùng nhau cầu nguyện cho người ấy một cách tự phát, tay giơ ra hướng về người bệnh giống như Đức Giêsu đã làm trong Tin Mừng. Điều đó nói lên sự hiệp thông Kitô hữu với người đang đau khổ. Trước cảnh tượng đó, tôi cảm thấy cần phải xét lại cách hành xử của mình đối với các bệnh nhân mà tôi đến thăm viếng.

Chúng ta đang sống trong Đức Kitô, Ngài cũng đang sống và hành động trong chúng ta, nhưng chúng ta lại không dám tin Ngài. Chúng ta không dám tin vào hiệu lực của cầu nguyện, cũng không dám tin rằng cầu nguyện có thể làm nên những phép lạ.

Những người có trách nhiệm dạy giáo lý thuộc mọi cấp độ cần phải trình bày lại cho mọi người một cách sâu xa hơn ý nghĩa thực sự của lời cầu nguyện; theo tư tưởng của Thiên Chúa thì lời cầu nguyện luôn luôn có hiệu quả. Cần trình bày lại bản chất tình phụ tử của Thiên Chúa, Đấng là Thiên Chúa của kẻ sống chứ không phải kẻ chết. Ngài không phải là nguồn sự dữ, trái lại lúc nào Ngài cũng chỉ mong cho con cái mình hạnh phúc trọn vẹn. Nếu ta chấp nhận đau khổ, thì đau khổ sẽ thanh tẩy và biến đổi ta. Thiên Chúa sẽ biến đau khổ ấy thành ích lợi cho những kẻ yêu mến Ngài. Lời cầu nguyện của chúng ta cần phải gắn liền với một thực tế hết sức phức tạp: bệnh tật đủ loại, bệnh thấy được hoặc không thấy được, bệnh thể lý hoặc tâm lý, kể cả những khổ đau dần vật do chấn thương tiềm ẩn lâu ngày. Lời cầu nguyện của chúng ta phải liên quan đến tất cả những gì cần được chữa lành trong chúng ta; nó cần dẫn đưa hiện tại cũng như quá khứ người đau khổ vào ánh sáng ân sủng của Thiên Chúa. Nên nhớ rằng Đức Giêsu hôm qua cũng là Đức Giêsu hôm nay; Ngài là Chủ của quá khứ lẫn

hiện tại. Nếu phép lạ chữa lành bệnh tức khắc và ngoạn mục đã trở nên hiếm hoi, thì cũng chớ quên rằng việc chữa lành bệnh một cách tiệm tiến và từ từ cũng là do tác động của Thiên Chúa. Cầu nguyện không chống lại thuốc men mà nằm ngay trong thuốc men.

Theo giáo huấn đã được cập nhật của Kitô giáo về việc cầu nguyện và chữa lành, chúng ta nên ghi nhớ lời dặn dò của thánh Gia-cô-bê đầu không nằm trong chủ đề bí tích hoặc tác vụ tư tế. *«Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ hãy cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người đó được Chúa nâng dậy... Anh em hãy cầu nguyện cho nhau để được chữa lành»* (Gc 5,14- 16).

Chúng ta đừng quên rằng Thánh Thần cũng chính là sự xức dầu sống động của Thiên Chúa, qua đó Đức Giêsu vẫn tiếp tục hoạt động.

## **Lễ Hiện Xuống trong phụng vụ và đời sống**

Chúng ta sẽ còn bàn về nghi thức của những bí tích khác để thấy vai trò nổi bật của Thánh Thần trong đó. Nhưng ở đây chúng ta nêu lên một số nội dung nổi bật nhằm giúp chúng ta nắm bắt được sự hiện diện sâu xa của Thánh Thần và hiểu được rằng Giáo Hội thiết yếu được xây dựng trên phép Thánh Thể và trên Lễ Hiện Xuống. Quả thật, lễ Phục Sinh và lễ Hiện Xuống chỉ là một thực tại duy nhất. Dựa vào sự thâm nhập lẫn nhau này, chúng ta phải đón nhận lễ Hiện Xuống như là đỉnh cao của chu kỳ mùa Phục Sinh và phải mở lòng ra đón nhận tác động của Thánh Thần mà phụng vụ thật long trọng của lễ Hiện Xuống khai mở.

Lời nguyện mở đầu khai mạc thánh lễ Hiện Xuống có tầm bao quát hiếm thấy:

*«Lạy Cha, hôm nay nhờ mầu nhiệm Hiện Xuống Cha thánh hóa Hội Thánh Cha nơi mọi dân mọi nước, xin thương rải muôn ơn Thánh Thần xuống trên khắp hoàn cầu, và xin tiếp tục nơi tâm hồn các tín hữu công việc tình yêu mà Cha đã thực hiện vào lúc bắt đầu việc rao giảng Tin Mừng».*

Và lời nguyện kết lễ như sau:

*«Ước gì hơi thở của lễ Hiện Xuống luôn hoạt động ngày càng mạnh mẽ. Ước gì bữa ăn được Thánh Thần thánh hóa làm cho thế giới tiên gần ơn cứu độ».*

Cũng nên suy niệm câu đáp ca tuyệt vời này: *«Lạy Chúa Thánh Thần xin hãy đến»*, mỗi chữ đều nói lên thần học về cầu nguyện với Thánh Thần, diễn đạt sâu sắc chứng nghiệm của các nhà thần bí và của các vị thánh.

Cuối cùng, ngoài phụng vụ và ơn ích của phụng vụ trong đời sống, chúng ta cần tái khám phá ngọn lửa của lễ Hiện Xuống, ánh sáng và hơi ấm của Thánh Thần để đẩy lên đà yêu thương huynh đệ trên thế giới.

Liên kết phép Thánh Thể với Thánh Thần đồng nghĩa với công bố Kitô giáo là tôn giáo của tình yêu. *Người Kitô hữu không chỉ được mời gọi yêu thương anh em hết sức mình, mà còn phải yêu thương họ bằng trái tim của chính Thiên Chúa nữa.* Yêu kẻ khác “vì” yêu Chúa chưa đủ: phải yêu kẻ khác “bằng” chính tình yêu của Chúa. Dẫn tình yêu thuần túy phát sinh từ cảm xúc nhân loại<sup>9</sup> cũng rất đáng kính phục, nhưng tình yêu Kitô giáo chân thực (hay bác ái) lại bắt nguồn từ Thiên Chúa. Để trải nghiệm sự trung thực về bản chất Kitô hữu của mình, Thiên Chúa mong ước chúng ta yêu thương con người và thế giới trong chính sức mạnh của tình yêu Ngài, đó là Thánh Thần. Và về phía thế giới bên ngoài, người ta tìm một dấu chỉ khả tín về tình yêu nơi các Kitô hữu chúng ta; dấu chỉ ấy là lối yêu thương vượt lên trên cách đánh giá thông thường của người trần. Khi nói về những người vô thần và những lỗi lầm của chúng ta

---

<sup>9</sup> la philanthropie

đôi với họ – lỗi lầm mà Công Đồng đã nhìn nhận trong Hiến Chế «*Vui Mừng Và Hy Vọng*» – người ta có quyền đặt câu hỏi: «*Nếu những người vô thần tự suy ra những ý niệm sai lệch về một vị Thiên Chúa mà người Kitô hữu chúng ta lẽ ra phải trình bày như là tình yêu, thì như thế không phải do lỗi chúng ta hay sao?*». Trái lại, khi người Kitô hữu trung thành với những đòi hỏi của đức tin, thì từ nơi người ấy sẽ toát ra một sức lôi cuốn lạ lùng.

Ngày nọ, một người mới gia nhập Kitô giáo đã nói lên lý do khiến ông gắn bó với Giáo Hội; những lời nói thâm sâu lạ thường: «*Tôi tin rằng ở đâu có tình yêu cao cả nhất thì ở đó có chân lý lớn lao nhất*». Giáo Hội sống bằng mầu nhiệm Thánh Thể và mầu nhiệm Hiện Xuống. Công cuộc canh tân của Giáo Hội tùy thuộc vào nỗ lực Kitô hữu sống mầu nhiệm tình yêu hai chiều kích nhưng vốn chỉ là một ấy. Tất cả chúng ta phải chứng tỏ điều ấy bằng đời sống thực tế của mình.

Đề lôi kéo chúng ta chú ý đến sự kiện Thánh Thần vẫn đang hoạt động trong Giáo Hội, việc canh tân phụng vụ giúp chúng ta ý thức sống động hơn vai trò và chỗ đứng của chúng ta trong tôn giáo. Điều mới mẻ về Thánh Thần chẳng có gì khác hơn sự hiện diện trung thành và luôn tác động của Thiên Chúa giữa chúng ta. Thánh Thần giúp chúng ta sống kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa trực tiếp nơi con người và lịch sử. Kinh nghiệm này là cốt tủy của Kitô giáo. Điều này đưa chúng ta vào chương kế tiếp.<sup>10</sup>

---

<sup>10</sup> Trong *Mysterium Salutis* quyển 13, Paris, Du Cerf, 1973, chương 12: ‘L’événement Jésus Christ, action de l’Esprit Saint’ tr. 183



## Chương IV

# THÁNH THẦN và CHỨNG NGHIỆM VỀ THIÊN CHÚA

*Thánh Thần sự thật, đáng mà thế gian  
không thể đón nhận vì thế gian không thấy  
và cũng chẳng biết Người. Còn anh em biết Người,  
vì Người luôn ở giữa anh em và ở trong anh em.*

Ga 14,17

Sự hiện diện của Thánh Thần không chỉ là tín lý. Truyền thống của Giáo Hội coi sự hiện diện của Thánh Thần như một chứng nghiệm sống thực, được biểu lộ dưới nhiều hình thức không ngừng đổi mới.

Để xác định đúng vai trò của những chứng nghiệm đa dạng ấy, chúng ta cần tìm hiểu xem Thiên Chúa có thể tự tỏ mình ra cho thế gian hay không, và sự việc ấy có ý nghĩa gì.

Trong quyển *L'expérience chrétienne*, Jean Mouroux đã viết rất đúng:

*«Vấn đề chứng nghiệm Kitô giáo được đặt ra cho mọi thứ triết học về tôn giáo và mọi thứ thần học. Vì đó là vấn đề thiết yếu đối với người có tôn giáo. Người có tôn giáo muốn tiếp xúc với Thiên Chúa, muốn thấy, muốn sờ đụng, muốn cảm nhận Ngài. Họ đưa tay ra sờ soạng như một người mù hy vọng tìm được Ngài (Cv 17,27). Chứng nghiệm về Thiên Chúa là vấn đề đương nhiên phải đặt ra khi thực hành và suy tư tôn giáo. Và chắc chắn đó còn là vấn đề đặt ra một cách gay gắt hơn cho lương tâm Kitô hữu».*<sup>11</sup>

Trước khi đi vào việc mô tả một chứng nghiệm nào đó về Thánh Thần, đầu chúng

---

<sup>11</sup> JEAN MOUROUX, *L'Expérience chrétienne. Introduction à une théologie*, Paris, Aubier 1925, trang 5.

những trải nghiệm thuộc loại nào, chúng ta cần can đảm quên đi ngôn ngữ quá trừu tượng để nói theo lối đơn sơ trực tiếp của cảm nghiệm cụ thể của mình.

## 1. Giới trẻ và chứng nghiệm về Thiên Chúa

Đức Cha Huyghe có viết:

*«Giới trẻ có được đức tin không phải nhờ nghe dạy về các tín điều mà do chứng nghiệm thân thiết của họ về vị Thiên Chúa của Đức Giêsu Kitô; họ chứng nghiệm một cách cụ thể, và diễn tả theo cách nói của họ. Kinh nghiệm đó có thể kiểm chứng nơi cuộc sống chân thực cụ thể cũng như nơi sức thấm nhập của Kinh Thánh. Ngày nay, đức tin cần phải được cảm nhận một cách chân thực, được biểu lộ, được thể hiện trong cuộc sống cầu nguyện và chia sẻ. Đức tin là một biến cố, là một cuộc gặp gỡ».*

Và lại, ngay từ nguyên thủy, đức tin vốn là như thế.

Không phải chân lý về Đức Giêsu mà là chân lý của Đức Giêsu mới là nền tảng cho những gắn bó, những cuộc gia nhập vào Kitô giáo. Đức tin trước tiên phát sinh từ sự gặp gỡ cá nhân với Đức Giêsu. Giáo huấn là điều cần thiết, nhưng trong cuộc sống linh động của đức tin, ưu tiên là gặp gỡ.

Về chủ đề này, giới trẻ có điều để nói với chúng ta. Họ đáng được chúng ta nghe: sự phản kháng đến độ triệt để của họ ép buộc chúng ta phải suy nghĩ.

Qua những khiếm khuyết và hồ đồ của thế giới chung quanh, giới trẻ cố tìm nơi Đức Giêsu một cái gì đó để hy vọng, để giải thoát họ khỏi những hình thức nô lệ hiện nay, và để hít thở không khí tự do bên trên bầu khí đạo đức ô nhiễm của thời đại.

Robert Kennedy có lần nói với giới trẻ đất nước mình:

*«Thảm kịch của giới trẻ Mỹ chính là họ có đủ mọi thứ trừ một điều duy nhất, mà điều ấy lại là điều thiết yếu».*

Điều thiết yếu ấy chính là lẽ sống tối thượng của họ.

Giới trẻ cảm thấy điều ấy, dù chỉ mơ hồ. Tuy nhiên để giới trẻ khám phá ra Đức Giêsu Kitô là lẽ sống tối thượng, chúng ta phải cho họ một Tin Mừng nguyên vẹn, được sống một cách tràn đầy. Giờ nghiêm trọng đã đến với Giáo Hội: thế kỷ 19 Giáo Hội đã đánh mất giới trẻ thục truyền, liệu thế kỷ 20 Giáo Hội có nguy cơ đánh mất giới trẻ hay không?

## 2. Thử nghiệm và chứng nghiệm

Không phải chỉ có giới trẻ mới muốn «cảm nghiệm» Thiên Chúa. Niềm khao khát mơ hồ này đã ăn sâu trong trái tim con người.

Người ta phản bác rằng tình trạng ấy hẳn xảy ra vào thời thánh Âu-Tinh. Thời ấy ngài có thể viết: «Lạy Chúa, Chúa đã tạo dựng chúng con để hướng về Chúa, và tâm hồn chúng con khắc khoải mãi cho đến khi được nghỉ an trong Chúa». Chứ hôm nay, thế giới tục hóa và chủ hướng của khoa học đã khai trừ Thiên Chúa, xem đây như một giả thiết vô ích. Khoa học đã loại Thiên Chúa ra khỏi lãnh vực kinh nghiệm có thể kiểm chứng (= thử nghiệm). Con người hiện đại cho rằng chỉ có những gì kiểm chứng được mới đúng là sự thật : “chân lý nay

là kiểm nghiệm”<sup>12</sup>. Thiên Chúa nằm nơi nào tại các bài tính trong máy điện tử của chúng ta ngày nay?

Bằng những dòng sau đây, Jean Mouroux mô tả rất rõ bầu khí của thời đại:

«... Và lại, tâm thức hiện đại càng làm cho vấn đề này khẩn thiết hơn bao giờ hết. Thời nay là thời thử nghiệm ngự trị, vì đó là thời đại của các cuộc kinh nghiệm. Con người biến đổi vũ trụ, nắm được sự sống trong tay, nghiền nát không thương tiếc chất “người” của mình, sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật kỳ dị chưa từng có, truy tìm hứng cảm tâm linh theo đủ mọi hướng, bạo lực, hỗn loạn, đồi bại, tất cả những thứ ấy dìm chúng ta vào một đồng chứng nghiệm tạp nham. Và khi con người hiện đại quay về với Kitô giáo chính là để hỏi tôn giáo này: “Mi có thể mang lại cho ta chứng nghiệm quý báu nào?”»<sup>13</sup>

Để trả lời câu hỏi này, không nên quên rằng chữ «*kinh nghiệm*»<sup>14</sup> có thể áp dụng cho nhiều thực tế khác nhau. Các triết gia phân biệt chứng nghiệm (*expérientiel*) và thử nghiệm (*expérimental*).<sup>15</sup>

Thuật ngữ «*chứng nghiệm*» muốn nói đến một tri giác sống động, một nhận thức về cái cụ thể, không nên lẫn lộn từ này với thành ngữ “*thử nghiệm*” trong các phòng thí nghiệm. Kinh nghiệm về Thiên Chúa thuộc trật tự chứng nghiệm, trật tự này không mâu thuẫn với trật tự thử nghiệm nhưng siêu vượt lên trên và nằm trên một bình diện khác.

Cám dỗ căn rễ của người theo chủ nghĩa duy khoa học là giản lược cái thật vào những gì nắm bắt được bằng phương pháp tiếp cận riêng và giới hạn của khoa học, và quên rằng một số thực tại vượt khỏi tầm của dao mổ và viễn vọng kính. Những nhà thông thái đích thực – thường rất khiêm tốn về mặt khoa học – đều biết rõ điều này.

Nhiều người chứng thực rằng đức tin của họ được nâng đỡ nhờ một chứng nghiệm mà họ trải qua trong cuộc sống, và đức tin họ càng trưởng thành thì Thiên Chúa càng hành động cách cụ thể và tích cực hơn trong sinh hoạt hàng ngày của họ.

Chúng ta chẳng cần đưa ra đây nhiều thứ chứng từ làm gì, chỉ cần thấy được điểm đồng quy của những chứng từ đó. Đối với họ, cũng như đối với chúng ta, đức tin thường được sống, được lãnh nhận rồi mới trở thành công thức. Và nhờ chứng nghiệm về Thiên Chúa, ta thật sự ý thức về đức tin, và đức tin từ từ bám rễ trong cuộc sống chúng ta.

Muốn đi sâu vào các bí mật của thiên nhiên, cần có những dụng cụ tối hảo và chính xác. Cũng vậy, muốn đi sâu vào các bí mật về sự hiện diện ẩn kín của Thiên Chúa nơi chúng ta và trong lịch sử nhân loại, cần có một năng lực vượt trên sức lực riêng của chúng ta, một thứ ánh sáng xuyên thấu thể giới vô hình nhờ những tia sáng nhạy cảm hơn tia hồng ngoại của chúng ta. Quyền năng ấy, ánh sáng ấy chính là Thánh Thần, «*Đấng duy nhất thăm dò được chiều sâu của Thiên Chúa*». Sự mạng của Thánh Thần không phải là tự mặc khải mình mà là mặc khải Đức Giêsu, Con duy nhất của Thiên Chúa. Nơi mỗi Kitô hữu, Thánh Thần luôn trung thành với sự mạng ấy của Ngài. Như một ánh sáng từ bên trong, Ngài từng bước đồng hành với chúng ta trong hành trình đức tin. Nắm bắt được hành động của Thiên Chúa và gặp gỡ Ngài thường không chỉ là một chứng nghiệm đơn giản như bao chứng nghiệm khác. Đó là một chứng nghiệm cần được giải thích bằng đức tin. Một chứng nghiệm mà thiếu đức tin thì không thể là một chứng nghiệm về Thiên Chúa. Nếu không có Thánh Thần, không ai nói được rằng «*Đức Giêsu là Chúa*» (1Cr 12,3).

---

<sup>12</sup> “verity is verification”

<sup>13</sup> JEAN MOUROUX, *sách đã dẫn*, trang 6.

<sup>14</sup> l’expérience

<sup>15</sup> Xem FR. GRÉGOIRE, ghi chú về các thuật ngữ «*trực giác và kinh nghiệm*», *Revue philosophique de Louvain*, quyển 44 (1946), trang 411-455. Tác giả phân biệt bốn ý nghĩa của từ *chứng nghiệm* (experientiel). Ý nghĩa chung cho cả bốn nội dung là nhận thức trực tiếp các sự vật cụ thể hay còn gọi là nhận thức «*sống*», ngược với loại nhận thức trừu tượng, cô lập, và một cách nào đó, tách biệt với sự sống.

### 3. Đức tin và chứng nghiệm

Toàn bộ vấn đề đặt ra ở đây là sự dung hòa. Làm sao người ta có thể dung hòa được giữa chứng nghiệm về Thiên Chúa và đức tin, khi đức tin vốn được định nghĩa là sự gắn bó trong đêm tối với điều mình không trông thấy và chỉ biết cậy dựa vào Lời của Thiên Chúa mà thôi. Có thể nào vừa phó thác cho Thiên Chúa như nhảy tòm xuống nước, lại vừa cảm thấy an tâm như hai chân đứng vững trên mặt đất hay không?

#### *Tương phản?*

Đức tin và chứng nghiệm không phải là những thực tế tương phản sao? Có thể hòa hợp trong lòng mình giữa đêm tối của đức tin với ánh sáng của những vì sao không?

Thoạt nhìn, ta thấy đức tin và chứng nghiệm có vẻ như loại trừ nhau. Theo định nghĩa, đức tin là sự gắn bó với Thiên Chúa, Đấng tự mặc khải và mời gọi chúng ta đón nhận Lời Ngài là chân lý đem lại sự sống, vì Lời ấy đáng tin và vì chính mẫu nhiệm bao trùm Lời ấy. Làm sao ta có thể xé bỏ bức màn che Đền-thờ và tiến vào cung thánh mà không phạm đến chốn linh thiêng?

Chẳng phải Kinh Thánh đã dạy chúng ta rằng «*người công chính sống bởi đức Tin*» và Đức Giêsu đã công bố «*phúc cho ai không thấy mà tin*» sao? Và lại, toàn bộ truyền thống thiêng liêng của Giáo Hội kêu gọi chúng ta đừng làm lẫn giữa đức tin đích thực và nhận thức chúng ta có về đức tin. Tin bằng một đức tin thực sự là một chuyện, còn cảm thấy có tâm tình đức tin lại là chuyện khác. «*Tôi tin! nhưng xin đến cứu giúp lòng tin còn ít ỏi của tôi!*» (Mc 9,24). Tiếng kêu than này của người cha xin Đức Giêsu chữa bệnh cho con ông nói lên một thái độ không phải hiếm thấy nơi các môn đệ. Chúng ta đựng bấu vật trong những bình dễ vỡ. Nếu không nói là muốn lấy kinh nghiệm để thay thế đức tin, - điều mà không ai chủ trương-, thì ít nhất cũng muốn làm suy yếu đức tin khi cố tìm một điểm tựa bên ngoài lấy cố là để củng cố đức tin ấy, làm như thế không phải là có thể hủy hoại đức tin Kitô giáo hay sao?

#### *Chủ quan?*

Hơn nữa, cứ cho rằng đức tin và chứng nghiệm về Thiên Chúa tương hợp nhau, thì như thế không phải là lẫn lộn tính khách quan nhất thiết của nhận thức sự vật với đức tin thuộc chủ thể tính của lương tâm hay sao? và như thế không phải là quên đi ý muốn cá nhân dẫn thân tin tưởng đạo lý của đức tin, tiếp nhận các chân lý do Thiên Chúa mặc khải và Giáo Hội bảo đảm hay sao?

Về điểm cuối này, chúng ta cần giải đáp ngay tình trạng hàm hồ của vấn đề nêu lên.. Đừng bao giờ quên rằng từ bản chất, đức tin là sự gắn bó, không phải với toàn bộ các tín điều, mà với chính Thiên Chúa, Đấng tự mặc khải mình. Đức tin chính là sự gặp gỡ sống động với vị Thiên Chúa hằng sống; nó được diễn tả trong lòng Giáo Hội, ngay bên trong một chứng nghiệm. Tín lý là sự diễn tả hoặc định nghĩa chung chứng nghiệm về Thiên Chúa đã được các Tông Đồ và cộng đoàn Kitô hữu sống và truyền đến chúng ta. Trong thư thứ nhất của thánh Gioan, ngài nói với chúng ta rằng chính ngài và các Tông Đồ khác xác nhận rằng: «*Điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng, và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống. Quả vậy sự sống đã được tỏ bày, chúng tôi đã thấy và làm chứng*» (1Ga 1,1-2).

Chứng nghiệm về Đức Giêsu nhất thiết phải có trước việc xác định chứng nghiệm ấy. Thánh Tôma Aquinô, một nhà thần học không hề bị nghi ngờ là chống lại lý trí, lập lại rằng đối tượng của đức tin không phải là những phát biểu lý thuyết về Thiên Chúa mà là chính Thiên Chúa, được nhận biết và yêu mến trong một mối tương quan thân thiết.

Tín lý rất quan trọng vì nhiều lý do; mà một trong những lý do là vì nó được sử dụng

như một bảo đảm khách quan đối với cộng đồng Kitô giáo để xác định sự chân thực của mọi chứng nghiệm cá nhân; chứng nghiệm này không bao giờ được mâu thuẫn với tín lý. Nhưng tín lý vốn đề nói đến các chân lý về Đức Kitô, hẳn nhiên nó phải bắt nguồn từ một chứng nghiệm của một cuộc gặp gỡ. Về các chân lý liên quan đến Chúa Thánh Thần cũng như thế. Kitô hữu thời Giáo Hội nguyên thủy trước hết đã sống chứng nghiệm về Thánh Thần – và chứng nghiệm hết sức là thân thiết! – trước khi thiết định thành tín điều về Chúa Thánh Thần mãi tới ba thế kỷ về sau. Đối với họ, đón nhận Thánh Thần và chứng nghiệm Ngài hoàn toàn đồng nghĩa.

### *Đi quá trớn*

Chiều kích chứng nghiệm của Kitô giáo trong Tân Ước đã bị đẩy đến cực đoan trong một vài thuyết về sự thánh hóa; các lý thuyết này đi quá trớn khi đề cập đến vai trò của chứng nghiệm. Những người theo phái Giăng-sen<sup>16</sup> cố tìm chứng nghiệm về tiền định. Những người theo thuyết tĩn tại<sup>17</sup> tìm cách chứng nghiệm sự thụ động hoàn toàn về mặt thiêng liêng. Những người theo trào lưu tân-thời<sup>18</sup> thì muốn xác định yếu tính của Kitô giáo nằm trong những chứng nghiệm đời sống hơn là nằm trong Kinh Tin Kính. Trong Tin Lành giáo, Schleiermacher cũng cố suy một thứ tôn giáo mang tính tình cảm lãng mạn, còn William James thì biến chứng nghiệm tôn giáo thành một thứ thẩm quyền nội tâm tự tại - tự túc.

Vì muốn đề phòng những quá đáng này nên huấn quyền Giáo Hội đã nhấn mạnh đến khía cạnh khách quan của tôn giáo, về mặt lý thuyết cũng như mặt bí tích.

Tuy nhiên, việc đề phòng những lạm dụng không thể được hiểu là coi nhẹ ý nghĩa và vai trò của chứng nghiệm tôn giáo trong một Kitô giáo chân thực. Nhất là vì tôn giáo này ngỏ lời với con người toàn diện vốn không phải thuần tinh thần, cũng không phải là linh hồn không có thể xác đi kèm, mà là một hữu thể toàn vẹn đang thấy, đang cảm, đang chiêm ngưỡng và hành động.

Và lại, việc đưa chứng nghiệm vào đời sống tâm linh trong Kitô giáo nằm trong sự tiếp nối liên tục với Cựu Ước. Đối với tín đồ Do Thái giáo, biết Thiên Chúa nghĩa là chứng nghiệm Thiên Chúa. Theo khoa nhân học thánh kinh<sup>19</sup> chỉ có một con đường để đi đến nhận thức là con đường của chứng nghiệm. Luật này cũng đúng trong việc đến với Thiên Chúa. Người Do Thái chỉ biết Thiên Chúa qua chứng nghiệm lịch sử cụ thể mà họ có về Ngài. Họ không hề biết đến những suy lý trừu tượng và siêu hình của chúng ta về bản tính và thuộc tính của Thiên Chúa. Họ biết Giavê vì họ đã từng chứng nghiệm về hành động cứu độ của Ngài: Chẳng phải Ngài đã dẫn họ ra khỏi Ai Cập để vào miền đất hứa đó sao? Kinh nguyện Do Thái luôn ám chỉ đến chứng nghiệm này. Thiên Chúa tỏ mình cho họ trong lịch sử, và lịch sử Israel gắn liền với lời cầu nguyện của họ.

*«Dân tôi hỡi, nghe lời tôi dạy bảo ...  
Mở miệng ra, tôi sẽ nói đôi lời huấn dụ  
Công bố điều huyền bí thưở xa xưa  
Điều chúng tôi đã từng nghe từng biết  
Do cha ông kể lại cho mình  
Chúng tôi chẳng giấu gì con cháu cả  
Sẽ tường thuật cho thế hệ mai sau  
Sự nghiệp lẫy lừng, quyền uy của Chúa  
Với những kỳ công Chúa đã làm».*

(Tv 78,1-4)

<sup>16</sup> le jansénisme

<sup>17</sup> le quíétisme

<sup>18</sup> le modernisme

<sup>19</sup> l'anthropologie biblique

### **Bảng ngôn ngữ Thánh Kinh**

Hơn nữa, mối liên kết giữa chân lý và chứng nghiệm nổi bật lên trong quan điểm của Thánh Kinh về chân lý. Walter Kasper lưu ý chúng ta điều này:

*«Người Hy-Bá-Lai chẳng quan tâm đến những gì hiện hữu mà quan tâm đến những gì xảy đến mà họ chứng nghiệm được một cách cụ thể... Sự vật và con người chỉ bên vững nếu ăn khớp với sự mong đợi, và biện minh được niềm tin cậy mà họ trông chờ... Nên chân lý được thực hiện và luôn luôn tỏ lộ ra trong thời gian. Điều quan trọng là cái gì đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra, chứ không phải “do suy tư để biết” là tự bản tính, là như thế hoặc phải như thế... Cái gì mặc lấy lịch sử thời gian, xảy ra thật, sẽ đến thì mới là thật...»<sup>20</sup>*

Sự kiện đó không làm cho mọi chân lý trở thành tương đối ; siêu hình học vẫn giữ được các giá trị của nó. Tuy nhiên, những nhận xét này đưa chúng ta vào trong cái nhìn của Kinh Thánh.

Trong Cựu Ước, sự hiện diện tác động của Thiên Chúa được quan niệm như nằm bên ngoài con người. Còn trong Tân Ước, sự hiện diện ấy được nhận biết từ bên trong. Chính hành động thâm nhập của tình yêu của Thiên Chúa trong linh hồn giúp ta nhận ra bằng đức tin sự hiện diện của Ngài: *«Ai tin vào Con Thiên Chúa thì có lời chứng ấy nơi mình»* (1Ga 5,10). Theo quan điểm này, chúng ta hiểu rõ hơn câu nói của Đức Giêsu: *«Ai thực thi chân lý thì hãy đến với ánh sáng»*. Đức tin và chứng nghiệm về Thiên Chúa gắn bó với nhau: chúng ta phải chấp nhận rằng hai sự kiện nhất thiết bổ túc lẫn nhau.<sup>21</sup>

Những điều ấy xác minh vai trò và giá trị của chứng nghiệm tôn giáo đích thực. Nhưng đáng tiếc là có chứng nghiệm tôn giáo giả mạo. Giáo Hội biết rõ tình trạng ấy nên có lý do để cảnh giác chủ trương chủ-quan-thuyết thỉnh thoảng vẫn đe dọa sự toàn vẹn của đức tin.

### **Thuyết thiên khai**

Lịch sử thuyết thiên khai về tôn giáo thật dài dòng ở trong cũng như ngoài Giáo Hội Công Giáo.

Ngay từ thế kỷ thứ hai, thuyết<sup>22</sup> Montanus – mà Tertulianô là nhân vật tiêu biểu nổi tiếng nhất – chủ trương dựa vào những mạc khải mới mẻ và loan báo ngày tận thế bằng một thứ ngôn ngữ xuất thần và hoang tưởng.

Thời Trung Cổ, một người tên là Joachim de Flore loan báo rằng người ta đã bước vào thời đại thứ ba của thế giới, là thời đại của Thánh Thần. Ông khai triển triết đề vai trò của Thánh Thần, và trình bày Ngài là Đấng tiếp tục thời đại của Chúa Cha (Cựu Ước) và thời đại Chúa Con (Tân Ước). Giáo Hội chỉ bài bác sự gián đoạn và các thời kỳ nối tiếp theo lối trình bày ấy.

Trong lịch sử Giáo Hội, có nhiều dòng tu lúc khởi thủy như đồng hóa với các phong trào ngụy thần bí, nhưng đã cố vượt thoát để tìm ra cho mình một hướng đi trong lòng Giáo Hội. Nhiều chuyện đáng tiếc xảy đến cho họ là do sự lẫn lộn ấy. Thế kỷ nào cũng chứng kiến sự quá đà của các phong trào giả thần bí thuộc loại tinh tại hay khai thị.

Các Giáo Hội Tin Lành cũng thường xuyên đương đầu với những phong trào hồi sinh dựa trên những thị kiến Thánh Kinh theo kiểu bảo căn cực đoan<sup>23</sup> hoặc dựa trên những chứng nghiệm bên lề truyền thống hoặc không hợp với truyền thống. Tác phẩm của Ronald Knox bàn về *«những người hưng khởi»* qua các thế kỷ vẫn mang giá trị cảnh báo cho bất cứ ai bị

<sup>20</sup> WALTER KASPER *«Dogme et Évangile»* Nxb Casterman, 1967, trang 63-65

<sup>21</sup> Xem KILIAN Mc DONNEL, osb., «I believe that I might experience» trong *Continuum*, vol.5, n.4, 1968.

<sup>22</sup> le montanisme

<sup>23</sup> le fondamentalisme

cám dỗ bỏ qua óc phê phán vốn rất cần thiết.<sup>24</sup>

### *Chứng nghiệm và đời sống Kitô hữu*

Mặc dù những lệch lạc lúc nào cũng có thể xảy ra, Đức Giêsu vẫn không hề loại bỏ chứng nghiệm tôn giáo ra khỏi đời sống Kitô hữu.

Chúng ta không đề cập ở đây chứng nghiệm thần bí, vốn là một thứ chứng nghiệm thuộc loại đặc biệt. Người ta biết rằng các thần học gia bàn luận xem chứng nghiệm ấy có phải là kết quả bình thường của một đời sống Kitô hữu triển nở hay không. Ở đây chúng ta chỉ nói đến chứng nghiệm thông thường về Thiên Chúa. Chưa bao giờ Đức Giêsu trình bày sự khô khan thiêng liêng như là qui luật bình thường của cuộc sống. Tuy nhiên, con đường của thánh Gio-an Thánh Giá hay của thánh nữ Tê-rê-sa A-vi-la là một con đường đặc biệt, các ngài được Thiên Chúa thanh luyện để đi vào chiều sâu thần bí bằng cách cho các ngài trải qua đêm tối của giác quan và tinh thần. Còn con đường được gọi là «chung», bình thường và thông thường của mọi người Kitô hữu cùng đồng hành với Thiên Chúa là một con đường khác.

Tin Mừng đi sâu vào cuộc sống con người: Đức Giêsu biết rõ tâm hồn con người. Lần đầu tiên gặp Na-ta-na-en, để đưa ông ta vào cuộc, Đức Giêsu nói với ông là Ngài đã trông thấy ông dưới gốc cây vả. Na-ta-na-en sửng sốt vì cảm nghiệm được rằng Đức Giêsu quan tâm đến ông cách riêng. Còn Đức Giêsu thì hứa với Na-ta-na-en rằng ông ta sẽ còn trông thấy nhiều điều lớn lao hơn ( Xem Ga 2,45-41).

Hiển nhiên đối với Đức Giêsu, đêm tối của đức tin mà Ngài muốn chúng ta trải qua không phải là một đêm tối dày đặc, không trăng sao. Chúng ta cần nghiêm túc để ý đọc từng chữ những lời hứa của Đức Giêsu rải rác trong Tin Mừng.

Ngài đã hứa ban cho các môn đệ «*sự bình an mà thế gian không biết đến, không ai có thể ban cho và cũng không ai có thể cướp đi được*» (Xem Ga 14,27; 16,22).

Đức Giêsu không hứa với các môn đệ Ngài rằng họ sẽ tránh được đau khổ; thậm chí nhiều lần Ngài còn nhấn mạnh họ phải vác Thánh giá đi theo Ngài, và Ngài chuẩn bị cho họ dựng đầu với việc ấy. Tuy nhiên Ngài hứa ban cho họ niềm vui và bình an ngay khi chịu đau khổ, điều này quả hết sức khác biệt. Đó chính là sự thanh thân mà sau này những kẻ theo Ngài sẽ chứng nghiệm. Họ sẽ xác nhận bằng chứng nghiệm sống câu Ngài nói: «*Ách của tôi thì êm ái, gánh của tôi thì nhẹ nhàng*» (Mt 11,30). Họ cũng cảm nhận được chân lý trong những lời hứa khác của Ngài: «*Ai yêu mến Thầy, Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy và Thầy cũng sẽ yêu mến và tỏ mình ra cho Người ấy*» (Ga 14,21).

Nhân tiện tôi xin lưu ý: để xác nhận những lời hứa ấy đã được thực hiện, chẳng cần trưng dẫn nhiều biểu hiện của Thiên Chúa làm gì. Chỉ cần một biểu hiện được cảm nhận một cách sâu sắc cũng đủ giúp ta chứng nghiệm được sự hiện diện của Thiên Chúa, giống như chỉ cần một tia nắng cũng đủ để ta thấy được sự chói sáng của mặt trời. Điều này nằm trong tầm nhận thức của mọi người: đâu cần phải định nghĩa thế nào là năng lượng mặt trời mới cảm nhận được sức nóng của nó.

Toàn bộ đời sống của Giáo Hội nguyên thủy là lời chứng cho việc thực hiện những lời hứa của Đức Giêsu. Sách Công Vụ Tông Đồ đặc biệt ghi lại những biểu hiện của Thiên Chúa xem ra nổi bật phi thường vì tính cách đoàn sủng của chúng; nhưng Thánh Kinh cho thấy những biểu hiện Thiên Chúa hiện diện trong đời sống thường ngày.

Thánh Phaolô nói nhiều về những hoa trái của Thánh Thần. Những hoa trái ấy, người ta như sờ mó được, cảm nhận được, hưởng nếm được như những dấu chỉ sự hiện diện đích thực của Thánh Thần. Ngài nói với người Ga-lát: «*Hoa quả của Thánh Thần là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ*» (Gl 5,22-23).

<sup>24</sup> R. A. KNOX, *Enthusiasm, A chapter in the history of religion*, Nxb Claderon Oxford (lần thứ 5))

Đó là những dấu chỉ, những bằng chứng thử nghiệm tính chất chân thực Kitô giáo. Chắc chắn Thánh Thần không ngừng làm phát sinh những dấu chỉ ấy trong tất cả những tâm hồn biết mở lòng ra tiếp nhận Ngài, dấu họ có biết tên Ngài hay không. Trong các lời kinh phụng vụ có câu: «*Tình yêu Ngài chiếu toả trên chúng ta như mặt trời chính ngọ*». Kitô hữu trung thành với Thánh Thần sẽ cảm nghiệm nơi mình một sức sống dào dạt và cảnh giới cao đẹp của tình yêu, hoan lạc và an bình...; nếu biết nhìn thì đó là dấu chỉ của một sự hiện diện sâu kín, chẳng khác gì ngọn đèn nơi cung thánh dẫn lối Nhà Tạm.

\* \* \*

Trong đường hướng suy tư theo Tin Mừng, phụng vụ mời gọi chúng ta cầu nguyện để được ơn thật sự yêu thích những điều Thiên Chúa truyền dạy ta làm. Chúa biết chúng ta cần có bình an và niềm vui nội tâm để có thể đồng hành tốt đẹp với Ngài.

Tại Bắc Âu, những vết tích của phái Giăng-sen vẫn còn gây tổn thương; dấu vết của họ chưa hoàn toàn bị xoá. Tại Hoa Kỳ, một ngày nọ, để làm cho bầu khí hội nghị vui tươi lên, ông chủ tịch Hội nghị quốc gia những tín đồ đoàn sủng hệ phái Tin lành cải cách đã dùng lối chơi chữ tiếng Anh giữa từ *chosen* (được chọn) và từ *frozen* (bị đông cứng) khi tuyên bố: «*God told us that we are his “chosen” people, not his “frozen” people*» («Thiên Chúa nói chúng ta là dân “được chọn” của Ngài, chứ không phải là dân “bị đông lạnh”»)

Phụng vụ Giáo Hội dám nài xin Thiên Chúa hãy tỏ mình ra sao cho chúng ta cảm nhận được. Chúng ta xin điều đó một cách thật tự nhiên: «*Lạy Chúa, Chúa đã dùng ánh sáng của Thánh Thần để giáo hóa tâm hồn các tín hữu Ngài, xin cho chúng con cũng được “hưởng nếm” trong chính Thánh Thần ấy những gì thiện hảo, và “vui hưởng” không ngừng những ủi an của Ngài*».

Chỉ cần trích ra đây bài thánh thi Lễ Hiện Xuống: «*Veni Sancte Spiritus*» (Lạy Thánh Thần in hãy đến) hoặc bài «*Jesu dulcis memoria*» (Thật dịu dàng biết bao khi tưởng nhớ Đức Giêsu!) và biết bao lời nguyện khác của các thánh, như thánh Bê-na-đô hay Bo-na-ven-tu-ra, cũng đủ nhận thấy trong lời cầu nguyện của mình, Giáo Hội luôn tha thiết cầu xin Thánh Thần đổ ơn Ngài xuống, kể cả ơn được chia sẻ khổ đau.

Những ghi nhận ngắn gọn trên đủ chứng tỏ chúng ta đang ở trong đường hướng tu đức truyền thống nhất và bảo đảm nhất.

#### **4. Gặp gỡ Thiên Chúa**

Khi nói đến chứng nghiệm về Thiên Chúa, thì dưới mắt một số người, điều đó có nghĩa là thoát khỏi thế gian, chỉ còn hướng về một mình Thiên Chúa thôi, một Thiên Chúa cô độc, cách biệt con người và xa lạ với những vấn đề của con người. Rõ ràng đó không phải là chứng nghiệm về Thiên Chúa của chúng ta, bởi vì chứng nghiệm chân thật không thể có sự cách biệt như thế.

Cởi mở với Thiên Chúa chính là cởi mở với thế giới và với con người được Chúa tạo dựng, yêu thương và thánh hóa. Bước vào tình yêu Thiên Chúa là bước vào chính mẫu nhiệm của một Thiên Chúa yêu thương nhân loại đến nỗi ban cho họ chính Con của Ngài, một Thiên Chúa coi tình yêu tha nhân là trọng tâm của Kitô giáo.

Sau khi xác định điều này, chúng ta hãy trở lại với chứng nghiệm đích thực về Thiên Chúa vốn phải được nhìn nhận như một chứng nghiệm bình thường trong đời sống của mọi Kitô hữu.



### *Chứng nghiệm thông thường và phi thường*

Chúng ta thường thích nói về hai loại chứng nghiệm: phi thường và bình thường. Đây là sự phân biệt theo cung cách suy nghĩ của chúng ta, nó tùy thuộc việc gặp gỡ Thiên Chúa của chúng ta có độc đáo, bất ngờ, có một không hai, hay có khác với cách xảy ra bình thường của sự vật không.

Nhưng đó không phải là phân biệt theo cung cách của Thiên Chúa. Đối với Ngài chẳng có một lần ranh nào giữa bình thường và phi thường cả. Thiên Chúa thanh thân ở trên những ranh giới của chúng ta, chẳng khác gì nét vẽ đơn giản trên một bản đồ quy ước. Nơi Thiên Chúa, điều có vẻ như không thực hóa ra lại là thực.

Thiên Chúa không yêu chúng ta bằng một tình yêu bình thường, rồi thỉnh thoảng lại làm một ngoại lệ bằng một hành vi yêu thương khác thường, vượt mức. Không, tình yêu phi thường của Thiên Chúa gắn liền với hữu thể của Ngài: Thiên Chúa chúng ta là một vị Thiên Chúa tuyệt vời, yêu thương nhân loại một cách kỳ diệu. Những hành vi lạ lùng nhất của tình yêu Ngài – như Nhập Thể, Thánh Thể, Thập Giá – đều vượt qua tất cả những gì ta nghĩ là có thể có thực. Thánh Kinh cho chúng ta biết «*Thiên Chúa quá yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một Ngài*» (Ga 3,16). Cử chỉ lạ thường này tự động phát sinh từ tình yêu quá dư tràn của Ngài.

Theo cách nhìn của người trần gian, một tình yêu như thế khiến chúng ta hết sức sửng sốt. Nó vượt hẳn khả năng tưởng tượng táo bạo nhất của chúng ta, nó buộc chúng ta hiểu rằng Thiên Chúa yêu chúng ta đến độ ban cho chúng ta phép lạ nữa. Đức Giêsu đã nói với các môn đệ Ngài: «*Kẻ nào tin vào Thầy thì cũng sẽ làm được những việc Thầy làm, thậm chí cả những việc lớn hơn*». (Ga 14,12)

Lời hứa như thế không còn gây ngạc nhiên nữa. Điều siêu nhiên đối với con người thì đối với Thiên Chúa lại là điều tự nhiên; tự bản chất Ngài vốn là kỳ diệu. Kinh Tin Kính cô đọng nhất của chúng ta nói: «*Chúng tôi đã tin vào tình yêu*» (1 Ga 4,16). Và nhờ đó, chúng ta mới dám tin vào hiệu quả của lời cầu nguyện, vào hình ảnh Đức Giêsu đang ngỏ lời với Cha Người ngay cả trước khi xin một điều gì: «*Con biết Cha luôn luôn nhận lời Con*» (Ga 11,42). Từ ngữ «*luôn luôn*» này là một phần trong đức tin của chúng ta, ngay cả khi lý trí chúng ta như mù mịt không hiểu gì hết.

Chúng ta phải tìm cách khám phá ra tình yêu phi thường của Thiên Chúa ẩn giấu trong các biến cố có vẻ như ngẫu nhiên nhất. Đức Giêsu đã từng bảo Mác-ta: «*Nếu chị tin, chị sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa*» (Ga 11,40).

Có những lúc chứng nghiệm về Thiên Chúa xuất hiện trong đêm tối đức tin như một tia chớp loé lên giữa đêm đen. Những chứng nghiệm về Thiên Chúa như thế đôi khi không diễn tả hay truyền đạt được, nhưng không phải vì thế mà không có thực hoặc không biến đổi được cuộc sống. Triết gia Bergson từng nói: «*Thiên Chúa dựng nên thế gian và làm cho nó diên đảo chỉ vì để tạo nên các vị Thánh*». Và hành động này vẫn xảy ra liên tục suốt dòng lịch sử Giáo Hội, dù tỏ tường hay âm ý bên trong.

Hành động ấy đã làm Đức Maria phải bối rối khi nghe Thiên Sứ truyền tin, vì bỗng nhiên Mẹ hiểu rằng Mẹ được chúc phúc và tuyển chọn giữa mọi người phụ nữ.

Vào sáng ngày Phục Sinh, hành động ấy được ngụy trang dưới vẻ bề ngoài của người làm vườn để gọi Maria Ma-đa-lê-na bằng tên của nàng.

Hành động ấy nhóm lên lửa nhiệt thành trong lòng hai người khách lữ hành đang nản chí trên đường về Ê-mau.

Hành động ấy nổ vang như một tiếng sét làm mù mắt Phaolô trên đường đi Đamát.

Hành động ấy thì thầm bên tai Âu Tinh bảo «*hãy cảm lấy và đọc*», và lời ấy đã khiến ông hoán cải.

Hành động ấy đã làm một câu Thánh Kinh chói sáng, tựa như mặt trời làm tấm kính

ghép hình màu đang mờ mịt bỗng sáng rực lên, khiến Thánh Phan-xi-cô Át-xi phải hiểu câu ấy nói riêng cho mình: «*Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi*» (Mt 19,21).

Hành động ấy biến thể thành thiên hình vạn trạng tùy theo hoàn cảnh mỗi người chúng ta.

Hành động ấy như ánh sáng từ từ soi sáng hoặc đột nhiên lóe lên cho mỗi người thấy ơn gọi tương lai và sứ mệnh rõ rệt được ủy thác cho mình.

Hành động ấy hàm ẩn trong việc tình cờ gặp một người bạn ở ngã tư đường. Anh ấy đến nói với ta một lời quả quyết giống như A-na-ni-a đã nói với Phaolô. Cuộc gặp gỡ không ai đoán trước được và chứng thực điều mà một tác giả sách thiêng liêng nọ không ngần ngại viết ra: «*Nếu ta cần ai đó nói cho ta một lời cần thiết, thì dù người ấy ở tận cùng trái đất, Thiên Chúa cũng sẽ sai đến với ta*».

Chúng ta có thể gọi là «*việc ngẫu hợp mà xảy ra*», bên ngoài là lớp vỏ của những chuyện không đâu, những trùng hợp và ngẫu nhiên, nhưng đây có khác gì chính Thiên Chúa đang hành động. Chúng là những dụng cụ của một tình yêu tinh tế, diệu kỳ và bền vững tuyệt vời.

Thiên Chúa viết nên những quyển tiểu thuyết phi thường qua những cuộc đời sẵn sàng «*thuận theo sự dàn xếp của Ngài*», những người sẵn lòng đón nhận những điều bất ngờ Ngài gọi tới, luôn chăm chú lắng nghe tiếng thì thầm của ân sủng, những mời gọi của Thánh Thần.

Chúng nghiệm ấy về Thiên Chúa nằm trong tầm với của mỗi Kitô hữu chúng ta; nhưng trong thân phận làm người nơi dương thế, chúng nghiệm này không miễn trừ chén đắng của đau khổ và quyền lực sự dữ. Thế giới này là một bức tranh theo kiểu Rembrandt, phối hợp giữa bóng tối và ánh sáng. Thiên Chúa đến với chúng ta không phải như một quyền năng đè bẹp tự do của con người, nhưng như một tình yêu tinh tế mời gọi một lời đáp trả trong tự do. Văn hào Claudel từng nói: «*Đức Giêsu không đến giải thích hay hủy bỏ đau khổ mà Ngài đến lấp đầy đau khổ bằng sự hiện diện của Ngài*». Lời nói sâu xa này, hẳn không giải thích được mâu nhiệm của bất công và sự ác, nhưng dẫn lối cảm nhận mâu nhiệm ấy trong ánh sáng «*Gôn-gô-ta*», nơi Thiên Chúa cho chúng ta thấy Ngài ở «*về phía chúng ta*» để cùng đương đầu với đau khổ và tội lỗi, và Ngài chấp nhận đau khổ để biến nó thành vật liệu làm nên ơn cứu chuộc.

Việc khám phá ra Thiên Chúa đang ẩn mình giữa đau khổ là một chứng nghiệm sống, đôi khi thật diệu kỳ, của những kẻ đau ốm. Trong đờn đau khôn tả, nụ cười của họ làm chúng ta sáng lên, và vẻ thanh thân của họ làm chúng ta xúc động. Thiên Chúa đang hiện diện ở đó với một danh nghĩa đặc biệt, vì Ngài tự đồng hóa với họ. Chiara Lubich nói một câu thật tuyệt vời: «*Mọi đau khổ đều là Ngài*».

### ***Gặp gỡ cá nhân***

Về phần tôi, tôi xin thú nhận rằng qua nhiều năm tháng, càng ngày tôi càng cảm nhận được sự hiện diện của Thiên Chúa đang hoạt động qua tất cả những gì cao cả từ phía Thiên Chúa và tất cả những gì đơn hèn từ phía tôi. Nhờ nhận ra hành động bao bọc, liên tục và rõ rệt của Ngài, trong tôi liền nảy sinh khúc hát nội tâm đầy tâm tình biết ơn. Điệp khúc của nó giống như một bài Điệp Ca rất trang trọng lễ Giáng Sinh: «*Ôi Sự Khôn Ngoan đã chi phối mọi sự từ đầu đến cuối và an bài mọi sự bằng sức mạnh và dịu dàng!*»

Tôi thích biến tâm tình tri ân này thành một bản kinh cầu khẩn của riêng tôi, trong đó tôi kể ra nào là tên, nào là kỷ niệm, nào là ngày tháng, nào là chuyện trùng hợp này nọ. Trong đó tôi cảm ơn Thiên Chúa vì tôi đã nhận được một lời khuyên vào lúc tôi gặp hoàn cảnh khó xử, vì tôi tình cờ đọc được một cuốn sách đã đem đến cho tôi một sứ điệp, vì một cú điện thoại, một lá thư, một nỗi đau khổ, một niềm khích lệ. Khi ôn lại và tổng hợp tất cả những điều ấy, tôi cảm ơn Thiên Chúa vì đã cảm nghiệm được một niềm vui, một sự bình an mà không ai có thể cướp đi được vì chúng nằm ngoài tầm ảnh hưởng của con người.

Điều đó giống như việc lần chuỗi, các mâu nhiệm Vui, Thương, Mừng nối tiếp và hòa quyện với nhau. Mỗi hạt nói lên sự chú tâm của Thiên Chúa, một dấu chỉ, một cuộc gặp gỡ. Và tôi kết thúc bằng kinh *Sáng Danh*, cảm tạ tình yêu Thiên Chúa luôn ẩn hiện trong mọi giây phút, nơi mỗi khúc quanh của đường đời.

Hình ảnh người thợ săn rình mồi gợi lại trong tôi bài thơ đẹp nhất mà tôi biết, bài «*The Hound of Heaven*» (Cuộc săn lùng trên Thiên Đàng) của Francis Thompson. Mỗi người có thể cảm nghiệm bài thơ ấy một cách khác nhau tùy theo hoàn cảnh riêng cuộc đời mình, nhưng vị Thiên Chúa luôn rình rập để theo đuổi chúng ta như «*kẻ săn lùng trên Thiên Đàng*» bằng tình thương khôn nguôi của Ngài cũng chỉ là một Thiên Chúa đối với mọi người; mỗi quan tâm của Ngài mãi tăng lên đến vô tận, luôn dành trọn vẹn cho từng người; lòng ân cần ấy của Ngài là bầu khí nuôi dưỡng toàn bộ cuộc sống chúng ta.

Mỗi Kitô hữu phải nhìn đời sống mình dưới ánh sáng đức tin. Đức tin ấy là chìa khóa để mở đón Thiên Chúa vào cuộc sống, để phó thác cho Ngài mọi sự, để càng ngày Ngài càng tràn ngập lòng mình.

Họ cũng phải loan báo cho thế gian bí mật mình khám phá ra và hô to lên niềm vui của mình.

Nhìn thấy Thiên Chúa hiện diện, thân thương, gần gũi; cái nhìn ấy càng trở nên sắc bén và tinh tế nếu chúng ta càng tập nhận ra vô số dấu hiệu về sự hiện diện ân cần và hiệp thông của Ngài, như người bạn đang ngoắc tay hay ngược nhìn chúng ta. Thiên Chúa nói với từng người bằng một thứ ngôn ngữ riêng tư, kín đáo nhưng ta vẫn hiểu được. Phải tập đọc những mẫu tự của Thiên Chúa, phải biết đánh vần, biết nhận ra và giải thích những mẫu tự ấy.

Đôi khi chúng ta hiểu sai sứ điệp; chúng ta tưởng rằng vị Thiên Chúa đến trước mặt chúng ta và ra dấu cho chúng ta ấy là một bóng ma. Bấy giờ, Chúa hẳn sẽ phải nói với chúng ta như đã nói với các Tông Đồ Ngài: «*Thầy đây, đừng sợ*» (Ga 6,20).

Tôi thích so sánh việc tiếp cận bằng đức tin tinh tuyền của chúng ta với Thiên Chúa, như một du khách vào một đêm đông tìm thấy một căn nhà hiu quạnh rực rỡ ánh sáng tại một khúc quặt trên đường. Tới trước ngưỡng cửa, nhìn qua khung kiếng, anh thấy những khúc củi cháy bập bùng, bắn ra những tia lửa. Anh đoán rằng sức nóng của lò lửa đang lan tỏa. Nhưng anh chẳng cảm nhận được sức nóng ấy, bao lâu anh còn đứng bên ngoài trời đầy gió lạnh như kẻ bàng quan. Đó là hình ảnh người Kitô hữu trong đêm tối đức tin biết Thiên Chúa là ánh sáng và hơi ấm. Người ấy có thể nói như tác giả thánh vịnh: «*Bóng đêm là ánh sáng và là niềm vui của tôi*» (Tv 139,11). Nhưng chỉ thấy những tia sáng lung linh kia, chỉ đoán được sức nóng dịu dàng đang lan tỏa thôi, thì sức nóng ấy chưa thấm vào da thịt được. Phải đi vào bên trong, không phải vì mình xứng đáng mà vì Thiên Chúa tha thiết mời gọi và nóng lòng muốn hiệp thông với mình. Vì thế, phải gõ cửa. Đó là sự hợp tác về phần mình. Đức Giêsu bảo chúng ta đập cửa, không xác định là phải đập bao nhiêu lần. Phải biết bắt đầu lại. Nhưng nhất là mỗi người phải biết rằng Ngài đang đợi mình bên bếp lò, phải biết mình là con trong nhà, và mình không thể đem lại cho Thiên Chúa niềm vui nào lớn hơn là nhận lời mời của Ngài.

Cứ lấy cớ là khiêm nhường để dừng lại trước ngưỡng cửa là hiểu sai tâm lòng của Thiên Chúa, Đấng mời gọi tất cả chúng ta sống thân mật với Ngài ngay ở đời này, và tạo dựng chúng ta để chúng ta gặp gỡ Ngài.

Khi đã vào bên trong thì người lữ hành sẽ thấy tất cả đều thay đổi. Ngọn lửa nóng sáng trong bếp lò như tiến đến trước mặt, sức nóng của ngọn lửa bao bọc, thấm vào da thịt. Khuôn mặt rạng ngời, hai bàn tay giang về phía lò lửa, tứ chi tê cóng nay trở nên ấm áp. Tia sáng ấm của ngọn lửa như thấm sâu con người anh: đó là hình ảnh minh họa chứng nghiệm về Thiên Chúa mà chỉ những người biết để cho Ngài tràn ngập lòng mình, biết rộng mở toàn bộ ý thức lẫn vô thức của mình để đón nhận sự hiện diện đầy ánh sáng của Ngài, mới cảm nhận được. Một sức sống mới đổ tràn trong mình, và một lần nữa lời của Phaolô trở nên hiện thực nơi mình: «*Tôi sống, nhưng không phải là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi*» (Gl 2,20).

Chúng ta không đơn độc nhưng cảm thấy được Thánh Thần Ngài dẫn dắt; trọn cuộc sống ta hướng về Ngài. Vì tự bỏ mình nên được Thiên Chúa chiếm hữu, vì tự trở thành trống rỗng nên được Ngài lấp đầy.

Chính Thiên Chúa – là tỏ ấm tiếp nhận ta với ánh sáng và hơi ấm – đã biến đổi cuộc đời ta và làm cho ta tỏa sáng. Những ai để cho Thiên Chúa chiếm hữu, như thanh củi dần dần rực cháy sáng, thì cuộc sống con người của họ – được nuôi dưỡng bởi ngọn lửa là chính Thánh Thần – cũng sẽ trở thành lửa như Ngài. Đó là thứ lửa mà Đức Giêsu đã nói tới trong câu: «*Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất*» (Lc 12,49). Đó chính là chứng nghiệm về Thánh Thần, đáng duy nhất có thể thật sự canh tân bộ mặt trái đất.

## Chương V

# THÁNH THẦN TRONG CHỨNG NGHIỆM TÂM LINH THỜI ĐẠI

*Nếu chúng ta sống nhờ Thánh Thần,  
thì cũng hãy nhờ Thánh Thần mà tiến bước.*

GI 5,25

Chúng ta đã thấy ở phần trên, trước khi trở thành tín điều trong kinh Tin Kính, Thánh Thần đã là một chứng nghiệm sống trong Giáo Hội nguyên thủy. Chứng nghiệm tâm linh này chưa bao giờ ngừng lại trong lịch sử và ngày nay chứng nghiệm ấy vẫn còn làm sống động tất cả những gì mang dấu vết Thiên Chúa trong Giáo Hội. Nhìn nhận Thánh Thần hiện diện khắp nơi, không có nghĩa là chúng ta không truy xét được một thứ hiện diện đặc biệt khi sự kiện xảy đến, và phân định được những gì mà sự kiện ấy biểu hiện. Trong tinh thần đón nhận hoạt động hoàn toàn tự do của Thánh Thần, tôi muốn nhấn mạnh ở đây tầm quan trọng của việc canh tân trong Thánh Thần. Tôi xin mô tả vắn gọn nguồn gốc công cuộc canh tân, đồng thời tìm hiểu các chứng từ và sau đó thử phân tích về chứng nghiệm tâm linh ấy trong thời đại hiện nay.

### 1. Nguồn gốc

Phong Trào Canh Tân phát sinh giữa lòng Giáo Hội Công Giáo vào năm 1967, trong môi trường sinh viên đại học Duquesne ở Pittsburgh, Hoa-Kỳ. Khi đất nầy và toàn thế giới đang trải qua cơn khủng hoảng về xã hội và tôn giáo, một vài thanh niên ý thức được rằng con người vốn bất lực không thể giải quyết được cơn khủng hoảng ấy. Vì thế, họ đã tự động gặp nhau trong một buổi tĩnh tâm cuối tuần để cầu nguyện, ăn chay, khẩn cầu Thánh Thần.

Những thanh niên ấy là ai?

Đó là những sinh viên, giáo sư đại học, phần lớn dấn thân vào những hoạt động tông đồ hay xã hội khác nhau, như phong trào phụng vụ và đại kết, tranh đấu cho các quyền dân sự, khởi xướng việc ủng hộ hòa bình trên thế giới. Anh chị Ranaghan cho biết, dù thực sự sống đời sống Kitô hữu, giới trẻ «*vẫn cảm thấy trống rỗng, thiếu động lực, mất sức mạnh trong đời sống cầu nguyện và hành động, cứ như là đời sống Kitô hữu của họ là chuyện tự mình tưởng tượng ra, cứ như là sinh hoạt tôn giáo chỉ là chuyện riêng tư do nơi ý chí và khả năng của mỗi người. Và họ nhận ra được rằng cuộc sống Kitô giáo đích thực không thể là một sáng kiến thuần túy do con người*».<sup>25</sup> Những cơn đau đẽ Giáo Hội lớn lên như hiện thân nơi cuộc sống hằng ngày của các bạn trẻ nầy. Đó là bối cảnh của sự kiện.

Biên cố mà người ta sẽ nhận ra như một lễ Hiện Xuống mới kỳ thực đã có những bước chuẩn bị từ trước. Nhiều người trong họ đã đọc tác phẩm của David Wilkerson: *La Croix et le poignard* (Thập Giá và Dao Găm), từng được in ra hàng nghìn bản, kể lại câu chuyện có một vị mục sư ở Nữ Ước nhờ tin vào Thánh Thần mà thay đổi được một “băng đảng” thanh niên ở tù ra.

---

<sup>25</sup> K. và D. RANAGHAN, *sđd*, trang 16.

Họ cùng nhau đọc lại các thư Phaolô và sách Công Vụ Tông đồ. Suốt một năm, ngày nào họ cũng cầu nguyện bằng câu đáp ca tuyệt vời của tuần bát nhật lễ Hiện Xuống: «*Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến*».

Họ ôm ấp kỷ niệm về lễ Hiện Xuống mà Đức Gioan XXIII hôm trước ngày khai mạc Công Đồng đã mời gọi người ta nhớ lại. Tất cả điều ấy gây hứng khởi và làm phong phú lời nguyện cộng đoàn của họ xin Thánh Thần canh tân bộ mặt Giáo Hội và trái đất, trong buổi tĩnh tâm cuối tuần ấy.

Lời đáp trả của Thánh Thần là một sự canh tân trên họ như đã từng xảy ra cho các môn đệ đầu tiên của Đức Giêsu trong nhà Hội (nhà tiệc ly) tại Giêrusalem. Tâm hồn họ được biến đổi lạ thường. Họ nói rằng họ cảm nhận được một lối nhìn mới về tình yêu Thiên Chúa, một ước muốn lạ lùng hướng đến cầu nguyện và tôn vinh Thiên Chúa, một sự say mê khác thường đối với Thánh Kinh, một sức mạnh từ bên trong thúc đẩy họ làm chứng cho Chúa Kitô phục sinh... Họ nói đến «*phép Rửa trong Thánh Thần*» mà không hề xem điều ấy thay thế cho bí tích Rửa tội và Thêm Sức. Về điểm này, có người trong nhóm ấy sẽ giải thích chuẩn xác: «*Sự việc xảy ra như một sự xác quyết lại, một lối cảm nhận mới và trưởng thành về các bí tích, cánh cửa lòng chúng ta mở ra đón nhận tất cả các ân sủng của các bí tích ấy*».<sup>26</sup>

Câu chuyện phần tiếp theo hết sức đơn giản. Những bạn trẻ ấy vừa cảm nhận những điều kỳ diệu của Chúa đều có bạn bè tại các đại học khác. Họ đến chia sẻ với các bạn bè ấy một cách hết sức tự nhiên về những điều đã xảy ra trong tâm hồn họ. Vì thế đại học Notre Dame ở South Bend (Indiana), đại học Ann Arbor (Michigan), các đại học New Orleans, Los Angeles đều theo đà ấy và đều chứng kiến được những hiện tượng ân sủng y như thế.

Chính tôi đã gặp những nhân chứng trực tiếp của các biến cố ấy tại các đại học trên. Nhiều người trong họ lại đã trở thành bạn của tôi. Và không thể phủ nhận rằng những lời chứng ấy làm tôi xúc động và tôi nghĩ là khả tín.

Chẳng bao lâu «*những nhóm cầu nguyện*» xuất hiện, không những ở trong các khuôn viên đại học mà cả trong các giáo xứ, các tu viện, đan viện, trước tiên ở Hoa Kỳ và sau đó lan tràn khắp năm châu. Hội nghị quốc gia đầu tiên vào năm 1967 quy tụ khoảng một trăm người. Tháng 6 năm 1974, hội nghị lần thứ hai mang tính quốc tế được tổ chức tại South Bend – tôi có đến tham dự – có khoảng 30.000 người tham dự đến từ 35 quốc gia, với khoảng 700 linh mục và 15 giám mục.

Những nhóm cầu nguyện nho nhỏ tự phát ấy đã phát triển thành những hội cầu nguyện lớn hơn, qui tụ đều đặn hàng trăm thành viên, trong khung cảnh có hoặc không cử hành thánh thể. Người ta thấy phát sinh những «*cộng đoàn*» ổn định và dần thân hơn – gọi là *những gia đình* hay *tổ ấm*<sup>27</sup> – hỗ trợ mọi mặt cho các nhóm cầu nguyện, nhất là cho các nhóm dần thân hoạt động xã hội. «*Những nhà cầu nguyện*» mọc lên, một cách nào đó giống như những chủng viện bồi dưỡng tâm linh mà mọi người đều có thể đến được. Tại đây, một số rất đông người đã được khai tâm để bước vào đời sống Kitô hữu mà họ mới khám phá qua một luồng ánh sáng mới.

## 2. chứng nghiệm

Chứng nghiệm sống đầu tiên của những sinh viên đại học này nhanh chóng vượt khỏi khung cảnh sống của họ. Các chứng từ ngày càng phong phú xuất phát từ những môi trường hết sức đa dạng: thợ thuyền, người trong tù ra, giáo sư đại học, tu sĩ chiêm niệm hay hoạt động thuộc đủ mọi dòng tu.

---

<sup>26</sup> K. và D. RANAGHAN, *sdd*, trang 28.

<sup>27</sup> *households*

Điều kỳ lạ là dù không có dịp tiếp xúc với nhau, nhưng tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới dường như Thánh Thần đã khơi dậy những chứng nghiệm nếu không đồng nhất thì ít ra cũng tương tự nhau. Đúng là các đoàn sùng chân thực như kêu gọi nhau và nối kết nhau trong nguồn mạch chung là Thánh Thần.

Một linh mục lớn tuổi viết: *«Trong khoảng mười lăm ngày, tôi được an ủi tràn trề và ý thức một cách mới mẻ sự hiện diện của Thiên Chúa. Tôi khóc và biểu lộ niềm vui một cách tự phát. Tôi cảm thấy khao khát được thanh tẩy, muốn đọc Thánh Kinh và thấy hứng thú khi cầu nguyện kéo dài nhiều giờ đồng hồ».*

Một người khác chia sẻ rằng ơn ích của canh tân thâm nhập tâm hồn như một động lực mới: các câu

Thánh Kinh, những lời nói, những gương sáng tự nhiên xuất hiện trong trí óc anh khiến anh ngạc nhiên. Anh còn nói: *«Ngày xưa tôi có viết một quyển sách, nhưng đến bây giờ những lời nói và các ý tưởng chứa trong đó mới trở thành thực tế sống động».*

Tóm lại, điểm chung là mọi người cảm nhận được sự hiện diện và quyền năng của Thánh Thần, và chuyển biến về cung cách cầu nguyện: *«Lời cầu nguyện của tôi bớt dùng tới trí não mà trở nên đơn sơ xúc cảm hơn, có nhiều lời chúc tụng hơn».* Nhiều người còn làm chứng về những thành quả thiêng liêng mà họ cảm nhận được khi cầu nguyện bằng tiếng lạ.

Những người khác nói về sự thay đổi trong nhận thức của họ về sự hiện diện thường xuyên của Thiên Chúa trong nội tâm, trong hoạt động tông đồ hoặc trong lời rao giảng của họ, sự hiện diện này được Thánh Thần làm sống động từ bên trong. Họ cũng nói về điểm tựa tâm linh mà họ khám phá ra khi cầu nguyện theo nhóm; hoặc về việc họ mạnh dạn cởi mở một cách sâu xa với những người cùng nhóm vốn trước đó vẫn e dè với nhau.

Cũng có những người làm chứng về sự thay đổi thái độ đối với bí tích hòa giải mà họ coi là bí tích chữa bệnh tâm linh.

Phần tôi, tôi chỉ muốn thêm rằng có nhiều linh mục, tu sĩ, giáo dân đã chia sẻ với tôi cũng những chứng nghiệm như thế. Những chứng từ này đầy dẫy ở châu Mỹ: tôi nhận thấy những chứng từ ấy vang dội sang nhiều nước trên thế giới. Những chứng từ ấy càng ngày càng nhiều lên trong các châu lục khác nhau. Cần phải tích lũy những chứng từ này nhiều hơn nữa để có cái nhìn sâu sát hơn về chứng nghiệm này.

### 3. Thử phân tích một chứng nghiệm

Xác nhận chứng nghiệm là một chuyện, còn phân tích chứng nghiệm ấy lại là chuyện khác.

Sự đáng tin của các nhân chứng buộc tôi phải chú ý. Nhưng nói lên tình trạng đáng tin này không hàm ngụ việc giải thích thần học cho những gì họ đã sống và vẫn còn đang cảm nghiệm.

Ở đây chúng tôi chỉ thử phân tích chứng nghiệm tâm linh khởi thủy về sự hoán cải và thấm nhuần ơn Thánh Thần mà chúng ta thường gọi là *«Phép rửa trong Thánh Thần»*. Phải hiểu vấn đề này như thế nào?

***«Phép rửa trong Thánh Thần» là gì?***

Về chứng nghiệm sống, chúng ta có thể và phải thán phục những tín đồ phái Ngũ Tuần trong việc tin vào tác động của Thánh Thần. Nhưng về mặt tín lý và minh giải, như mọi người đều biết, người Công Giáo chúng ta không thể đồng ý với họ về cách giải thích *«phép rửa trong Thánh Thần»*, cũng như về ơn *«nói tiếng lạ»* mà họ xem như dấu chỉ để nhận ra tính chân thực của phép rửa này. Đối với chúng ta cũng như đối với phần lớn các Giáo Hội

Kitô giáo, phép rửa bằng nước và phép rửa trong Thánh Thần không phải là hai thứ khác nhau. Thực ra đó chỉ là một phép rửa duy nhất, là một bí tích. Phép rửa trong Thánh Thần không phải là một phép rửa siêu hạng về tâm linh, bổ sung cho phép rửa bí tích mà ta đã lãnh nhận, và sẽ trở thành trụ cột mới của đời sống Kitô hữu.<sup>28</sup>

Cùng với thánh Phaolô, chúng ta tin rằng do lòng nhân từ nhưng không của Thiên Chúa, Ngài «*cứu chúng ta nhờ phép rửa ban ơn Thánh Thần, để chúng ta được tái sinh và đổi mới. Thiên Chúa đã tuôn đổ đầy tràn ơn Thánh Thần xuống trên chúng ta, nhờ Đức Giêsu Kitô, Đấng cứu độ chúng ta. Như vậy, một khi nên công chính nhờ ân sủng của Đức Kitô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời, như chúng ta vẫn hy vọng*» (Tt 3,5-7).

Phép rửa duy nhất ấy vừa phát xuất từ sự chết và sống lại của Chúa Giêsu Kitô vừa do ơn Chúa Thánh Thần<sup>29</sup>. Ngay bây giờ, để tránh mọi ngộ nhận, tốt hơn không nên dùng từ ngữ «*Phép rửa trong Thánh Thần*» mà nên dùng một từ ngữ khác.

### ***Chứng nghiệm về Thánh Thần và đoàn sủng***

Như vậy, làm sao định nghĩa và xác minh chứng nghiệm ban đầu về Thánh Thần một cách rõ ràng và chính xác hơn? Tự nguyên tắc, Thánh Thần vượt khỏi các phạm trù của chúng ta, thế thì mô tả hành động của Ngài quả là một công việc tế nhị! Hơn nữa, chúng ta hẳn sẽ gặp nhiều khó khăn một khi nói về việc tái lãnh nhận Thánh Thần nhưng đồng thời lại ý thức là Thánh Thần đã được ban cho chúng ta trong phép rửa. Vậy việc tái lãnh nhận này có một tính chất đặc biệt, đó là việc Thánh Thần vốn đã hiện diện rồi lại đến lần nữa, là sự lãnh nhận Thánh Thần từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài. Điều này khiến ta nghĩ tới câu nói của Đức Giêsu: «*Ai khát, hãy đến với tôi mà uống! Như Kinh Thánh đã nói: Ai tin vào tôi thì từ lòng người ấy sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống*» (Ga 7,37-38). Và thánh sử chép Tin Mừng ghi chú: «*Đức Giêsu muốn nói về Thánh Thần mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận*» (Ga 7,39). Ở đây nói đến sự trào vọt lên, sự triển nở, là hành động của Thánh Thần muốn khai thông và giải phóng các năng lực tiềm ẩn bên trong. Đó là ý thức sâu sắc hơn về sự hiện diện và quyền năng của Thánh Thần.

Cha Phanxicô A. Sullivan, dòng Tên, một thần học gia giáo sư đại học Thánh Gregôriô ở Roma, đã mô tả việc lãnh nhận Thánh Thần là «*một chứng nghiệm tâm linh dẫn con người đi theo một ý nghĩa hoàn toàn mới về sự hiện diện toàn năng của Thiên Chúa và về hành động của Ngài trong đời sống mình, hành động này thường bao hàm một hay nhiều đoàn sủng*».<sup>30</sup>

Khi dò dẫm tìm từ ngữ thích đáng, người ta cảm thấy thật khó khăn phải diễn tả điều không thể diễn tả. Ví dụ phải nói tới cảm nghiệm cụ thể về các ân huệ đã thụ lãnh: như được giải phóng bởi Thánh Thần, biểu hiện của phép rửa, ơn linh hoạt Thánh Thần ban khi chịu phép thêm sức, sự mở rộng lòng đón nhận Thánh Thần. Ai được ân huệ ấy đều cảm thấy đó là ơn đặc biệt: một đời sống được đổi mới, một tâm hồn được an vui như chưa từng chứng nghiệm, một sự phục hoạt

những ân sủng đã được lãnh nhận khi chịu phép rửa tội, phép thêm sức, hay những bí tích khác như hòa giải, thánh thể, hôn phối, truyền chức. Sự đổi mới này được coi là sự tuôn trào những tiềm năng của Thánh Thần, Đấng muốn đưa mỗi người đến chỗ thực hiện trọn vẹn ơn

<sup>28</sup> Về điểm này, việc giải thích sách Công Vụ Tông đồ phát sinh những vấn đề khó khăn về mặt chú giải. Có những giải thích rõ ràng và hữu ích trong những tác phẩm như: *Did you receive the Spirit?* của Simon TUGWELL, o.p.; *Baptism in the Holy Spirit* của James D.G. DUNN; *Theology of the Holy Spirit* của E. BRUNNER. Những nội dung tích cực họ đưa ra không giống nhau, nhưng họ đồng ý trong những nhận xét chỉ trích cách chú giải của phái Ngũ Tuần.

<sup>29</sup> *pascal et pentecostal*

<sup>30</sup> Francis A. SULLIVAN, s.j., *Baptism in the Holy Spirit: a catholic interpretation of the pentecostal experience* (Phép rửa trong Thánh Thần: một cách giải thích theo Công Giáo về kinh nghiệm ngũ tuần), Gregoranium quyển 55 tập I, 1974, trang 67.



gọi riêng của mình, dù là tu sĩ hay giáo dân. Người thụ nhận chứng nghiệm một ý thức mới, được biến cải nên mạnh mẽ hơn, về chân tính Kitô hữu đích thực của mình, mà chỉ có đức tin mới làm chúng ta thấy được. Chân tính Kitô hữu ấy làm cho đức tin trở nên sống động, thiết thực và hằng say truyền giáo. Chúng ta thử làm sáng tỏ hơn phần phân tích trên qua ba minh định bổ sung.

#### **a) Liên hệ giữa Thánh Thần và các đoàn sủng**

Theo tôi, trước tiên phải ghi nhận rõ ràng liên hệ giữa Thánh Thần và những biểu hiện của Ngài, rồi tập trung chú ý không phải vào các ơn huệ mà vào Đấng ban ơn. Thánh Âu Tinh đã cầu nguyện: «*Lạy Chúa, không phải các ơn Chúa ban mà là chính Chúa!*». Các ơn huệ chỉ là những tia sáng của Thánh Thần, và chính Thánh Thần là một ơn huệ tối cao, tuyệt vời, là ơn huệ hàm chứa mọi ơn huệ khác. Cần phải gắn bó với chính Thánh Thần trong thực tế sống động và toả sáng của Ngài. Những biểu hiện của Thánh Thần chính là Thánh Thần đang hoạt động. Hành động hay sinh hoạt này của Thiên Chúa thật vô cùng mềm dẻo, âm thầm và hoàn toàn tự do. Thánh Thần muốn thời ở đâu, khi nào và cách nào tùy ý Ngài. Bằng mọi giá chúng ta không được «*vật thể hóa*» các ơn huệ, không được biến các ơn ấy thành những đồ vật, những món quà mà người ta phân phối như khi chia một gia tài, người này món nợ, người nọ món kia. Các ơn huệ thuộc về Đấng ban ơn, cũng như các tia nắng thuộc về mặt trời: chúng không phải là mặt trời nhưng lại gắn liền với mặt trời.

Thánh Thần không thể tách rời khỏi các ơn huệ Ngài. Khi nhận lãnh Thánh Thần là ta nhận lãnh trọn vẹn thiện ích Ngài ban; sự trọn vẹn ở đây phải được hiểu theo nghĩa năng động chứ không phải nghĩa tĩnh. Điều đó không hàm ý rằng tất cả các ơn huệ được lãnh nhận nơi cùng nguồn mạch của chúng đều hiển lộ ra, hay không hiển lộ ra cùng một lúc hoặc cùng một cách. Việc chúng ta thấy được các ơn huệ ấy, lối tác động của chúng không những khác nhau giữa người này và người kia, mà ngay cả nơi mỗi người chúng ta, việc làm của Thánh Thần cũng có thể khác nhau. Tôi không sở hữu các ơn huệ ấy như sở hữu những đồ vật trong hộp tủ. Thật ra, tôi được Thánh Thần chiếm hữu, Ngài thúc đẩy và dẫn dắt tôi theo tình yêu vô biên của Ngài và theo mức độ tin cậy mến của tôi. Có thể hôm nay Thánh Thần cảm hứng tôi hoàn thành sứ mệnh này, nhưng ngày mai có thể Ngài lại giao cho tôi một sứ mệnh khác. Ngài cũng có thể tự biểu lộ nơi tôi không chỉ bằng một ơn mà nhiều ơn, hoặc đồng thời hoặc lần lượt ơn trước ơn sau. Phải không ngừng sửa đổi cung cách phạm nhân của chúng ta trong việc suy nghĩ, tính toán, hay sử dụng các ơn huệ của Thiên Chúa. Thánh Phaolô liệt kê các đoàn sủng một cách rất phóng khoáng; ngài liệt kê theo nhiều cách khác nhau, vì ngài chẳng cho cách nào là dứt khoát hay nói lên được tất cả. Nếu ngài trình bày các ơn huệ như thể mỗi người chỉ lãnh nhận được một ơn duy nhất để mình góp phần phục vụ thiện ích chung, thì cũng không nên gò bó xoay quanh hình ảnh mang tính cách phân phối này; hình ảnh này không diễn tả được mọi sắc thái trong hoạt động đa dạng của Thánh Thần. Thánh Phaolô quan tâm trước tiên tới việc thiết lập trật tự trong các cộng đoàn phụng vụ ở Côrintô, chứ không quan tâm mô tả tác động sâu kín của Thánh Thần nơi mỗi người. Câu Kinh Thánh này tổng hợp được tư tưởng của ngài: «*Thánh Thần tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung*» (1Cr 12,7). Các ơn huệ đều cùng hướng về mục đích xây dựng Giáo Hội.

#### **b) Thánh Thần hiện diện từ ban đầu**

Một nhận xét quan trọng thứ hai liên quan tới điều mà tôi muốn gọi là *thứ ngôn ngữ hướng đến tương lai* của chúng ta. Khi bàn về Thánh Thần đến lần nữa trong tâm hồn người đã được rửa tội, chúng ta phải nói đến sự kiện đó trong lối nhìn của điều «*đã được lãnh nhận rồi*». Nói cách khác, phải đi từ sự kiện nền tảng là khi chịu phép rửa tội, người Kitô hữu đã lãnh nhận Thánh Thần một cách trọn vẹn. Ngài không cần phải đến nữa. Ngài đã hiện diện một cách nền tảng ngay từ khi ta bắt đầu sống đời Kitô hữu, cho dầu ta chỉ ý thức về thực tế ấy sau này, khi ta trở thành người lớn có khả năng xác định được những đòi hỏi của phép rửa tội mà ta đã lãnh nhận như Giáo Hội mong đợi. Thánh Thần ở trong ta; lời hứa của Thiên

Chúa đã được thực hiện; người được rửa tội thành nơi cư ngụ của Ba Ngôi chí thánh. Do đó, sự thánh thiện không phải là một cái thang hướng về một đỉnh xa, không đi tới được. Sự thánh thiện Kitô hữu đã được ban cho chúng ta ngay từ đầu. Nói một cách chuẩn xác, chúng ta không phải trở nên thánh, mà vốn là thánh, chúng ta phải trở nên cái *chúng ta hiện đang là*. Chúng ta đã nhận lãnh Thánh Thần của sự thánh thiện ở trong chúng ta như bảo chứng và hoa trái đầu mùa. Chúng ta phải trung thành khai mở những kho tàng tiềm ẩn, những tiềm năng, những năng lực *«hạt nhân»* của Thánh Thần ấy ở ngay trong chúng ta.

Trong suốt cuộc đời Kitô hữu, mỗi bí tích đều tỏa ra ánh sáng của tác động Chúa Thánh Thần, và ngày càng thấm nhuần con người và hành động của chúng ta hơn. Nguồn mạch phép rửa tội là nguồn mạch đầu tiên, từ đó phát sinh hệ thống “dẫn thủy nhập điền”, hệ thống tưới nước nuôi dưỡng cuộc sống Kitô hữu. Đó là một quá trình tiệm tiến nhằm Kitô hóa lần hồi người tín hữu.

Khi trẻ nhỏ chịu phép thêm sức, chúng ta phải nói với em cùng một lúc cả hai câu này: *«Con sắp nhận lãnh Thánh Thần...»* và *«Con đã lãnh nhận Thánh Thần rồi!»*. Phép thêm sức không bổ sung cho phép rửa, mà xác nhận phép rửa.

Khi tấn phong giám mục, vị chủ phong vừa đặt tay lên vị giám mục tương lai vừa nói: *«Hãy nhận lấy Thánh Thần...»* Đây là nghi thức thụ phong, nó đánh dấu ảnh hưởng của Thánh Thần – mà trước đây vị tân chức đã lãnh nhận rồi – trở nên mạnh mẽ hơn. Điều này cũng đúng trong trường hợp phong chức phó tế hay linh mục.

Phụng vụ mùa Vọng cũng có nhiều lời kinh nguyện xin Chúa Cha gọi Con của Ngài đến với chúng ta làm như Con Ngài chưa nhập thể vậy. Trong phụng vụ lễ Hiện Xuống, khi chúng ta nài xin Thiên Chúa *«gởi Thánh Thần sáng tạo của Ngài»* đến, thì chúng ta giả định trước rằng Thánh Thần đã hiện diện rồi, vì trong cùng lời kinh ấy, chúng ta đã nói về Thánh Thần như vị khách tuyệt vời khôn tả của tâm hồn mình. Không hề có sự làm lẫn hàm hồ nào khi tuyên xưng những thực thể đức tin trong lời cầu khẩn.

Cần phải giải thích ngôn ngữ đoàn sủng tương tự như thế. Chúa Thánh Thần không phải từ đâu bên ngoài vụt đến để hoàn tất từng đợt công việc của Ngài. Chúng ta rất dễ bị cám dỗ cho rằng Thiên Chúa đang làm một điều lạ lùng, tuyệt đối mới mẻ, dành riêng cho thời đại chúng ta. Như thế là cho rằng Thiên Chúa hành động một cách gián đoạn, tùy tiện. Phải nghĩ rằng Thiên Chúa hành động liên tục và trung thành với chính Ngài. Chẳng hạn, đừng nói rằng chính Đức Giêsu đã chọn ngày hôm nay để ban Thánh Thể cho chúng ta; ơn huệ của Ngài lúc nào cũng có sẵn và chúng ta có bổn phận đến với Ngài. Cũng vậy, Thánh Thần là một ân huệ ở trong chúng ta, chúng ta phải để *“ý muốn và hành động”* của Ngài tác động trong chúng ta. Bằng cách kết hợp ân sủng và tự do, chúng ta phải tạo cho Ngài một điều kiện mới mẻ để hành động, một tâm thức ngày càng có khả năng chiến thắng những trở ngại, những xiềng xích gông cùm, là tội lỗi, sự từ chối, thái độ ngập ngừng của chúng ta. *«Anh em đừng dập tắt Thánh Thần, anh em đừng làm buồn lòng Thánh Thần»*: đó là những đòi hỏi của đời sống Kitô hữu.

Khi hoạt động của Thánh Thần gia tăng mạnh mẽ nơi chúng ta, điều đó không có nghĩa là Thánh Thần thức dậy hay quay trở lại, giống như một núi lửa đột ngột hoạt động trở lại sau giấc ngủ dài; chính chúng ta phải thức tỉnh trước sự hiện diện của Ngài, dưới sự thôi thúc của ân sủng Ngài, bằng một đức tin ngày càng mạnh mẽ, một đức cậy ngày càng sống động, một đức mến ngày càng nồng nàn. Khi chịu phép rửa, tất cả chúng ta đều lãnh nhận Thánh Thần một cách trọn vẹn, giáo dân cũng như linh mục, giám mục, giáo hoàng. Chẳng ai lãnh nhận Thánh Thần nhiều hơn hoặc ít hơn, cũng như bánh thánh không tấm nào được thánh hiến nhiều hơn hoặc ít hơn. Mọi người đều lãnh nhận Thánh Thần để thi hành những sứ mệnh khác nhau, với những đoàn sủng thích hợp tùy theo sứ mệnh đã lãnh nhận.

### ***c) Thánh Thần là năng lực thường hằng***

Thánh Thần làm cho đời sống Kitô hữu sống động không những từ khởi thủy mà còn

trong mọi biến cố của đời sống. Thánh Kinh chỗ nào cũng nhắc nhở chúng ta rằng Thánh Thần là quyền năng, rằng chúng ta phải dám dựa vào sức mạnh có khả năng nâng chúng ta lên khỏi chính mình nếu chúng ta để cho sức mạnh ấy hoạt động.

Thánh Phaolô hoặc thánh Luca còn liên kết Thánh Thần với một sứ mệnh của Thiên Chúa mang lại quyền năng.

Thánh Luca viết về Đức Maria: «*Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà*». (Lc 1,35). Thánh sử cũng viết về các tông đồ như vậy khi các ông được Đức Giêsu hứa hẹn: «*Này đây Thầy sẽ gọi xuống trên anh em điều Cha Thầy đã hứa. Vậy, anh em hãy ở lại trong thành cho đến khi nhận được quyền năng từ trời cao ban xuống*» (Lc 24,49).

Và trong sách Công Vụ: «*Anh em sẽ lãnh nhận sức mạnh của Thánh Thần, Đấng sẽ ngự trên anh em. Bấy giờ anh em sẽ là nhân chứng của Thầy...*» (Cv 1,8). Cần lưu ý rằng không phải các Tông Đồ là nhân chứng do tự mình, mà là nhân chứng dưới tác động của Thánh Thần. Các ông có thể tự mình làm chứng với tư cách là nhân chứng trực tiếp mắt thấy tai nghe một số biến cố liên quan đến sự phục sinh, nhưng chỉ nhờ Thánh Thần các ông mới có thể chứng thực ý nghĩa của biến cố ấy. Nhờ ánh sáng ngôn sứ lãnh nhận từ Thánh Thần, các ông mới có thể cắt nghĩa những biến cố của ơn cứu độ: sức mạnh trong lời các ông nói nằm ở đó. Lời chúc lành cuối thư mà thánh Phaolô gửi tín hữu Roma thắm nhuần niềm tin tưởng vào Thánh Thần: «*Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng ban cho anh em được chan chứa niềm vui và bình an nhờ đức tin, để nhờ quyền năng của Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng*». (Rm 15,13). Và trong thư gửi tín hữu Côrintô, ngài thổ lộ: «*Khi đến với anh em, tôi thấy mình yếu kém, sợ sệt và run rẩy. Tôi nói, tôi giảng mà chẳng dùng lời lẽ khôn khéo hấp dẫn, nhưng chỉ dựa vào bằng chứng xác thực của Thánh Thần và quyền năng Thiên Chúa*» (1Cr 2,3-4).

Đức tin Kitô giáo được biểu lộ như thế đó. Quyền năng của Thánh Thần không dành riêng cho các Tông Đồ mà là một phần gia sản cho tất cả chúng ta. Nếu chúng ta dám thực sự tin vào quyền năng ấy, nó sẽ giúp chúng ta tiêu trừ khỏi mọi chần nản khi phụng sự Chúa. Nó cũng sẽ khiến chúng ta coi đời sống thiêng liêng, không chỉ như một nỗ lực khổ hạnh lâu dài mà chúng ta phải không ngừng thực hiện bằng những phương tiện riêng của mình, mà như công trình của Thánh Thần được thực hiện trong chúng ta và cùng với chúng ta, dựa vào sự hiện diện và quyền năng kiên vững của Ngài.

Nhiều người đã tuân theo những chuẩn mực mà các bậc thầy về linh đạo vạch ra, nhưng sau nhiều năm nỗ lực chân thành, họ buộc phải thú nhận rằng họ vẫn ở mức tầm thường. Họ không kiên trì cố gắng được, cũng chẳng có được năng lực cần thiết cho cuộc chiến đấu hằng ngày. Đối với họ, đỉnh núi trọn lành dường như quá cao xa và cái giá phải trả dường như quá lớn lao. Họ đã từ chối leo lên ngay từ những nấc đá, mô đất đầu tiên dẫn lên núi. Tin tưởng vào quyền năng của Thánh Thần có thể giúp những người nản chí hiểu rằng: nếu kỷ luật và ý chí là điều không thể thiếu để sống đời Kitô hữu đích thực, thì chúng vẫn không phải là khởi điểm và trọng tâm của đời sống tu đức. Đường hướng tu đức nào chỉ dựa trên sức mạnh của ý chí đều không thể dẫn chúng ta tiến xa. Tin vào quyền năng của Thánh Thần không có nghĩa coi ý chí là không cần thiết, mà đặt nó vào hàng thứ yếu. Niềm tin ấy cho chúng ta thấy rằng sự thánh thiện là tình trạng *được đưa lên*<sup>31</sup> trước khi *tiến bước đi lên*<sup>32</sup>; chính Thiên Chúa đưa chúng ta đến với Ngài. Đó là một bài học mà chúng ta cứ phải học đi học lại mãi.

---

<sup>31</sup> assumption

<sup>32</sup> ascension



## Chương VI

# Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỨNG NGHIỆM

*Hơi thở Thánh Thần đã đến đánh thức các năng lực còn thiu ngủ trong Giáo Hội, đẩy lên những đoàn sùng còn ần khuất để truyền ban sức sống và niềm vui vốn là bản sắc của tuổi xuân và nếp sống Giáo Hội qua mọi thời đại lịch sử.*

Lời chúc Giáng Sinh của Đức Phaolô VI  
gửi các Hồng y ngày 21-12-1973

Chứng nghiệm tôn giáo tôi vừa mô tả đặt ra cho tất cả các vị hữu trách trong Giáo Hội một vấn đề suy xét tế nhị. Trước tiên phải nghiên cứu, rồi sau đó thử xác định ý nghĩa và tầm quan trọng của chính chứng nghiệm này.

### 1. Hiện diện và suy xét cẩn trọng

Đối diện với một sự kiện gì khác lạ xảy đến, như một bất ngờ đến từ Chúa Thánh Thần, người ta có thể có nhiều thái độ khác nhau: hoặc đón nhận nhưng suy xét với tiền kiến thuận lợi, hoặc ngờ vực không chấp nhận, hoặc bùng bột hứng khởi quá mức.

Tại Công Đồng, người ta đã bàn thảo nhiều về bốn phạm cắt nghĩa «*các dấu chỉ thời đại*», nghĩa là phải đọc được những mời gọi của Thiên Chúa qua các nhu cầu của con người. Không bao giờ được quên phạm vụ cần thiết này. Nhưng còn có bốn phạm đọc ra những dấu chỉ mà Thiên Chúa ghi trên bầu trời, bên ngoài bối cảnh lịch sử xã hội thông thường, như trường hợp ngôi sao ở Bêlem đã mời gọi các đạo sĩ lên đường tìm kiếm. Khi gặp sự can thiệp nào đó của Thiên Chúa, bốn phạm đầu tiên của chúng ta là phải tự đặt mình trong tư thế sẵn sàng. Chúng ta hẳn biết trước rằng tư tưởng của Thiên Chúa không phải là tư tưởng của chúng ta, và đường lối của Ngài không phải là đường lối của chúng ta (Is 55,8). Và chúng ta cũng tin rằng Thiên Chúa giàu xót thương, Ngài luôn xem sự khôn ngoan của chúng ta như lời kêu cứu đến Ngài. Vậy mà chưa bao giờ Giáo Hội bị khủng hoảng trầm trọng hơn bây giờ: dưới cái nhìn của con người thì cơ hồ như hết phương cứu chữa. Người ta không còn biết tìm giải cứu ở đâu ngoài Thiên Chúa: vì chỉ có ơn cứu độ nơi Danh Ngài.

Và giờ đây người ta thấy tái xuất hiện trên bầu trời Giáo Hội những biểu hiện của

Thánh Thần, có vẻ tương tự như những biểu hiện mà các thế hệ Kitô giáo đầu tiên cảm nhận được. Sách Công Vụ Tông Đồ, các thư của Thánh Phaolô như mặc lại một sức sống mới, như thể Thiên Chúa đi vào vào lịch sử chúng ta thêm một lần nữa.

Trong câu văn được trưng dẫn ở đầu chương này, Đức Phaolô VI nói đến những năng lực đang thiêu ngũ bùng bùng dậy, những đoàn sùng đang âm thầm bùng cháy lên. Cái nhìn của Ngài hẳn nhiên không chỉ giới hạn vào phong trào được gọi là đoàn sùng, nhưng những lời Ngài nói ra không phải được chọn lựa một cách vô tình.

Bản tính con người của chúng ta thường sợ Thiên Chúa can thiệp vào các công chuyện của mình, dù những công chuyện này đang có chiều hướng xấu đi. Chúng ta luôn chống lại bất cứ sự can thiệp nào đến từ bên ngoài như một nguy cơ bị vong thân. Chúng ta e sợ một sự khôn ngoan nào đó nằm ngoài khuôn khổ các luật lệ của chúng ta. Chỉ nghĩ đến việc Thiên Chúa can thiệp là chúng ta cảm thấy khó chịu. Chúng ta bỏ không thèm đọc những đoạn Kinh Thánh không phù hợp với cái khung tư tưởng của chúng ta; gằn gỏi với Thiên Chúa chỉ tổ làm chúng ta bất an. Chúng ta không thừa nhận sự gằn gỏi ấy mỗi khi nó mang một khuôn mặt quá cụ thể và làm đảo lộn nếp sống hàng ngày của chúng ta. Thế nhưng đúng ra chúng ta phải thật sự sợ mình không kịp thời nhận ra Thiên Chúa đang đến gần, sợ Ngài hện mà mình không gặp được, khi Ngài đến gõ cửa chúng ta.

Nếu có lãnh vực nào đó chúng ta cần đến huấn quyền – từng được thần học giải minh và được truyền thống và sự khôn ngoan từng trải xác thực – của Giáo Hội, thì đó chính là lãnh vực rộng lớn và tế nhị của đời sống tâm linh. Một hôm tôi nghe có người định nghĩa chức giám mục là «*đoàn sùng giúp phân định các đoàn sùng*». Đây không chỉ là một định nghĩa mà còn là một lời mời gọi chúng ta gánh lấy trách nhiệm; không được lẩn tránh bổn phận phục vụ Giáo Hội này của mình.

Khi sự việc xảy đến, dù muốn hay không, các mục tử được mời gọi phải phát biểu ý kiến và đưa ra những hướng dẫn. Các ngài không nên tránh né bổn phận bằng chủ trương «*đợi xem*», vì nếu vắng chủ chăn, bầy chiên sẽ tan tác.. Chính chủ chăn chứ không phải bầy chiên phải chịu trách nhiệm về chuyện đi lạc này.

Đoàn sùng của các mục tử không phải là phản ứng tự động. Để đoàn sùng ấy có giá trị, người được mời gọi lên tiếng trước tiên phải có những thông tin chính xác, đa diện, càng gần nguồn gốc nguyên thủy càng tốt. Tránh đưa ra những phán quyết vội vã chỉ dựa vào các ấn tượng, hay dựa vào một vài trường hợp đáng tiếc mà thân phận con người không sao tránh khỏi. Đoàn sùng về trí phán đoán được xây dựng trên sự cẩn trọng; sự cẩn trọng đòi hỏi ta phải xét đến tận cùng các sự việc, cân nhắc giá trị từng ý kiến hoặc từng nhân chứng. (Nhưng có sự cẩn trọng phạm tục và cẩn trọng siêu nhiên). Con người chúng ta thường dễ muốn thận trọng theo kiểu “*ăn chắc*”; nhưng chúng ta không được dừng lại đây để quên sự cẩn trọng siêu nhiên đang nhắc nhở chúng ta nên lo sợ không nhận ra được hành động của Thiên Chúa đang ở trong Giáo Hội và vì Giáo Hội. Chúng ta cần thiết phải cầu xin Thiên Chúa mở trí thông minh của chúng ta để chúng ta nhận ra Ngài cũng như công việc của Ngài, dẫu đôi khi công việc ấy khiến trí khôn ngoan hạn hẹp của chúng ta hoang mang, ngỡ ngàng.

Trong trường hợp này, để phán đoán cho đúng, bằng cách này hay cách khác phải tự đặt mình vào bên trong: một chứng nghiệm được phán đoán đúng nhất từ bên trong. Người ta có thể tưởng tượng ra đủ thứ «*hình thức hiện diện*» khác nhau, nhưng hình thức nâng đỡ thực sự là giải pháp tích cực có thể định hướng và hội nhập phong trào canh tân vào Giáo Hội. Theo tôi, điều quan trọng nhất là các giám mục phải đáp lại lời tỏ bày đầy cảm động mà hội nghị quốc tế đầu tiên ở South Bend năm 1973 ngỏ với các ngài. Không ai có thể quên cảnh hoan hô nhiệt liệt của hai mươi lăm ngàn thành viên khi diễn giả nhấn mạnh rằng mọi người đều muốn sống hiệp thông chặt chẽ với các mục tử Giáo Hội. Sự hiện diện và hướng dẫn của các mục tử không nên có tính cách áp đặt, độc đoán: Tất cả những luật lệ quá khắt khe sợ rằng chỉ là phản ứng hấp tấp và sẽ phương hại cho sự sống và sự hồn nhiên. Đức Giêsu đã chẳng đề nghị chúng ta đôi khi cứ để mặc cỏ lùng mọc lên giữa hạt giống tốt để khỏi làm hại đến vụ gặt sắp đến đó sao? Và vụ gặt này đúng là được mùa và bội thu. Với tư cách giám mục, chúng

ta có bốn phận tôn trọng sự tự do thánh thiện của con cái Thiên Chúa, mà vẫn phục vụ họ như những «người phục vụ niềm vui» (x. 2Cr 1,24). Sự khôn ngoan siêu nhiên của Giáo Hội và các vị thánh mà Giáo Hội đã sản sinh ra hẳn sẽ đem lại nhiều lợi ích cho mọi người.

Đó là ý nghĩa huấn dụ mà Đức Thánh Cha Phaolô VI ngỏ với các đại biểu của Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng toàn cầu, qui tụ tại Grottaferrata từ ngày 9 đến 11 tháng 10 năm 1973. Hôm ấy, sau cuộc tiếp kiến chung, Đức Thánh Cha đã tiếp riêng một nhóm đại biểu các nhà lãnh đạo đến từ các lục địa khác nhau. Nhóm này cùng đi với Đức TGM Hayes thuộc giáo phận Halifax (Canada), và Đức GM McKinney người Mỹ. Sau đây là toàn bản bài diễn văn của Đức Thánh Cha ngỏ với nhóm trên đăng trong tờ *Osservatore Romano* ngày 11 tháng 10 năm 1973. Chúng tôi thêm vào trong móc đơn một số lời ứng khẩu của Đức Thánh Cha, như bản được đăng trong tờ *New Covenant* tháng 12 năm 1973.

*[Cha rất lưu tâm đến những gì các con đang thực hiện. Cha đã nghe nói về những điều xảy ra giữa các con và cha lấy đó làm vui mừng. Cha có nhiều câu hỏi muốn nói với các con, nhưng thời gian không cho phép].*

*« Giờ đây cha mong nói chuyện với các con, những người tham dự đại hội ở Grottaferrata. Các con thân mến, cha xin chia vui cùng các con về trào lưu Canh Tân đời sống thiêng liêng đang được thực hiện trong Giáo Hội hôm nay dưới nhiều hình thức và tại nhiều địa điểm khác nhau. Trong cuộc Canh Tân này ta thấy xuất hiện một số điểm chung: ham thích cầu nguyện sâu xa, riêng một mình hoặc chung với cộng đoàn, quay về với chiêm niệm, nhấn mạnh việc ngợi khen Thiên Chúa, ước muốn dâng mình trọn vẹn cho Đức Kitô, sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Thánh Thần, chuyên chú đọc Thánh Kinh hơn, sống tình huynh đệ một cách đại độ cởi mở, ước muốn góp phần phục vụ Giáo Hội. Qua tất cả điều ấy, cha có thể nhận ra công trình kỳ diệu và kín đáo của Thánh Thần, là linh hồn của Giáo Hội.*

*Đời sống thiêng liêng trước hết hệ tại việc thực hành các nhân đức Tin, Cậy và Mến, lấy việc tuyên xưng đức tin làm nền tảng. Việc tuyên xưng này được ủy thác cho các mục tử trong Giáo Hội để các vị ấy gìn giữ đức tin tinh tuyền, và giúp nó triển nở trong tất cả mọi hoạt động của cộng đồng Kitô hữu. Thật thế, đời sống thiêng liêng của các tín hữu thuộc phạm vi trách nhiệm hoạt động mục vụ của mỗi giám mục trong giáo phận của mình. Đây là dịp thuận lợi đặc biệt để nhắc lại cho các ngài điều này trước sự hiện diện của những viên men Canh Tân đang dấy lên bao hy vọng!*

*Và lại, ngay cả trong những chứng nghiệm tuyệt vời nhất về Canh Tân, cỏ lùng vẫn có thể trà trộn với những hạt giống tốt. Vì thế, sự phân biệt rất cần thiết. Đây là bốn phận của những vị có trách nhiệm trong Giáo Hội. «Các vị ấy có bốn phận đặc biệt, không phải là dập tắt Thánh Thần, mà là xem xét mọi thứ để chỉ giữ lại những gì tốt lành» (x. 1Tx 5,12 và 19-21; GH 12). Như thế các ơn huệ của Thánh Thần được sắp xếp nhằm phát triển thiện ích chung trong Giáo Hội (x. 1Cr 12,7).*

*Cha sẽ cầu nguyện cho các con được tràn đầy Thánh Thần, được sống trong niềm vui và ân sủng Ngài. Xin các con cầu nguyện cho cha cũng như cha luôn nhớ đến các con khi dâng thánh lễ».*

## **2. Xem quả biết cây**

Chính tôi đã tiếp xúc tại chỗ với các vị lãnh đạo và các nhà thần học về sự bùng nổ tâm thức tôn giáo này tại Hoa Kỳ và các nơi khác. Vì thế, tự nhiên tôi muốn nêu lên những điểm chung mà ở đâu tôi cũng thấy có. Nếu các đoàn sùng thực hư thế nào thường khó mà phân biệt được, thì ngược lại các hoa quả của Thánh Thần mà Thánh Phaolô nói đến lại luôn luôn dễ nhận ra (Gl 5,22 -23).

Đức Giêsu đã khuyên ta xem quả để biết cây. Tiêu chuẩn này rất chắc chắn. Nhiều cuộc điều tra mới đây của những người có những lập trường khác nhau đều đi đến những kết

luận tích cực giống nhau. Trong số đó phải kể đến phán đoán tinh tế nhưng nhiệt thành của mục sư Appia, phụ trách việc liên lạc của Liên Hội Tin Lành Pháp với Giáo Hội Công Giáo. Mục sư này đã thực hiện một cuộc thăm dò rất tỉ mỉ với một nhóm đại biểu Pháp. Phán đoán của vị này rất giống với kết luận của tôi và của những người cộng tác với tôi, đã từng đích thân tìm hiểu ở hiện trường.

Tôi xin kể ra đây một vài kết quả đáng lưu ý mà người ta đã biết đến, nhưng không sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

### ***Đức Kitô làm trung tâm***

Trước hết, người ta nhận thấy linh đạo nền tảng ấy rõ ràng hướng về Đức Giêsu, được sống bằng chứng nghiệm cụ thể trong mỗi tương quan thân mật. Đức Kitô, «*Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần*» được lưu tâm trước hết. Sự thân tình đôi bên đã biến thành một cuộc gặp gỡ mà trong đó Đức Giêsu khởi xướng cuộc đối thoại và trao đổi, đồng thời mời gọi chúng ta tham dự vào. Sự việc này như giúp khám phá nét linh động của Kitô giáo, nó không còn như một ý thức hệ hay một «*chủ thuyết triết học*», mà như một cuộc gặp gỡ với con người thật sự và sống động nơi Đức Giêsu. Một Giêsu được nhìn nhận là Đấng Cứu Thế, là Thầy, là Mục Tử, là Đường, là sự Thật, là sự Sống, là Alpha và Omega, cho chính mình cũng như cho nhân loại. Nên nhớ rằng Đức Giêsu, trọng tâm của phong trào Canh Tân, chính là Đức Giêsu trong đức tin của chúng ta: Ngài là Con Thiên Chúa, đến trong xác phàm, là Thiên Chúa do Thiên Chúa sinh ra, là Ngôi Lời ở cùng và ở trong Thiên Chúa. Nơi Ngài trọn vẹn thần tính cư ngụ trong xác thể. Ngài đã chịu đau khổ vì chúng ta, chỉ dạy cho chúng ta con đường sống. Mọi quyền hành trên trời dưới đất đã được trao cho Ngài. Ngài cho chúng ta tham dự vào sản nghiệp của Ngài là Thánh Thần rất thánh thiện.

Sự thân mật mới mẻ này với Chúa Giêsu, được thể hiện trực tiếp chứ không còn qua trung gian bức màn các ý tưởng «*về Đức Giêsu*» nữa; từ cuộc gặp gỡ cụ thể này một đặc trưng thứ hai phát sinh: đó là ý thức mới mẻ về cầu nguyện, coi cầu nguyện là lắng nghe Chúa nói. Nói về Thiên Chúa là một chuyện còn nói với Thiên Chúa lại là chuyện khác. Giữa hai chuyện này có sự khác biệt lớn lao.

### ***Đời sống cầu nguyện***

Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng thực hiện việc đào sâu đời sống cầu nguyện, cầu nguyện riêng tư cũng như cầu nguyện cộng đồng. Tâm hồn mở rộng đón nhận Thánh Thần thâm nhập sâu xa hơn, Ngài là «*Đấng thấu suốt cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa*» (x. 1Cr 2,10), Đấng dẫn đưa chúng ta đến với Chúa Cha và giúp chúng ta sống mầu nhiệm Ba Ngôi. Nỗi khát khao Thiên Chúa triển nở khiến họ thích gia tăng và kéo dài việc cầu nguyện để cảm nhận được nhiều hơn ánh sáng và sự hiện diện của Thánh Thần. Khi cầu nguyện có lúc họ im lặng, có lúc nói nhỏ, có lúc lại hát lên trong bầu khí tĩnh tâm, vui tươi, thư thái; có một cái gì đầy hấp dẫn họ khiến họ cầu nguyện một cách tự phát. Người ta thấy lời khuyên của Thánh Phaolô gửi tín hữu Êphêsô được thể hiện từng chữ: «*Hãy thấm nhuần Thánh Thần. Hãy cùng nhau đối đáp những bài Thánh Vịnh, thánh thi và thánh ca do Thánh Thần linh ứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa. Trong mọi hoàn cảnh và trong mọi sự, hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha*» (Ep 5,18,20).

Phẩm chất cầu nguyện cũng đáng làm ta ngạc nhiên. Tuy không loại bỏ việc xin ơn và xin chuyển cầu, nhưng cách cầu nguyện này có điểm nổi bật mà chúng ta không quen thực hiện khi cầu nguyện riêng, đó là những lời thuần túy ngợi khen Thiên Chúa. Câu «*hãy ngợi khen Chúa*» được lặp lại nhiều lần không khác gì điệp ca A-lê-lu-ia trong mùa Phục Sinh. Nó nói lên tình yêu của họ vì chính Thiên Chúa và ở trong Ngài.

Giới trẻ đặc biệt ưa thích và đánh giá cao kiểu cầu nguyện có đặc tính tự phát này. Đó là kiểu cầu nguyện hồn nhiên, bằng cả thân thể để diễn tả một cách phù hợp những tâm tình



khi cầu nguyện, chẳng hạn giờ cao tay lên hoặc nắm tay nhau biểu lộ sự hiệp thông. Cầu nguyện kiểu này rất ích lợi cho những ai muốn từ bỏ tính vị kỷ, muốn thoát khỏi những ngại ngùng và những thành kiến cố hữu của mình. Đàng khác, theo như tôi đánh giá, những lời cầu nguyện tự phát này là một ân sủng cho Giáo Hội ngày nay; vì nhiều biểu lộ sùng kính bình dân như giờ thánh, lần chuỗi, dâng Thánh Giá, v.v... hiện nay đã biến mất hay cơ hồ biến mất khỏi Giáo Hội, tạo ra một lỗ hổng tâm linh. Chúng ta cần có phương thuốc chữa trị.

Kiểu cầu nguyện này – là hình thức chuyển tiếp giữa cầu nguyện thuần túy cá nhân và cầu nguyện phụng vụ chính thức – còn có thể giúp phổ biến và đẩy lên việc cầu nguyện trong các gia đình hay trong những cộng đoàn hết sức khác nhau: như các giáo xứ, các tổ chức, đoàn thể, hội dòng, tu viện. Lời cầu nguyện đoàn sùng tự phát có thể đóng góp rất nhiều vào việc tìm lại ý nghĩa của cầu nguyện đích thực vốn bắt nguồn từ sự sống và được biến đổi tùy theo môi trường. Hình thức uyên chuyên của lời cầu nguyện ấy cũng có thể giúp cho một bộ phận nào đó trong phụng vụ thêm linh động. Hơn nữa nó cởi mở đón nhận tất cả những biểu hiện của Thánh Thần, nhờ vậy tự nhiên nó có thể là cách cầu nguyện hòa điệu, diễn tả phong phú kho tàng hồng ân của Thiên Chúa.

Có người chê bai lối cầu nguyện tự phát vì cho rằng nó biểu lộ quá nhiều cảm xúc. Ta nên phân tích sâu sát hơn phản ứng tiêu cực này. Người ta bài bác việc biểu lộ «*xúc cảm*» khi cầu nguyện, nhưng kỳ thực lại cảm thấy thích tính cách linh hoạt thiết thân với Chúa khi cầu nguyện. Chúng ta quá quen thuộc với khuynh hướng vụ hình thức, chuộng lễ nghi, thích quy ước “*xưa-nay*” khi cầu nguyện, nên rất dễ e dè ngại ngùng. Chúng ta sợ phải biểu lộ con người thực của mình trước Thiên Chúa và trước người khác. Từ đó bản năng tự vệ khiến ta lấy cớ là «*quá chuộng cảm xúc*» để bài bác những gì trong thực tế chỉ là thái độ thành thực khi cầu nguyện mà thôi.

Chúng ta tránh né biểu lộ tâm tình khi giao tiếp với Thiên Chúa hoặc có thể nói chúng ta muốn một lối cầu nguyện chung chung, không thân thiết chi như thuộc về những Giáo Hội khô cứng và trơ trụi. Cần chống lại việc lạm dụng lối hiểu lời Đức Giêsu khi Ngài mời gọi chúng ta thờ phượng Thiên Chúa *trong tinh thần và chân lý*. Chúa Kitô đã nhập thể, tôn giáo của Ngài đầy tính con người và hấp dẫn mọi người. Thứ đạo đức nào xa lạ với nhân tính đều không phù hợp với lý lẽ của mầu nhiệm Nhập Thể. Đức Giêsu đã đến để cứu chuộc toàn bộ con người, bao gồm cả tình cảm của họ.

Cầu nguyện đoàn sùng thiết yếu được tài bồi qua việc chuyên cần đọc Thánh Kinh. Đọc Thánh Kinh đóng một vai trò quan trọng trong thời gian tụ họp nhau cầu nguyện, cũng như trong đời sống cá nhân và tập thể. Khi tái khám phá Kinh Thánh, người ta cảm thấy một sự khao khát mới về Lời Chúa, nhưng không phải khao khát trước tiên về mặt chú giải – dù vẫn không coi thường công việc này – mà khao khát về mặt sự sống. Đức Giêsu nói: «*Lời của tôi là thân và là sự sống*» (Ga 6,63). Người ta cảm thấy lời của Ngài trở thành lương thực. Tôi nghĩ đến ngôn sứ Giêrêmia: «*Gặp lời Chúa con đã nuốt vào, Lời Ngài làm con hoan hỷ*» (Gr 15,16).

Phong trào Canh Tân góp phần làm cho khoa chú giải tiến triển, không phải vì đưa ra những giải đáp mới mẻ mà vì đã đặt ra những câu hỏi mới; phong trào mời gọi ta tìm hiểu bản văn sâu sát hơn nữa, khởi đi từ cuộc sống.

Ân sủng mà phong trào Canh Tân đem lại là đọc và sống Lời Chúa một cách sâu xa. Ân sủng này được thể hiện bằng nhiều cách, với sự quan tâm tiếp xúc với Lời Chúa và hoàn cảnh sống cụ thể. Nếu có được một người hướng dẫn có năng cách hiện diện để giúp đỡ các nhóm khỏi rơi vào tình trạng bảo căn cực đoan hoặc giải thích tùy tiện thì thật là quý hóa!

### *Cầu nguyện và «nói tiếng lạ»*

Người ngoài đến tham dự lần đầu tiên một buổi tụ họp cầu nguyện kiểu đoàn sùng sẽ lấy làm lạ khi thỉnh thoảng nghe người trong nhóm cầu nguyện hay hát bằng những ngôn ngữ lạ. Khi tiếp xúc lần đầu, người ta sẽ bối rối bởi những biểu lộ tự phát qua lối nói này, vì

những âm phát ra nối tiếp nhau chẳng ăn khớp thành câu nói có ý nghĩa, ngay cả đối với chính người phát ra những lời ấy. Cần phải hiểu đích xác sự việc này. Không được quan trọng hóa hay giảm nhẹ giá trị lời cầu nguyện bằng thứ tiếng dị thường ấy.

### ***Không kỳ bí...***

Theo lối giải thích thông thường của phái Ngũ Tuần được khá nhiều người trong họ chấp nhận, thì đây có thể là thứ ơn lạ lùng khiến người ta nói tiếng lạ mà chính họ (người nói) chẳng hiểu gì. Và lại, việc nhận được ơn này cũng có thể bảo chứng rằng người ta đã thực sự được rửa trong Thánh Thần. Như chúng ta đã nói, theo truyền thống Công Giáo, ơn nói tiếng lạ không phải là lối trải nghiệm của «*Phép Rửa trong Thánh Thần*». Bây giờ tôi xin nói thêm ở đây: theo tôi, việc «*nói tiếng lạ*» không có nghĩa là nói bằng một thứ ngôn ngữ lạ lùng nào đó không ai biết, mà chính người nói cũng không hiểu được. Ngược với quan điểm đã được phổ biến rộng rãi, thậm chí ngay cả trong môi trường đoàn sủng không thuộc phái Ngũ Tuần, tôi không tin rằng cách diễn tả ấy có ý nghĩa như thế. Nói thế không có nghĩa là trong một vài trường hợp họa hiếm, như được xếp vào khuôn khổ phép lạ, người ta vẫn có thể chứng kiến có một lối nói lạ lùng xảy ra trong lúc cầu nguyện. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng phải nhấn mạnh đến sự hiếm hoi của trường hợp này, và phải đề phòng tất cả mọi hình thức chủ trương tìm cảm giác mạnh. Theo tôi, đây không phải là một thứ ngôn ngữ kỳ bí, thiên phú, từ trời xuống: ý nghĩa của nó phải tìm ở một bình diện khác.

### ***Cũng chẳng bệnh hoạn...***

Trái ngược hẳn cái nhìn trên, những người quan sát, nhất là trong giới phân tâm học, thường nhìn vai xem hiện tượng nói trên là một thứ bệnh lý, là những cảm xúc bùng bột, là cuồng loạn tập thể, là trò trẻ con. Nhưng lối hiểu biết khoa học thật sự lại không quyết đoán như thế. Một trong những chuyên gia giỏi nhất về vấn đề này, ông William J. Samarin, giáo sư nhân chủng học và ngôn ngữ học tại đại học Toronto, sau khi điều tra sâu rộng trong thời gian dài tại nhiều quốc gia, đã kết luận bằng một xác quyết rất rõ ràng là hiện tượng nói tiếng lạ ấy chẳng có gì là bất thường hay bệnh hoạn; và ông ta đã trưng dẫn nhiều bằng cứ về kết luận ấy.<sup>33</sup> Nếu chẳng phải là mâu nhiệm, chẳng là bệnh lý, thì phải hiểu hiện tượng này thế nào cho thích đáng?

### ***Kỳ thực là gì?***

Trước tiên phải nhận ra rằng đây là một phương thức biểu hiện được đề cập trong Thánh Kinh. Người ta tìm được tới ba chục chỗ ám chỉ hiện tượng này. Chẳng hạn trong Tân Ước, sách Công Vụ Tông Đồ (Cv 2,4-11; 10,46; 19,6), các thư của thánh Phaolô (1Cr 12,30; 13,1; 14,2.39); và Tin Mừng Mác-cô (Mc 16,17) thuật lại việc Đức Giêsu hứa với các môn đệ rằng họ sẽ nói được những thứ tiếng lạ. Dù chú giải thế nào đi nữa, đây vẫn là một hiện tượng được Kinh Thánh công nhận là có thực và khá thường xuyên. Thánh Phaolô bảo rằng «*ơn*» này ít quan trọng nhất trong tất cả các ơn, chính ngài cũng được ơn này và mong ước những kẻ khác cũng có, nhưng cần phải cẩn thận để ơn này xảy ra theo chiều hướng tốt lành trong các buổi cầu nguyện công cộng. Vì thế, người ta không thể phủ nhận nền tảng của nó trong Thánh Kinh. Ngoài ra người ta cũng tìm thấy ơn này trong truyền thống sống động của Giáo Hội; ban đầu khá phổ biến, sau đó hiếm hơn, ngoại trừ trong các tu viện hay trong đời sống các thánh.

Các thần học gia có bốn phân nghiên cứu điều này hơn nữa, không chỉ trong các bản văn mà trong cuộc sống. Tôi xin ghi ra đây vài suy tư cá nhân nhưng không tham vọng cho rằng đó là những suy tư rốt ráo hoặc cuối cùng.

Theo tôi, điều quan trọng là trước tiên phải lưu ý rằng, nhờ phép rửa tội, mỗi Kitô hữu sau khi nhận lãnh Thánh Thần đều sở hữu tất cả ơn trên dưới dạng tiềm năng. Những biểu hiện hữu hình hay việc thực hiện các ơn ấy cho ta thấy sự hiện diện sẵn của chúng: người tín

<sup>33</sup> William J SAMARIN, *Tongues of men and angels* (Ngôn ngữ của con người và thiên thần), Mac Milan Company New York, 1972.

hữu không tạo ra sự hiện diện của các ơn ấy được. Nhưng lối hiểu Thánh Kinh kiểu «*ôm chân chữ*» (hay là chấp vào chữ) có thể dẫn đến chuyện coi các ơn Thiên Chúa ban như những đồ vật: đừng quên điều ấy! Người ta đâu thể hạ thấp giá trị ơn «*nói tiếng lạ*» khi đặt nó vào bình diện tự nhiên; điều gọi là tự nhiên đó sẽ trở thành siêu nhiên trong cảnh vực được Chúa Thánh Thần thúc đẩy cầu nguyện. Hơn nữa, nên nhớ rằng theo một nghĩa nào đó, tất cả đều là ân huệ, «*tất cả đều là ân sủng*».

Hình thức cầu nguyện hồn nhiên ấy - đi trước suy nghĩ của trí phán đoán - nằm trong khả năng của người cầu nguyện. Nó vẫn là một sinh hoạt của nhân tính bình thường. Đây là một hình thức biểu lộ thành lời nói không bị chi phối bởi một lối cấu trúc ngôn ngữ nhất định. Phương thức biểu lộ này, vốn quen thuộc với những nền văn minh khác, và thật ra không đến nỗi xa lạ với tập tục của chúng ta như người ta nghĩ. Hãy thử nghĩ đến khung cảnh tung bừng hoan hỉ khi cất tiếng hát A-lê-lu-ia trong một thánh lễ Phục Sinh có hát bình ca thì sẽ thấy. Hãy thử quan sát một em nhỏ dùng cách thức diễn đạt này để biểu lộ ra niềm vui của em thì biết. Người ta bảo cầu nguyện bằng tiếng lạ đối với việc cầu nguyện cũng giống như nghệ thuật trừu tượng đối với lối vẽ biểu tượng vậy. Theo tôi, lối so sánh này rất hay.

Người ta cũng thường so sánh ơn nói tiếng lạ với ơn trào nước mắt. Ai cũng có thể khóc khi xúc động, và đôi khi người nghệ sĩ có thể làm cho ta ứa nước mắt: tất cả những chuyện ấy đều bình thường. Tuy nhiên, có một ân sủng gọi là ơn than khóc, được truyền thống tâm linh lâu đời trong Giáo Hội nhìn nhận, thậm chí còn được diễn tả bằng nghi thức. Đây là một hình thức biểu lộ tâm linh sâu xa để nói lên điều khó có thể nói lên được, chẳng hạn như tâm tình thống hối, tôn thờ hay biết ơn trước Thiên Chúa. Nếu đem phân tích, những giọt lệ này chẳng khác gì những giọt lệ thông thường, nhưng ý nghĩa tôn giáo của nó vượt lên trên tính vật chất của nó. Từ đó, chúng ta có thể suy ra để thâm hiểu vấn đề.

#### *Giá trị tôn giáo của «nói tiếng lạ»*

Sau khi thử định vị cách cầu nguyện này, việc còn lại là nhận định cụ thể giá trị thiêng liêng của nó. Có quá nhiều chứng từ – cả chứng từ của tôi nữa – xác nhận rằng cách cầu nguyện này là một hình thức (đi đến vô chấp) giải tỏa *bản ngã*, tháo gỡ và giải phóng nội tâm trước Thiên Chúa và tha nhân. Nếu khởi thủy, người ta chấp nhận tâm tình khiêm tốn để đi vào lối cầu nguyện này – như liều lĩnh chấp nhận về ấu trĩ và tức cười bên ngoài – thì không lâu họ sẽ cảm nhận được niềm vui khi khám phá ra một phương cách cầu nguyện mới vượt trên qui ước ngôn ngữ và lối suy luận trí não. Nó đem lại bình an và hân hoan. Cách cầu nguyện này không loại trừ bất kỳ cách cầu nguyện nào khác và có thể thực hành một mình hay tập thể. Khi được biểu hiện thành một bài hát mà cả tập thể tự ứng tấu tại chỗ, lời cầu nguyện này thường gây ấn tượng tốt đẹp lạ thường, tạo nên một tâm tình tôn giáo mạnh mẽ nơi những người khiêm tốn lắng nghe.

Nếu Thánh Phaolô coi ơn huệ này là bé nhỏ nhất trong các ơn – dù chính ngài vẫn cũng được ơn này – phải chăng là vì nó giống như một con đường dẫn đến các ơn khác, hay như một thứ cửa thấp, muốn vào thì phải khom mình xuống mới vào được? Hành vi khiêm tốn và tinh thần trẻ thơ đưa ta đến với Nước Thiên Chúa. «*Nếu các người không trở nên như trẻ nhỏ ...*», người ta biết câu này của Đức Giêsu, câu ấy ý nghĩa rất sâu xa. Ôn huệ không cần tới trí não này tạo ra một lối thoát trong hệ thống bảo thủ và tự vệ của chúng ta: nó giúp ta vượt qua một thứ ngưỡng cửa, đưa ta đến sự giải thoát và quên mình để hướng đến Thiên Chúa. Đối với những người sẵn sàng từ bỏ mình, thì sự từ bỏ ấy khiến cho tâm hồn và thể xác của người ấy thuộc về Thánh Thần, Đấng luôn giang tay rộng đón chúng ta. Dầu chỉ là điểm khởi đầu nhưng không kém quý giá, vì ơn huệ này thể hiện sự tự do nội tâm của con cái Thiên Chúa.

Karl Barth đã mô tả ơn cầu nguyện bằng tiếng lạ như «*một nỗ lực diễn tả những gì không thể diễn tả được*». Thánh Phaolô thì bảo rằng «*Chính Thánh Thần can thiệp cho chúng ta bằng những lời rên siết khôn tả*» (Rm 8,26). Ta cần hợp lòng hợp ý với lời cầu nguyện kỳ diệu, không thành câu cú này, và cứ để Thiên Chúa thay ta ca tụng, cảm tạ Ngài về thứ tình

yêu «*vượt trên mọi hiểu biết*» của Ngài (Ep 3,19). Nói theo ngôn ngữ tâm lý học thì có thể đó là tiếng nói của tiềm thức nói với Thiên Chúa. Đó là cách tiềm thức chúng ta diễn tả tương tự như trong các giấc mộng, tiếng cười, tiếng khóc, hình vẽ, nhảy múa. Nó diễn ra trong chiều sâu tâm thức chúng ta: nhờ vậy người ta có thể chữa trị hiệu quả những vết thương tiềm ẩn làm đời sống nội tâm không phát triển được.

Nói chung, phải thú nhận rằng chúng ta hết sức ngại ngùng khi biểu lộ ra ngoài những tâm tình tôn giáo sâu xa đối với Thiên Chúa cũng như đối với tha nhân. Ngay cả các linh mục hay các tu sĩ cũng cảm thấy phải vượt qua bao nhiêu khó khăn mới có thể «*tự bộc lộ bản thân mình*» về chiều sâu tâm linh cho anh em bạn bè, mà ngày ngày chỉ biết sống bên cạnh nhau một cách hời hợt. Chúng ta đã bị co cứng trong nét chuộng hình thức và ưa thích nghi lễ; sau bao nhiêu thế kỷ thụ động, các cộng đoàn Kitô hữu chúng ta vừa mới thức tỉnh để đón nhận lối diễn tả mang tính cộng đồng trong phụng vụ. Chúng ta vẫn chưa tìm ra hơi ấm thích hợp cho một buổi lễ, một cử hành đầy tình huynh đệ. Băng giá đang tan từ từ. Mới đây, Đức Phaolô VI có cảnh báo việc cầu nguyện theo kiểu sáo mòn và việc lạm dụng những công thức soạn sẵn. Nay người ta đang khám phá ra một vài phương thức cầu nguyện mới mẻ, diễn tả qua cử chỉ toàn thân thể và hiệp thông với nhau.

Người ta cũng ngày càng quan tâm đến những phong cách sống và phong cách cầu nguyện mới chịu ảnh hưởng triết học đông phương, và người ta chú tâm nghiên cứu nhiều hơn về cách cầu nguyện của những dân tộc không phải Âu Châu, đỡ sơ cứng hơn chúng ta.

Đương nhiên giới trẻ đi theo chiều hướng này. Việc cầu nguyện bằng tiếng lạ không còn là chuyện cổ xưa nữa, nó có thể là một yếu tố canh tân trong nhiều lãnh vực.

Vì thế, không nên ngạc nhiên khi thấy tái hiện một phong cách cầu nguyện vốn không xa lạ gì với truyền thống tâm linh chân thực. Một khi người ta đã có thể tự biểu lộ những tâm tình tôn giáo một cách tự do, người ta sẽ cảm thấy thực sự có nhu cầu phải chia sẻ với người khác những tâm tình của mình. Người ta sẽ cảm thấy bình thường và hữu ích khi mình có thể ca ngợi, thờ phượng, tôn vinh, yêu mến Thiên Chúa theo tất cả những cách diễn tả mà mình thấy thích hợp, - theo mỗi cách rung vang của những sợi dây trong cây đàn - . Việc cầu nguyện bằng tiếng lạ đối với những ai nắm được ý nghĩa của nó là một trong những cách diễn tả ấy.

Theo tôi, quan niệm như thế thì việc cầu nguyện bằng tiếng lạ sẽ làm cho đời sống tâm linh phong phú hơn. Chính vì thế tôi không ngần ngại xếp nó vào số các hoa trái của ân sủng.

### ***Cầu nguyện và hoạt động xã hội***

Mới đầu người ta lo xa rằng, nhấn mạnh vào việc cầu nguyện là hỗ trợ cho một số người có khuynh hướng sùng đạo một cách ích kỷ, tạo hố ngăn cách giữa đời sống thiêng liêng và việc dân thân hoạt động xã hội, là xa rời trần thế. Họ nói rất đúng: có đức tin không phải chỉ là cứ ngược mắt lên nhìn Chúa để chiêm ngưỡng Ngài, mà còn phải nhìn vào thế giới nữa, nhưng bằng đôi mắt của Đức Kitô.

Tuy nhiên, nhờ những lời cảnh giác như thế, người ta đã tiên liệu và tìm được một lối cân bằng hữu hiệu qua những sáng kiến dân thân xã hội khác nhau xuất phát từ các nhóm cầu nguyện. Chung chung, những hành động dân thân xã hội này có tính cách trực tiếp và nằm trong tầm tay, hơn là những phong trào tập thể rộng lớn. Nhưng cả hai thứ ấy – cầu nguyện và hoạt động – không loại trừ nhau; và sự hiệp thông trong lời cầu nguyện hân hướng đến toàn cộng đồng huynh đệ nhân loại, hàm ngụ tất cả những thăng trầm xã hội và chính trị mà thế giới đang sống.

### ***Ý thức cuộc sống Giáo Hội***

Một đặc trưng khác nữa: thông thường, người ta nhận thấy lối cầu nguyện trên diễn tả

lòng hiếu thảo đối với Giáo Hội; người cầu nguyện nhìn nhận Giáo Hội là người mẹ tâm linh, trên mặt định chế lẫn nơi chiều kích bí tích. Vì không thiên hữu hay thiên tả về mặt ý thức hệ, Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng quy tụ được những khuynh hướng Kitô giáo hết sức đa dạng. Nhờ sống tình huynh đệ chan hòa người ta vượt qua được những đối cực xung đột. Việc gặp nhau trong lời cầu nguyện tạo nên những yếu tố mạnh mẽ chống lại những chia rẽ sâu xé nhau. Những gì đã xảy ra cho thấy kết quả mang lại sẽ không nhỏ. Nói chung, người ta được hít thở thứ không khí trong lành, xa hẳn những tranh chấp, cay chua, châm chích nhau. Làm như thế chính là cùng nhau xây dựng Giáo Hội trên một nền tảng duy nhất là Đức Giêsu, Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Cứu Độ.

Hiển nhiên chúng ta mong ước cho đặc trưng Công Giáo (= phổ cập) này tồn tại và lớn mạnh lên trong các nhóm đoàn sùng. Mọi hình thức ưu tuyển rồi sẽ tàn lụi: không có thứ Kitô hữu siêu-đẳng.

### 3. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chứng nghiệm

Xem quả biết cây là một cách trắc nghiệm có giá trị đối với mọi công việc của Thánh Thần; chúng ta vui mừng khi thấy rất nhiều biểu hiện của Thánh Thần đáp ứng được tiêu chuẩn ấy.

Nếu tôi đã nói phong trào Canh Tân là sự biểu hiện ưu việt của Thánh Thần vào thời buổi hiện tại thì không có nghĩa đó là một sự biểu hiện độc hữu, thay thế mọi biểu hiện khác. Xin đừng hiểu sai tư tưởng của tôi. Tuy nhiên, tôi chắc chắn tin rằng chúng ta đang đứng trước một ân sủng đặc biệt dành cho Giáo Hội, nếu chúng ta biết đón nhận ơn ấy, hướng dẫn từ bên trong cách hoạt động của nó, bảo vệ nó khỏi những giả trá mà Thần Dữ không ngừng tạo nên, và để ơn ấy thấm nhập vào chính lối sống – cá nhân cũng như tập thể – của chúng ta.

#### *Người Kitô hữu «bình thường»*

Mọi phong trào của Thánh Thần đều mời gọi chúng ta tự vấn bản thân, đồng thời tự vấn về việc đáp ứng của chúng ta đối với ân sủng và về chân tính Kitô hữu của mình.

Trong chứng nghiệm tôi đang phân tích, điều làm tôi chần chừ động là nó buộc tôi phải thay đổi cách nhìn để đọc lại các thư thánh Phaolô và sách Công Vụ Tông Đồ mà tôi tưởng mình đã biết rồi. Khi đột nhiên thấy những biểu hiện của Thánh Thần dấy lên tương tự như những biểu hiện nơi Tân Ước, tôi liền tự đặt cho mình câu hỏi: những Kitô hữu thời Giáo Hội nguyên thủy có phải là những Kitô hữu thuộc loại đặc biệt, phi thường mà hiện nay không còn nữa, hay chính chúng ta là những Kitô hữu có đức tin yếu kém «*dưới mức bình thường*»? Tôi cảm thấy buộc phải tự vấn về những chuẩn mực của đức tin Kitô giáo và sự gắn bó của tôi với Đức Giêsu. Thánh Phaolô quả quyết: «*Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi*» (Gl 2,20), tôi có thật sự tin điều ngài nói không? và tôi có tin rằng điều ngài nói ấy có thể áp dụng cho mọi Kitô hữu là những người phải dám tin rằng Đức Kitô mong muốn tiếp tục thực hiện bởi họ và qua họ điều mà chính Ngài đã thực hiện khi còn ở trần gian không? Và thậm chí họ còn làm được cả những việc lớn lao hơn chính Ngài đã làm, như Ngài đã hứa rõ ràng không ( xem Ga 14,12)?

Tự vấn như thế buộc chúng ta phải nhìn một cách mới mẻ về nguồn nguyên thủy nhất, nền tảng nhất nơi Kitô giáo: đó là gắn bó với sự sống của Đức Kitô trong Thánh Thần. Từ đó xét xem các hệ quả vô hình ...và hữu hình từ sự gắn bó ấy. Tôi biết rằng, cách tuyệt vời nhất để thử nghiệm niềm tin Kitô giáo là dựa vào đức ái, nhưng điều ấy không loại trừ những dấu hiệu khác về sự hiện diện của Đức Kitô, những dấu hiệu mà chính Ngài đã cho chúng ta thấy rõ ràng, chúng được thể hiện ngay hôm sau ngày Thánh Thần Hiện Xuống (x. Mc 16,17-18). Khi thấy tái hiện một số hình thức của Kitô giáo thời nguyên thủy, tôi cảm thấy tôi được mời

gọi nhìn lại chính mình như nhìn vào trong gương. Và đo lường sức mạnh và sự sâu rộng của đức tin Kitô hữu nơi tôi trong thế kỷ 20 này, bằng cách so sánh lối sống đức tin ấy với đức tin của người Kitô hữu ở thế kỷ thứ nhất.

### ***Sự thánh thiện «thông thường»***

Điều làm tôi ngạc nhiên nữa là bỗng dưng tôi thấy Thánh Thần biểu hiện tràn đầy nơi các Kitô hữu thuộc đủ mọi thành phần. Những sinh viên ở Pittsburg, ở Ann Arbor và những nơi khác là người Kitô hữu bình thường. Họ chẳng phải là những vị ân tu hay những chuyên gia về sự thánh thiện cao vời: họ là những Kitô hữu như mọi người. Họ làm tôi nhớ lại lời Thầy chí Thánh khi Ngài tạ ơn Cha Ngài vì *«đã giấu kín không cho những bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn»* (Lc 10,21).

Đây là sự cởi mở đón nhận Thánh Thần và các ân huệ của Ngài, không phải nơi những Kitô hữu tuyên hứa vươn lên đỉnh thánh thiện, mà nơi những Kitô hữu chỉ muốn sống đức tin của mình ở nơi mình đang sống. Trước kia ai dám bảo rằng những ơn như ơn tiên tri, ơn giải thích, ơn chữa bệnh, ơn làm phép lạ có thể được ban cho bất cứ Kitô hữu nào sống đức tin của mình? Chúng ta thường coi những ơn này như những ơn mà chỉ các thánh hoặc các tín hữu... sắp được phong thánh mới có được. Điều này đáng ta lưu tâm và suy nghĩ. Chúng ta nên xem lại giáo huấn của Giáo Hội về đề tài này và sẽ hiểu rất nhiều điều hay. Tôi xúc động khi thấy Công Đồng Vatican II đã dành chương V trong *Hiển chế Giáo Hội (Lumen Gentium)* để nhắc lại một cách quả quyết ơn gọi nên thánh của mọi Kitô hữu. Và ngạc nhiên khi thấy Thánh Thần như đang hoạt động giữa chúng ta theo chiều hướng này trên một bình diện rộng lớn. Chúng ta còn nhớ rằng những khảo luận tu đức của chúng ta ngày xưa chỉ lo phẩm trật hóa sự thánh thiện dựa trên mức độ hiểu biết về *«các tình trạng hoàn thiện»*. Trong kim tự tháp ấy, giáo dân bị xếp vào phần thấp nhất, còn các tu sĩ chiêm niệm thì ở chóp đỉnh. Nhà giáo luật thì xếp các kinh sĩ của La-tran lên hàng đầu. Còn Công Đồng Vaticanô II thì hết sức nhấn mạnh rằng sự thánh thiện là ơn gọi chung của mọi Kitô hữu.

Việc dân chủ hóa sự thánh thiện như thế đã chẳng lôi kéo người ta chú ý nhiều như những cái cách *«dân chủ»* khác. Tuy nhiên tiếng gọi của Công Đồng vẫn còn đó, và tôi hết sức vui mừng về những đáp trả mà Thánh Thần thúc giục thực hiện, theo sự phong phú của các ơn gọi và dưới những khía cạnh đa dạng nhất.

### ***Những biểu hiện mà Thánh Thần hứa ban***

Một khi đã chấp nhận tin rằng Đức Kitô đang sống và hoạt động nơi mỗi Kitô hữu, thì tự nhiên chúng ta cũng tin rằng Đức Kitô vẫn tiếp tục tự biểu hiện giữa chúng ta. Đức Giêsu nói với những kẻ chống báng Ngài: *«Nếu các ông không tin vào tôi thì ít ra hãy tin vào những việc tôi làm»* (Ga 10,38).

Những việc Ngài làm chính là những dấu chỉ và những phép lạ như chữa lành bệnh nhân, chiến thắng quyền lực sự ác, nói tiên tri, giảng giải Thánh Kinh, những lời dạy mà chỉ có những người có uy quyền mới nói được, hay những lời mà chưa từng có ai nói được. Tất cả những gì biểu lộ quyền năng Thiên Chúa nơi Đức Giêsu thì người ta cũng thường thấy nơi các môn đệ Ngài. Chẳng hề có sự gián đoạn giữa người Thầy là Đấng chữa lành kẻ bại liệt với Phêrô và Gio-an là những người nói với kẻ bại liệt nơi Cửa Đẹp: *«Nhân danh đức Giêsu Kitô người Na-da-rét, anh hãy bước đi!»* (Cv 3,6).

Tất cả đều bởi cùng một Chúa Kitô, cùng một Thánh Thần.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi công cuộc Canh Tân của Thánh Thần dấy lên những biểu hiện đoàn sủng. Sự khác biệt giữa đức tin của chúng ta và của những Kitô hữu đầu tiên chính là mức độ cởi mở và đón nhận kho tàng ơn sủng của Thánh Thần. Và trong sự so sánh này chúng ta ở phần yếu kém hơn.

Điều chúng ta còn thiếu chính là nhận thức chính xác về chân tính Kitô hữu của chúng ta: Chúng ta không dám tin, bằng một đức tin đầy hy vọng, rằng tất cả mọi ân huệ phong phú của Thánh Thần vẫn luôn luôn sẵn sàng phục vụ Giáo Hội Chúa. Chúng ta chưa nhấn mạnh

cho đủ rằng chúng ta rất giàu có vì có toàn bộ kho tàng của Thiên Chúa. Trong đức tin, chúng ta phải khiêm tốn nói lên điều ấy và đón nhận tài sản ấy với lòng trông cậy. Người Kitô hữu phải biết mình là ai: họ thực sự chính là con của Thiên Chúa, là người thừa tự Nước Trời, nhưng trong thực tế họ tỏ ra không biết điều ấy. Họ có được những gia tài thiêng liêng, nhưng đang bị chôn vùi vì không biết chúng hiện hữu. Vì không tin đủ nên họ không nhận ra kho tàng ấy.

Vì trong nhiều trường hợp tôi thấy có dấu hiệu chứng tỏ những biểu hiện của Thánh Thần là chân thực, nên tôi phải đọc lại các bản văn Thánh Kinh bằng một đôi mắt khác. Các bản văn ấy nói về các đoàn sủng của Thánh Thần như một cái gì hết sức bình thường trong các cộng đồng nguyên thủy. Tôi biết sách Công Vụ Tông Đồ không phải là một tài liệu khảo cổ học, nên tại Công Đồng, tôi đã bênh vực đặc tính linh hoạt của các đoàn sủng. Nhưng bảo vệ một luận đề mà mình tin chắc chắn là đúng là một chuyện, còn có được những sự kiện để chứng minh luận đề ấy khi bị chất vấn lại là chuyện khác. Việc nêu lên thắc mắc trong sự kiện này là phận vụ của mỗi một chúng ta. Riêng tôi, điều làm tôi ngạc nhiên nơi những chứng nghiệm đang xảy ra không phải là sự mới mẻ của chúng mà là sự tái xuất hiện truyền thống đã có ngay từ nguyên thủy, và việc tái khám phá ra điểm xuất phát của chúng ta.

Việc canh tân phụng vụ đưa chúng ta trở lại điểm xuất phát là phòng Tiệc Ly ở Giêrusalem vào chiều thứ năm Tuần Thánh.

Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng mời gọi chúng ta chiêm ngắm chính phòng Hội (phòng tiệc ly) ấy vào buổi sáng ngày Thánh Thần Hiện Xuống. Hiểu rõ hơn các nguồn gốc của mình là một ân sủng, cho dầu chúng ta cho rằng mình vốn đã biết rồi. Và ý thức sâu xa hơn chân tính Kitô hữu của chúng ta cũng là một ân sủng.

#### **4. Một luồng ân sủng đang thổi đến**

Để hiểu được ý nghĩa của Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng và tầm quan trọng thật sự của nó, ta không nên sử dụng những phạm trù có sẵn, và nhất là không nên xem đây là một phong trào đứng cạnh những phong trào khác, hoặc tệ hơn nữa, cạnh tranh với những phong trào ấy. Thực sự không phải như thế, mà đây chính là một tác động của Thánh Thần trên tất cả mọi Kitô hữu, dù là giáo sĩ hay giáo dân. Đây là một luồng ân sủng đang thổi đến, làm cho chiều kích đoàn sủng vốn tiềm tàng trong Giáo Hội được ý thức ở mức cao nhất. Vì theo định nghĩa, mọi Kitô hữu đều có đoàn sủng; điều khiến họ khác với những người khác chính là ý thức sống động – ít nhiều tùy người – về thực tại nền tảng mà nhất thiết mọi Kitô hữu đều có.

Như thế, đây không phải là một phong trào đặc thù được hiểu là có cơ cấu tổ chức, và các thành viên được kết nạp phải có một bổn phận nào đó được quy định rõ rệt. Để tham gia trào lưu này, người ta không bị đòi hỏi phải gia nhập vào một nhóm cầu nguyện có tổ chức. Đức Kitô có nói: «*Quả thật, ở đâu có hai hoặc ba người tụ họp lại vì danh ta, thì ở đó có Ta*» (Mt 18,20). Dựa trên con số khiêm tốn này thì lời cầu nguyện nào phát sinh giữa một vài Kitô hữu có thể được gọi là cầu nguyện cộng đồng. Thánh Thần thổi cách nào và thổi nơi nào tùy ý Ngài. Ngài không cần phải có khuôn khổ đặc biệt nào mới xâm nhập được vào những môi trường đa dạng nhất : giáo dân đủ mọi tầng lớp, các cộng đồng và dòng tu đủ loại (chẳng cần thay đổi linh đạo của mình), đều cởi mở đón nhận trào lưu này; tôi dám liều tiên đoán rằng tương lai nó sẽ tràn ngập một cách kín đáo, êm nhẹ vào các tòa giám mục..., các hội đồng giám mục..., các Thượng Hội Đồng tại Rô-ma.

Các Kitô hữu tha thiết với trào lưu này thích gặp nhau để cùng nhau chia sẻ niềm tin, hy vọng và tình yêu huynh đệ được canh tân của mình, và để hiệp thông trong bầu khí cầu nguyện tự phát mà họ cảm thấy thoải mái - vì không dè dặt và ngại ngùng. Sự kiện đó không có nghĩa là tạo ra một Giáo Hội trong Giáo Hội; nhưng đây chỉ là những Kitô hữu cảm thấy hạnh phúc vì được cùng là Kitô hữu với nhau trước mặt Đức Kitô, và sẵn sàng phục vụ tha

nhân ở những nơi mà Chúa Quan Phòng xếp đặt cho họ.

Một trong những vị hữu trách ở Ann Arbor là Stephen Clark, muốn đánh tan mọi hiểu lầm, đã nhấn mạnh: «*Chúng tôi chẳng có tìm điều gì đặc biệt cả; chúng tôi chỉ thử sống Kitô giáo trong quyền năng của Thánh Thần... Chính Thánh Thần mới quan trọng, chứ không phải chúng tôi... Chúng tôi không mong người ta đồng hóa phong trào Canh Tân này với công cuộc canh tân Giáo Hội. Nhiều điều khác đang xảy ra do Thiên Chúa tác động. Công việc của Thánh Thần mới là nền tảng. Tuy nhiên việc tái khám phá quyền năng này của Thánh Thần là một phần thực sự thiết yếu cho bất cứ cuộc đổi mới nào của Giáo Hội. Điều ấy phải nhất thiết tác động lên nhiều lãnh vực khác nhau như phụng tự, phụng vụ, cuộc sống cộng đoàn, công cuộc phục vụ xã hội và tông đồ*».<sup>34</sup>

Trong bài tường trình tại đại hội quốc tế ở South Bend, với đề tựa là *The Holy Spirit is no longer a ghost* (Thánh Thần không còn là một bóng ma), cha dòng Tên John C. Haughey có nhận xét chính xác và nhấn mạnh rằng các vị hữu trách đã không nói đến «*phong trào*» đoàn sủng mà nói về Đức Kitô. Ngài còn thêm: «*Người ta càng tham gia vào trào lưu này thì người ta càng ít tập trung vào phong trào này xét như là một tổ chức, nhưng lại càng quan tâm đến những tác động của Thánh Thần nơi chính mình và nơi cộng đoàn tín hữu mà người ta tham gia*».<sup>35</sup>

«*Những người lãnh đạo*» tự phát của «*phong trào*» này - tôi buộc phải để trong ngoặc kép những từ không thích đáng - thừa nhận là lý tưởng của phong trào là mong được biến mất đi. Một ký giả người Mỹ đã đặt tựa đề cho vấn đề này: «*A movement that wishes to die*» (Một phong trào cầu mong được chết). Thật là chính xác: tham vọng của họ là tự xoá mình càng sớm càng tốt, một phần nào tương tự, nhưng ở cấp độ khác, như các phong trào Thánh Kinh và phụng vụ cũng đã biến đi; và chúng ta hy vọng rằng mai một phong trào đại kết cũng sẽ chấm dứt, ngày mà toàn thể Giáo Hội đều chấp nhận sự thôi thúc hiệp nhất của Thánh Thần. Người ta mong ước sẽ có ngày trào lưu này biến mất khi nó đã đạt được mục đích, tựa như nước trong những dòng sông phải mất đi tên của mình khi chảy vào biển cả.

Vì sợ lạm dụng hay sợ việc định hướng sai lạc luôn luôn có thể xảy ra, có kẻ như bị cảm dỗ bác bỏ những gì - mà theo lương tri của tôi - có mang dấu ấn của Thiên Chúa. Tôi mong có thể lặp lại với người ấy lời của Ga-ma-li-en nói với những Kitô hữu đang được biến đổi bởi một biến cố Hiện Xuống nào đó: «*Vậy giờ đây, tôi xin nói với quý vị: hãy để mặc những người này. Cứ cho họ về, vì nếu ý định hay công việc này là do người phạm, tất sẽ bị phá hủy, còn nếu quả thật là do Thiên Chúa, thì quý vị không thể nào phá hủy được, không khéo quý vị lại thành những kẻ chống Thiên Chúa*» (Cv 5,38-39).

---

<sup>34</sup> Stephen CLARK, *Where are we headed?* (Chúng ta được dẫn đến đâu?) Phục vụ Canh Tân đoàn sủng, Notre Dame, Ind., 1973, trang 18-20.

<sup>35</sup> Trong *America* (Châu Mỹ), 15-6-1973.



## Chương VII

# THÁNH THẦN VÀ KITÔ HỮU ĐÍCH THỰC

*Chính Thiên Chúa đã đóng ấn tín trên chúng ta,  
và đổ Thánh Thần vào lòng chúng ta làm bảo chứng.*

2 CL 1,22

### 1. Thế nào là một Kitô hữu đích thực?

Không một lối canh tân nào trong Giáo Hội có thể quan niệm được, bao lâu người Kitô hữu không tìm lại được chân tính của mình. Người ta nói nhiều đến chân tính này, miệt mài nghiên cứu bản chất của nó, nhưng lắm lúc lại quên rằng chân tính ấy khởi thủy và hoàn thành trong Thiên Chúa. Không gì thiết yếu hơn là việc phải tìm biết xem một Kitô hữu “*theo chuẩn mực*” (= một người chịu phép rửa đích thực) là ai. Khi dùng từ «*chuẩn mực*», chúng tôi muốn nói đến «*chuẩn mực*» khởi từ Thiên Chúa chứ không xét theo cách đáp ứng của chúng ta đối với ân sủng. Thánh Phaolô nói: «*Chính Thiên Chúa đã khắc ấn tín của Ngài trên chúng ta*» (2 Cl 1,22). Chúng ta phải khởi đi từ chỗ đó.

Một cộng đoàn Kitô hữu lý tưởng chẳng bao giờ có cả, ngay cả vào những thời tốt đẹp nhất trong lịch sử Giáo Hội. Trước khi phục sinh, chính Đức Giêsu đánh giá các Tông Đồ là tầm thường. Sau khi Ngài Phục Sinh, nếu họ đã tỏ ra can đảm tuyệt vời – rất nhiều vị đã tử đạo –, thì họ vẫn còn ít nhiều hẹp hòi, thành kiến. Những xung đột giữa Phêrô và Phaolô, Mác-cô và Ba-na-bê, những tranh chấp trong các cộng đoàn mà thánh Phaolô có đề cập đến trong những lá thư của ngài, nhất là nơi các tín hữu Cô-rin-tô, chứng tỏ rằng chẳng bao giờ có một cộng đoàn Kitô giáo nào tuyệt vời cả. Vì thế, đừng mơ tưởng tới một thiên đàng nào đó bị mất cân phải phục hồi, nhưng cũng đừng vì thế mà kết luận rằng quan niệm về người Kitô hữu đích thực chỉ là chuyện mơ hồ và bất định. Ta có thể nhận ra chân tính của người Kitô hữu qua những dấu chỉ không thể lầm lẫn được. Cho dầu một cây có những trái bị sâu ăn, có những cành bị bão làm gãy, tôi vẫn có thể nhận ra phẩm chất của cây, chỉ cần cây đó sinh ra được một trái chín và thơm ngon. Đức Giêsu có nói đến trường hợp hạt giống tốt và cỏ lùng cùng mọc lên trong một cánh đồng. Những yếu đuối con người đã không ngăn cản Giáo Hội nguyên thủy công hiến cho chúng ta hình ảnh một Kitô giáo đích thực, gắn với nguồn gốc của nó.

Để xác định tính đặc thù của Kitô giáo trước hết đừng định nghĩa người Kitô hữu dựa vào những tiêu chuẩn và đòi hỏi của xã hội bên ngoài, nơi họ đang sống, mà phải dựa trên những nguồn căn của chính họ và sứ mạng mà Thiên Chúa ủy thác cho họ. Vậy chúng ta hãy đọc lại bài tường thuật biến cố Hiện Xuống trong Công vụ Tông Đồ, chương hai.

Chúng ta hãy chăm chú nhìn vào cảnh trí được mô tả và hãy lắng nghe cuộc đối thoại giữa nhân chứng thứ nhất của Đức Kitô là Phêrô, và đám đông đầu tiên lắng nghe sứ điệp mở màn của ông.

Căn Nhà Hội (=phòng tiệc ly) vừa bị rung chuyển bởi một cơn gió mạnh dữ dội; Thánh Thần ngự xuống dưới hình các lưỡi lửa trên một trăm hai mươi môn đệ. Phêrô, cùng với mười một môn đệ kia – chi tiết này đầy ý nghĩa – tiến ra nói với đám đông, cho họ biết rằng ông và các bạn ông chẳng hề say xỉn; và Ngài nói cho họ hay lời tiên tri của Gio-en

đang được ứng nghiệm trước mắt mọi người: «*Trong những ngày cuối cùng, Ta sẽ đổ Thánh Thần Ta trên hết thảy người phàm, con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ, thanh niên sẽ thấy thị kiến, bô lão sẽ được báo mộng...*» (Cv 2,17). Đám đông xúc động và cảm kích trong lòng - chi tiết này cũng đáng lưu ý - nên lên tiếng hỏi: «*Chúng tôi phải làm gì đây?*» (Cv 2,37).

Bài diễn văn của Phêrô cho chúng ta bài giáo lý tiên khởi, xác định lần đầu tiên chân tính và bản sắc Kitô giáo. Đám đông hỏi: trước hết chúng tôi phải làm gì? Câu trả lời của Phêrô trực tiếp và đơn giản:

«*Anh em hãy sám hối, và mọi người hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giêsu Kitô để được tha tội và anh em sẽ nhận được ân huệ Thánh Thần*» (Cv 2,38).

Hoán cải – chịu phép rửa – dẫn thân theo Đức Kitô – đón nhận Thánh Thần.

Toàn bộ Kitô giáo bao gồm trong những từ này: hoán cải – phép rửa – gặp gỡ – đón nhận.

### ***Hoán cải và phép rửa***

Kitô hữu từ bản chất phải là “một người hoán cải”.

Kitô hữu vào những thời điểm đầu tiên – tức sáng hôm lễ Ngũ Tuần (= Thánh Thần hiện xuống) – đã phải hoàn thành việc hoán cải tâm hồn, một cuộc trở lại, và phải cắt đứt nhiều mối ràng buộc. Phép rửa tội đối với người ấy có nghĩa là: chết đi «*con người cũ*», giải thoát, giải phóng, sống đời sống mới. Phụng vụ trong nghi thức rửa tội người lớn ngày nay vẫn còn tuyên xưng tất cả những điều đó; và cả trẻ nhỏ được rửa tội sau khi chào đời một ngày thì hôm sau cũng phải tuyên xưng từ bỏ và chọn lựa như thế. Việc này đặt ra một vấn đề mục vụ quan trọng mà chúng ta sẽ đề cập lại sau.

### ***Gặp gỡ cá nhân***

Kitô hữu là người hoán cải, thoát ra khỏi vòng vi đang giam hãm con người mình để gắn bó với Đức Giêsu Na-da-rét, Đấng đã chết và sống lại vì mình. Người Kitô hữu đã thật sự gặp gỡ Đức Giêsu, nhìn nhận Ngài là Đấng Thiên Sai, là người Con tuyệt vời của Chúa Cha, là Đấng được xúc dầu bằng Thánh Thần. Kitô hữu đã khám phá Đức Giêsu là Đấng Cứu Độ, là Chúa của mọi người. Trong bất kỳ việc gia nhập đích thực nào của Kitô hữu, dưới hình thức này hay hình thức khác, người ta cũng nghe âm vang lời của văn hào Claudel đã thốt lên vào buổi chiều ngày ông hoán cải. Ông đã nhìn Đức Kitô với một đôi mắt mới và reo lên: «*Nay đột nhiên Ngài là “Đấng” thật sự đang ở đây với con*»<sup>36</sup>.

### ***Gặp gỡ cứu độ***

Phải gặp gỡ Đức Giêsu trong thực tế sống động và thân thiết của Ngài. Nhưng cũng phải gặp Ngài với tư cách «*Đấng Cứu Độ*» nữa.

Chúng ta đang sống trong một thế giới mà thuật ngữ «*Giêsu Đấng cứu độ*» đã trở thành vấn đề. Để biết mình được cứu, thì phải thấy mình được cứu khỏi cái gì. Khỏi cái gì vậy? Đức tin cho biết Đức Giêsu đã đến cứu dân Ngài khỏi ách của Lề Luật: Thánh Phaolô công bố sự giải thoát khỏi chủ nghĩa vị luật vốn bóp nghẹt, vây hãm con người trong một hệ thống những mệnh lệnh hình thức và lễ nghi; đồng thời mong được sự tự do đích thực của con cái Thiên Chúa thay cho những hình thức nô thuộc đó.

Đức tin cũng dạy rằng Đức Giêsu đã đến cứu ta khỏi chính bản thân ta, khỏi tội lỗi, sự chết và các quyền lực của Ác Thần. Tất cả điều này trở thành vô nghĩa đối với những ai tuyên bố: con người tự mình đã đầy đủ cho mình, chẳng hề có tội lỗi, sau khi chết là thành hư không, và đối với những ai coi các quyền lực của sự Ác là chuyện hão huyền. Không thể nhìn

<sup>36</sup> “Voici que vous êtes quelqu’un tout à coup”

nhận Đức Giêsu là «*Đấng Cứu Độ*» đúng như ý nghĩa của tên Ngài, nếu ta chẳng biết Ngài đã cứu ta khỏi những gì. Một buổi chiều nọ trên màn ảnh truyền hình, một diễn giả xưng mình là Kitô hữu đã hét to lên: «*Tôi không cần được “cứu”, mà cần được “giải thoát”*». Nói như thế là người ấy đã quên rằng cứu độ và giải thoát liên kết với nhau chặt chẽ. Khi cứu con người khỏi tội lỗi vốn là tội rết mọi sự dữ cá nhân và tập thể, Đức Giêsu đã đặt nền móng cho tất cả mọi giải thoát cần thiết. Giải thoát cho kẻ bị áp bức, chiến đấu chống bạo lực và bất công là một phần của công trình cứu độ. Toàn bộ Cựu Ước đã nói lên điều này.

### ***Gặp gỡ Đức Giêsu và nhận ra Ngài là Chúa***

Ngoài ra, một Kitô hữu đích thực phải là người đã gặp gỡ thân mật với Đức Giêsu Kitô và nhận ra Ngài là “Chúa”. Chúng ta cần nhìn nhận một cách cụ thể và theo thân phận của chúng ta rằng: Đức Giêsu là chủ tể sự sống, là hiện thân của niềm hy vọng của con người. Chúng ta cần phải sống lại cảnh Đức Giêsu gặp gỡ hai môn đệ đầu tiên, họ đi theo Ngài suốt quãng đường dọc sông Giô-đan. Chúng ta nên đọc lại đoạn Tin Mừng ấy (xem Ga 1,35-39).

Đức Giêsu quay nhìn và hỏi họ: «*Các anh tìm gì?*» Họ đáp lại bằng cách đi thẳng đến mục tiêu: «*Ngài ở đâu?*» Thầy trả lời đơn sơ: «*Hãy đến mà xem*».

Đó là một cuộc gặp gỡ có tính cách chứng nghiệm: họ sẽ tìm được câu trả lời cho cuộc tìm kiếm của họ nơi Đức Giêsu. Câu nói họ thốt lên sau đó: «*Chúng tôi đã tìm thấy Đấng Mê-si-a*» là cả một thế giới đầy hân hoan. Đối với người Do Thái, điều ấy có nghĩa là: niềm hy vọng của dân tộc chúng ta đã được xác lập, giao ước ký kết giữa Thiên Chúa và Israel đã được thực hiện. Chúng tôi đã tìm thấy Đấng mà tâm hồn chúng tôi kiếm tìm.

Điều đó cũng đúng với mỗi người Kitô hữu:

- điều khiển cho họ thành Kitô hữu là họ gặp được Đức Giêsu trong cuộc sống lữ hành của mình.
- đã khám phá được khuôn mặt của Ngài
- đã nhận ra tiếng Ngài.
- đã nghe Đức Giêsu gọi tên mình và mời gọi mình sống thân mật với Ngài.

Thông thường một sự gặp gỡ như thế xảy ra tiệm tiến, không phải là công việc làm một ngày là xong. Đức Giêsu đã để cho hai môn đệ cứ mãi bước đi một lúc lâu mà không quay nhìn Ngài. Tuy nhiên Ngài đã có mặt trong chính cuộc hành trình của họ. Chuyện trước đây của họ cũng là chuyện hôm nay của chúng ta

### ***Đón nhận***

Cuối cùng Kitô hữu là người đã gặp được Đức Giêsu Kitô với tư cách là «*Đấng rửa tội trong nước và Thánh Thần*».

Trước hết cần lưu ý tương quan giữa Đức Kitô và Thánh Thần. Dù có phân biệt về ngôi vị nhưng mối dây liên kết giữa hai Ngôi là bất khả phân ly. Danh hiệu «*Kitô*» vốn có nghĩa là «*Đấng được Thánh Thần xức dầu*». Tất cả cuộc đời Đức Giêsu mặc khải sự hiện diện của Thánh Thần ở nơi Ngài. Sự hiện diện ấy biểu hiện ra khi Ngài chịu phép rửa trên sông Giô-đan; lúc ấy Thánh Thần xuống trên Ngài dưới hình chim bồ câu. Thánh Thần thường ẩn hiện cho chúng ta chợt thấy vào những giờ phút quan trọng của cuộc đời Ngài: Chính Thánh Thần dẫn Ngài vào sa mạc, khiến Ngài biểu lộ vui mừng khi cầu nguyện, làm Ngài chấp nhận và hoàn tất công việc Cứu Chuộc (Dt 5,9).

Và thánh Phaolô cho chúng ta biết hôm sau ngày Phục Sinh, Đức Kitô đã trở nên «*Thánh Thần ban sự sống*» cho chúng ta (1 Cr 15,45) và sứ mạng của Thánh Thần liên kết chặt chẽ với sứ mạng của Đức Giêsu. Chính trong, nhờ và với Thánh Thần, Đức Giêsu điều khiển Giáo Hội Ngài như lời Ngài đã hứa công khai.

Nhờ phép rửa tội, Kitô hữu đi vào trong mầu nhiệm Đức Kitô. Lúc ấy họ được hòa nhập cùng một lúc vào mầu nhiệm tử nạn và phục sinh của Ngài, và mầu nhiệm Thánh Thần

tuôn tràn vào con người họ. Lãnh nhận phép rửa bằng nước, tượng trưng sự tái sinh, lập tức người ấy cũng chịu phép rửa trong Thánh Thần ban sự sống.

Phép rửa tội làm sống lại biến cố Hiện Xuống một cách mới mẻ nơi người lãnh nhận. Chúng ta bị cám dỗ đọc sách Công Vụ Tông đồ theo kiểu đọc rảo qua một cuốn sách sưu tập những sự kiện lý thú, trong đó người ta kể Thánh Thần hoạt động nơi những cộng đoàn tín hữu đầu tiên, làm đủ thứ dấu chỉ và những điều kỳ lạ, phân phát vô số ân huệ và đoàn sủng. Rồi sau đó chúng ta liệt những sự kiện ấy vào quá khứ, như vào một văn khố: Chúng ta khó mà tin rằng những biểu hiện ấy của Thánh Thần siêu vượt thời gian và không gian nên vẫn luôn luôn sống động và hiện thực. Chúng ta không nhận thức được rằng mầu nhiệm Hiện Xuống vẫn tiếp diễn, các ơn Chúa đã ban thì Ngài không bao giờ đổi ý lấy lại, theo như lời Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma (Rm 11,29). Quả thế, tư tưởng Thiên Chúa là một tiến trình liên tục nối kết nhau. Ngài không hành động bộp chộp hoặc phải làm đi làm lại. Chúng ta thấy trên bầu trời có một *«nhân chứng tín trung»* : Đường lối của Thiên Chúa không dự đoán được, nó đa hình đa dạng, thường không hiểu được, không chỉ đi theo một hướng nhất định. Theo qui luật hành động này của Thiên Chúa, người ta nhận ra rằng những cảnh được Thánh Kinh mô tả không phải là những câu chuyện không có phần tiếp theo, những sự kiện đa dạng không có tương lai. Qua giới hạn lịch sử đã xảy ra trong khuôn khổ địa lý vùng Pa-les-ti-na hiện vẫn còn mang dấu vết, đức tin cho chúng ta thấy mầu nhiệm hành động của Thiên Chúa vẫn luôn luôn linh động và có giá trị cho mọi thời đại tương lai.

Hoán cải, rửa tội, gặp gỡ Đức Giêsu như là Thiên Chúa và Đấng Cứu Độ, đón nhận Thánh Thần, tất cả những điều ấy kỳ thực làm thành một toàn thể. Toàn bộ này được truyền thống cử hành với nhiều lối nói như gia nhập Kitô giáo, giác ngộ, bước vào đời sống mới. Người ta có thể dùng mỗi từ nêu trên để chỉ toàn bộ tiến trình ấy.

## **2. Kitô hữu thời hiện đại : lý tưởng và thực tế**

Chúng ta đã dành nhiều thì giờ để tìm hiểu người Kitô hữu nguyên thủy đầu vẫn biết rằng lý tưởng không bao giờ được thực hiện trọn vẹn tại trần thế này, và Thánh Thần thì không tác động theo một khuôn cố định. Cần phải ý thức như thế mới nhận ra được chân tính của người Kitô hữu. Tuy nhiên, một cách thực tế, chúng ta cũng phải thẩm định xem các Kitô hữu mà chúng ta gặp ngày hôm nay sống Kitô giáo ở mức độ nào sau hai mươi thế kỷ phức tạp hóa.

Trong cuộc hành hương trở về nguồn, chúng ta đã tìm ra được mẫu người Kitô hữu nguyên thủy, là người đã hoán cải, đã đón nhận Đức Giêsu trong mầu nhiệm sâu xa và thân mật của Ngài, đã rộng tiếp Thánh Thần. Người ta cảm thấy thật ngỡ ngàng trước sự tương phản quá rõ giữa người Kitô hữu được Thánh Phêrô định nghĩa vào ngày hôm sau biến cố Hiện Xuống và người Kitô hữu mà chúng ta đang thấy trước mắt, tức người Kitô hữu của chúng ta hôm nay. Tương lai Giáo Hội chính là những thành viên mai đây của mình. Công cuộc canh tân cộng đoàn trong Giáo Hội trước tiên tùy thuộc vào các thành phần cấu tạo nên cộng đoàn này như những viên đá của toà nhà, tức những Kitô hữu hôm nay.

Vậy chúng ta hãy phân tích hiện trạng một cách khách quan hết sức có thể. Ngày nay, khi nói một Kitô hữu là chúng ta nói về ai và nói về điều gì?

### ***Một phương trình cần xét lại***

Trong nhiều thế kỷ được gọi là chịu ảnh hưởng Kitô giáo, cách chung người ta cho rằng Kitô hữu trước tiên phải là một người *«hành đạo»*, nghĩa là một người có đi lễ các ngày Chúa Nhật và năng lãnh nhận các bí tích. Không có ai nghi ngờ gì cả phương trình này: ai hành đạo thì có đức tin, ai có đức tin thì hành đạo. Đức tin được xét theo dấu chỉ thấy được là việc hành đạo.

Nhưng những cuộc điều tra xã hội học và những cuộc thăm dò cho thấy một thực tế rõ ràng là phải đặt lại vấn đề về giả định ấy trong công việc mục vụ của chúng ta. Ngọn gió của trào lưu tục hóa đã lay động cây cối; những cành cây xem ra sống động sum xuê giờ đã bị gãy lìa, khắp nơi việc thực hành các hình thức lễ nghi tôn giáo đã xuống dốc, nhất là nơi giới trẻ. Chúng ta không chỉ đứng trước hiện tượng số lượng mà cả vấn đề phẩm chất nữa. Vậy trong Kitô giáo, phẩm chất và chân tính Kitô hữu khi được sống đích thực là gì?

Một cuộc thăm dò những người Công Giáo Pháp cho thấy một số sự kiện báo hiệu:

- 95 % muốn có nhà thờ, nhưng phần lớn lại chẳng hề bước chân đến.
- 88 % đòi cho con họ chịu phép rửa,
- nhưng hơn một nửa không biết Đức Giêsu.
- 2/3 không tin Đức Giêsu đã phục sinh.

Những sự kiện này cho thấy cách sống sượng một tình trạng có thực. Vị giám mục Pháp cho tôi biết những dữ kiện trên, đã tiếp tục phân tích:

*«Một ngày nào đó ta sẽ quyết định rút ra những hệ quả hợp lý từ những nghiên cứu này; nếu không thì ta sẽ lại tiếp tục ban bí tích cho những kẻ không có đức tin, và tiếp tục cử hành thánh lễ hôn phối hay an táng cho những người đến tham dự mà trong lòng bực bội hay chế giễu (tôi nói đến thánh lễ, đỉnh cao của đức tin chứ không nói đến phụng vụ lời Chúa mà nếu được thực hiện tốt có thể là một phương thế truyền đạt giáo lý). “Sancta Sanctis” (điều thánh thiện phải dành cho các thánh). Các sự việc của Thiên Chúa phải dành cho những ai có đức tin. Bí tích phải dành cho kẻ nào tin và thực sự lên đường.*

*«Phải can đảm dẹp đi các ảo tưởng. Chúng ta đã thực hiện Công Đồng Vatican II trong niềm tin rằng các Kitô hữu tự bản chất được kêu gọi làm người truyền giáo. Nhưng đáng lý phải giúp cho họ tin đã. Công cuộc canh tân mà Công Đồng Vatican II mong đợi bị trì trệ, những người sống đạo bị tan đàn, những kẻ bài bác vai trò ngôn sứ ngày càng nhiều lên, những Kitô hữu muốn được trấn an thì chủ trương quay về quá khứ... Sở dĩ tất cả điều ấy xảy ra là vì người ta đã ngây thơ tin rằng ai cũng đều chấp nhận và sống sứ điệp Kitô giáo nền tảng (tức lời chứng kinh nghiệm đức tin: Tôi tin vào Đức Giêsu Kitô, là Con Thiên Chúa, là Đấng Cứu Thế). Nhưng thực ra chỉ có một số người chấp nhận và sống mà thôi».<sup>37</sup>*

Nếu so sánh hình ảnh người Kitô hữu nguyên thủy với hình ảnh của rất nhiều người Kitô hữu *hữu danh hơn là hữu thực* ngày nay, ta sẽ thấy ngay sự tương phản đập vào mắt, và phải đặt ngay vấn đề triệt để cho mọi cuộc canh tân trong Giáo Hội. Công Đồng Vatican II là một Công Đồng mang tính cách mục vụ, nghĩa là một Công Đồng mong ước làm cho Giáo Hội thích ứng với những yêu cầu thời đại, bên trong lẫn bên ngoài. Giả thiết mà Công Đồng dùng làm khởi điểm là Giáo Hội bao gồm những Kitô hữu đích thực hay ít ra đang cố gắng trở nên như vậy. Nhưng những dữ kiện nêu trên buộc chúng ta phải xem lại giả thiết ấy. Phải đặt lại vấn đề một lần nữa: khi nói về người Kitô hữu là chúng ta nói cái gì và nói về ai?

Câu chất vấn ấy làm ta khó chịu: một cách tổng quát, Kitô hữu hôm nay có thực sự là những tín hữu có một đức tin thiết thân, dẫn thân và đúng thực không?

Chúng ta có phận vụ phải xem xét lại các cấu trúc của Giáo Hội trên nhiều bình diện khác nhau, phải làm việc này, và việc này phải lâu lắm mới hoàn tất. Nhưng hôm nay, ngay cả những nền tảng đức tin cũng bị đặt vấn đề. Chúng ta vốn biết rằng Giáo Hội chỉ có ý nghĩa là nhờ Đức Kitô. Đức Kitô chỉ có ý nghĩa nếu Ngài là Con duy nhất của Thiên Chúa. Và Thiên Chúa chỉ có nghĩa nếu Ngài là Thiên Chúa có ngôi vị và sống động. Than ôi, tất cả những điều ấy đều đang bị lung lay, bị đặt lại vấn đề!

---

<sup>37</sup> Mgr G. HUYGHE, *Église d'Arras* (Giáo Hội Arras), số 2, 1973.

Nơi nhiều người, đức tin đã bị soi mòn tận căn. Họ cần phải tái khám phá lại ngay nơi trọng tâm của sứ điệp Kitô giáo. *Chúng ta đã quá chú trọng việc “cử hành bí tích”, mà không chú trọng đủ vấn đề “sống và rao truyền Tin Mừng”.* Sự thiếu sót này bùng nổ ở tầm mức lục địa, khắp nơi ai cũng thấy người Kitô hữu không sống phù hợp với đức tin của họ.

Trước tình trạng khẩn cấp này, những sự tranh cãi nội bộ của chúng ta, dù thiên hữu hay thiên tả, không mang lại một cái gì sáng sửa cả. Chúng ta cần phải tìm lại những đặc tính của người Kitô hữu. Sứ mạng của chúng ta không phải là phê phán cá nhân ai, mà là can cường bảo toàn lý tưởng Kitô giáo. Chúng ta phải trình bày Tin Mừng đúng với bản chất Tin Mừng, làm cho thế gian biết Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần, cùng những gì Thiên Chúa đòi hỏi nơi những kẻ tự nhận mang danh Ngài trước mặt thiên hạ.

Chúng ta phải mời gọi các Kitô hữu ngày càng ý thức sống động hơn về đức tin của họ, gắn bó với Thiên Chúa ngày càng khăng khít hơn. Phải giúp một số Kitô hữu chuyển từ thứ Kitô giáo ít nhiều mang tính xã hội sang thứ Kitô giáo trọn nghĩa. Thứ Kitô giáo được cha mẹ truyền lại chủ yếu do sinh ra và giáo dục cũng phải trở thành thứ Kitô giáo do chính mình chọn lựa, dựa trên quyết định của bản thân và việc nhận thức rõ ràng lý do chọn lựa như thế. Ter-tu-li-a-nô đã nói lên điều ấy: *«Fiunt, non nascuntur christiani»*, nghĩa là: không phải mình sinh ra là Kitô hữu, mà mình trở thành Kitô hữu.

### *Hướng đến một kiểu mẫu Kitô hữu mới*

Vậy mấu chốt của vấn đề là: có biết bao Kitô hữu *hữu danh vô thực*, làm thế nào để biến họ thành Kitô hữu đích thực? làm sao để Phúc Âm hóa một thế giới vốn đã là chịu ảnh hưởng Kitô giáo từ lâu? Cần phải làm sao để Kitô giáo mà người ta đã tự do chọn lựa được phát triển, trong đó người Kitô hữu phải:

- trở về với Đức Kitô với tất cả quyết định sáng suốt của mình;
- chính mình thừa nhận những bí tích đã đưa mình vào Kitô giáo là phép Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể;
- biết cởi mở trong đức tin để đón nhận Thánh Thần và các ơn huệ của Ngài, hầu đáp ứng với định mệnh siêu nhiên mà Thiên Chúa dành cho mình.

Đó là vấn đề trọng tâm của mọi công tác mục vụ và là điểm tương phản rõ rệt giữa Kitô hữu *hữu danh vô thực* và Kitô hữu đích thực. Chúng ta phải xem xét vấn đề này. Người ta không trách các Kitô hữu vì họ là Kitô hữu, mà vì họ không sống đúng như người Kitô hữu. Một Giáo Hội chỉ lo thực thi chuyên cần các bí tích thì chưa đủ, mà trước tiên phải biết tuyên xưng đạo của mình. Chúng ta phải công bố Đức Giêsu Kitô trong thế giới hôm nay, làm chứng cho niềm tin của chúng ta vào Ngài. Đức Giêsu từng nói: *«Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời»* (Mt 10,32). Chúng ta cần những Kitô hữu tin vào Đức Giêsu, Con duy nhất của Chúa Cha, và công bố đức tin của họ vào sự sống lại và vào tác động của Thánh Thần; đồng thời thực thi niềm tin này vào trong mọi chiều kích của cuộc sống họ.

Tóm lại, người ta đòi hỏi một Giáo Hội gồm những người tự nguyện; những người thể hiện mạnh mẽ sự tự do của con cái Thiên Chúa. Các bổn phận Kitô hữu không phải giống như những lệnh truyền độc đoán áp đặt từ bên ngoài, nếu không thi hành thì mắc tội trọng; mà giống như những đòi buộc từ trong thâm tâm, những mệnh lệnh phát sinh từ bản chất của đức tin.

Giáo Hội ấy, Giáo Hội của ngày mai, sẽ càng ngày càng trở thành một Giáo Hội gồm các Kitô hữu sống tâm tự lưu đầy giữa xã hội chung quanh, như hình ảnh Cha Karl Rahner từng tiên đoán. Giáo Hội ấy đang ngày càng thành hình rõ rệt hơn.

*Kitô hữu năm 2000*

Sau Công Đồng Vatican II, khi mô tả người Kitô hữu của tương lai, của năm 2000, cha Rahner nhìn thấy trước hết họ sẽ là những Kitô hữu thâm tín, theo Chúa một cách tự

nguyện; tuy họ chỉ là thiểu số trong thế giới, nhưng vững chắc trong đức tin, có tình huynh đệ với đồng đạo và với mọi người. Cha tuyên bố:

*«Thời đại này sẽ có những cộng đoàn Kitô hữu, những cộng đoàn Công Giáo sống trên toàn thế giới nhưng được phân phối không đồng đều. Khắp nơi đều xuất hiện những nhóm nhỏ. Lý do là vì nhân loại phát triển nhanh hơn Kitô giáo, và vì người ta sẽ không là Kitô hữu do tập tục và truyền thống qua trung gian các định chế hay qua lịch sử, hoặc do môi trường xã hội thuận nhất hay do dư luận xã hội thúc đẩy. Nhưng người ta sẽ là Kitô hữu duy chỉ vì do hành vi đức tin bản thân của mình, và qua gương sáng của các bậc cha mẹ, sự thân mật trong gia đình và trong những nhóm nhỏ giống như một ngọn lửa thiêng lan truyền. Họ có được hành vi đức tin ấy nhờ trải qua một cuộc chiến khó khăn và liên li.*

*«Tất cả các Kitô hữu ấy sẽ mang những tâm tư đậm nhạt của hoàn cảnh lưu đày giữa xã hội của người không tin... Họ trở thành đàn chiên nhỏ của Tin Mừng.....Họ sẽ nhận ra nhau là anh chị em, vì kỳ thực dường như bất cứ ai trong họ cũng hiến dâng trái tim và cuộc đời mình cho Đức Giêsu Kitô bằng một quyết định cá nhân và tự nguyện. Sẽ không mấy người sống theo kiểu dựa dẫm người khác, vì làm Kitô hữu thì chẳng đem lại cho họ tí lợi lộc trần thế nào... Giáo Hội sẽ tìm lại được chính mình nơi những nhóm nhỏ gồm các anh chị em cùng chia sẻ một niềm tin, một niềm hy vọng và một tình thương chân thành. Giáo Hội ấy sẽ không tự hào về mình, không xem mình cao cả hơn Giáo Hội của những thời đại trước; nhưng với tâm tình, sự vâng phục và biết ơn, họ sẽ chấp nhận thời đại của mình như một món quà mà Đức Giêsu và Thánh Thần Ngài trao tặng...»<sup>38</sup>*

Dù tương lai thế nào đi nữa, Kitô hữu hôm nay phải sống niềm tin của mình với lòng can đảm và cương quyết. Hơn bao giờ hết Kitô hữu phải hừng khởi thực hành những điều Phêrô truyền cho những môn đệ đầu tiên: đó là ý thức mình có tội và hoán cải, gặp gỡ Đức Giêsu bằng cách tái khám phá khuôn mặt Ngài và Lời Ngài, chấp nhận Thánh Thần để Ngài dẫn mình *«đi đến nơi mà có lẽ tự mình không thể đi đến được»*. Tóm lại, Kitô hữu hôm nay phải mở lòng hướng về tương lai trong một đức tin đầy hi vọng vì nó bao hàm lời hứa và quyền năng của Thiên Chúa.

### **3. Hướng đến việc trở nên Kitô hữu đích thực hơn**

Sự tương phản giữa hai dạng Kitô hữu mà chúng ta vừa phác họa buộc chúng ta phải tự vấn lương tâm thật nghiêm chỉnh: tương lai tôn giáo của những thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào kết luận hôm nay của ta.

#### ***Một thay đổi triệt để***

Trước tiên chúng ta phải nhìn thẳng vào thực trạng của hoàn cảnh. Dù muốn hay không, Kitô hữu ngày mai sẽ càng ngày càng ít thuộc loại Kitô hữu do cha mẹ truyền đạo lại, được xếp đặt và được nâng đỡ nhờ truyền thông Kitô giáo vững chắc của gia đình. Với tất cả sự sáng suốt và tự do của người đã trưởng thành, người Kitô hữu tương lai sẽ phải chọn lựa chấp nhận hay không chấp nhận sự kiện này: đến với Đức Giêsu Kitô để được sống. Không một Kitô hữu trưởng thành nào có thể nhờ ủy quyền để trở thành Kitô hữu. Người Kitô hữu trưởng thành phải tự quyết định; và quyết định ấy tùy thuộc phần lớn vào mẫu Kitô giáo mà người khác công hiến cho họ và vào việc họ nhìn thấy những người khác sống tôn giáo ấy. Họ cần nắm được đạo lý và thấy được những hình ảnh.

Người ta khó tưởng tượng được hoàn cảnh đã đổi thay hiện nay so với thế hệ Kitô hữu thời nguyên thủy, khi phép rửa tội không ban cho người lớn mà lại ban cho trẻ nhỏ. Ngày

<sup>38</sup> Diễn văn cho các sinh viên đại học Fribourg (Đức), do Pax Romana xuất bản, báo số 6, năm 1965.

xưa, các Kitô hữu đầu tiên là những người trưởng thành được mời gọi hoán cải, chấp nhận lời Chúa bằng sự tự nguyện và tự do gắn bó với Ngài. Sự gắn bó này làm đảo lộn cuộc đời họ và có thể đưa họ đến chỗ tử vì đạo.

Dần dà hoàn cảnh thay đổi, và Giáo Hội rửa tội cho trẻ nhỏ. Người ta hít thở và sống trong bầu khí Kitô giáo trước tiên tại gia đình, rồi sau đó trong xã hội dân sự. Truyền thống tôn giáo cứ thế mà thành hình. Việc mục vụ của chúng ta trở thành mục vụ cho những người đã là Kitô hữu.

Còn hiện nay, tại nhiều quốc gia, tình trạng trên đã thuộc về quá khứ. Hoàn cảnh này đặt ra những vấn đề mới, bắt đầu bằng những câu hỏi về việc rửa tội cho trẻ nhỏ và về việc chọn lựa tôn giáo mà người thanh niên trưởng thành sẽ tự thực hiện. Tôi muốn nhấn mạnh tới những trách nhiệm mới của chúng ta về những chuyện này. Và trước hết là: nên tiếp tục rửa tội trẻ nhỏ hay nên chờ cho chúng trưởng thành để chúng tự quyết định?

### **Đặt lại vấn đề: Rửa tội trẻ nhỏ**

Vấn đề này đương nhiên phải đặt ra nếu người ta xem rửa tội là việc nghiêm trọng. Người ta có thể dễ thiên về quan điểm này: cứ để đến khi người thanh niên trưởng thành, có đủ khả năng đích thân gặp gỡ Đức Giêsu Kitô, đồng thời đón nhận Thánh Thần và Tin Mừng của Ngài, thì mới nên chịu phép Rửa.

### ***Gìn giữ phép rửa tội***

Tuy nhiên, Giáo Hội vẫn kiên quyết bảo tồn truyền thống rửa tội trẻ nhỏ – điều này rất chính đáng – với điều kiện là cha mẹ chúng bảo đảm cho đứa trẻ sẽ được rửa tội ấy ít nhất là được hưởng nền giáo dục Kitô giáo. Điều luật này thật quan trọng để phép rửa khỏi bị biến thành một nghi thức suông, theo lẽ thói xã hội chẳng mang ý nghĩa nào cả. Giáo Hội không chấp nhận làm mất tính thánh thiêng của phép rửa và giản lược nó thành một lễ nghi mà trước mặt một số bậc cha mẹ chỉ còn là một nghi thức theo qui ước xã hội, một thứ chúc lành hay chúc phúc, chẳng có chút nội dung tôn giáo nào. Linh mục phải xác nhận đòi hỏi nói trên khi gặp những bậc cha mẹ không còn hành đạo hoặc không phải là tín hữu. Đối với vị linh mục, giữ cho đúng điều ấy hẳn phải gặp nhiều vấn đề tế nhị. Hành xử như thế nào sẽ tùy xét đoán của linh mục tại chỗ, vì chẳng có một luật chung nào qui định cả: Có nên áp dụng một cách cụ thể câu Lời Chúa «*không dập tắt tim đèn còn khói*» không? Hay phải buộc người ta coi trọng ân huệ của Thiên Chúa nơi phép rửa tội vì phép này đòi hỏi những cam kết trong cuộc sống như một hợp đồng giao ước đích thực?

### ***Duy trì phép rửa tội cho trẻ em từ thơ ấu***

Tuy nhiên, linh mục cũng có thể gặp trường hợp trái ngược: cha mẹ là Kitô hữu chân thành nhưng lại muốn hoãn việc rửa tội cho đứa trẻ vì tin rằng tốt hơn là để cho chính đứa trẻ tự quyết định lấy khi nó trưởng thành. Có thể chấp thuận chọn lựa này không?

Ở đây, tôi muốn nói một cách ngắn gọn lý do tại sao các bậc cha mẹ Kitô hữu phải chọn cho con trẻ của họ được rửa tội ngay từ nhỏ, mặc dù họ nại đến sự tự do tương lai của trẻ ấy. Trước tiên chúng ta hãy chứng tỏ điều này bằng cách đặt mình vào địa vị các bậc cha mẹ, sau đó, một cách sâu xa hơn, vào địa vị của Thiên Chúa, Đấng đến gặp gỡ đứa trẻ ngay từ khởi điểm cuộc đời nó.

Trước hết khi chỉ tự đặt mình vào quan điểm trách nhiệm làm cha mẹ mà thôi, ta cũng nhận thấy rằng cha mẹ đương nhiên phải chịu trách nhiệm thay cho đứa trẻ. Họ cho đứa trẻ chào đời, và ngay sau đó họ phải quyết định thay cho nó những gì phù hợp với nó. Từ giây phút đầu, họ mong ước trao cho đứa trẻ những gì tốt nhất của tình thương, những chăm sóc mà họ xét là cần thiết theo chứng nghiệm sống của họ. Tình thương, mối lưu tâm và ân cần của họ luôn đi trước. Đó quả là vẻ đẹp của thứ tình yêu quảng đại vị tha. Có lẽ họ không ý thức, nhưng trong việc này, họ bắt chước chính tình yêu Thiên Chúa, Đấng luôn luôn yêu thương chúng ta trước, chẳng chờ nỗ lực và lòng biết ơn của chúng ta.



Cũng trong cách nhìn này, Đức Giêsu từng nói trong Tin Mừng: *«Không phải anh em đã chọn Thầy mà chính là Thầy đã chọn anh em»* (Ga 15,16). Sự dân thân làm Kitô hữu của chúng ta là để đáp trả việc Thiên Chúa chọn lựa này, đáp trả lại tình yêu mà Thiên Chúa đi bước trước. Đây không phải là lời Chúa mời gọi chúng ta đi theo đúng con đường ấy trong vấn đề liên quan đến phép rửa tội hay sao? Ngay từ lúc đầu, Thiên Chúa ao ước ban cho đứa trẻ điều tốt nhất của Ngài, đó là sự sống thân mật với Ngài; vì rửa tội cho đứa trẻ là dẫn đứa con của mình vào đời sống thân mật với Thiên Chúa; là liên kết nó vào mầu nhiệm chết và sống lại của Đức Giêsu; là khai mở cho nó đón nhận ơn Thánh Thần. Việc làm này giúp cho đời sống đứa trẻ phong phú thực sự, mặc dù bước đầu đứa trẻ chưa ý thức được; nhưng điều quan trọng là từ từ nó sẽ ý thức, khi sống đời sống Kitô hữu được Thánh Thể nuôi dưỡng. Hoãn rửa tội là không cho đứa trẻ may mắn được hưởng tất cả con đường ân sủng ấy. Lý do cho nó được tự do để chần chừ, là làm cho đứa trẻ mất đi một điều hết sức quý giá khi đứa trẻ có thể chọn lựa một cách trưởng thành: điều quý giá đó là chứng nghiệm sống đời Kitô hữu. Để đứa trẻ sống bên ngoài chứng nghiệm này, thì vô tình hay hữu ý chúng ta đã *«điều kiện hoá»* nó. Và sự thiếu sót này sẽ ảnh hưởng mạnh trên lối chọn lựa của nó sau này; vì không thể nào không chịu ảnh hưởng tai hại khi thở hít bầu khí lạnh nhạt về mặt tôn giáo trong khung cảnh gia đình, cũng như bầu khí độc hại về tôn giáo ở bên ngoài. Kỳ thực bậc cha mẹ như thế chỉ hỗ trợ một thứ tự do hời hợt bề ngoài mà thôi, vì họ đã không cho phép đứa trẻ có được những gì cần thiết để chọn lựa một cách tự do thật sự khi trưởng thành.

Cũng một lập luận như thế, tôi tin rằng người ta phải tiếp tục cho đứa trẻ lãnh nhận bí tích thêm sức ngay lúc còn thơ ấu để bổ sung cho phép rửa tội. Dĩ nhiên, một cách nào đó, đứa trẻ cần lãnh nhận bí tích này trong bầu khí đạo đức hằng ngày của cha mẹ. Khi lớn lên, đứa trẻ sẽ xác quyết lại đức tin của mình trong tư cách trưởng thành; nhưng từ đây đến lúc trẻ thành khôn lớn, ân sủng bí tích có thể hoạt động trong đứa trẻ theo niềm tin ngày một tăng lên.

### **Cần xét lại cuộc sống**

Nếu phải giữ lại phép rửa tội trẻ em, thì cũng phải nhìn nhận những trách nhiệm mới của chúng ta đối với người thanh niên mới lớn lên. Đứa trẻ được kêu gọi để am tường và thuận nhận những đòi hỏi của cuộc sống thấm nhuần các bí tích khai tâm Kitô giáo mà nó đã lãnh nhận. Người ta không tự động trở thành Kitô hữu: mỗi người có một con đường riêng dẫn họ đến sự phát triển thành Kitô hữu trọn vẹn. Dưới hình thức này hay hình thức khác, mỗi thanh niên đều phải ý thức và chuẩn nhận các mệnh lệnh mà trước đây Phêrô đã nói với những người đến nghe ông vào buổi sáng hôm Thánh Thần hiện xuống: *«Anh em hãy thống hối, mỗi người trong anh em hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giêsu Kitô để được tha tội, và rồi hãy nhận lấy ơn huệ Thánh Thần»* (Cv 2,38). Để trở thành Kitô hữu đích thực, phải chấp nhận trở về với Đức Kitô một cách ý thức hoàn toàn và cởi mở đón nhận Thánh Thần Ngài: không thể trốn tránh những đòi hỏi này.

Bổn phận đầu tiên của người Kitô hữu hôm nay là tỏ cho thiên hạ thấy – nơi chính họ – hình ảnh những Kitô hữu *«hoán cải»* và *«tràn đầy Thánh Thần»*. Sứ mạng riêng của Kitô hữu đích thực hôm nay là nỗ lực đáp ứng những đòi hỏi của Tin Mừng và chuyển tải niềm tin của họ *vào giữa lòng thế giới*. May thay, họ vẫn còn đông đảo; và nếu những Kitô hữu theo chiều hướng dân thân xã hội không giúp thiên hạ đoán ra được thế nào là Kitô giáo đích thực, thì ít nhất họ cũng mở lối cho người ta tìm đến tôn giáo này. Tuy vậy, mặc dầu có nhiều thiện chí và những sáng kiến tích cực, những nỗ lực dân thân của họ vẫn phải chịu những chống đối dày đặc của thế giới chung quanh. Ánh sáng của họ khó khăn lắm mới xuyên thủng được màn đêm tăm tối. Để chiến thắng những trở ngại và lôi kéo được những Kitô hữu nữa với bên cạnh họ, họ cần phải được gia tăng sức mạnh để năng lực của họ vượt trội lên, họ cần phải bồi bổ nhờ sức mạnh bắt nguồn từ Thánh Thần.

Theo Đức Gioan XXIII, Công Đồng Vatican chính là một sự linh ứng của Thánh Thần. Công Đồng mời gọi chúng ta khám phá lại phẩm vị của Thánh Thần, và đón nhận sự hiện diện nóng bỏng và hoà điệu của Ngài. Việc canh tân phụng vụ hậu Công Đồng nhắc nhở chúng ta mỗi ngày rằng Thánh Thần đang hiện diện trong những bữa tiệc thánh thể của chúng

ta. Ngày nay, những biểu hiện của Thánh Thần xuất hiện dưới đủ mọi hình dạng, như những chồi non vào mùa xuân. Tất cả những dấu chỉ từ trời ấy mời gọi chúng ta ý thức mạnh mẽ hơn về chân tính Kitô hữu của mình; họ phải là những người đã hoán cải để trở về với Đức Giêsu và sống theo Thánh Thần của Ngài. Những Kitô hữu này, ngày càng tin trung, vẫn là chất men được kêu gọi làm dậy bột.

### *Nhu cầu giảng dạy*

Tuy nhiên trong những Kitô hữu ấy, có những Kitô hữu đặc biệt có thể quyết định hướng đi trong tương lai: Đó là tất cả những người có sứ mạng giảng dạy trong Giáo Hội. Họ có nhiệm vụ đặc biệt là trình bày cho các thế hệ hiện tại và tương lai hình ảnh của một Kitô giáo toàn vẹn.

Các giám mục, thần học gia, linh mục, các Kitô hữu dẫn thân, mỗi người tùy theo đoàn sủng và trình độ của mình, phải là hình ảnh sống động của "kẻ sám hối, đầy Thánh Thần", để có thể rao truyền cho mọi người sứ điệp đích thực mang lại sự sống của Thầy mình là Đức Kitô. Hơn bao giờ hết, các bạn trẻ rất nhạy cảm với những hành động cụ thể và muốn chứng nghiệm tận mắt. Phải đọc Kinh Thánh với họ và có thể nói với họ rằng không thể để mặc mọi sự tiếp diễn như vậy giữa Kitô giáo hôm qua và Kitô giáo hôm nay.

### *Những câu hỏi và những lời chất vấn*

Điều ấy buộc tất cả chúng ta phải xem xét rạch ròi lương tâm của mình. Nếu tôi tự xét mình, tôi phải đặt ra cho tôi câu hỏi: Tôi có thực sự hoán cải, nghĩa là tôi có chấp nhận cuộc sống với tâm hồn trở về với Thiên Chúa – tức *Metanoia* – không? Hoán cải không chỉ là diệt trừ tội lỗi – dĩ nhiên ưu tiên là thế – nhưng ngày ngày còn phải từ bỏ lối suy nghĩ, quan điểm, thái độ dè dặt, và những tiêu chuẩn thường tình của mình? Tôi có thực sự chấp nhận Đức Kitô «là đường, là sự thật và là sự sống» của tôi không? Và lời nói lạ lùng của Phaolô: tôi có thể nói như Ngài: «*Không còn phải là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi*» (Gl 2 20) không? Tôi có dám quả quyết rằng tôi thật sự tin như thế cho dầu phải chấp nhận những hệ quả rất ráo của niềm tin ấy không?

Tôi có thực sự chấp nhận để Đức Kitô «*Kitô hóa*, để Thánh Thần «*thần hoá*» tôi một cách trọn vẹn không? Tôi có tin Thánh Thần và các đoàn sủng của Ngài hiện nay cũng có thực như thế kỷ đầu tiên không?

Khi tôi thụ phong, Đức Giám Mục chủ phong đã ủy thác cho tôi sứ mạng làm mục tử «*trong sức mạnh của các điếm thiêng dầu lạ*». Tôi có tin rằng Đức Giêsu đòi hỏi tôi phải phó thác cho Thánh Thần Ngài tới mức đó không?

Người Kitô hữu của ngày mai chỉ có thể đương đầu với tương lai nếu được chúng ta truyền lại một thứ Kitô giáo hùng mạnh, đầy sức sống, dựa trên quyền năng của Thánh Thần, được bóng Ngài che phủ và có khả năng thực hiện «*những điếm thiêng dầu lạ*». Những điều ấy chứng tỏ chúng ta luôn luôn sống trong niềm phấn khởi của biến cố Hiện Xuống.

Chúng ta phải đọc lại Tin Mừng về cảnh tượng ở Na-da-rét: Đức Giêsu áp dụng cho chính Ngài lời Isaia về việc Thánh Thần ngự xuống trên Ngài trước khi Ngài đem Tin Mừng đến với muôn dân (Lc 4,18). Phải nghe lại mệnh lệnh Đức Giêsu truyền cho các Tông Đồ trước khi sai họ đi chinh phục thế gian: «*Vậy, anh em hãy ở lại trong thành cho đến khi nhận được quyền năng từ trời cao ban xuống*» (Lc 24,49).

Phải chậm rãi đọc từng trang quyển giáo lý đầu tiên bằng hình ảnh này, đó là sách Công Vụ Tông Đồ. Chúng ta thấy trong sách ấy hình ảnh Phêrô đang nói với đám đông; ông trầm tĩnh quả quyết lời tuyên sấm của ngôn sứ Gio-ên, đã được ứng nghiệm trước mắt họ, khi ông loan báo: «*Thiên Chúa phán: Ta sẽ đổ Thánh Thần ta trên hết thầy người phàm, Con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ ... Ta cũng sẽ đổ Thánh Thần ta cả trên tôi nam tớ nữ của Ta. Ta sẽ cho xuất hiện những điếm thiêng trên trời cao*» (Cv 2,17-19). Phêrô nhắc lại cho họ về Đức Giêsu Na-da-rét: «*Đức Giêsu Na-da-rét là người đã được Thiên Chúa phái*

đến với anh em. Và để chứng thực sứ mạng của Người, Thiên Chúa đã cho người làm những phép mầu, điềm thiêng và dấu lạ giữa anh em. Chính anh em biết điều đó» (Cv 2,22). Thời ấy Kitô giáo được sống như một chứng nghiệm.

Dưới ánh sáng các đoạn văn được linh ứng trên, chúng ta phải làm sáng tỏ khái niệm Kitô hữu «*chuẩn mực*»; phải dẹp đi nỗi sợ hãi trước những gì thuộc về Thánh Thần mà chúng ta có khuynh hướng cho là «*quá đáng*»; phải thay đổi cách dùng từ ngữ của chúng ta, đừng gọi sợ hãi là thận trọng; cũng đừng cho thái độ ngập ngừng trước những gì vượt quá sức chúng ta là khôn ngoan. Có làm được như thế, chúng ta mới có thể xác định rõ chân tính của mình; có thể tuyên dương chân tính Kitô hữu «*bằng hành động và trong sự thật*», và truyền trao chân tính đó lại nguyên vẹn cho các Kitô hữu ngày mai, tiếp nối chúng ta.

## Chương VIII

# THÁNH THẦN VÀ NHỮNG CỘNG ĐOÀN MỚI

*Đức tin phải thấm nhuần tình huynh đệ,  
nghĩa là phải được thể hiện trong cộng đoàn,  
nếu không, đức tin sẽ chẳng tồn tại.*

P. Liège

### 1. Hình ảnh ban đầu của Giáo hội : tình huynh đệ Kitô giáo

Trên hành trình trở về nguồn của Kitô giáo, chúng ta đã nêu lên đặc tính của người Kitô hữu nguyên thủy. Đó là những người *«biết hoán cải, nhận Đức Giêsu làm Chúa và làm Đấng Cứu Độ, lắng nghe Thánh Thần»*.

Chúng ta cũng phải ý thức thực trạng của các cộng đoàn Kitô giáo thời sơ khai ấy. Sau hai mươi thế kỷ, các bối cảnh văn hóa xã hội rõ ràng đã thay đổi rất nhiều. Nhưng để giữ sự liên tục không bị gián đoạn với quá khứ, cần phải tìm lại những yếu tố cốt yếu. Ngay cả những tương phản cũng có giá trị giúp ta tự vấn lương tâm. Ngày nay, chữ *«Giáo Hội»* xét về mặt bên ngoài, hẳn sẽ gọi lên hình ảnh một xã hội có tổ chức chặt chẽ, bao trùm mọi lục địa, được điều hành bằng những luật lệ phổ quát do Đức Giáo Hoàng ban hành. Đó là hình ảnh một *«định chế»* bên cạnh *«những định chế khác»*, thường được nói đến trong khuôn khổ chính trị hoặc xã hội học. Người ta xếp chung trên cùng một bình diện những quyền bính dân sự, quân sự và tôn giáo; rồi đồng hóa sự khủng hoảng của Giáo Hội với sự khủng hoảng của một chế độ quân chủ tuyệt đối đang bị các thế lực dân chủ chống đối. Đó là nhìn Giáo Hội qua một ống nhòm bị điều chỉnh sai, dưới góc độ làm hình ảnh bị rời ra xa, bị biến dạng, thay vì đưa lại gần.

Mang thân phận con người trong thời gian và không gian, nên Giáo Hội cũng là *«định chế và xã hội»*; nhưng – như chúng tôi đã nói - tự nơi bản chất thâm sâu của mình, Giáo Hội là một cộng đoàn huynh đệ gồm những người nhìn nhận Đức Giêsu Na-da-rét, đã chết và phục sinh, là Đấng Cứu Độ con người và thế giới. Họ nhìn nhận Ngài là Chúa và là Con duy nhất của Thiên Chúa. Và họ muốn dựa vào Ngài để cùng thực hiện những nội dung đức tin của họ, giữa họ với nhau và với tất cả mọi người. Giáo Hội chỉ hiện diện cụ thể ở nơi nào các tín hữu tụ họp lại để nghe lời Chúa, để cầu nguyện, để cử hành Tiệc Thánh, để dần thân sống đức tin và đức ái bằng một cuộc sống cá nhân và cộng đoàn bất khả phân ly.

Cha L. Bouyer đã viết rất chính xác:

*«Tự căn cơ Giáo Hội không hiện hữu như một tổ chức có qui mô toàn cầu chuyên lo việc phụng tự, rao giảng Tin Mừng hoặc việc bác ái Kitô giáo, mà trước tiên như những cộng đoàn chủ yếu ở địa phương gồm các tín hữu tụ tập nhau lại để cử hành Thánh Thể».*<sup>39</sup>

Sách Công Vụ Tông Đồ cho chúng ta thấy tình huynh đệ của các Kitô hữu, là môn đệ Đức Giêsu. Họ liên kết chặt chẽ với nhau, đôi khi đến mức chia sẻ của cải cho nhau.

---

<sup>39</sup> L. BOUYER, *L'Église de Dieu* Paris, Édition du Cerf, tr. 337.

Những Kitô hữu đầu tiên, gồm ba ngàn người hoán cải và gia nhập đức tin, đã đón nhận lời Thánh Phêrô và các Tông Đồ vào sáng ngày Thánh Thần hiện xuống. Họ được sách Công Vụ Tông Đồ mô tả là:

- một cộng đoàn do các Tông Đồ hướng dẫn, chuyên chú nghe các Tông Đồ dạy dỗ.
- một cộng đoàn huynh đệ linh hoạt nhờ những buổi hội họp và tiếp xúc thường xuyên với nhau.
- một cộng đoàn Thánh Thể, cùng cử hành lễ tưởng niệm Đức Chúa «*cho đến khi Ngài lại đến*».
- một cộng đoàn cầu nguyện, trước tiên cùng tụ họp ở Đền Thờ, và về sau tại nhà của nhau.

Trên đây là những nét chủ yếu người ta nhận thấy nơi Giáo Hội thời sơ khai; sự hiệp thông huynh đệ nồng ấm này là dấu chỉ tuyệt vời làm cho người ta tin tưởng vào Giáo Hội. Người ta phải buột miệng nói: «*Kìa xem họ yêu thương nhau biết bao!*».

Những ai nhìn họ sống đều bị đánh động bởi niềm vui, tâm hồn đơn sơ, tình huynh đệ chan chứa của họ. Ta có thể nói rằng đời sống của họ rõ ràng là chân thật, họ tin tưởng thế nào thì thực hành thế ấy. Họ cố gắng sống trọn vẹn lời nhắn nhủ hết sức hợp lý sau đây: «*Ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy thì làm sao có thể yêu mến Thiên Chúa, Đấng họ không thấy*» (1Ga 4,20).

Mối hiệp thông huynh đệ của họ không phải là kết quả của sự gằn gữ tự nhiên, hoặc do sự nhiệt tình lãng mạn. Mối hiệp thông ấy – *Koinonia* – trải qua những căng thẳng nội bộ mà họ phải vượt thắng, bên trên những gì ngăn cách hoặc đối đầu giữa nô lệ và chủ nhân, giữa đàn ông và đàn bà, giữa Do Thái và Hy Lạp.

Mối hiệp thông huynh đệ ở đây không phát sinh từ việc có chung một ý thức hệ hoặc cùng sống theo một bộ luật chi tiết nào đó mà bắt nguồn từ việc gặp gỡ một Đấng và do việc tuyên xưng niềm tin của mình vào Đấng ấy. Mối hiệp thông trước tiên là hiệp thông với Đấng này, từ đó phát sinh ra sự hiệp nhất giữa các anh chị em cùng tuyên dương Ngài. Mối hiệp thông này là một «*Martyria* = *màu nhiệm tử đạo*» nghĩa là chứng tá. Chính từ ngữ này – «*Martyria*» – nói lên mức chứng tá mà Kitô hữu có thể phải gặp.<sup>40</sup>

Mối hiệp thông huynh đệ này còn là «*Diaconia*», nghĩa là phục vụ trong tình liên đới, ưu tiên phục vụ các anh chị em đang gặp khó khăn. Chúng ta nhớ lại những quyên góp của thánh Phaolô giúp các Kitô hữu ở Giêrusalem và việc chia sẻ của cải cho nhau. Mối hiệp thông huynh đệ này giải thích nhiều tác vụ khác nhau để phục vụ cộng đoàn trong chính nhân quan «*diaconia*» trên đây.

Các chức năng mục vụ được định vị ngay trong khuôn khổ tình huynh đệ khởi thủy này. Dĩ nhiên, các chức năng ấy không thuần túy phát sinh từ cộng đoàn. Vì từ khởi thủy, Đức Giêsu đã ban cho Giáo Hội Ngài một tác vụ tông đồ nối liền với Ngài cách đặc biệt. Nhưng việc phục vụ Giáo Hội đã thấm sâu vào tâm hồn những cộng đoàn đang khai sinh.

Trong chương hai hiến chế *Lumen Gentium*, Công Đồng Vatican II đã nhấn mạnh khía cạnh huynh đệ là nền tảng của Giáo Hội khi mô tả Giáo Hội là dân Thiên Chúa, dân chịu phép rửa, dân coi nhau là anh chị em mình. Như thế, Công Đồng Vatican II đã tiếp nối truyền thống mà dư âm hiện vẫn còn vang trong sách Công Vụ Tông Đồ. Đó là quyết định của Công Đồng Giê-ru-sa-lem, quyết định chung của «*các Tông Đồ, các trưởng lão và các anh em*», được truyền đến các Kitô hữu ở An-ti-ô-ki-a, Si-ri-a, Si-li-xi-a. Quyết định ấy được coi như của toàn thể cộng đoàn: «*Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định không đặt lên vai anh em một gánh nặng nào khác ngoài những điều cần thiết này*» (Cv 15,28).

---

<sup>40</sup> *Martyria* còn có nghĩa là *tử đạo*.

Trong ba thế kỷ đầu, các thế hệ Kitô hữu đầu tiên đã sống tình huynh đệ này hết sức tự nhiên. Chữ «*Giáo Hội*» có nghĩa là cuộc tụ họp, và cuộc tụ họp này mang danh nghĩa «*cộng đoàn huynh đệ*» (Thư thánh Phêrô). Các Giáo Hội địa phương này gửi thư cho các Giáo Hội địa phương khác. Các giám mục cũng gửi các sứ điệp tới các Giáo Hội khác với Giáo Hội của mình. Chẳng hạn thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Roma không phải là một trường hợp riêng lẻ. Vào đầu thế kỷ thứ hai, thánh I-nhà-xi-ô thành An-ti-ô-ki-a gửi bảy lá thư cho các Giáo Hội trong đó có sáu Giáo Hội thuộc về một vùng khác. Thời ấy, người ta cùng sống đạo Kitô với nhau, các công việc của bất kỳ ai cũng đều là việc của mọi người. Thay đổi lịch sử xảy ra giữa thế kỷ thứ III và thứ VI. Càng ngày người ta càng nhấn mạnh đến khía cạnh định chế và pháp lý của Giáo Hội, cũng như phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân, để cuối cùng giống như đã lập ra hai giai cấp trong Giáo Hội.

Nói thế không có nghĩa là giáo phẩm và tác vụ linh mục không phải là những thực thể chuyên biệt, nhưng vai trò riêng của họ được linh hoạt trong khuôn khổ cộng đoàn. Vì thế, bình diện mục vụ chi phối rõ rệt ý nghĩa thâm quyền tôn giáo. Và sự kiện này giải thích hình ảnh mục tử được Giáo Hội chọn để nói đến các vị hướng dẫn cộng đoàn: hình ảnh này không chỉ có trong Tin Mừng vốn mô tả Đức Giêsu là vị mục tử nhân lành, mà nó còn đáp ứng được thực thể Giáo Hội mà người ta đang sống. Vai trò mục tử trước tiên không phải là cai quản đàn chiên mà là tụ họp chiên lại, liên kết chúng với nhau thành một cộng đoàn thống nhất.

## 2. Kitô giáo mang tính cộng đoàn

Giáo Hội sơ khai đã phát sinh như một tập thể gồm những cộng đoàn bé nhỏ của các Kitô hữu, tản mác khắp nơi trong đế quốc La Mã. Họ sống giữa mọi người, đóng vai trò mà Đức Giêsu đã chỉ định là làm muối đất, làm men dậy bột. Nhờ sức mạnh từ bên trong – tức quyền lực của Thánh Thần hoạt động trong Giáo Hội – dần dà người gặp người và Giáo Hội được thiết lập. Khi nhìn về tương lai, chúng ta như tái khám phá một Giáo Hội sống lưu đầy, tản mác. Đây lại là lý do mới nữa gợi ý cho chúng ta rút tía bài học của thời nguyên thủy Giáo Hội. Tôi tin rằng, hơn bao giờ hết, tương lai của Giáo Hội tùy thuộc vào sức mạnh và phẩm cách của đời sống cộng đoàn của mình. Giáo Hội tương lai tùy thuộc vào các cộng đoàn Kitô hữu, là những nơi thể hiện Thân Thể máu nhiệm của Chúa Kitô.

Kitô giáo và chủ nghĩa cá nhân không thể đi đôi với nhau. Bản chất của đời sống Kitô hữu là để cho Chúa Kitô trở thành sự sống chung của các Kitô hữu. Là để Thánh Thần xây dựng Giáo Hội nơi chúng ta bằng những ân huệ đa biệt, đồng quy và bổ sung lẫn nhau. Đặc tính của các đoàn sùng không phải là sự biểu hiện của Thánh Thần vì thiện ích chung sao? Đoàn sùng được bảo đảm là chân thật khi các Kitô hữu trong cộng đoàn biết rõ nhau, phê bình xây dựng lẫn nhau, cùng nhau suy xét. Nhờ sinh hoạt chung như thế mà cuộc sống cộng đoàn thêm phong phú, và những đối nghịch đi đến hòa hợp. Người ta thường nói phải họp nhiều người lại mới có được quyết định khôn ngoan. Cũng có thể nói : phải họp nhiều người lại thì mới là Kitô hữu. Và lại Đức Giêsu từng dạy rằng : «*Ở đâu có hai hoặc ba người họp lại vì danh Thầy thì Thầy ở giữa họ*» (Mt 18,20). Lời hứa này bắt nguồn từ chính mẫu nhiệm Ba Ngôi.

Sự thống nhất siêu việt ấy của Ba Ngôi đã được Đức Giêsu chỉ cho chúng ta như gương mẫu tối cao để chúng ta bắt chước và thể hiện trong đời sống của mình. Kitô hữu là một hữu thể cộng đoàn. Nếu không ai là một hòn đảo thì điều ấy lại càng đúng đối với tất cả những ai đã chịu phép rửa tội. Chính Đức Giáo Hoàng cũng không thể tự cô lập. Thượng phụ Athénagoras từng nói: «*Đức Giáo Hoàng cũng cần có anh em*».

Để Đức Giêsu đặc biệt hiện diện, chúng ta cần phải họp thành một cộng đoàn, tối thiểu là hai hoặc ba người. Người ta phải sống Kitô giáo chung với nhau. Không gận gũi anh chị em mình, làm sao ta có thể chia sẻ lương thực thiêng liêng với họ? Mỗi người phải làm sao phát triển các đoàn sùng mình nhận được để ích lợi cho tất cả mọi người. Trước khi trở

thành Giáo Hội hoàn cầu, thì Giáo Hội đã từng là Giáo Hội Cô-rin-tô hoặc Giáo Hội Ê-phê-sô. Chúng ta càng ý thức về sức sống cộng đoàn cụ thể, thì Giáo Hội càng hiện diện linh động và càng triển nở.

### ***Đời sống cộng đoàn và nhu cầu con người ngày nay***

Kitô giáo tự bản chất là cộng đoàn. Điều này đúng trong mọi nơi mọi lúc; nhưng người Kitô hữu hôm nay lại cần phải phục hoạt những cộng đoàn Kitô hữu, không phải chỉ để sống đức tin của mình, mà còn để tồn tại với tư cách Kitô hữu trong một thế giới ngày càng xa lạ với Kitô giáo. Chèo ngược dòng nước thì lúc nào cũng vất vả; người ta hầu như bị miễn cưỡng lôi đi. Con người là con cái của thời đại mình nhiều hơn là con cái của cha mẹ mình. Chúng ta bị đe dọa trầm trọng bởi khuôn mẫu tập thể; xã hội đang áp đặt hình ảnh và các tiêu chuẩn độc đoán của nó trên chúng ta. Nếu nhân loại tiến bộ trong một số lãnh vực thì nó lại thụt lùi trong biết bao lãnh vực khác: phong hóa đồi bại, tội ác gia tăng, bạo lực, mưu sát, v..v.. Người Kitô hữu đang hít thở không khí của một thế giới như thế. Không thể sống Kitô giáo trong hầm kín, biệt cư để mong tránh khỏi các loại chương khí độc hại ấy.

### ***Cộng đoàn Kitô hữu cơ bản là gì?***

Do đó, hơn bao giờ hết, chúng ta cảm thấy khẩn thiết phải làm sống dậy những cộng đoàn Kitô hữu đích thực. Thế nhưng danh hiệu «*cộng đoàn cơ bản*» thường bao hàm những thực tế hết sức khác nhau, ngay cả trong môi trường Kitô giáo. Một linh mục người Bỉ, cha Max Delespesse, giám đốc Trung tâm cộng đoàn quốc tế ở Bruxelles, nhận xét như sau: Người ta hay dùng tên ấy để nói đến những cộng đoàn «*cùng hành động với nhau*» hơn là «*cùng sống với nhau*». Các cộng đoàn cùng hành động với nhau đương nhiên có lý do hiện hữu của mình, tuy nhiên, ở đây chúng ta không đề cập đến những cộng đoàn này. Cộng đoàn Kitô hữu mà chúng tôi muốn nói tới là loại cộng đoàn «*cùng sống với nhau*» để rồi cùng hành động với nhau.

Việc sống cùng với nhau ấy có thể thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau. Ở đây chúng ta không cần phân tích các mức độ ấy. Nhưng đối với Kitô hữu, cùng sống với nhau mà thôi thì chưa đủ để thành một cộng đoàn Kitô hữu. Chỉ là cộng đoàn Kitô hữu nếu họ thực sự cùng sống với nhau vì Đức Giêsu Kitô, Đấng mà họ công khai tuyên xưng, Đấng mà họ cố gắng bước theo vì Ngài là Chủ Tể sự sống, là Đấng Cứu Độ, là Chúa. Một cộng đoàn chỉ đích thực là Kitô giáo nếu biết đáp lại lời gọi của Đức Giêsu Kitô để Thánh Thần Ngài dẫn dắt đi giữa lòng thế giới. Bonhoeffer lưu ý đến điều kiện đầu tiên này, ông viết:

*«Ngay từ đầu cần phải ý thức rằng tình huynh đệ Kitô giáo trước hết không phải là một lý tưởng do con người suy nghĩ ra, mà là một thực tế được Thiên Chúa ban tặng. Tiếp đó, ý thức rằng thực tế này thuộc trật tự thiêng liêng chứ không thuộc trật tự tâm lý. Không thể đếm hết những cộng đoàn Kitô hữu bị băng rã vì đã sống theo một hình ảnh ảo tưởng về Giáo Hội».*<sup>41</sup>

Suy nghĩ trên đây rất chính xác và đúng lúc. Có lần tôi đọc lướt qua một tạp chí nọ, bỗng đọc thấy một định nghĩa về cộng đoàn cơ bản như sau: «*Các cộng đoàn cơ bản ít nhắm tới việc loan báo Đức Giêsu Kitô cho bằng tự tra vấn mình về chính Ngài, và sống đức tin như một cuộc tìm kiếm liên li. Các cộng đoàn này muốn liên kết hoạt động chính trị với việc sống đạo Kitô giáo của mình*». Trong đoạn trên, cần hiểu rõ từng chữ một. Theo nghĩa đích xác và mạnh mẽ của bản chất mình thì một cộng đoàn Kitô giáo không thể nào không rao truyền Đức Giêsu Kitô: «*Khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng*» (1Cr 9,16). Nói thế không có nghĩa là phải thực hiện ơn gọi này một cách thiếu suy xét, cầu thả. Có rất nhiều cách «*trình bày về Đức Giêsu Kitô*». Dầu sao đi nữa thì người Kitô hữu phải luôn luôn nghĩ đến chuyện làm sao mang sứ điệp đến với mọi người bất chấp trở ngại và chống đối có thể xảy ra.

---

<sup>41</sup> Dietrich BONHOEFFER, *De la vie communautaire* (Về đời sống cộng đoàn), Éd. Delachaux et Niestlé, 1968, p.21.

Trong câu định nghĩa trên có câu: *«Tự tra vấn mình về Đức Giêsu Kitô và sống đức tin như một cuộc tìm kiếm»*. Nhưng chúng ta cần đồng ý với nhau lối hiểu câu này: Hẳn nhiên người ta có thể thắc mắc về Đức Giêsu Kitô và tìm cách nhận biết Ngài rõ hơn *khỏi từ đức tin nguyên thủy vào Ngài và trong khuôn khổ đức tin ấy*. Đó chính là sứ mạng của thần học. Hoặc là theo giả thuyết hoàn toàn khác, người ta thắc mắc từ nơi ngưỡng cửa đức tin, rất ráo đặt lại vấn đề đức tin của mình.

Có thể có những nhóm người dọ dẫm còn xa lạ với đức tin đang cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa của Kitô giáo. Nhưng những nhóm người như thế chưa phải những cộng đoàn Kitô hữu theo nghĩa chính xác. Còn nếu là những người đã chịu phép rửa, thì cuộc tìm kiếm của họ lại mang một ý nghĩa khác. Nếu ta thắc mắc nghi ngờ thần tính Đức Giêsu Kitô hay về sự phục sinh của Ngài – không phải về việc mâu nhiệm ấy xảy ra thế nào, mà về chính việc chấp nhận mâu nhiệm ấy –, thì ta không còn là Kitô hữu nữa. Một cộng đoàn tìm kiếm như thế không phải là một cộng đoàn Kitô giáo. Cần phải tôn trọng giá trị của từ ngữ. Bất hạn một cộng đoàn Kitô giáo nào, ngay từ nền tảng, cũng phải cùng nhau nhìn nhận Đức Giêsu và sứ điệp của Ngài.

Khi hỏi: *«Người Kitô hữu là ai?»* người ta thường trả lời: đó là một người tốt, công bình, bác ái, có đạo đức và có ý thức xã hội. Nhưng rất nhiều người không là Kitô hữu cũng có những đức tính ấy, đôi khi còn hơn cả chúng ta. Thế thì sao? Đặc tính duy nhất và cấu thành Kitô giáo không phải là toàn bộ các nguyên tắc hay giá trị, mà là Đức Giêsu Kitô. Điều cốt yếu của Kitô giáo chính là ý nghĩa của cuộc đời, của sự chết, của sự sống lại của Đức Giêsu Kitô, và của sự hiện diện sống động của Ngài nhờ Thánh Thần.

Nếu Đức Kitô chỉ là một danh hiệu mơ hồ, kỳ thực chỉ là nhằm mô phỏng tình yêu đối với nhân loại mà thôi, và nếu Tin Mừng bị giản lược thành một chủ nghĩa nhân bản xã hội nào đó, thì danh hiệu Giêsu hẳn có thể gán cho tên của bất kỳ vị tiên tri vĩ đại nào đó của nhân loại. Cổ võ canh tân trong Giáo Hội để làm gì nếu việc canh tân này không giúp người ta tái khám phá một cách sâu xa tương quan cá nhân của người Kitô hữu với Đức Giêsu Kitô. Nếu muốn sống đời Kitô hữu một cách trung thực, trước tiên phải tìm cho ra ý nghĩa chính xác của phép rửa trong Đức Giêsu Kitô.

Đức Giêsu Kitô là viên đá góc, là nền của mọi cộng đoàn Kitô hữu. Để một cộng đoàn Kitô hữu có thể sống và tồn tại, cần phải có lễ sống, và lễ sống ấy chính là Đức Kitô. Không thể thay thế lễ sống ấy bằng bất cứ thứ gì. Ngài làm cộng đoàn sinh động từ bên trong nhờ Thánh Thần của Ngài. Không có Ngài, không thể có gặp gỡ, không thể có hiệp thông đích thực giữa con người với nhau.

Không ai diễn tả chức năng của Thánh Thần là mối dây liên kết con người lại với nhau một cách tuyệt vời như Dietrich Bonhoeffer. Thần học gia Tin Lành bị Đức Quốc Xã sát hại này vẫn là một trong những nhà tư tưởng được giới trẻ yêu thích. Người ta trích dẫn những lá thư ông viết trong tù nhiều hơn tất cả những tác phẩm khác của ông. Tôi nghĩ rằng trang trích dẫn sau đây nói lên tư tưởng chính yếu của tác phẩm của ông: *«Bàn về bản chất đích thực của Giáo Hội»*. Trong trang này, ông nhắc nhở rằng từ kể từ biên cố Hiên Xuống, chính Thánh Thần luôn làm cho mọi *«cuộc tụ họp nhau»* trở thành *«Giáo Hội»*:

*«Người ta tụ họp lại: Thánh Thần ngự xuống trên họ... Trước tiên là tụ họp lại, tiếp đến là Thánh Thần ngự xuống. Tụ họp mà thôi thì chưa phải là Giáo Hội: chính Thánh Thần mới làm cho sự tụ họp ấy thành Giáo Hội. Nhưng Thánh Thần chỉ đến trên những người đã tụ họp lại với nhau. Con người chẳng thể làm gì để cứu rỗi mình, nhưng họ có thể hướng về Giáo Hội: lời hứa ban Thánh Thần được hứa cho từng người với điều kiện người ấy phải là thành viên của một cộng đoàn tập họp lại. Điều mới mẻ xảy đến cho người ấy chính là Thánh Thần đến. Việc Thánh Thần ngự đến và việc thành lập Giáo Hội là một biến cố nhìn thấy được chứ không phải một ý tưởng mơ hồ. Thánh Thần tự tạo cho mình một chỗ trong thế gian và Ngài ngự đến với những dấu chỉ hữu hình. Cộng đoàn lập tức thành hình, mọi người đều có thể nhìn thấy và chân nhận.»*



*Thành lập Giáo Hội không phải là một việc được thực hiện giấu giếm trong một xóm nhỏ nào đó, mà là một biểu hiện rõ ràng đối với tất cả những ai được kêu gọi. Thánh Thần cho thế gian thấy cộng đoàn của Ngài: Cộng đoàn ấy lập tức trở nên “một thành xây trên núi không thể giấu được”. Thánh Thần tràn ngập Lời Chúa: Ngài không áp úng nhưng nói thật rõ ràng; ai nấy đều hiểu. Chính đó là ý nghĩa của phép lạ nói nhiều thứ tiếng. Lời Chúa liên kết lại và đặt con người trước trách nhiệm của mình. Thánh Thần nói Lời duy nhất mà mọi người đều hiểu. Khi trở nên hữu hình, Giáo Hội liền chịu thế gian phê phán: sự hữu hình của Giáo Hội gây mâu thuẫn. Thế gian xem sự hiện diện của Thánh Thần có vẻ như say sưa và điên rồ. Sự nhạo cười ấy chính là dấu chỉ luôn luôn đối mới cho biết Giáo Hội đang đi đúng đường. Dấu chỉ ấy còn rõ ràng hơn cả những lời vỗ tay tán tụng của thế gian. Khi nào Giáo Hội ẩn mình để khỏi ai nhìn thấy, thì bấy giờ là Giáo Hội đã hiểu sai thực tại Thánh Thần».*<sup>42</sup>

### 3. Giáo xứ và cộng đoàn

Là hơi thở sống động của Giáo Hội, Thánh Thần làm Giáo Hội sinh động nơi từng bộ phận nhỏ, chứ không phải chỉ cho toàn thể Giáo Hội một cách tổng quát. Như chúng ta đã nói ở phần trên, công cuộc canh tân tâm linh chỉ thành công nếu bắt đầu từ nơi đời sống cụ thể, thường nhật, của những Kitô hữu có khả năng sống đạo Kitô giáo của mình trong một môi trường sống bình thường. Người Kitô hữu còn bị chi phối bởi môi trường họ sống nhiều hơn bởi các cơ chế. Ảnh hưởng của môi trường sống còn quan trọng hơn các cơ chế. Phải bắt đầu từ những cộng đoàn Kitô hữu đích thực mới có thể làm cho Kitô giáo sống động trở lại. Các cộng đoàn tạo nên mô tế bào cho cơ thể là Giáo Hội.

Điều này dẫn chúng ta đến một vấn đề tế nhị, đó là những tương quan giữa các cộng đoàn cơ bản và đơn vị nền tảng của cơ chế là giáo xứ.

#### *Cộng đoàn Kitô hữu và cơ cấu giáo xứ*

Chúng ta không thuật lại ở đây lịch sử hình thành giáo xứ như ta đang có hiện nay. Gần như ở khắp nơi, cơ cấu giáo xứ là nền tảng đầu tiên của Giáo Hội. Nói chung, trước đây giáo xứ đúng là môi trường sống của người Kitô hữu, và không có vấn đề gì phải đặt ra: giáo xứ đã được cảm nhận là tổ ấm thông thường của đời sống Kitô hữu. Nhưng rồi vấn đề đô thị hóa, đời sống tân tiến, sự di chuyển, trào lưu tục hóa, chủ nghĩa đa nguyên xã hội đã làm đảo lộn tình trạng quân bình ấy. Các giáo xứ ở thành phố và ở các thị trấn lớn không còn nằm trong khuôn khổ sinh hoạt bình thường nữa. Chủ chăn và Kitô hữu khó tạo được những tương giao thân thiết làm cho mọi cộng đoàn trở nên sống động. Để tìm ra nét tương phản, chúng ta hãy đọc lại đoạn kết của thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Roma. Thật tha thiết nồng ấm!

*«Tôi xin gửi lời thăm chị Pơ-rít-ca và anh A-qui-la, những người cộng tác với tôi để phục vụ Đức Kitô Giêsu ; hai anh chị đã liều mất đầu để cứu mạng tôi. Không chỉ mình tôi, mà còn các Hội Thánh trong dân ngoại cũng phải mang ơn anh chị. Tôi cũng xin gửi lời thăm Hội Thánh vẫn họp tại nhà anh chị ấy.*

*«Xin gửi lời thăm anh Ê-pê-nét, bạn yêu quý của tôi, là của đầu mùa miền A-xi-a dâng lên Đức Kitô. Xin gửi lời thăm chị Maria, người đã vất vả nhiều vì anh em. Xin gửi lời thăm các anh An-rô-ni-cô và Giu-ni-a, bà con với tôi, và đã từng ngồi tù với tôi ; các anh là những người xuất sắc trong các Tông Đồ, lại còn theo Đức Kitô trước tôi. Xin gửi lời thăm anh Am-li-át, bạn yêu quý của tôi trong Chúa. Xin gửi lời thăm anh Ua-ban, người cộng tác với chúng tôi trong Đức Kitô, và anh Ta-khy, bạn yêu quý của tôi. Xin gửi lời thăm anh A-pe-lê, người đã từng được tôi luyện trong Đức Kitô. Xin gửi lời*

<sup>42</sup> Dietrich BONHOEFFER, trích dẫn trong *Tablet*, 4-8-1973.

*thăm mọi người trong nhà anh A-rít-tô-bu-lô. Xin gửi lời thăm anh Hê-rô-đi-on, bà con với tôi. Xin gửi lời thăm bà con anh Na-ki-xô, những người đang ở trong Chúa. Xin gửi lời thăm hai chị Try-phen và Try-phô-xa, những người đang vất vả vì Chúa. Xin gửi lời thăm chị Péc-xi-đê yêu quý, người đã vất vả nhiều vì Chúa. Xin gửi lời thăm anh Ru-phô, người được Chúa chọn, và thăm mẹ của anh, cũng là mẹ của tôi. Xin gửi lời thăm các anh A-xinh-rít, Phơ-lê-gon, Héc-mê, Pát-rô-ba, Héc-ma và những anh em ở với các anh ấy. Xin gửi lời thăm anh Phi-lô-lô-gô và chị Giu-li-a, anh Nê-rê và cô em anh ấy, anh Ô-lim-pa và mọi người trong dân thánh đang ở với các anh chị ấy. Anh em hãy hôn chào nhau một cách thánh thiện. Tất cả các Hội Thánh Đức Kitô gửi lời chào anh em» (Rm 16,3-16).*

Mặc dù đời sống hờ hững vô tình của các thành phố ngày nay, các giáo xứ đã cố gắng rất nhiều để trở nên sống động và tăng cường các sinh hoạt cộng đồng. Kể từ Công Đồng Vatican II, phụng vụ đã được canh tân để hướng đến mục tiêu đó. Nếu so sánh các buổi cử hành Thánh Thể trước kia và hiện nay, nói chung, người ta phải nhìn nhận rằng đã có một cuộc canh tân quan trọng. Chúng ta tìm lại được cộng đồng Kitô hữu cùng cầu nguyện với nhau, cùng lắng nghe lời Chúa, ý thức rằng Thánh Thể phải được hoàn thành trong hiệp thông và phải tràn ra bên ngoài thành những cử chỉ tỏ bày tình huynh đệ. Tuy chưa đạt tới lý tưởng, nhưng bước đi khả quan.

Dẫu vậy, nếu chúng ta nhìn kỹ cộng đồng được mời qui tụ trong các nhà thờ ngày chủ nhật, chúng ta phải thú nhận rằng cộng đoàn này chưa tạo được ấn tượng về mối tình huynh đệ thân thiết. Ngày Chúa Nhật, tại điểm hẹn ấy, ta thường thấy các Kitô hữu đủ loại đủ kiểu, từ những người dân thân thực sự cho đến những người giữ đạo theo truyền thống. Ở đây chẳng ai nghĩ đến giai cấp xã hội hay sự ngăn cách giữa các giai cấp; còn lòng đạo hạnh vẫn luôn là một bí mật của Thiên Chúa. Theo ước lệ, chúng ta gọi những ai có thực hành đời sống bí tích một cách tối thiểu, là «Kitô hữu», mà không tìm hiểu xem trong đó có bao nhiêu người thực hành Kitô giáo cho trọn các chiều kích cần thiết. Nhiều Kitô hữu sống đạo hời hợt; còn những người sống phù hợp với định nghĩa đầy đủ về người Kitô hữu đích thực thì hiếm hơn. Tuy nhiên, ngoài nhận xét bằng quan đó, vấn đề quan trọng là phải ý thức đến các cấp độ khác nhau trong việc sống đời Kitô hữu, để định hướng nỗ lực mục vụ và thích ứng nỗ lực ấy cho những Kitô hữu kiểu đại trà cũng như những Kitô hữu dân thân mạnh mẽ. Đàng khác, chúng ta phải làm sao để hai cách thức mục vụ ấy ăn khớp và đồng quy với nhau.

Giữa những giáo xứ và những cộng đồng sống động hiện hữu bên ngoài những giáo xứ ấy, có thể xây dựng những tương quan đa biệt tùy hoàn cảnh và nhân sự. Phải làm sao để các sáng kiến, các dự án và sinh hoạt hòa hợp với nhau. Điều quan trọng là những cộng đồng này không được nằm ngoài tầm giám sát của giám mục là trung tâm sống động của cộng đồng Giáo Hội.

Có giáo xứ cho rằng cứ để các cộng đồng ấy sinh hoạt và cho phép mỗi cộng đồng phát triển theo con đường riêng của mình, nhưng rán giữ được sự hiệp nhất tối thiểu và cần thiết. Một lối hiệp nhất đa nguyên có thể mang lại kết quả tốt. Có giáo xứ lại nhờ một «cộng đoàn sống động» tạo năng động cho cả giáo xứ mình; nhờ cách này nhiều giáo xứ có được sự «phụ lực tâm linh». Có thể tiên liệu chắc chắn sẽ có đụng chạm và khó chịu. Tuy nhiên, khổ đau do sự hiểu lầm nhau cũng góp phần vào việc cứu chuộc nhân loại.

Về các nhóm đoàn sủng, Kevin Ranaghan đã mô tả sự hòa nhập có thể thực hiện được trong khung cảnh giáo xứ như sau:

*«Chúng ta phải nỗ lực để giúp các nhóm cầu nguyện và những cộng đoàn của chúng ta hòa nhập vào các giáo xứ và các giáo phận của chúng ta. Không có một kiểu mẫu nào chung cho sự hòa nhập này. Mỗi nhóm cầu nguyện đoàn sủng và mỗi cộng đoàn đều có phong cách riêng của mình và cũng phong phú đa dạng như các giáo xứ và các giáo phận vậy.*

*«Tại một số nơi, Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng có thể là cuộc tiếp cận mục vụ nhằm canh tân mục vụ cho giáo xứ. Tại một số nơi khác, nhóm cầu nguyện chỉ là một hoạt*

*động được giáo xứ chuẩn nhận. Tại một số thành phố, các nhóm đoàn sùng đồng hơn, hoặc các cộng đoàn lớn hơn, qui tụ các Kitô hữu thuộc nhiều giáo xứ, thì cần thiết phải quan hệ với vị giám mục và các cộng sự viên của ngài. Đôi khi, cộng đoàn có thể xuất hiện nơi thành phố như một kiểu mới qui tụ các Kitô hữu; ở những nơi khác, cộng đoàn ấy lại mang hình thức một hiệp hội mới trải rộng khắp giáo phận».*<sup>43</sup>

Để kết thúc đoạn văn nói về các giáo xứ và các cộng đoàn cơ bản, chúng ta cần nhìn về tương lai đầy hứa hẹn mà đôi bên có thể bổ sung cho nhau. Luis Rétif đã viết nên những hình ảnh tuyệt vời của chân trời ấy:

*«Những đơn vị nhẹ nhàng hơn, những tập hợp phát sinh từ cuộc sống, một lối phụng vụ tìm lại được hơi ấm của lễ hội quen thuộc, những tác vụ được phân phối lại giữa linh mục và giáo dân, tình trạng thức tỉnh lương tâm ngôn sứ, linh mục hòa nhập lại vào cuộc sống tập thể cộng đoàn: đó là một số hứa hẹn đã chứng thực nơi các nhóm nhỏ. Miễn là cho họ thời gian để hình thành và chấp nhận cho họ quyền được sai lầm. Điều thiết yếu là phải tái tạo một cơ phận Kitô giáo sống động. Chỉ những cộng đoàn vừa mức sinh hoạt con người, bám rễ vào môi trường cụ thể địa phương, hiện diện ở những nơi có những con người tương thân tương ái đang sinh sống, đang chiến đấu và hy vọng, chỉ những cộng đoàn hoặc những nhóm Công Giáo tiến hành, cảm nhận trước những thôi thúc của Thánh Thần để dẫn thân cho chân lý trong mối hiệp thông với toàn thể Giáo Hội: chỉ những cộng đoàn như thế mới có thể làm hồi sinh toàn cơ thể là Giáo Hội.»*<sup>44</sup>

#### **4. Vai trò ngôn sứ của các cộng đoàn Kitô hữu sống động**

Công Đồng Vatican II nói rằng Giáo Hội «là bí tích sự hiệp nhất nhân loại». Điều này có nghĩa là Giáo Hội vừa là dấu chỉ vừa là mối hy vọng cho thế giới đang khao khát hiệp nhất, bình an và phát triển toàn diện. Để chu toàn sứ mạng này, Giáo Hội phải có khả năng công hiến cho thế giới những chứng nghiệm chỉ đạo; những chứng nghiệm này là tiền cảnh của một cộng đồng nhân loại mà con người mơ ước và tìm kiếm không ngơi. Giáo Hội phải có khả năng, qua tiền cảnh ấy, chỉ cho thế giới hé thấy được tương lai của nhân loại, một khi thế giới biết đón nhận Đức Giêsu là Đấng Cứu Độ, là chìa khóa giải quyết những vấn đề của mình. Tôi cố ý sử dụng hình ảnh *chìa khóa* để minh chứng rằng căn rễ ẩn đằng sau mọi khổ đau của thế gian này chính là lòng căm ghét, ganh tị, ích kỷ cá nhân hoặc tập thể, thiếu tình thương dưới mọi hình thức. Tóm lại, nói theo ngôn ngữ Kitô giáo, đó chính là tội lỗi. Thế nhưng chỉ mình Đức Giêsu mới có thể thay đổi trái tim con người một cách sâu xa, nhờ đó mà thay đổi được mọi cơ chế. Chỉ khi biết đón nhận Đức Giêsu là đường, là sự thật và là sự sống, thì người ta mới có thể triệt để đi sâu vào trọng tâm vấn đề. Chỉ Giáo Hội Ngài mới có năng lực canh tân không những bộ mặt Giáo Hội mà cả bộ mặt trái đất này. Điều này có vẻ khó lọt tai những Kitô hữu có đức tin yếu kém, đức cậy lung lay. Nhưng đã là Kitô hữu thì phải tin hết mình vào điều ấy, không hơn không kém.

Khi chứng nghiệm được “trời mới đất mới”, vượt lên trên muôn ngàn trở ngại như một dấu chỉ tiên phong, thì Kitô hữu có thể công hiến niềm hy vọng ấy cho thế giới qua hình ảnh của nếp sống các cộng đoàn Kitô giáo cơ bản. Nhìn vào lối sống của các Kitô hữu này, người ta không khỏi ngạc nhiên tự hỏi: đâu là bí quyết giúp họ yêu thương nhau, sống thanh thản và quên mình như thế? Bấy giờ danh Đức Giêsu sẽ vụt nổi bật lên, vì chính cuộc sống của các Kitô hữu là ánh sáng giúp nhận ra khuôn mặt Ngài. Chính đó là dấu chỉ Đức Giêsu

<sup>43</sup> Kevin RANAGHAN, *The Lord, the Spirit and the Church* (Đức Chúa, Thánh Thần và Giáo Hội), Charismatic Renewal Services (Phục vụ Canh tân Đoàn sùng), Notre Dame, Ind. 1973. pp 52-53

<sup>44</sup> Louis RÉTIF, *Paroisses et unités de base* (Các giáo xứ và các đơn vị cơ bản), trong tập san *La Croix*, 15-3-1973.

dùng để giúp thế giới có thể tin vào Ngài; và đó cũng là phương cách minh giáo hữu hiệu nhất. Cuộc sống Kitô hữu là chứng tá của sự thật, là giá trị ngôn sứ cho thế giới. J. J. von Allmen diễn tả điều ấy cách tuyệt vời:

*«Mỗi người chịu phép rửa là một niềm hy vọng cho mọi người. Mỗi bữa tiệc Thánh Thể là một hứa hẹn cho mọi bữa ăn. Và Giáo Hội là bến mong chờ cho mọi xã hội con người».*

Chúng ta có khuynh hướng coi nhẹ vai trò trung gian của cộng đoàn, trung gian giữa người Kitô hữu và thế giới. Nhờ cuộc sống cộng đoàn, chúng ta có thể sống đạo «*tại gia*» trước khi đưa đạo vào đời. Cần phải nghiên cứu sâu sát tương quan giữa các Kitô hữu theo Thánh Kinh: Tình yêu giữa anh chị em với nhau phải là ưu tiên. Thánh Phaolô nói: «*Chúng ta hãy thực hành điều thiện cho mọi người, nhất là đối với anh em trong cùng đại gia đình đức tin*» (Gl 6,10). Hãy coi chừng kéo giống như hạng người «*việc nhà thì nhác việc chú bác thì siêng*». Bác ái phải bắt đầu từ trong gia đình mình rồi dần dà lan rộng ra tới người khác. Không thể bỏ qua những bước trung gian, những trạm trung chuyển. Phần lớn, công cuộc canh tân trong Giáo Hội được thực hiện khởi từ những cộng đoàn Kitô hữu đã trở thành tổ ấm ánh sáng và sức nóng đối với môi trường chung quanh.

Theo cái nhìn nhân loại, xem ra như nghịch lý khi cho rằng tương lai Giáo Hội tùy thuộc vào những cộng đoàn Kitô hữu bé nhỏ, vì những cộng đoàn ấy – dầu nhiệt thành đến đâu – cũng chỉ là một giọt nước trong đại dương. Đúng vậy. Nhưng nếu lưu ý đến năng lực thiêng liêng toát ra từ bất cứ nhóm người nào chấp nhận đề cho Đức Kitô làm sinh động bằng Thánh Thần Ngài, ta sẽ thấy tất cả đều thay đổi giá trị, vì chúng ta đang đi vào sức mạnh và quyền năng của chính Thiên Chúa. «*Bầy chiên nhỏ bé trong Tin Mừng*» tượng trưng cho thiểu số Kitô hữu mà Đức Cha Helder Camara ưa gọi là thiểu số A-bra-ham. Quả thật, chính những nhóm thiểu số ấy biến đổi thế giới.

Hồng Y Newman đã nhấn mạnh cách tuyệt vời về năng lực của những nhóm nhỏ bên ngoài có vẻ yếu đuối này:

*«Không phải những gã khổng lồ làm được những chuyện to tát nhất... Mô-sê có một mình, Ê-li-a cũng một mình, Đa-vít, Phaolô, A-tha-na-di-ô, Lê-ô... đều một mình. Ân sủng luôn hoạt động thông qua một số ít người. Cái nhìn sắc bén, xác tín nồng nàn, quyết tâm không lay chuyển của nhóm nhỏ, máu của vị tử đạo, lời nguyện cầu của vị thánh, hành vi anh hùng, cơn khủng hoảng sớm vượt qua, năng lực tập trung vào một lời nói hay một ánh nhìn, đó là những dụng cụ của trời cao! Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ, vì Đấng ngự giữa anh chị em có đầy quyền năng, Ngài sẽ làm cho anh chị em những điều kì diệu».*<sup>45</sup>

---

<sup>45</sup> J.H NEWMAN, *The present position of Catholics in England* (Quan điểm hiện nay của người Công Giáo nước Anh), Dublin, 1857, p.359 (3<sup>ème</sup> Éd.)

## Chương IX

# THÁNH THẦN VÀ NGƯỜI KITÔ HỮU TRÊN THẾ GIỚI

*Món quà lớn nhất mà người Kitô hữu có thể trao tặng nhân loại, đó là đem lại cho thế giới một ý nghĩa và thực hiện điều ấy trong Đức Giêsu.*

Marcel Légaut

### 1. Tình trạng xung đột

Kitô hữu cần sống trung thực với bản chất của mình trước Thiên Chúa, không những ở giữa một cộng đoàn huynh đệ mà còn ở giữa thế gian, liên đới với mọi người. Tình trạng này đúng là căng thẳng! Đức Giêsu đã yêu cầu những ai theo Ngài phải làm muối đất. Ngài chưa bao giờ hứa hẹn rằng họ sẽ thuộc thành phần chiếm đa số. Và lại, chính hình ảnh muối đất cũng chẳng gọi lên một cái gì vĩ đại cả. Ngài còn bảo họ phải là men trong bột, mà đặc tính của men thì thật hết sức mâu thuẫn: nó vừa phải lẫn trong bột, mà vừa phải khác với bột, thậm chí đối lập với bột; có như thế, bột mới dậy lên

được. Vừa ở trong, vừa đối lập, vừa siêu vượt, đó là những tính cách mà Đức Giêsu mời gọi các môn đệ Ngài thực hiện. Ngài yêu cầu họ vừa ở trong thế gian, ở cùng thế gian, nhưng không thuộc về thế gian, vừa phải giúp thế gian vượt qua những chật hẹp nơi nhân tính của họ. Nhập thế, đối đầu và siêu vượt, đó là những khía cạnh của cùng một bản phận.

Khi tìm cách hòa nhập với thế gian, người Kitô hữu phải xem chính Đức Giêsu đã từng ở trong thế gian như thế nào. Nhờ nhập thế, Ngài đã đến thế gian: «*Vì loài người chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi*». Chưa từng có ai trọn vẹn nhân tính như Ngài. Ngài là người anh chung cho tất cả mọi người, và chỉ một mình Ngài mới đáng mang danh hiệu ấy. Thánh Thần đã phủ bóng trên Đức Maria như là dấu chỉ và điềm báo trước một sứ mạng: là thực hiện sự hiện diện giữa nhân loại và liên đới hoàn toàn với nhân loại. Ngoại trừ tội lỗi, «*không gì con người có mà Ngài lại không có*». Ngài đã đến hoàn tất công cuộc cứu chuộc, cứu độ, giải thoát chúng ta khỏi lỗi lầm, khỏi đau khổ và sự chết. Cuộc sống của Ngài phải đụng chạm với quyền lực sự Ác và với tội lỗi nhân loại. Cuộc chiến chống thế gian của Ngài lên tới cao điểm vào thứ Sáu tuần thánh trên đồi Gôn-gô-tha. Vì môn đệ hẳn không thể hơn Thầy, nên họ phải theo chân Thầy và hiện diện nơi trần gian bằng việc sống theo ánh sáng Tin Mừng, Tin Mừng toàn diện. Đức Giêsu đã hứa ban Thánh Thần Ngài cho chúng ta để giúp chúng ta thực thi điều ấy, cho đến ngày tận thế.

### *Những căng thẳng*

Không có gì phải ngạc nhiên khi thấy xuất hiện những căng thẳng phát sinh do việc phối hợp những đòi hỏi khác nhau, tùy theo chọn lựa ưu tiên của người Kitô hữu, khi họ muốn mình chỉ là một người như bao người khác, hay muốn mình là người mang một phận vụ đặc biệt. Câu hỏi sau đây sẽ giúp từng người chúng ta bén nhạy với vấn đề hơn: một Kitô hữu làm thợ, làm ký giả, hay làm nhà công nghiệp là một Kitô hữu thợ, một Kitô hữu ký giả, một Kitô hữu doanh gia, hay là một người thợ theo Kitô giáo, một ký giả theo Kitô giáo, một nhà công nghiệp theo Kitô giáo? Cách chọn từ ngữ để gọi – hoặc dùng chữ *Kitô hữu* như danh từ

(substantif), hoặc chỉ như một hình dung từ (adjectif) – nói lên cách thức xác định vai trò người Kitô hữu trong thế gian. Phải coi chữ «*Kitô hữu*» là danh từ hay là hình dung từ? Phải nhấn mạnh vào phẩm tính Kitô hữu hay phẩm tính nghề nghiệp? Từ đó phát sinh câu hỏi: trong hai phẩm tính liên đới với nhau và không đối kháng nhau ấy, phẩm tính nào định hướng lối nhận định của ta? Trong Tin Mừng, Đức Giêsu nhấn mạnh rằng một mối liên hệ siêu nhiên hiện hữu với Ngài và trong Ngài, siêu vượt mối liên hệ tự nhiên hay các quan hệ huyết nhục. Có khi đến mức mối liên hệ siêu nhiên đòi hỏi phải hy sinh mối liên hệ tự nhiên. Ta đọc lại trong Tin Mừng đoạn tường thuật việc người ta đến báo cho Đức Giêsu biết mẹ và các anh em Ngài muốn nói chuyện với Ngài. Đức Giêsu trả lời: «*Mẹ tôi và anh em tôi, chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành*» (Lc 8,19-21).

Ta cũng gặp sự căng thẳng như thế trong hai cách nhìn về Giáo Hội : Kitô hữu ưu tiên nhìn Giáo Hội như một thực thể sâu kín, một mẫu nhiệm của Thiên Chúa, hay như một cơ năng phục vụ con người, phát xuất từ con người. Cần quân bình hai khía cạnh quan trọng ấy trong một tổng hợp linh động.

Công Đồng Vatican II đã trình bày mẫu nhiệm đặc thù làm nên Giáo Hội trong Hiến Chế *Lumen Gentium*; và trình bày Giáo Hội sinh hoạt giữa thế giới trong Hiến Chế *Gaudium et Spes*. Tôi tin rằng tuy không diễn tả thần học một cách cô đọng như Hiến Chế *Lumen Gentium*, Hiến Chế *Gaudium et Spes* đã mở ra được một con đường mà chúng ta sẽ phải tiếp tục khám phá, đặc biệt trong việc tổng hợp hai khía cạnh của Giáo Hội, vừa ở trong thế giới vừa siêu việt đối với thế giới. Kỳ thực việc giải thích hai khía cạnh ấy là điểm gay cấn thường gây nên nhiều bất đồng và tranh cãi.

#### *Những hình ảnh về Giáo Hội*

Trong Công Đồng Vatican II, tôi đề nghị phân biệt Hội Thánh nội tại «*hướng nội = ad intra*» và Hội Thánh ngoại tại «*hướng ngoại = ad extra*». Kiểu nói này có lợi điểm là thuận tiện cho việc diễn tả và giúp phân chia công việc một cách thực tiễn; nhưng lối trình bày theo sơ đồ như thế có những giới hạn, vì hai chiều kích nói trên lại đan lồng vào nhau.

Dĩ nhiên người ta có thể nhấn mạnh hai khía cạnh trên theo những cách khác nhau. Một số người nghĩ Giáo Hội hiện hữu là vì nhân loại, dựa vào nhân loại, nên có khuynh hướng định nghĩa Giáo Hội khởi từ quan điểm đó. Số người khác nhìn thấy và nghĩ Giáo Hội hiện hữu phụ thuộc vào Đức Giêsu và Thánh Thần, Đấng làm Giáo Hội sinh động; nên định nghĩa Giáo Hội trước tiên khởi từ chính bản chất của Giáo Hội là men, trước khi coi Giáo Hội là men trong bột. Lối trình bày này vẫn còn dựa trên sơ đồ phân đôi thành hai khía cạnh của Giáo Hội; công việc của thần học trong tương lai là phải hài hòa các cách nhìn bổ sung ấy, hay ít ra phải xác định các tương quan linh hoạt đôi bên. Thật vậy, Giáo Hội có thể phục vụ được gì cho nhân loại nếu Giáo Hội không còn là chính mình nữa, và nếu Giáo Hội đánh mất mình khi tan biến trong thế giới lấy có là để phục vụ nó?

Hình ảnh nào về Giáo Hội mà người ta quyết định đề cao, thì mỗi căng thẳng và những tranh luận đa dạng liên hệ sẽ bị chi phối theo phương cách nhìn đó. Một đàng, Giáo Hội theo mẫu «*tự khép kín*» sẽ rất dễ đi đến việc thúc đẩy một lối sùng đạo «*phi nhập thế*», biến Kitô hữu thành những con người xa lạ với mọi người. Đàng khác, Giáo Hội theo mẫu cởi mở đón gió muôn phương; cố tình biến mình thành sinh hoạt thuần nhân loại, nên sẽ chìm ngập trong thế gian và có nguy cơ chỉ còn là một tổ chức phục vụ xã hội, một bộ phận bổ túc và nối dài của các hoạt động xã hội và chính trị con người; cũng vì thế nên có thể bị thay thế hoặc dẹp bỏ một cách dễ dàng. Đó là bi kịch trường kỳ của Giáo Hội. Giáo Hội ở trong thế gian và vì thế gian, nhưng đồng thời lại không thuộc về thế gian. Có những lãnh vực mà Giáo Hội phải chấp nhận đối nghịch với thế gian nếu muốn trung thành với Tin Mừng. Đó chính là tình trạng nghịch lý của chất men: vừa phải lẫn trong bột chứ không phải ở bên cạnh bột, nếu không sẽ chẳng có tác dụng; vừa phải vẫn là men, giữ được trọn vẹn bản chất của mình, để không bị chất bột làm ngập, làm mất tác dụng và trở nên vô ích.

Vấn đề này chẳng mới mẻ gì. Đó là cuộc chiến luôn luôn xảy ra giữa một bên là khuynh hướng duy tự nhiên muốn tháp nhập Giáo Hội vào trần thế tới mức sẵn sàng hy sinh

bản chất của mình, làm tổn hại sự siêu việt của Tin Mừng; và một bên là khuynh hướng duy siêu nhiên muốn đặt thế giới ân sủng xa rời khỏi tầm mức đời sống thường ngày, để tránh làm phương hại đến thế giới ân sủng ấy, mà quên đi bản phận nhập thể của Giáo Hội, coi nhẹ việc trung thành với đời đời cụ thể đương nhiên của đức tin. Hẳn nhiên không ai minh nhiên tuyên dương chủ nghĩa duy tự nhiên hoặc duy siêu nhiên cả, mỗi người đều ít nhiều nghiêng về phía này hoặc phía kia. Một chủ trương Kitô giáo quá nhân hóa hay chính trị hóa sẽ luôn luôn xung đột với một chủ trương Kitô giáo quá xa rời với trần thế, quá chú tâm tới bàn thờ mà quên đi những người tới dự lễ.

## 2. Một điều mơ hồ cần giải tỏa

Người ta thường trách cứ Giáo Hội định chế là mãi lo vấn đề điều hành tổ chức nội bộ và vị kỷ, không chịu mở ra với thế giới, và sao lãng việc liên đới thiết yếu với mọi người. Sở dĩ người ta có ấn tượng về một Giáo Hội chủ trương “chỉ biết nòi cơm của mình”, là vì thông tin đại chúng cứ âm ỉ loan tin về những thay đổi dù nhỏ nhặt nhất về lễ nghi, về lịch phụng vụ, và làm nổi bật quá đáng rất nhiều điều phụ thuộc, bên ngoài.

Mặt khác, chủ trương chối bỏ hay thờ ơ với cuộc sống bên trong của Giáo Hội lại ngầm hiểu rằng những gì liên quan tới cuộc sống ấy thì chẳng tác động gì hay ảnh hưởng gì tới sự hiện diện tại thế của Giáo Hội. Và như thế là quên rằng kỳ thực những gì liên can đến nội bộ Giáo Hội thì luôn có tầm quan trọng sinh tử đối với chính sứ mạng tại thế của Giáo Hội. Một số định hướng tâm linh trong khuôn khổ nội bộ đã giúp Giáo Hội cởi mở hơn và hiện diện nhiều hơn trong đời sống con người.

Người ta thấy rõ như thế khi Công Đồng Vatican II nhóm họp: nếu báo chí thế giới đã chú ý đặc biệt đến Công Đồng như thế – nói chung là có thiện cảm –, chính vì họ hé thấy rằng các vấn đề Giáo Hội ảnh hưởng đến đời sống con người, sứ điệp Kitô giáo có giá trị đối với nhân loại. Không ai quên được tầm ảnh hưởng của thông điệp *«Pacem in Terris»* (Hòa bình trên trái đất) của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII; với lời lẽ đơn sơ và trực tiếp, Ngài nhắc lại cho nhân loại sứ điệp vĩnh cửu của Tin Mừng.

## 3. Đức Giêsu được gửi đến nhân gian bởi việc làm của Thánh Thần

Để nhận định rõ hơn sứ mệnh người Kitô hữu trong thế giới, chúng ta hãy hướng nhìn về Đức Giêsu Kitô ngay khi Ngài bắt đầu sứ vụ công khai. Thánh Lu-ca mô tả cảnh trước tiên Chúa chịu phép rửa tại sông Giô-đan: Thánh Thần ngự xuống trên Ngài dưới hình chim bồ câu. Và thánh sử cho chúng ta hay *«Đức Giêsu – tràn đầy Thánh Thần – từ bờ sông Giô-đan trở về và được Thánh Thần dẫn vào hoang địa»* (Lc 4,1). Sau đó, Đức Giêsu trở lại Galilê trong quyền năng của Thánh Thần. Sau khi về Na-da-rét, vào một ngày Sa-bát nọ, Ngài vào hội đường Do Thái và đứng dậy đọc Thánh Kinh. Người ta trao cho Ngài sách ngôn sứ I-sa-i-a. Mở sách ra, Ngài gặp thấy đoạn văn then chốt mô tả về Ngài một cách chính xác; nên ở phần kết luận, Ngài nói với các cử tọa: *«Hôm nay những gì tai các người nghe trong đoạn Kinh Thánh này đã được ứng nghiệm»*. Và đây là đoạn văn ấy trong sách I-sa-i-a:

*«Thánh Thần Chúa ngự trên tôi,  
«vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi,  
«để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn.  
«Người đã sai tôi đi công bố  
«cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha,  
«cho người mù biết họ được sáng mắt,  
«trả lại tự do cho người bị áp bức,*

«công bố một năm hồng ân của Chúa».

(Lc 4,16-21)

Điều đáng chú ý nhất trong các bản văn của thánh Lu-ca là việc Ngài nhấn mạnh sự kiện Đức Giêsu đến với con người dưới tác động của Thánh Thần. Hẳn nhiên chúng ta biết Thánh Thần đã phủ bóng Ngài trên Mẹ Maria và đổ xuống quyền năng của Ngài trên Mẹ; nên ngay từ lúc nhập thể Đức Giêsu đã được Thánh Thần xúc dầu. Đây chính là trọng tâm của đức tin.

Cũng cần lưu ý rằng người ta không gọi các môn đệ Đức Giêsu là «*Giêsu hữu*» mà gọi là «*Kitô hữu*», tức không quy chiếu về danh hiệu *Giêsu* mà về danh hiệu *Kitô*, nghĩa là Đấng được Thánh Thần xúc dầu. Nhân tính Đức Giêsu được Thánh Thần thâm nhập và hướng dẫn qua mọi quãng đời Ngài cho đến ngày Ngài tận hiến làm của lễ tối thượng. Và Đức Kitô đã hứa ban chính Thánh Thần ấy cho các môn đệ để họ tiếp nối công việc Ngài: «*Nếu ai khát hãy đến với tôi, ai tin vào tôi thì đến mà uống! Như Thánh Kinh đã nói: từ lòng Người sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống*». Đức Giêsu muốn nói về Thánh Thần mà những kẻ tin vào Ngài sẽ lãnh nhận, bởi «*bấy giờ họ chưa nhận được Thánh Thần vì Đức Giêsu chưa được tôn vinh*» (Ga 7,37 –39).

Lời nói trên đây của Đức Giêsu trở nên sáng tỏ khi chúng ta đọc sách Công Vụ Tông Đồ. Và Lời ấy soi dọi toàn bộ đời sống Kitô hữu. Nhờ tái khám phá vai trò của Thánh Thần chúng ta sẽ gần gũi con người hơn bao giờ hết.

Có nghịch lý chăng? Người ta dễ quên câu đầu tiên của đoạn văn của I-sa-i-a mà Đức Giêsu đọc trong hội đường Do Thái. Câu ấy như sau: «*Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Người đã xúc dầu thánh hiến tôi*». Tất cả những gì Đức Giêsu làm cho nhân loại đều được thực hiện dưới tác động của Thánh Thần, dưới sự khôn ngoan và quyền năng của Thiên Chúa. Sự kết hợp thiêng liêng ấy chẳng những không làm Đức Kitô xa cách những cảnh cùng khốn của con người, trái lại còn thúc đẩy Ngài cúi mình xuống trên những cùng khốn ấy. Mâu nhiệm nhập thể, kể từ ngày Truyền Tin đến ngày cuối được hoàn tất trên thập tự, tất thảy đều thấm nhuần sức sống mãnh liệt của Thánh Thần.

#### **4. Người kitô hữu ở giữa thế giới dưới tác động của Thánh Thần**

Chúng ta đã được «*rửa tội trong nước và Thánh Thần*», nên phải sống tại trần gian theo cách thức của Đức Giêsu, nghĩa là: tuy hiệp thông với trần gian, nhưng vẫn đối lập và siêu vượt lên trên. Người Kitô hữu phải vừa ở với, vừa đối lập, vừa siêu vượt khỏi thế gian. Thánh Thần tác động Kitô hữu từ trong nội tâm để họ sống bốn phận Kitô hữu của họ trong mọi trạng huống.

##### ***Hiện diện giữa thế giới***

Thánh Thần không chỉ nói khi chúng ta yên lặng cầu nguyện. Ngài nói với chúng ta qua suốt dòng lịch sử của nhân loại. Với mỗi thế hệ, Ngài lại dùng một lời nói riêng. Với thế hệ chúng ta, Thánh Thần nói qua những hiểu biết phong phú và kỳ diệu của nhân loại; qua sự tìm kiếm khắc khoải và dò dẫm của con người đối đầu với những vấn đề không còn nằm trong tầm vóc nhân loại nữa; qua những vấn nạn mà chính tiến bộ khoa học gợi lên, những vấn nạn làm con người phải sợ hãi vì những hệ quả bất chừng có thể xảy ra.

Dù có được con người nhận biết hay không, Thánh Thần vẫn hoạt động trong bất cứ nỗ lực nào nhằm đem lại nhiều điều minh bạch hơn, chân thành hơn, gần gũi hơn, bình an cho nhau hơn. Thánh Phaolô đã nói với tín hữu Phi-líp-phê: «*Thưa anh em, những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy đem ra thực hành, và Thiên Chúa là nguồn bình an sẽ ở với anh em*» (Pl 4,8-9). Đây là mặt sáng của trần gian. Thánh Thần Sáng



Tạo luôn hiện diện trong mọi kỳ công của Ngài. Ngài không chỉ là linh hồn của Giáo Hội, Ngài còn là linh hồn của thế giới, luôn tác động trong mọi nỗ lực canh tân thế giới. Có người nói: có lẽ chúng ta đang còn ở vào ngày đầu của công cuộc sáng tạo.

### ***Dấu chỉ thời đại***

Công Đồng Vatican II nhắc lại rằng: Thánh Thần mời gọi chúng ta *«thăm dò những dấu chỉ của thời đại và giải thích chúng theo Tin Mừng»*. Nhà thần học K. Barth đã trả lời như sau khi có người hỏi xem ông đã chuẩn bị các bài giảng chủ nhật thế nào: *«Một tay tôi cầm Thánh Kinh, tay kia tôi cầm tờ báo và tôi đọc báo dưới ánh sáng lời Chúa»*. Đây chính là lối giải thích hằng ngày về các biến cố xảy ra: Thiên Chúa đang ở đó, Ngài ra dấu cho chúng ta dưới hình thức một lời mời gọi, một bổn phận, một việc khẩn cấp phải làm.

Thánh Thần sử dụng những chuyện xảy ra trong đời sống chúng ta để cho chúng ta biết hoạt động của Ngài. Ngài yêu cầu chúng ta hiểu các bổn phận Kitô hữu của mình theo mọi góc độ, không chỉ góc độ cá nhân hay gia đình mà còn cả góc độ nghề nghiệp, xã hội, chính trị, trên bình diện địa phương lẫn toàn cầu. Như J. M. Domenach từng viết: *«Trong thế giới hôm nay những chọn lựa quan trọng để thực thi bác ái có tầm vóc tập thể được thể hiện qua các quyết định chính trị»*. Mỗi chọn lựa đều có thể khó khăn vất vả vì các hoàn cảnh rất phức tạp, và vì có những bổn phận liên quan khác nhau gây xung đột. Nhưng trong bất cứ chọn lựa cụ thể nào – và không quyết định cũng đã là một chọn lựa – thì chúng ta cũng cần có một Kitô giáo cởi mở với Thiên Chúa ngay từ nơi Ngài, và lắng nghe Thiên Chúa nơi tha nhân. Phải kết hợp giữa cầu nguyện và chính trị, cầu nguyện và hoạt động xã hội, cầu nguyện và hòa bình, cầu nguyện và hòa giải với mọi người.

Chúng ta vừa phải hy vọng vào đời sau, vừa phải làm việc để Nước Chúa đến trước ở ngay đời này. Đức trông cậy Kitô giáo không làm con người mất đi hy vọng vào cuộc sống này. Nếu đức trông cậy Kitô giáo được hiểu cho đúng, nó sẽ là động lực thúc đẩy tốt nhất.

Garaudy đã viết:

*«Nếu người Kitô hữu cho rằng để quay về với Thiên Chúa thì phải quay lưng lại với trần thế, nếu người Kitô hữu nhân danh đời sau như thực tại duy nhất tràn đầy giá trị để hạ giá việc hành động hoặc coi nhẹ những cuộc đấu tranh trong lịch sử trần gian nhằm biến đổi thế giới, làm như thể người ta có thể vào được “Nước Thiên Chúa” mà chẳng cần phải biến đổi thế giới loài người, thì khi ấy đức trông cậy Kitô giáo chắc chắn là một hình thức vong thân. Một thái độ như thế ngày càng lui dần vào quá khứ. Ngày nay nhiều Kitô hữu ý thức rằng “đời sau” không khai trừ mà trái lại còn đòi hỏi phải đổi mới thế giới; và trái với mọi quan điểm nhị nguyên về đời này đời sau, họ cho rằng Thiên Chúa đã không dựng nên một vũ trụ đã hoàn tất hết cả rồi»*.

Và Garaudy lên án:

*«Giấc mơ Mác-xít cũng làm con người vong thân, nếu ảo tưởng rằng cứ thay đổi hệ thống tư hữu hay thậm chí thay đổi toàn bộ các tương quan xã hội là nhất thiết phải nảy sinh ra “con người mới”»*.<sup>46</sup>

### ***Một lá thư bàn về chiều kích xã hội của Kitô giáo***

Cha André Charlier, một trong những linh mục tận tụy nhất của chúng tôi, đã qua đời trong lúc thi hành trách vụ công tác xã hội trong Giáo phận. Trước khi qua đời ít lâu, ngài có viết cho tôi lá thư sau. Đối với chúng tôi, là những bạn hữu của ngài, lá thư này có giá trị như một di chúc:

*«Tôi cho rằng cần phải nói lại chiều kích xã hội của Kitô giáo. Chắc chắn người ta đã từng nhấn mạnh tương quan cá nhân của mỗi người với Thiên Chúa, rồi tương quan chiều ngang giữa cá nhân với cá nhân, nhưng theo tôi, người ta quá ít khi đề cập đến*

<sup>46</sup> R. GARAUDY, *Reconquête de l'espoir*, Grasset 1971, trang 135-136.

chiều kích xã hội, đến khía cạnh “chính trị” của đức ái và của việc dân thân Kitô giáo. Tôi nghĩ đó quả là một thiếu sót nghiêm trọng, vì cho đến nay người Kitô hữu vẫn còn tham gia rất ít vào đời sống chính trị, vào các vấn đề ma túy, khiêu dâm, tương lai nghề nghiệp của giới trẻ, tình trạng thất nghiệp, tạo công ăn việc làm mới, cải đổi kinh tế, v. v... Quá nhiều Kitô hữu đã coi tất cả những vấn đề ấy như không can dự gì tới Nước Trời. Một số Kitô hữu rất ít ỏi sốt sắng với những việc ấy thì lập tức bị coi là có khuynh hướng đi với mác-xít. Trái lại, tôi nghĩ: cần nói lại với người Kitô hữu rằng họ phải luôn luôn xét lại việc dân thân của mình trên nhiều bình diện khác nhau, và phải dám sống sứ điệp Tin Mừng của mình, nhất là tám mối phúc thật.

«Tôi xin diễn tả tư tưởng của tôi một cách vắn gọn là thời nay có hai sai lầm mà các Kitô hữu có nguy cơ mắc phải nhiều nhất: một là thứ Kitô giáo phi nhập thể.., hai là thứ Kitô giáo không có Đức Kitô».

Cũng trong lá thư này, phần sau, cha Charlier tuyên xưng niềm tin của mình vào sự sống lại và vào Thánh Thần như sau:

«Chúng ta phải “nói”, phải cho mọi người thấy được sự hiện diện lặng lẽ của Đức Kitô phục sinh đang thực sự linh hoạt như một “lực phát động” trong nhân loại đang khổ đau, đang chiến đấu, đang hy vọng..... Ngài hiệp thông với họ (những người đồng thời với chúng ta), và mong mỗi họ cư ngụ trong sự sống của Ngài, “hiện hữu trong Ngài và với Ngài”... đến độ Ngài muốn cho họ trở thành dân của Ngài và Ngài là Thiên Chúa của họ... .., để Ngài hướng dẫn họ đến một thực tại vượt lên trên bản thân họ, thực tại đó chính là Ngài...»

### **Sự hiện diện đặc biệt**

Sự hiện diện thật sự của Kitô giáo tại trần gian không thể là một hiện diện đầy tự ti hay vô bổ: chúng ta phải mang đến cho trần gian điều tuyệt hảo nhất của chúng ta, đó là thứ quyền năng và khôn ngoan vượt khỏi chúng ta nhưng đem lại sự giải phóng và cứu độ toàn diện. Chúng ta nhớ lại cảnh tượng thánh Phêrô và Gioan nơi cửa đền thờ ở Bét-sai-đa. Gã ăn xin xin các ngài bố thí, nhưng Phêrô nói: «Vàng bạc thì tôi không có, nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây, đó là: nhân danh Đức Giêsu Kitô người Na-da-rét, anh hãy đứng dậy mà đi» (Cv 3,6). Đối với chúng ta, những người tin vào sự sống lại, thì đó chính là câu trả lời tối hậu của Kitô giáo.

Đối với người tín hữu, Đức Giêsu chính là câu trả lời dứt khoát cho mọi vấn đề trần thế. Chính bản thân Ngài là sức mạnh và là sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Chúng ta cậy dựa vào chính Ngài chứ không chỉ dựa vào những nguyên tắc và giá trị Tin Mừng của Ngài. Chúng ta phải xin chính Ngài đích thân dạy cho chúng ta biết cách áp dụng quyền năng và sự khôn ngoan Thiên Chúa vào những vấn đề cốt tử của chúng ta.

Người Kitô hữu phải phục vụ thế giới theo cách của mình, nhưng không vì thế mà từ chối những sáng kiến hợp tác với tất cả mọi người. Về vấn đề này, không hiếm Kitô hữu còn hồ đồ: khi cùng làm việc với người khác, người Kitô hữu bị cám dỗ tạm để tôn giáo mình qua một bên, hoặc tạm quên tôn giáo mình đi một chút để hoàn thành tốt hơn bổn phận mình. Họ quên rằng họ phải thực hiện tinh thần của bí tích rửa tội khi liên kết với tha nhân.

Người Kitô hữu đôi khi có khuynh hướng hy sinh niềm tin Kitô giáo khi thực thi liên đới với tha nhân, và chỉ dùng những phương tiện thuần túy nhân loại. Thời đại nào cũng thế, Giáo Hội luôn bị cám dỗ sống khác với bản chất của mình, viện cớ là để hoạt động hiệu quả hơn. Đây chính là cám dỗ muốn cậy vào những phương tiện giàu có để chinh phục thế gian, đang khi Tin Mừng công bố sức mạnh vô song của những phương tiện nghèo khó. Câu đáp trả của Đức Giêsu ngỏ với tên cám dỗ trong hoang địa chính là lời nhắc nhở chúng ta chớ để mình bị chìm đắm. Giám mục Matagrín có viết:

«Hãy coi chừng cơn cám dỗ muốn ta lẫn lộn việc canh tân Giáo Hội với việc biến cải

*xã hội. Càng ngày càng có nhiều người đặt lại vấn đề về những xã hội được xây dựng trên tiền bạc, uy thế và quyền lực, và dần dần chiến đấu xây dựng một xã hội tôn trọng con người hơn, được xây dựng trên tự do, công lý và đoàn kết. Các thành viên của Giáo Hội được mời gọi thực hiện bốn phận ấy nhân danh những đòi hỏi của đức ái và đức cậy. Nhưng nếu hoạt động để biến đổi náo trạng, để thay đổi cách hành xử và các cơ cấu cho thấy một cách hiệu quả những hoa trái của Thánh Thần, thì hoạt động ấy chỉ có thể bắt nguồn và có ý nghĩa trong Thánh Thần. Chữ “giải phóng” mà người ta thường sử dụng là một cạm bẫy, vì nó vừa có nghĩa là một biến đổi chính trị vừa có nghĩa là việc hoán cải theo Tin Mừng».<sup>47</sup>*

Cần phải phân biệt giữa ơn gọi tôn giáo và ơn gọi xã hội: mọi lẫn lộn giữa hai bình diện này đều làm sai ý nghĩa và việc cảm nhận các lời mời gọi tôn giáo; vì động lực của ơn gọi tôn giáo này cao vượt lên trên lời mời dần dần tận tụy trong lãnh vực thuần túy xã hội.

Marcel Légaut có nói:

*« Các nhóm Công Giáo theo chiều hướng xã hội bị cám dỗ nặng nề về việc muốn thay thế Tin Mừng bằng ý thức hệ đương thời, biến ý thức hệ này thành trọng tâm cuộc sống, mặc dù vẫn còn dùng lối nói của Kitô giáo trong một thời gian».<sup>48</sup>*

### ***Ngược đời***

Một đoạn bí nhiệm trong Phúc Âm của Gioan nói rằng Thánh Thần sẽ đến xét xử thế gian và buộc thế gian phải nhận tội: *«Và khi Người đến, Người sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm về tội lỗi, về sự công chính và việc xét xử»* (Ga 16,8). Giải thích đoạn này rất khó, nhưng ý nghĩa tổng quát của nó thì khá rõ ràng: Thánh Thần mạc khải Đức Kitô, đồng thời cho thấy tất cả những gì chống lại Ngài. Thánh Thần nêu lên sự gian ác của thế gian; Ngài kết án thế gian và phơi bày sự ác cho mọi người biết rõ. Hơn nữa, Ngài sẽ cho thấy thủ lĩnh của thế gian này, vì kết án Đức Giêsu, nên đã tự hủy.

Thánh Thần không những thăm dò những chiều sâu thăm của Thiên Chúa, mà còn thăm dò cả những chiều sâu thăm của con người. Ánh sáng của Thánh Thần dẫn dắt chúng ta giữa lòng thế gian, một thứ thế gian mà Đức Giêsu *«đã không cầu nguyện cho»* (Ga 17,9), thứ thế gian phản nghịch chống lại Thiên Chúa, ngụp lặn trong tối tăm. Than ôi, thế gian ấy cũng có thật: phủ nhận hay không biết về thế gian này là điều hết sức thiếu thực tế.

Xã hội học có phận vụ phân tích các nguyên nhân gây ra những rối loạn xã hội, đồng thời đề ra những cái tổ cần thiết về cơ cấu. Đó là công việc của bộ môn ấy. Tuy nhiên chớ quên rằng mọi cái tổ, mọi chế độ được thiên hạ đề xuất vẫn luôn mỏng dòn và luôn bị đe dọa vì sự ác nơi tâm hồn con người.

### ***Căn nguồn sự ác***

Hận thù vì chủng tộc và vì phe phái, ích kỷ cá nhân hay tập thể, bạo động để ra bạo động, luân lý đòi truy hay buôn gian bán lận, giả hình hay dối trá..., tất cả đều làm suy thoái các định chế, bất kể loại nào, và ngăn chặn mọi nỗ lực cải cách. Những tệ trạng ấy không thể chữa lành ngay tức khắc bằng những sắc chỉ và đạo luật. Sự ác tối hậu mà chúng ta phải đối đầu không nằm trong các cơ chế hay trong các sự vật mà ở ngay trong chúng ta, trong ý chí, trong tâm hồn chúng ta. Sự dữ nội tại và sâu xa này để ra những những lạm xã hội không ngừng tái xuất hiện dưới mọi chế độ. Không tấn công vào sự dữ ấy thì người ta chỉ có thể đi đời những bất công, thay hình đổi dạng chúng, chứ không thể tiêu diệt chúng.

Làm sao nói hết việc tội lỗi tác hại xã hội tới mức nào! Nó lung lạc một cách tai quái các mối tương giao huynh đệ và biến thế giới thành bất nhân. Ngoài ra, đức tin cho chúng ta biết: tội lỗi che mờ Nhiệm thể Đức Kitô, âm thầm tăng cường quyền lực Satan trên thế gian này. Thảm kịch thế giới bết rết từ thảm kịch tâm linh được thể diễn trong lương tâm con

<sup>47</sup> Thư của ĐGM MATAGRIN, Giám mục Grenoble, trong tạp chí *Église de Grenoble* ra ngày 31-5-1973.

<sup>48</sup> Marcel LÉGAUT, trong nguyệt san *Études* tháng 10-1970, trang 425.

người. Thảm kịch bên trong thế nào rồi cũng sẽ biến thành hành động bên ngoài. Tội lỗi tự bản chất là một nhân tố gây hư hoại, làm thế giới lung lay tận nền tảng; trong khi ân sủng Chúa làm thế giới tái sinh và đưa thế giới đến đỉnh hoàn thiện cao nhất, cho cả cá nhân lẫn cộng đoàn.

Khi phân tích tận căn, chúng ta nhờ đức tin biết được rằng không một danh nào ngoài danh Đức Giêsu có thể thực sự đem lại ơn cứu độ. Không có Ngài, chúng ta chỉ dừng lại ở bề mặt các sự vật. Kitô giáo có phương cách của mình để thăng tiến con người, trong các lãnh vực giáo dục, y tế hoặc phát triển Thế Giới Thứ Ba. Điều ấy không hề ngăn trở Kitô hữu cộng tác với với người khác là những anh chị em của mình, đặc biệt trong một xã hội đa nguyên như xã hội chúng ta hiện nay. Người Kitô hữu không nên tách biệt khỏi xã hội như thể sống trong những biệt cư, mà phải biết rằng, ở bất cứ nơi nào, nhờ phép rửa, họ vẫn luôn luôn được Thánh Thần tác động. Dù phải đương đầu với bất cứ vấn đề gì, người Kitô hữu nên tin rằng thần trí và quyền năng Thánh Thần vẫn luôn soi sáng, hướng dẫn họ. Phụng vụ không dư lời khi bảo chúng ta thốt lên câu: *«Lạy Thánh Thần, xin ngự đến và đổi mới bộ mặt trái đất»*. Thánh Thần trong chúng ta giống như ngọn hải đăng ban đêm chiếu ánh sáng dọc bờ biển, để chúng ta thấy được những hiểm nguy khó thấy, những đá ngầm ẩn khuất. Thánh Thần giúp chúng ta nhận định rõ hơn những gì phi nhân trong môi trường xã hội. Ngài thúc đẩy chúng ta hiểu rằng chủ nghĩa xu thời xã hội vốn che đậy những vực thẳm của hèn nhát, nể vì, sợ hãi. Thánh Thần giúp chúng ta nhận ra những ngẫu tượng của thời đại, và tố giác những ngẫu tượng đa dạng mà chúng ta liên tục tôn thờ. Các ngẫu tượng thời nay không còn mang tên *Baal* hay *As-tar-tê*, mà mang tên *xã hội tìm lợi nhuận*, *xã hội tiêu thụ*, hay hơn nữa *xã hội phóng túng* luôn chiều theo những thị hiếu của thời đại. Mỗi lần người ta chấp nhận những hình thức độc tài phi nhân, những cuộc chiến tranh bất công, những kỳ thị chủng tộc viện cớ là *«để tránh những điều tệ hại hơn»* là mỗi lần người ta thờ phượng những ngẫu tượng ấy. Ngày xưa, người Kitô hữu chấp nhận bị tử hình vì đã không chịu dâng hương cho một ngẫu tượng nào đó. Còn *«Xê-da»* thời nay thường không có tên riêng, nhưng *«Xê-da»* ấy chính là bầu khí chung của thời đại, là môi trường bị ô nhiễm đang vây bọc chúng ta. Bàn về tình trạng quá nhiều Kitô hữu rút lui bỏ cuộc trong xã hội hôm nay, Rose-Mary Haughton đã mô tả thật chính xác:

*«Nếu nước Chúa bị Thủ Lãnh thế gian này chiếm ngự, khi ấy có thể chúng ta sẽ không còn được coi là những công dân tốt của Nước Trời được nữa. Có thể chúng ta sẽ phải phản kháng và bức tức. Tình trạng ấy từ lâu nay như không xảy ra, nhưng có thể đang tái diễn. Chúng ta cần lưu ý về hoàn cảnh thay đổi này, nếu không, một ngày nào đó, có thể chúng ta thức dậy và khám phá ra mình chẳng còn là Kitô hữu nữa, mà chỉ là những công dân được coi là tốt và đáng trọng vọng».*<sup>49</sup>

### **Vượt trên thế gian**

Bộ mặt của thế gian này đang qua đi: chúng ta biết rằng chúng ta đang trên đường tiến về thời cánh chung, về ngày gặp gỡ cuối cùng với Chúa, Đấng sẽ lau sạch mọi dòng lệ, ngày mà chết chóc không còn nữa, ngày mà Thiên Chúa sẽ là mọi sự trong mọi người. Chúng ta là một Giáo Hội lữ hành hướng về ngày Thiên Chúa tự biểu lộ trọn vẹn, về thời điểm mà chúng ta *«sẽ không còn đêm tối nữa, sẽ không cần ánh sáng của đèn, cũng chẳng cần ánh sáng mặt trời, vì Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ chiếu sáng trên chúng ta»* (Kh 22,5).

Chúng ta vừa phải giữ trong tim mình niềm hy vọng tha thiết đưa chúng ta về với vinh quang Thiên Chúa, vừa phải làm việc ở trần gian này với hết năng lực của mình để biến cõi người ta ngày càng tình nghĩa tốt đẹp hơn. Cái nhìn về tương lai phải làm cho giá trị của hiện tại tăng lên chứ không giảm đi: bất kỳ nỗ lực nào làm thăng tiến con người đều có giá trị và đều giúp ta tham dự trước vào *«trời mới đất mới»* đang hình thành. Chúng ta vừa phải hướng về đời sau là nơi tốt đẹp vượt mọi mơ ước của chúng ta, vừa phải chân thành dấn thân vào hiện tại là ngày hôm nay của Thiên Chúa giữa lòng nhân loại.

<sup>49</sup> Rose Mary HAUGHTON, trong nguyệt san *The Catholic World*, số tháng 9-1970, trang 246.

Nhưng tránh đừng nhìn những dấu chỉ hôm nay như điềm báo cho ngày tàn nhân loại. Sách vở của những người hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đen (fondamentaliste) này thường phổ biến những tiên đoán và tính toán chẳng có nền tảng Thánh Kinh đích thực. Giáo Hội nhắc chúng ta hãy khôn ngoan và cẩn trọng noi gương Đức Giêsu; Ngài đã xác định rõ ràng với những kẻ đến hỏi Ngài về ngày tận thế rằng ngày ấy sẽ mãi mãi là bí mật của Cha Ngài. Tránh nhẹ dạ hấp tấp và tiên báo hồ đồ về ngày tận thế. Chúng ta không thể nắm bắt được tư tưởng của Thiên Chúa, nhưng chúng ta lại nhận ra được ý muốn đích thực của Ngài. Ngài muốn chúng ta tiến bước trên con đường đến gặp Ngài «*cho đến khi Ngài lại đến*», và muốn chúng ta hướng về Ngài trong niềm vui của Thánh Thần, Đấng thăm thì trong chúng ta câu: «*Lạy Đức Giêsu, xin hãy đến*» (Kh 22,17-20). Tuy nhiên Ngài cũng muốn chúng ta hiện diện và liên đới trọn vẹn vào nỗi khốn khổ của nhân loại cũng như vào việc xây dựng thế giới.



## Chương X

# THÁNH THẦN VÀ HY VỌNG ĐẠI KẾT

*Đại Kết là công việc của Thánh Thần,  
Thần của Chân Lý và Tình Yêu hoạt động trong chúng ta,  
nối kết chúng ta trong tình yêu, tái tạo chúng ta trong đa dạng.  
Đó là điều quan trọng.  
Đừng vì ngu dốt, hẹp hòi, thiếu đức tin  
mà kìm hãm Thánh Thần.*

TGM Ramsey, trong báo TheTimes,  
ngày 8-1-1973

Công Đồng Vatican II đã nhìn nhận việc phát sinh phong trào đại kết là một dấu chỉ cho thấy Thánh Thần đang hiện diện và hoạt động trong Giáo Hội. Nhiều bản văn quan trọng đã được bỏ phiếu, tán thành chiều hướng cởi mở và đón mời trong các mối quan hệ với các Giáo Hội Kitô khác. Một Văn Phòng Hiệp Nhất Kitô giáo đã được thành lập và tiến hành những cuộc gặp gỡ. Nhiều nhóm thần học gia đã soạn những bản văn đồng qui về tín lý. Nhiều bước quan trọng tiến gần với nhau đã được thực hiện.

Để việc đối thoại đạt được mục đích, Đức Phaolô VI đã vạch ra con đường phải theo trong bài huấn từ sau đây:

*«Không thể có đối thoại nếu không hiểu biết sâu sắc người đối thoại với chúng ta, hoặc là với kẻ khác, nói theo kiểu ngày nay. Chương trình cao quý này đòi hỏi chúng ta phải quảng đại, phải khổ hạnh thực sự! Cần phải vượt khỏi các biên giới ngôn ngữ, suy tư văn hóa, nhất là những tranh luận và tâm tư ngờ vực, để sẵn sàng vượt lên trên bản thân và hướng đến hiệp nhất».*

Không thể nhắm mắt không biết đến quá khứ, vì quá khứ là chìa khóa của hiện tại. Bội lẽ lịch sử kết dệt bầyềng những phản ứng dây chuyền, nên lịch sử thiết yếu giúp chúng ta hiểu tại sao lại có những ly giáo và những gãy đổ trong Giáo Hội. Lịch sử sẽ giải tỏa một cách hữu hiệu những hình ảnh biếm họa méo mó, chẳng hạn hình ảnh về một Photius hoặc một Luther. Nó buộc chúng ta phải xét duyệt lại các sự kiện một cách tích cực. Và cho chúng ta hiểu rõ một số tranh luận đã từng bị méo mó đến mức nào do lối dòn ép tiến thoái lưỡng nan; để từ đó mở ra được những hướng nhìn mới: mình định được một chân lý cục bộ (une vérité fragmentaire) đã từng bị biến thành phe phái (sectaire) chỉ vì thiếu tổng hợp hài hòa. Lịch sử dạy chúng ta về sự tương đối lành mạnh – tôi không có ý nói đến chủ nghĩa duy tương đối – giúp chúng ta nhận ra đâu là tất yếu, đâu là ngẫu nhiên, chóng qua, thuộc chiều kích xã hội. Lịch sử giúp chúng ta bỏ đi những thành kiến và định kiến. Nó vừa dạy chúng ta tính khiêm nhường – vì ai cũng phải chiến đấu với lầm lỗi của mình – , vừa dạy chúng ta nhận biết lòng khoan thứ của Thiên Chúa đối với chúng ta.

Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng việc nhận rõ Thánh Thần đang hoạt động mạnh mẽ là một dấu chỉ của niềm hy vọng rất lớn. Tôi có cảm tưởng rằng các Giáo Hội Kitô giáo tụ tập lại quanh Thánh Thần, Ngài là mái ấm để các Giáo Hội gặp gỡ trên các bình diện tâm linh, tín lý, và liên kết hợp nhất.

### 1. Thánh Thần, Nơi hội tụ tâm linh

Ngay từ bước đầu của đối thoại đại kết, chúng ta nên ý thức rằng công việc này không phải là lỗi đối thoại theo kiểu nhân loại: tức không phải là sự gặp gỡ giữa những người thiện chí nhằm tìm kiếm một thỏa hiệp ngoại giao. Nhưng đây là một lệnh truyền phải tuân phục, là thánh ý Thiên Chúa trong sự sống Ba Ngôi của Ngài.

Nhân cuộc tĩnh tâm dành cho giới giáo sĩ Công Giáo, tiên sĩ Harvey D. Butlerfield, một giám mục thuộc giáo phái Giám Chế (épiscopalien), phát biểu:

*«Chúng ta không bao giờ nên hiểu đại kết là một nỗ lực nhằm hiện đại hóa Giáo Hội. Chúng ta không tự đề xuất một ý kiến tiên phong, mà nhằm sửa đổi cách hành xử của mình cho đúng với thánh ý Thiên Chúa. Thiên Chúa đang thực hiện cho thế hệ chúng ta những điều kỳ diệu mà chúng ta phải nhận thức được mà đáp ứng lại».*

Chúng ta sẽ không bao giờ nói cho đủ về điều này: Hiệp nhất là một hồng ân của Chúa, một ân sủng mà chúng ta phải cùng nhau cầu xin Chúa ban. Khi bắt đầu mọi nỗ lực đại kết, nên nhớ lại lời Đức Hồng Y Bea: *«Chỉ có quỳ gối xuống mới qua được cánh cửa hiệp nhất».*

Phải cùng nhau tha thiết cầu nguyện: Chúng ta cầu nguyện cho hiệp nhất trong tuần từ 18 đến 25 tháng Giêng. Đây mới chỉ là bước đầu, vẫn còn e dè và quá rời rạc. Đã có tiến bộ, nhưng trong cuộc sống đạo của mình, chúng ta chưa cảm thấy khẩn thiết trước vấn đề này: chúng ta cứ để mặc cho Thiên Chúa phải đợi chờ, quên rằng Ngài hằng *«khát khao mong mỏi ăn lễ Vượt Qua này với chúng ta»* còn hơn cả chúng ta nữa (x. Lc 22,15), lễ Vượt Qua của sự hiệp nhất.

Nhưng chỉ Thánh Thần mới có thể cầu nguyện trong chúng ta một cách thiết thực và sâu xa tận ngọn nguồn. Chỉ Thánh Thần mới có thể khiến chúng ta thốt lên danh hiệu Giêsu một cách xứng hợp với người Kitô hữu, nghĩa là trong sự hiệp nhất huynh đệ.

Chúa Thánh Thần liên kết chúng ta lại với nhau để cùng nhận biết Đức Giêsu là Chúa. Thánh Thần hiện diện ngay trong những cuộc trao đổi quan điểm của chúng ta. Vì cần hiểu rằng đối thoại đại kết trước hết không phải là đối thoại giữa các Giáo Hội với nhau, hay giữa Roma và Canterbury, Roma và Mạc Tư Khoa, Roma và Genève; mà đúng hơn, đối thoại đại kết là một cuộc đối thoại tâm linh từ bên trong, giữa Roma, Canterbury, Mạc Tư Khoa, Genève với vị Thầy chung của tất cả: Đức Giêsu Kitô và Tin Mừng của Ngài.

Một khi Thánh Thần cho chúng ta thấy được khuôn mặt thật của Đức Giêsu, thì bóng tối trên chính khuôn mặt của chúng ta sẽ không còn nữa.

*«Anh em hãy đến gần Chúa  
Hãy vui tươi trong ánh sáng Ngài,  
Và trên khuôn mặt anh em,  
Sẽ không còn u tối.» (Tv 33,6).*

Hiệp nhất với Thiên Chúa, chúng ta sẽ hiệp thông với nhau. Đó là con đường ngắn dẫn đến hiệp nhất.

Cùng nhau mở lòng đón nhận Thánh Thần trong bầu khí cầu nguyện, đó là điều quan trọng ưu tiên của đại kết. Cùng nhau kêu cầu Chúa, thái độ đó sẽ mang lại cho việc truy cứu thần học – mà ta cần phải thực hiện – một hứng khởi và một chiều sâu mới mẻ. Lời cầu nguyện như thế không những chỉ mở đầu cho công việc, mà còn phải đi vào ngay trong nhịp điệu công tác và biến đổi toàn bộ bầu khí. Tôi có dịp tham dự những cuộc hội họp làm việc chung trong một hội nghị của các vị lãnh đạo Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng. Những cuộc hội họp ấy được mở đầu bằng việc cầu nguyện tự phát một hồi lâu. Nhưng ngay trong buổi họp có khi vị chủ tọa mời gọi mọi người ngưng lại để cầu xin Thánh Thần ban ánh sáng cho



chính đề tài thảo luận và những điều cần quyết định. Trong buổi họp, cầu nguyện và làm việc đan quyện vào nhau, tạo nên một bầu khí khiêm nhượng của mọi người trước Thiên Chúa. Mong ước rằng Thánh Thần sẽ chủ trì những cuộc đối thoại đại kết như thế,... và cả những cuộc hội họp khác nữa! Làm sao người ta lại không mong ước những trao đổi như thế sẽ ngày càng được thực hiện nhiều hơn giữa các vị hữu trách trong các Giáo Hội – ở cấp giáo xứ hoặc giáo hạt –, để liên kết toàn bộ dân Chúa với lời cầu nguyện chung, được nuôi dưỡng bằng nguồn mạch Lời Chúa! Sách Công vụ Tông Đồ cho chúng ta biết rằng trong khi thánh Phêrô đang ở tù thì cộng đoàn Kitô hữu cùng hiệp lòng cầu nguyện không ngừng cho ngài (Cv 12,5). Để cầu nguyện cho việc tái lập hiệp nhất, chúng ta cũng phải cầu xin Chúa liên li. Không những vì cầu nguyện là con đường đầu tiên dẫn đến hiệp nhất, mà vì lời cầu nguyện tự bản chất còn giúp các tâm hồn sẵn sàng hướng về việc thực hiện sự hiệp nhất ấy. Người ta không thể nào quên được kinh nghiệm đau thương của Công Đồng Florence chủ trương hiệp nhất vào thế kỷ XV: Công Đồng bị thất bại trong nỗ lực hòa giải với Chính Thống giáo, vì hiệp ước chỉ được ký kết ở thượng đỉnh, đang khi dân chúng chẳng hề được chuẩn bị và tham dự.

Để tăng cường trào lưu cầu nguyện như thế, các nhóm cầu nguyện tự phát – dù đoàn sủng hay không đoàn sủng – có thể hỗ trợ và phổ biến thường xuyên tinh thần hiệp nhất, trong khi chờ đợi thời điểm mong ước là có được sự hiệp thông giữa các Giáo Hội. Cầu nguyện chung với nhau trong Lời của Chúa sẽ là nguồn sức mạnh vô tận, giúp cho các Kitô hữu thuộc đủ mọi giáo phái có thể cùng nhau - tương thân, tương kính -, tụ họp và cầu khẩn.

Nhưng đừng nhân danh một lối cảm xúc thân ái còn hơi hợt để khóa lấp không đúng chỗ những khác biệt chưa được giải quyết về tín lý. Mỗi Giáo Hội phải giữ lấy bản sắc riêng của mình, nhưng vẫn phải tôn trọng bản sắc của những Giáo Hội khác. Những dịp này, người Công Giáo không nên du di lời tuyên xưng “Tin Kính” cũng như lòng sùng kính Đức Mẹ của mình. Chúa Thánh Thần sẽ biết cách sáng tạo lối cầu nguyện hòa điệu, miễn là mỗi nốt nhạc vang lên đúng thanh âm của mình.

## 2. Thánh Thần, điểm qui tụ về tín lý

Trong một bài nhan đề: *«Tôi tin có Thánh Thần trong Giáo Hội»*, Cha Yves Congar viết những dòng đầy ý nghĩa:

*«Kitô hữu thuộc các giáo phái không hiệp thông trọn vẹn với chúng ta – dù thuộc Chính Thống giáo hay Tin Lành – đều trách cứ chúng ta thiếu quan tâm đến “Thánh Thần học”. Họ muốn nói rằng Thánh Thần có chức năng của một ngôi vị riêng, chứ không phải chỉ có chức năng thi hành công việc của Đức Kitô như một công cụ, hoặc chỉ nhằm bảo đảm vận hành của định chế. Họ muốn đặt nổi sự tự do của ân sủng và việc nhân cách hóa ân sủng. Chúng ta có thể cho rằng lời trách cứ trên là quá đáng, và vì thế nên bất công. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng lời trách cứ cũng dựa trên một cơ sở nào đó. Chúng ta đã đề cập đến vị trí của Thánh Thần trong cuộc sống siêu nhiên. Cho đến những thập niên gần đây, ngoài việc Thánh Thần bảo đảm giá trị các cử hành bí tích hoặc phẩm trật, chúng ta đã chưa nói nhiều đến Ngài trong Giáo Hội học. Tình trạng này đã được cải thiện với việc đề cao các cộng đoàn địa phương, các đoàn sủng, cũng như toàn bộ phong trào Canh Tân đầy sáng kiến».*<sup>50</sup>

Quả thật, tình trạng nói trên đã được cải thiện. Công Đồng Vatican II đã góp phần vào việc cải thiện ấy khi nhấn mạnh đến vai trò của Thánh Thần trong các bản văn quan trọng. Kể từ đó, Đức Phaolô VI đã tuyên bố không úp mở rằng cần phải bổ sung Công Đồng Vaticanô II bằng môn Thánh Thần học toàn bích hơn *«như một bổ sung cần thiết cho Công Đồng»*. Chúng ta đã trưng dẫn toàn bản văn ngay ở chương đầu tiên.

<sup>50</sup> *La Croix* (Thập Giá), Paris, ngày 4-3-1972.

Những dòng chữ ấy vang vọng rất xa. Thánh Thần học về mặt tín lý đặc biệt lưu tâm đến sự hiệp nhất. Nói thế không có nghĩa là mọi bất đồng về mặt thần học đều đã được giải quyết, nhưng ở đây chúng ta có được một điểm chung quan trọng để gặp nhau.

Chúng ta có thể lược qua những điểm tranh cãi khác nhau trong quá khứ, và thấy được rằng việc đề cao vai trò Thánh Thần đã làm bầu khí tranh luận bớt căng thẳng và làm cho các quan điểm của chúng ta gần nhau hơn. Chẳng hạn khi đưa hai lời khẩn xin Thánh Thần vào các kinh nguyện Thánh Thể mới, thì trên bình diện phụng vụ, chúng ta thấy gần gũi với anh em Chính Thống hơn; và khi nhấn mạnh vị thế của Thánh Thần trong Giáo Hội, thì về mặt Giáo Hội học, chúng ta đã làm nổi bật chiều kích đoàn sủng đã bị quên lãng quá lâu; điều này lại rất thuận lợi cho việc đối thoại với anh em Tin Lành. Chúng ta có thể liệt kê thêm nữa .... Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là tôi phủ nhận hoặc giảm thiểu những khó khăn chưa được giải quyết về mặt định chế, đặc biệt những gì liên quan đến vai trò của chức vụ Phêrô trong Giáo Hội. Nhưng sự ưu tiên dành cho Thánh Thần và cho vai trò của Ngài đã mở ra một lối nhìn giúp định vị và giới hạn phạm vi của những bất đồng. Sự ưu tiên ấy còn công hiến một điểm đối chiếu, một nơi gặp gỡ, nhờ đó chúng ta có thể dễ dàng nói với nhau hơn bằng một thứ ngôn ngữ mà mọi người quen thuộc.

Ở đây tôi không tìm cách nêu lên bản liệt kê những vấn đề chưa được giải quyết, và càng không muốn đưa ra cách giải quyết những vấn đề ấy. Tôi chỉ muốn chia sẻ một vài suy tư, dẫu bất toàn, về Thánh Thần như điểm gặp gỡ tín lý về một số điểm dễ gây bất đồng.

Trước tiên, tất cả chúng ta hãy cùng đặt mình dưới uy quyền tối thượng của Lời Chúa. Lời ấy được truyền cho chúng ta trước hết qua Thánh Kinh, được Thánh Thần linh ứng và soi sáng. Hiến chế quan trọng về tín lý của Công Đồng Vatican II bàn về mạc khải của Chúa nói rằng: Huấn quyền có nhiệm vụ giải thích Lời Chúa một cách trung thực:

*«Quyền giáo huấn này không vượt trên Lời Chúa, nhưng để phục vụ Lời Chúa, chỉ dạy những gì đã được truyền lại, vì thừa lệnh Chúa và với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện, và trung thành trình bày Lời Chúa. Và từ kho tàng duy nhất ấy, Giáo Hội rút ra mọi chân lý, mà dạy phải tin là do Thiên Chúa mạc khải».*<sup>51</sup>

Tất cả chúng ta đều ý thức rằng Thánh Thần hiện diện trong Kinh Thánh từ khởi nguồn, cho dù sau đó thần học có giải thích quan niệm về linh ứng thế nào đi nữa. Tất cả chúng ta đều tin rằng Thánh Thần nói với chúng ta qua Kinh Thánh. Tất cả chúng ta đều tuyên xưng rằng Thánh Thần soi sáng tâm hồn các tín hữu khi họ tiếp xúc trực tiếp bằng nội tâm với Thiên Chúa như Kinh Thánh mô tả. Chúng ta bắt đầu quan niệm khác về việc xác định vai trò và quyền năng của Huấn Quyền trong việc giải thích các sách thánh, về vai trò của truyền thống sống động mà người ta có thể gọi là «*Lời cầu khẩn Thánh Thần*» (Épiclèse). Tuy nhiên chúng ta ngày càng gặp nhau nơi thái độ chung và nên tảng là cùng đón nhận Lời Chúa.

Và lại, thay vì nhìn Giáo Hội dạy dỗ đối lập với Giáo Hội học hỏi, lắng nghe, chúng ta hãy ý thức rằng tất cả chúng ta đều chỉ là một Giáo Hội học hỏi, lắng nghe Thánh Thần. Trong cách nhìn trước, chúng ta nhận định chính xác hơn lối phân biệt cổ điển giữa Giáo Hội chủ huấn (tức Huấn Quyền) và Giáo Hội thụ huấn (tức các tín hữu). Chúng ta nói: phân biệt chứ không tách biệt. Bởi lẽ trước khi chính mình là Giáo Hội chủ huấn, các giám mục cùng hiệp nhất với thủ lãnh của họ là Đức Giáo Hoàng, trong nhiều khía cạnh, đã là và sẽ mãi mãi là Giáo Hội thụ huấn. Các ngài thừa hưởng nền thần học của thời đại mình – được dạy trong chủng viện – cũng như nếp sống siêu nhiên đương thời. Tất cả các ngài đều phải lắng nghe Thánh Thần để sau đó, nhờ đoàn sủng riêng của mình, các ngài lên tiếng khi sự chân thực và việc giải thích sứ điệp Tin Mừng có vấn đề. Các ngài có bổn phận phải lắng nghe cả khi thi hành sứ mạng riêng của mình. Cha Haering có viết:

*«Ai cũng nhìn nhận rất đúng rằng Đức Giáo Hoàng là Giáo Hội chủ huấn một cách độc*

<sup>51</sup> Hiến chế Tín lý về Mạc Khải, 10.

*đáo. Nhưng cũng chính điều ấy thúc đẩy Ngài phải làm Giáo Hội thụ huấn một cách đặc biệt: Ngài phải lắng nghe và đón nhận tất cả những gì là hoa trái của Thánh Thần trong Giáo Hội; Ngài phải lưu tâm đến tất cả mọi kinh nghiệm và hồng ân thiêng liêng của mọi giám mục và của toàn dân Chúa».*

Chúng ta đều tin rằng Đức Giêsu đã ban Thánh Thần Ngài cho chúng ta để dẫn chúng ta luôn tiến xa hơn trong sự viên mãn của chân lý mà các môn đệ Ngài khi ấy chưa thể lãnh hội hết được (x. Ga 16,12). Đây là một cuộc đối thoại nội tâm, một sự xúc dầu của Chúa Thánh Thần, Đấng dạy mọi người đã chịu phép rửa lắng nghe Thiên Chúa. Đây là một mạc khải từ từ mà Thánh Thần kiên trì thực hiện mỗi ngày trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội. Điều mà thế giới mong đợi chúng ta thực hiện trước tiên, chính là hiểu được tiếng nói này, làm tỏ rõ sự khôn ngoan này, nói cho thiên hạ những gì Thiên Chúa nghĩ về họ và cho họ biết ý định của Ngài đối với thế giới.

Hiện nay chúng ta càng ngày càng tái khám phá ra chiều hướng hiệp thông với Lời Chúa. Không những phụng vụ canh tân để việc phục vụ Lời Chúa trở nên phổ cập và được hiểu rõ hơn, mà các cuộc gặp gỡ cộng đoàn cũng tạo thuận lợi cho việc chia sẻ Lời Hằng Sống. Chúng ta khám phá lại kho tàng quý giá trong việc tiếp xúc với Thiên Chúa, khi cảm nghiệm được rằng Thánh Thần liên kết với những ai biết khiêm tốn mở Kinh Thánh ra đọc, biết cầu xin Thiên Chúa ban cho mình Lời Chúa làm lương thực đi đường. Càng ngày người ta càng thấy có những Kitô hữu cầm trên tay hoặc mang theo mình cuốn Tân Ước để họ vừa đọc vừa cầu nguyện. *Thánh Thần nói*: chúng ta nghiệm cho thấy đó không phải là một ảo tưởng. Và ai đã nhận lãnh rồi, Ngài sẽ ban cho nhiều hơn, một cách nhưng không, qua những tiếp xúc tế nhị.

Tôi xin được nêu ra đây một chứng tá cá nhân mang tính đại kết. Cách đây vài tháng, tại Malines, tôi đã tiếp đón tiền sĩ Ramsey, Tổng Giám Mục Canterbury, đến thăm tôi vài ngày. Trước khi bắt đầu câu chuyện, tôi đề nghị với ngài cùng mở Thánh Kinh ra đọc chung để Thánh Thần soi sáng buổi trò chuyện của chúng tôi. Chúng tôi mở sách ra đúng ngay Tin Mừng Gioan đoạn 20, câu 26: «*Các cửa đều đóng kín. Đức Giêsu đến, đứng giữa các ông và nói: "Bình an cho anh em"*». Đối với hai chúng tôi đó là một lời mời gọi Chúa bảo chúng tôi hãy tiếp tục đối thoại với nhau dù các cánh cửa vẫn còn đóng, nhưng xác tín rằng Chúa đang gõ lời và đang hiện diện, vì chúng tôi đang tụ họp với nhau nhân danh Ngài.

## **2. Thánh Thần và sự hiệp nhất sống động giữa các Giáo hội**

Vấn đề nền tảng của đại kết là tái lập sự hiệp nhất Giáo Hội. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có một quan niệm rõ ràng về chính sự hiệp nhất: hiệp nhất không phải là đồng dạng, mà là hòa hợp trong sự đa dạng lành mạnh. Trong quá khứ, người ta nhân danh một thứ hiệp nhất bị hiểu sai nên đã phạm phải vô số vụng về và tạo nên những xung đột vô ích. Hãy nhớ lại việc phản đối các lễ nghi Trung Hoa mà các thừa sai thế kỷ XIX đề nghị, những cử điệu không hợp thời theo cung cách Rôma tại Đông Phương, việc tranh đấu trong Công Đồng nhằm phản đối việc chỉ sử dụng tiếng La Tinh trong kinh nguyện phụng vụ và ủng hộ việc đưa các ngôn ngữ thường dùng vào phụng vụ, sự căng thẳng gây ra do vấn đề quyền của giám mục đoàn phải quân bình với quyền tối thượng của Đức Giáo Hoàng... Dần dà chúng ta sẽ khám phá ra được một quan điểm về hiệp nhất có khả năng tiếp nhận những khác biệt chính đáng kết thành một tổng hợp phong phú hơn trong lòng Giáo Hội duy nhất của Đức Kitô.

Công Đồng Vatican II đã dùng lại lời nói của thánh Xy-pri-a-nô thành Carthage để định nghĩa Giáo Hội là «*dân Chúa được nối kết do sự hiệp nhất của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần*».<sup>52</sup> Chúng ta nhất thiết hướng cái nhìn của mình về sự hiệp nhất có từ

---

<sup>52</sup> Hiến chế về Giáo Hội, 4

nguyên thủy, là mẫu mực cho sự hiệp nhất của chúng ta: đó là sự hiệp nhất của Ba Ngôi. Sự hiệp nhất trong Giáo Hội mà chúng ta nỗ lực tái lập lại về mặt hữu hình phải rập theo hình ảnh sự hiệp nhất đa diện của Thiên Chúa. Ngày xưa, thần học của chúng ta quá nhấn mạnh đến sự hiệp nhất đến nỗi Thiên Chúa có vẻ như chỉ có độc nhất một ngôi vị; và chúng ta đã nhìn không rõ Ba Ngôi Thiên Chúa theo tính cách riêng của mỗi Ngôi. Các sách thần học của chúng ta có tựa đề: «*Thiên Chúa duy nhất mà Ba Ngôi*»; lối chọn nhan đề như thế đề cao sự duy nhất là phẩm tính ưu tiên. Giáo Hội «*theo hình ảnh Thiên Chúa*» ở đây dường như là một Giáo Hội: không những chỉ là một (une) mà còn là một mình (unitaire), độc khối (monolithique). May thay chúng ta đã nhấn mạnh lại về Ba Ngôi, về «*Thiên Chúa, ba Ngôi nhưng mà một Chúa*». Chúng ta không được hy sinh khía cạnh duy nhất lẫn khía cạnh Ba Ngôi nơi Thiên Chúa. Có sự duy nhất trong Ba Ngôi và có Ba Ngôi trong sự duy nhất.

Hiệp nhất đại kết bắt nguồn từ mẫu nhiệm Ba Ngôi. Từ đó, chúng ta thoáng thấy được việc nhận biết chức năng Thánh Thần trong Ba Ngôi có thể tạo quân bình cho môn Giáo Hội học giữa những đòi hỏi về hiệp nhất và việc đón nhận những hình thức đa dạng chính đáng. Thánh Thần thực hiện trong lòng Giáo Hội mỗi hiệp nhất vượt lên trên những lối cân nhắc của con người chúng ta. Hiện nay, chúng ta đang chứng kiến tận mắt một hành động quy mô của Thánh Thần nhằm qui về một mối những danh xưng vẫn còn làm chúng ta ngăn cách nhau. Như Kevin Ranaghan đã viết:

*«Trong mỗi Giáo Hội của chúng ta, vào cùng một thời điểm, Đức Giêsu mời gọi hết thảy chúng ta hoán cải sâu rộng hơn, mở lòng ra đón nhận Thánh Thần của Ngài tuôn đổ liên li trên chúng ta, biết đón nhận và sử dụng các hồng ân và các tác vụ của Thánh Thần, biết đối xử nhau một cách dịu hiền, kiên nhẫn, thứ tha để Nhiệm Thể Ngài được linh hoạt. Tác động này của ân sủng không thể chỉ giới hạn nơi người Công Giáo, Tin Lành hay Chính Thống: Thiên Chúa muốn thúc đẩy toàn thể dân Ngài ngoài sức tưởng tượng của chúng ta về mọi mặt. Kế hoạch này của Thiên Chúa ra sao? Chúng ta hãy tin chắc rằng Ngài đang can thiệp vào lịch sử hiện nay của chúng ta và nhờ Thánh Thần Canh Tân, Ngài đang chuẩn bị cho dân Ngài làm chứng nhân cho Ngài. Nhìn cách hành động lạ lùng và đầy quyền năng của Ngài, ta thấy dường như chúng ta đang bước vào ngưỡng cửa một kỷ nguyên đổi mới toàn diện trong Giáo Hội, và Giáo Hội được kêu gọi làm chứng cho thế giới về một quyền năng kỳ diệu».*<sup>53</sup>

Luồng gió của Lễ Hiện Xuống hình như đang thổi vượt ra khỏi những biên giới từng chia cách chúng ta. Không những chỉ phía chúng ta nhận ra điều ấy, mà nhiều môi trường khác cũng có thể thu thập được dễ dàng những chứng từ tương tự. Để kết thúc chương này, tôi xin trích dẫn một trong số những chứng từ sống động đó. Đó là chứng từ của mục sư Appia. Sau khi mô tả những cuộc gặp gỡ tại chỗ với các nhóm đoàn sủng, mục sư nói tiếp:

*«Cho dầu con đường của những người anh em này vẫn còn rải rác đá ngầm, bên trong lẫn bên ngoài, thì những gì xảy ra trước mắt chúng ta có thể được xem như một cuộc bùng tình chưa từng có trong lịch sử Giáo Hội. Nếu ngày nay những tín hữu truyền thống như chúng ta lại bị mất không thèm nhìn thì đó quả là một sự bất tín rõ ràng, vì Thiên Chúa chất vấn chúng ta ở nơi sâu thẳm nhất của đức tin. Cách đây 50 năm, những cộng đoàn hiện xuống đầu tiên đã bị các Giáo Hội truyền thống nhanh chóng gạt ra ngoài lề Giáo Hội (vì những lý do dễ thấy) và thường mang dáng dấp các giáo phái. Nhưng bây giờ thì không còn như thế nữa...*

*«Tất cả các chứng từ đều để ý điểm này: các thành viên những cộng đoàn ấy vẫn mong muốn ở lại trong Giáo Hội, tiếp tục tham dự các bí tích, chứ không muốn rơi vào tình trạng tự cho mình là ưu tuyển, là tình trạng tất yếu dẫn đến sự kiêu ngạo về cuộc sống thiêng liêng...*

*«Chúng ta chỉ cần nhớ rằng nhận xét sau đây như được chứng thực một lần nữa cho thời đại chúng ta: cứ mỗi lần Giáo Hội, Thân Thể Đức Kitô phải đương đầu với những đe dọa bị tiêu diệt và gặp nguy hiểm trong sinh hoạt làm chứng, thì Chúa lại ban cho Giáo Hội*

<sup>53</sup> Kevin RANAGHAN, *The Lord, the Spirit and the Church*, các trang 11-12 và 16-17.

*những dấu chỉ cho thấy Ngài không ngừng yêu thương gìn giữ Giáo Hội. Ngài giúp Giáo Hội tự biểu lộ bản chất của mình, tiếp tục phụng sự vinh quang Thiên Chúa và cứu rỗi nhân loại. Chúng ta dám nói rằng những gì Đức Gioan XXIII kêu gọi, qua lời cầu nguyện và những lời cầu chúc của Ngài khi bắt đầu Công Đồng Vatican II, hiện đang được thực hiện; và quả không phải là quá lạm khi ta gọi phong trào đoàn sủng là “Một lễ Hiện Xuống mới”».*<sup>54</sup>

---

<sup>54</sup> G. APPIA, «Une nouvelle Pentecôte» trong tập san *Unité Chrétienne*, tháng 11-1972, số 28 trang 55-56.



## Chương XI

### THÁNH THẦN VÀ ĐỨC MARIA

*Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về,  
vì người con bà cứu mang  
là do quyền năng Chúa Thánh Thần*

Mt 1,20

#### 1. Thánh Thần hay Đức Maria?

Để làm nổi bật vị thế của Đức Maria trong công cuộc canh tân của Chúa Thánh Thần, chúng ta phải biết những gì đã gây khó chịu cho các anh em Tin Lành của chúng ta khi nói đến Đức Maria. Anh em Tin Lành phân đông cho rằng Giáo Hội Công Giáo đã hiểu sai chức năng Thánh Thần, nên cũng hiểu sai vị thế trung gian duy nhất của Đức Kitô. Chắc hẳn họ cũng khó chịu vì những chuyện khác nữa, chẳng hạn một số điểm thần học bị coi là quá đáng, hay lòng sùng đạo của giới bình dân. Đặc biệt họ cảm thấy khó chịu khi thấy chúng ta gán ghép cho Đức Maria những điều mà họ cho rằng đúng ra phải dành cho Chúa Thánh Thần.

Gần như anh em Tin Lành cho rằng chúng ta đã đặt Đức Maria vào chức năng và vị thế của Thánh Thần, gây cản trở cho việc đôi thoại đại kết về điểm này, và làm tắc nghẽn con đường tiến tới hiệp nhất.

Tôi tin rằng đã đến lúc phải đặt lại vị thế của Đức Maria trong bối cảnh tác động của Thánh Thần. Tôi xác tín rằng: càng liên kết chặt chẽ việc sùng kính Đức Maria với Thánh Thần và càng thể hiện dưới tác động của Thánh Thần, thì lòng sùng kính này, ở những nơi nào đã từng bị giảm sút, sẽ càng được khôi phục lại. Trong nhãn quan đó, Đức Maria sẽ đương nhiên xuất hiện như người được tràn ngập ân sủng Thánh Thần, như người Kitô hữu đầu tiên, như người đầu tiên nhận được đoàn sủng.

Nhưng việc người ta trách cứ chúng ta là vì đề cao Đức Maria nên đã thay thế hoặc làm cho Thánh Thần bị lu mờ đi, dấu sao cũng đáng cho chúng ta phải suy nghĩ và xem xét.

Trước tiên, chúng ta phải nhấn mạnh sự ưu tiên tuyệt đối của Thánh Thần, là Thánh Thần thánh hoá, sau đó mới chứng tỏ Maria là người được Ngài thánh hóa một cách tuyệt hảo, là thiếu nữ Sion ưu tuyển được Ngài viếng thăm. Và ngay trong câu trả lời Thiên Sứ, thiếu nữ ấy đã chứng tỏ rằng mình được chính Thánh Thần tác động sâu xa chưa từng có. Maria đã đón nhận lời đề nghị của Thiên Chúa bằng đức tin, nên chính đức tin ấy là một hành vi ưu việt của Thánh Thần thực hiện nơi cô. Thánh Thần là nguồn phát sinh mọi đức tin. Sự hợp tác đầy tự do và năng động của Maria hoàn toàn được nuôi dưỡng và thấm nhuần Thánh Thần, Ngài tác động «*y chí và hành động*» nơi cô (xem Pl 2,13). Maria đón nhận trọn vẹn hành động của Chúa Thánh Thần, với lòng ưng thuận tự nguyện. Maria không phải là người đi bước trước. Chính Thánh Thần đã mời gọi cô, đã ban cho cô ơn tự hiến dâng trọn vẹn cho Ngài. Sự tự do của Thiên Chúa bung tràn nơi Maria.

Theo tôi, đặt nổi công việc của Thánh Thần trong suốt đời sống của Đức Maria và

trong màu nhiệm được thực hiện nơi Mẹ, sẽ giúp chúng ta dẹp bỏ hoặc làm giảm nhẹ được những hiểu lầm.

Tuy nhiên, đó chỉ là điểm mà chúng ta phải hiệu chỉnh đầu tiên. Ngoài ra chúng ta còn phải làm nổi bật vị thế của Đức Maria, Mẹ Đức Giêsu và Mẹ của tất cả chúng ta, trong tổ ấm gia đình là Giáo Hội. Gia đình nào mà con cái bất hòa nhau, thì đương nhiên người mẹ sẽ là người hòa giải, ở giữa các con quây quần chung quanh bà.

Martin Gillett, một người Anh giáo trở lại Công Giáo dù vẫn giữ vẹn tình thân với cả hai phía, đã khám phá ra vai trò nói trên một cách thật đặc biệt. Ông có một ý tưởng thật táo bạo là biến đổi «*trở ngại*» cho sự hiệp nhất – mà dưới con mắt của một số Kitô hữu trở ngại ấy chính là Mẹ Maria – thành «*con đường đi tới*» sự hiệp nhất. Ông thành lập phong trào đại kết của Mẹ Maria, đặt nền tảng không phải trên những tranh luận thần học, mà trên những trao đổi hòa giải và những gặp gỡ nhằm hiểu biết và tôn kính Mẹ Maria nhiều hơn.

## 2. Mẹ Maria trong bối cảnh tác động của Chúa Thánh Thần

Đời sống và chức vị của Mẹ Maria được gói gọn trong những lời xác định ơn gọi làm Mẹ Thiên Chúa của Ngài. «*Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà*» (Lc 1,35).

Chẳng cần phải nại thêm câu Thánh Kinh nào khác để xác định vị thế của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ. Như nhà thần học Chính Thống giáo Alexander Schmemmann viết:

*«Về đề tài này tôi muốn nói một cách hơi nghịch lý rằng: nếu trong Thánh Kinh không có điều gì được mạc khải ngoài sự kiện đơn thuần là sự hiện hữu của Mẹ Maria, - nghĩa là Đức Kitô, Thiên Chúa làm người, có một người mẹ tên là Maria -, thì chỉ như thế cũng đủ để Giáo Hội yêu mến bà mẹ ấy, nghĩ về bà trong tương quan với con bà và rút ra được những kết luận thần học từ sự chiêm niệm này. Chúng ta chẳng cần mạc khải nào bổ sung thêm hay đặc biệt khác: Mẹ Maria mang một chiều kích hiển nhiên và thiết yếu của chính Tin Mừng».*<sup>55</sup>

Vào thời điểm Truyền Tin, màn mở đầu cho việc Đức Kitô nhập thể và làm trung gian duy nhất, Mẹ Maria đã trở thành điểm nối kết đất trời. Có thể nói rằng Thánh Thần chính là cao điểm tình yêu Thiên Chúa đang đến với chúng ta, là Đấng được Chúa Cha và Chúa Con cử đến. Còn về phía Mẹ Maria, Mẹ chính là tình yêu tinh tuyền nhất của một thụ tạo thuần túy là thụ tạo, được chính Thánh Thần nâng lên để gặp gỡ Ngài. Nơi hai thứ tình yêu hội tụ này gặp gỡ, tức là trọng tâm của giao ước Thiên Chúa và con người: nơi ấy là chính Đức Kitô, Đấng cứu độ duy nhất của chúng ta. Hẳn nhiên chúng ta chỉ bập bẹ nói được như vậy, nhưng đây đúng là trọng tâm của màu nhiệm Nhập Thể.

Tương quan giữa Mẹ Maria và người con trai của Mẹ là tương quan mẫu tử. Nơi mọi bà mẹ, tình mẫu tử này đâu chỉ dừng lại ở khía cạnh sinh nở tự nhiên, thuộc về sinh học. Tình mẫu tử nơi Mẹ Maria còn là một tương quan liên ngôi vị (gắn liền với mỗi quan hệ mẹ-con), bao hàm một lời xin vâng vô điều kiện – và vì thế vĩnh viễn – với kẻ khác, trong trường hợp này kẻ khác ấy chính là với người con “được mình sinh ra đời”, không phải vậy hay sao? Xét khía cạnh này, tình mẫu tử không thể giản lược vào hành vi sinh học và nhất thời của việc sinh nở, mặc dù vẫn lấy việc sinh nở làm nền tảng. Bất kỳ một tương quan mẹ con nào trọn nghĩa cũng đều đòi buộc người phụ nữ ưng nhận - *một cách chung lúc đầu và ngày càng thiết thực* - cho con mình hiện hữu, và vì thế cũng ưng thuận luôn việc cho con mình đi theo ơn gọi của nó, không phải vậy hay sao? Tương quan mẹ-con đặc biệt của Mẹ Maria là có người con là Đấng Cứu Tinh nhân loại, và khi chấp nhận cho con mình hiện diện trong nhân loại và lịch

<sup>55</sup> ALEXANDER SCHMEMANN, «On Mariology in Orthodoxy», trong *Marian Library Studies*, T.1, 1970, pp. 25-32).



sử, thì Mẹ cũng được mời gọi chấp thuận và cộng tác vào việc cứu độ thế giới.

Mẹ Maria không những cởi mở đón nhận hành động của Thánh Thần lúc đầu - là hành động khởi thủy trong buổi Truyền Tin - nhưng Mẹ mãi mãi sống dưới tác động và quyền năng nhiệm mầu và bí mật của Thánh Thần. Người con mẹ sinh ra là và mãi mãi là Con của Chúa Cha và Con của Mẹ Maria. Thánh Thần được ban xuống trên Mẹ hầu thực hiện giao ước đang tồn tục, trong chương trình nối dài của chính công cuộc Nhập Thể.

Vì Đức Kitô mà đức tin tuyên dương và Đức Giêsu trong lịch sử chỉ là một, vì xác tín công cuộc Nhập Thể, nên chúng ta có thể nói rằng Mẹ Maria là Mẹ của Đấng Cứu Thế hay Mẹ của Ngôi Lời nhập thể như Công Đồng Ê-phê-sô đã xác quyết. Vì các ân sủng mà hôm nay chúng ta nhận được đều đến với chúng ta qua nhân tính của Con Mẹ, nên chúng vẫn luôn hàm chứa tiếng «*fiat*» (xin vâng) nguyên thủy của Mẹ được thốt lên dưới tác động của Thánh Thần.

Đức tin của Mẹ Maria không dừng lại nơi sự ưng thuận ban đầu ấy. Đức tin này đã lớn lên bên thập giá, đi vào sự phục sinh, chờ đợi ngày Chúa quang lâm vào thời điểm tận cùng thời gian, và hoàn thành trong sự chiêm ngắm trên trời.

Như thế tương quan của chúng ta với lời «*xin vâng*» của Mẹ Maria dường như không chỉ là tương quan với một sự kiện quá khứ, mà với một thực tại con người hôm nay. Việc lãnh nhận ân sủng trong Thánh Thần qua trung gian nhân tính của Đức Kitô, chắc chắn có quan hệ với lời «*xin vâng*» ngày xưa của Mẹ Maria; và hơn thế nữa, ngày nay việc nhận lãnh này còn quan hệ với Mẹ, người tràn đầy Thánh Thần trong vinh quang, hoàn toàn hướng về Thiên Chúa Cha nhờ Con Mẹ.

Tin vào tín điều các thánh thông công chính là tin rằng nhân tính Đức Kitô vẫn là nguồn mọi ân sủng. Lịch sử cứu độ không bao giờ chỉ là chuyện quá khứ; vì thế chúng ta luôn liên kết với những vị đã đóng một vai trò nào đó, được kéo dài nơi chính con người vinh quang của các vị.

Chúng ta không thể để Mẹ Maria ở một vị thế riêng lẻ trong sự hiệp thông các thánh. Nếu chúng ta tin Giáo Hội khai hoàn, chúng ta sẽ biết rằng các thánh sống trong Đức Kitô đều hiệp thông với nhau và hiệp thông với chúng ta. Có sự trao đổi, chia sẻ, hỗ trợ giữa các vị với nhau, các vị đều can thiệp cho chúng ta tùy theo ơn gọi và sự chọn lựa của mỗi vị.

Mẹ Maria, là Mẹ Đức Kitô, tất nhiên có vị trí độc nhất trong sự hiệp thông này, là sự hiệp thông liên kết những người được cứu chuộc với nhau chung quanh ngai của Con Chiên. Tới muôn đời Mẹ vẫn luôn là người đã tiếp nhận Ngôi Lời và đưa Ngôi Lời vào thế giới con người. Mẹ vẫn là người tạo mỗi dây liên kết; là người, nhờ gắn bó với Thánh Thần, đã sống hiệp thông với Thánh Thần một cách tràn đầy trong tâm hồn và thân xác mình.

Kinh Thánh cho chúng ta biết Mẹ Maria hiện diện vào giờ phút quyết định trong cuộc tử nạn cứu chuộc của Đức Giêsu. «*Đứng dưới chân thập giá có Mẹ Maria*» (Ga 19,25). Tôi vui mừng khi Thánh Kinh ghi nhận sự hiện diện của Mẹ Maria tại đây; nhưng chẳng cần điều đó tôi vẫn biết rằng giao ước được Thánh Thần đóng ấn bao gồm tất cả mọi mầu nhiệm vui, thương, mừng của Con Mẹ. Và Thánh Thần mãi mãi là dấu ấn sự hiệp nhất giữa hai mẹ con.

Dấu ấn này không những được Thánh Thần đóng vào từ bên ngoài như con dấu người ta đóng vào giấy tờ để chứng nhận dứt khoát sự xác thực của nó. Hành vi của Thánh Thần và hành vi của Mẹ Maria, tuy hoàn toàn tùy thuộc và phát sinh từ Thánh Thần, đều hướng về cùng một mục đích là trao ban và mạc khải Đức Giêsu Kitô cho trần gian, và như thế là tôn vinh Thiên Chúa Cha.

Thánh Thần là Đấng mang Đức Kitô đến cho chúng ta. Ngài làm cho Đức Kitô trở thành một thực tại sống động và thành hình nơi chúng ta. Chỉ Thánh Thần mới giúp chúng ta kêu tên Đức Kitô một cách thỏa đáng. Thánh Thần làm chúng ta sinh ra trong một đời sống mới và sống đúng danh hiệu Kitô hữu để Chúa Cha được vinh quang.

Là một thụ tạo, được ân sủng mời gọi hợp tác với tác động của Thánh Thần, Mẹ Maria

hoàn toàn hướng về người con của mình. Mẹ cho chúng ta thấy bản chất của mình trong một lời chỉ bày duy nhất mà Thánh Kinh ghi lại. Và cả lần này nữa, chẳng cần nại đến bản văn tôi cũng đoán được tâm hồn Mẹ được biểu lộ trọn vẹn qua lời Mẹ nói với các gia nhân trong tiệc cưới Cana: «*Hãy làm tất cả những gì Ngài bảo các anh*» (Ga 2,5).

Chức năng lịch sử của Mẹ Maria ngày xưa và chức năng bí nhiệm của Mẹ ngày nay hài hòa với nhau khi qui hướng một cách sống động về Đức Kitô, Con Mẹ. Cũng như dòng sông phải tuôn ra biển, Mẹ Maria không thể không dẫn chúng ta đến với Đức Giêsu. Mẹ hoàn toàn liên kết với Đức Giêsu, hoàn toàn rõ ràng như thế. Mẹ hết lòng trao ban Đức Giêsu cho chúng ta. Nếu Đức Kitô là Lời mặc xác phàm, thì ơn gọi của Mẹ Maria là trở nên người-mang-Lời ấy: Mẹ chỉ sống để trao ban Đức Kitô cho thế giới con người. Mẹ thuộc về Đức Kitô và sống cho Ngài ở mức độ hết sức sâu xa. Mẹ hoàn toàn qui hướng về Ngài.

Mẹ Maria không bao giờ tạo nên vật cản trở. Chúng ta ngần ngại không dám yêu mến Mẹ Maria hết lòng vì sợ làm như vậy là không tôn kính Đức Giêsu đúng mức. Nghĩ như thế là hoàn toàn hiểu sai về thân thể của Mẹ Maria.

Chúng ta đang ở vào trọng tâm mâu nhiệm Thiên Chúa; mâu nhiệm này làm đảo lộn các hệ thống chật hẹp, những cách thẩm định nhứt nhát, và phá vỡ những lối phân biệt, sắp xếp của chúng ta. Chúng ta đang bước vào một thế giới đôi bên cùng có lợi, một thế giới hoàn toàn vô vị lợi, một thế giới hiệp thông kỳ diệu.

Thánh Thần tràn ngập Mẹ Maria đã và mãi mãi là Thánh Thần của Chúa Con. Chính Ngài làm Mẹ Maria trở nên Kitô hữu một cách sâu xa vượt mức chúng ta tiên liệu. Mẹ là người Kitô hữu tuyệt vời nhất, được «*Kitô hóa*» ở mức vô cùng sung mãn. Thánh Thần thực hiện nơi Mẹ kỳ công kiệt xuất của Ngài. Mẹ là sự thành công và là hào quang của Thánh Thần.

*«Bà được tôn vinh trên mọi người phụ nữ  
là vinh quang độc nhất của nhân loại khổ đau...».*<sup>56</sup>

Vị thế hiện thời của Mẹ Maria không phải là thông ban ân sủng: chỉ Thánh Thần là và mãi mãi là Đấng ban ân sủng được Chúa Cha cử đến qua Chúa Con. Không nên quan niệm vị thế trung gian của Mẹ theo chiều hướng ấy. Mà phải hiểu vị thế của Mẹ là giúp chúng ta đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa. Nhờ liên kết với Mẹ và noi gương Mẹ, chúng ta được Mẹ Maria giúp đón nhận Thánh Thần và sống theo tác động của Ngài. Qua cuộc sống đã sớm được hiển vinh của Mẹ, Mẹ mời gọi chúng ta tiến bước trong vui mừng và hy vọng. Công Đồng Vatican II đã nói về Mẹ Maria là «*dấu chỉ hy vọng cho dân Thiên Chúa đang tiến bước*».

### **3. Mẹ Maria, mẹ của chúng ta trong Thánh Thần**

Trong Tin Mừng Mát-thêu, sứ điệp đầu tiên từ Trời gởi xuống trần thế là lời mời gọi hãy đón nhận Mẹ Maria. Thiên thần ngỏ với thánh Giu-se: «*Đừng ngại đón Maria về nhà... vì người con nàng cưu mang là do quyền năng Thánh Thần*» (Mt 1,20). Vượt qua những hoàn cảnh cụ thể trong thời gian-không gian nhất định, lời ấy còn ngỏ với tất cả mọi thế hệ Kitô hữu: việc đón nhận tình mẫu tử thiêng liêng của Mẹ Maria là một dấu chỉ chắc chắn cho thấy chúng ta cởi mở đón nhận Thánh Thần.

Quả quyết như thế có vẻ làm ta ngạc nhiên: tuy nhiên điều ấy được xác nhận một cách thực nghiệm trong đời sống của nhiều vị thánh.

Cuốn *Traité (Khảo Luận)* nổi tiếng của thánh Grignon de Montfort đã diễn tả những tương quan giữa Thánh Thần và Mẹ Maria trong những trang sách tuyệt vời vô song. Vì lời

---

<sup>56</sup> William WORDSWORTH, *Ecclesiastical, Sonnets*, XXV.

trình bày chịu ảnh hưởng văn phong vào thời của Ngài, nên cần cải thiện về cách diễn tả thần học; nhưng ngài đã để lại cho chúng ta một kinh nghiệm thiêng liêng khai mở một trào lưu ân sủng rất ảnh hưởng.

Trong chương IV, chúng ta đã đề cập chứng nghiệm về Thiên Chúa một cách chung. Nhưng người ta cũng có thể nói đến một lối chứng nghiệm về Thiên Chúa được cảm nhận xuyên qua các thánh. Qua cuộc sống của các ngài, ta luôn cảm nghiệm được rằng Thiên Chúa và chỉ một mình Thiên Chúa là tuyệt vời. Những vị thánh đã đón nhận Mẹ Maria – trong đó một số đã sống kinh nghiệm thần bí là kết hiệp với Mẹ Maria – đã chứng thực rằng tình mẫu tử thiêng liêng của Mẹ Maria là một thực tại tác động trên cuộc đời các ngài. (Về kinh nghiệm này, các nhà thần học lại không mấy chú tâm.)

Là hoa trái của ân sủng, kinh nghiệm như thế đòi hỏi sự hợp tác của con người. Để cảm nghiệm sự hiệp thông liên li như thế với Thánh Thần, nhờ Mẹ Maria, thì ngay từ khởi đầu, chúng ta phải làm đi làm lại một số hành vi qui hướng rõ ràng về Mẹ, cho đến khi cái nhìn của chúng ta chỉ duy nhất hướng về Thánh Thần, Đấng đang thành hình Đức Kitô trong chúng ta. Những giây phút đầu tiên này khiến chúng ta nghĩ đến nỗ lực của một người mới tập đi xe gắn máy. Trước tiên anh ta phải chú tâm đến từng động tác phải làm, từ việc vặn chìa khóa công-tắc đến những việc khó hơn. Dần dà, những động tác này trở thành phản xạ và anh ta có thể vừa ngắm cảnh, vừa trò chuyện với người bên cạnh, mà cũng vừa đạp ga và thắng. Trên lý thuyết, làm được như thế xem ra rất phức tạp; nhưng trong thực tế, kinh nghiệm cho thấy các hành vi ấy hài hòa với nhau một cách đơn giản. Việc kết hiệp sống động với Mẹ Maria cũng tương tự như thế: Thờ Mẹ Maria ra chính là hít Thánh Thần vào. Mục đích của giao ước này luôn luôn vẫn là trao ban Đức Giêsu cho nhân loại.

Kinh nghiệm này bao gồm nhiều cấp độ, nhưng vẫn nằm trong khả năng thực hiện của mọi người, là sinh hoạt của đời sống Kitô giáo bình thường và lành thánh.

Nếu muốn ghi nhận một vài nét giúp chúng ta nhận ra sự hiện diện của Thánh Thần, Đấng mà Mẹ Maria đã đón nhận, tôi xin đề nghị ba nét tiêu biểu. Tôi không có ý nói là ngoài ba nét đó có còn những nét khác hay không. Việc chấp nhận tình mẫu tử thiêng liêng của Mẹ Maria giúp chúng ta bảo toàn nhân tính, có đời sống khiêm nhường và quân bình.

***Mẹ Maria giúp bảo toàn nhân tính,  
lòng khiêm tốn, quân bình và khôn ngoan***

Trước hết là đối với Đức Giêsu. Người ta không thể chấp nhận Mẹ Maria nếu không gắn bó trọn vẹn với mẫu nhiệm Nhập Thể. Hiểu rõ về Mẹ giúp chúng ta tránh được mọi hình thức của ảo-thân-thuyết, một lạc giáo chủ trương rằng Đức Giêsu chỉ mang tính nhân loại ở bên ngoài thôi. Mẹ Maria ngăn cản chúng ta lẫn lộn giữa Nhập Thể và thần hiển, vì thần hiển chỉ là sự thể hiện tạm thời của Thiên Chúa thôi. Mẹ giúp chúng ta tránh mọi hình thức thần-luận – là quan niệm của các triết gia cho rằng Thiên Chúa chỉ có một ngôi vị – để dẫn chúng ta vào mẫu nhiệm của Ba Ngôi.

Mẹ Maria bảo toàn sự gần gũi thật sự của Thiên Chúa giữa loài người, thực tại của Đấng Emmanuel, hiện thân Con độc nhất của Thiên Chúa thực sự ở giữa chúng ta.

Mẹ Maria cũng bảo đảm tính nhân loại trong Giáo Hội và trong thế giới. Mẹ là phụ nữ mà cũng là một bà mẹ: như mọi bà mẹ trên trần gian, Mẹ hiểu được những con người và những lối sống đa dạng của họ. Mẹ tinh tế tiếp cận với cụ thể, thực tiễn, sống động. Ngạn ngữ Ả-rập có câu: «Đàn ông nhìn thấy cánh rừng, còn đàn bà nhìn thấy cây cối và hoa lá». Mẹ Maria quan tâm đến từng Kitô hữu một. Mẹ mang lại cho thế giới kỹ thuật đang giành giật nhau để sinh tồn này hồn sống con người. Người ta lầm tưởng rằng nếu người phụ nữ tham gia chính trị nhiều hơn thì hẳn là các bà sẽ phát động những cuộc chiến phi lý và man rợ như những cuộc chiến mà thế hệ chúng ta từng biết. Mẹ Maria hiện diện linh hoạt trong Giáo Hội, làm dịu đi nét cứng rắn của các định chế, các bộ máy văn phòng, các cơ cấu lạnh lẽo vô hồn, vốn nặng nề nhưng phần nào đó không thể tránh được.

Sau Đức Giêsu – là người trọn vẹn về nhân tính nhất trong nhân loại – thì Mẹ Maria là thụ tạo đầy tràn nhân tính nhất trong mọi thụ tạo. Mẹ Maria là Mẹ của mọi người, trong toàn bộ chiều dày của nhân tính.

Đức Giêsu là con của Thiên Chúa Cha, cũng là con của Mẹ Maria. Ngay cả trên thiên quốc vinh quang, Đức Giêsu cũng vẫn là con của cả hai Đấng. Điều này đủ để chúng ta không bao giờ được coi Mẹ Maria chỉ là người ngày xưa đã giới thiệu và ban tặng cho chúng ta người con của mình, để rồi sau đó bị bỏ rơi không được dự phần vào công cuộc cứu chuộc mà người con ấy đã đến để hoàn thành. Quan niệm như thế là quên rằng Đức Giêsu, một cách hoàn toàn độc lập, đã muốn lệ thuộc vào Mẹ Ngài, không những chỉ trong những tháng được cuu mang, mà trong suốt những năm tháng dài chuẩn bị cho sứ vụ công khai. Chỉ sự kiện ấy thôi cũng thuyết phục hơn tất cả mọi bản văn. Một mình sự kiện ấy đã hàm chứa khoa thần học về Mẹ Maria. Sự kiện ấy cũng mời gọi chúng ta bước vào vương quốc Thiên Chúa bằng con đường ưu việt của «*trẻ em và của những ai giống như chúng*» (Mc 10,14). Mẹ Maria bảo đảm sự khiêm nhường cho những ai chấp nhận lệ thuộc Mẹ để đón nhận Thánh Thần của Con Mẹ một cách tốt đẹp hơn.

Nhập Thể, trọng tâm Kitô giáo, là một mẫu nhiệm của sự quân bình và hòa hợp giữa thần linh và nhân loại. Mẹ Maria thuộc về mẫu nhiệm này.

Thật chính đáng khi chúng ta kêu cầu Mẹ là «*Ngai Tòa của Khôn Ngoan*». Mẹ giúp Kitô giáo đích thực giữ được sự cẩn trọng và kín đáo trước những can thiệp siêu nhiên của Chúa .

Từng được Thiên Sứ viếng thăm, từng được Thiên Chúa hậu đãi cho thân cận trực tiếp, Mẹ Maria vẫn giữ được trọn vẹn sự quân bình của mình. Mẹ chỉ đơn giản nêu câu hỏi: «*Điều ấy sẽ xảy ra thế nào?*» (Lc 1,34). Mẹ không hề bùng nổ cuồng nhiệt hay ngất ngây chìm đắm.

Trong an bình, Mẹ lên đường đến giúp đỡ người chị họ Ê-li-sa-bét. Và khi người chị tuyên dương mình là «*người diễm phúc hơn mọi phụ nữ*» (Lc 1,42), Mẹ đã thốt lên lời tiên tri: «*Mọi thế hệ sẽ khen tôi diễm phúc*» (kể cả thế hệ chúng ta), nhưng Mẹ cũng không quên nhắc lại mình là nữ tỳ khiêm hạ của Thiên Chúa (x. Lc 1,48).

Tôi cho rằng trong một phong trào như Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng, nhận biết theo cảm nghiệm vai trò của Mẹ Maria là một việc đặc biệt quan trọng. Trước sự kiện Thánh Thần ban hồng ân một cách phi thường, chúng ta cần phải giữ được sự quân bình và óc suy xét sáng suốt. Không bao giờ nên lấy chuyện phi thường làm chuẩn mực cho cuộc sống, và cũng không vì chuyện phi thường mà quên đi điều cốt yếu. Thoạt đầu, người ta có thể sợ rằng nếu cứ nhấn mạnh việc Canh Tân trong Thánh Thần thì e sẽ làm vai trò của Mẹ Maria bị lu mờ hoặc giảm thiểu. Thêm vào đó, truyền thống của Phong trào Ngũ Tuần chẳng bao giờ tán trợ việc sùng kính Mẹ Maria cả. Về điểm này có lẽ người ta lo sợ bị một ảnh hưởng nào đó thâm nhập. Tôi xin thú thực rằng trong hội nghị quốc tế về đoàn sùng ở South Bend (Hoa Kỳ) năm 1973, tôi cảm thấy ngạc nhiên, thích thú và vui mừng khi thấy cả đám đông gồm hai mươi lăm ngàn thanh niên tham dự đã đứng lên hoan hô nhiệt liệt, đúng lúc tôi nhấn mạnh vai trò của Mẹ Maria như bí quyết nên thánh, trong bài giảng hôm ấy. Phản ứng đậm nét Công Giáo đích thực cộng với lòng đạo đức vui tươi của đám người này khiến tôi cảm thấy rằng tất cả chúng tôi như anh chị em trong cùng một tổ ấm đang quây quần bên mẹ của mình.

Tôi đã tìm lại được ở nơi ấy hình ảnh lễ Hiện Xuống đầu tiên, trong căn nhà Hội (tiệc ly), tất cả đều chuyên tâm cầu nguyện cùng với Maria, mẹ Đức Giêsu (x. Cv 1,14). Tôi xin nói lên điều này một lần nữa, là trong hoàn cảnh này, chẳng cần nêu rõ tên Mẹ, chúng ta cũng biết Mẹ đã hiện diện, dù hữu hình hay không, khi mà Giáo Hội của Con Mẹ khai sinh. Chính mẫu nhiệm ấy vẫn đang tiếp diễn: là Mẹ Đức Giêsu, là Mẹ Giáo Hội dưới tác động duy nhất của Thánh Thần, Mẹ Maria là người Kitô hữu đầu tiên có đặc sủng. Cha G.T. Montague, S.M., Giám đốc Tạp Chí Thánh Kinh tại Hoa Kỳ đã viết rất chính xác như sau:

«*Kinh nghiệm của Mẹ Maria là một trong những ơn cao quý nhất của Thánh Thần. Mẹ*

*tự thân là một đoàn sủng của Thánh Thần. Mẹ dạy tôi tin một cách trong sáng hơn, phân biệt Thánh Thần rõ rệt hơn, lắng nghe lời Chúa chăm chú hơn và đợi chờ ngày Chúa đến một cách sáng tạo hơn».*<sup>57</sup>

---

<sup>57</sup> Georges T. MONTAGUE, S.M., *Riding the wind*, Word of Life, Ann Arbor, 1974, p. 98.



## Chương XII

### THÁNH THẦN, NIỀM HY VỌNG CỦA TÔI

*Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng,  
ban cho anh em được chan chứa niềm vui  
và bình an nhờ đức tin,  
để nhờ quyền năng của Thánh Thần,  
anh em được tràn trề hy vọng*

Rm 15,13

#### **Tuyên dương niềm hy vọng của mình**

Khi Phêrô yêu cầu các Kitô hữu hãy luôn sẵn sàng giải thích niềm hy vọng của mình (x. 1Pr 3,15), ngài không chỉ nói với cộng đoàn các môn đệ, mà còn muốn nói với từng Kitô hữu.

Như thế, thánh nhân cũng mời gọi cả tôi nữa. Tôi phải đích thân tuyên xưng niềm hy vọng của mình, giống như tôi phải tuyên xưng đức tin của mình vậy.

Vì thế, tôi buộc phải cao giọng diễn tả những điều xảy ra trong thâm kín riêng tư giữa Thiên Chúa và tôi. Điều này không phải là chuyện dễ. Nếu nói : “Tôi sẵn sàng thảo một chúc thư thiêng liêng... nhưng sẽ phổ biến nay mai sau khi tôi đã qua đời”, thì e sẽ dễ hơn!

Nhưng, nếu tìm lý nầy lý khác để làm chứng niềm hy vọng của tôi một cách vô danh và chung chung, thì tôi không vâng theo lệnh của thánh Phêrô một cách trọn vẹn. Nên, trong đức tin tôi xin xin mạo muội làm chứng về Chúa Thánh Thần và về niềm hy vọng của tôi.

Niềm tin của tôi vào Thánh Thần không phải chỉ mới xuất hiện mới từ hôm qua.

Khi nhậm chức giám mục, tôi chọn câu «*In Spiritu Sancto*» (Trong Thánh Thần) làm khẩu hiệu và chương trình hành động trong chức vụ giám mục của mình. Sự việc này diễn ra năm 1945. Lúc đó tôi muốn dán thân hết mình làm theo những thôi thúc của Thánh Thần, muốn làm việc dưới tác động của Ngài, dù Ngài yêu cầu tôi phải đi vào nẻo đường nào và phải trả giá nào đi nữa.

#### **Sẵn lòng đón nhận Thiên Chúa**

Thiên Chúa mà tôi tin hẳn nhiên là Thiên Chúa hằng sống, là Cha, Con, Thánh Thần. Ngay khi còn bé, tôi đã tin sâu xa vào sự hiện diện mầu nhiệm ban sự sống của Ngài. Tuy nhiên, tôi đặc biệt nhấn mạnh nhận thức này, là Thánh Thần soi sáng để chúng ta nhận biết rõ hơn khuôn mặt đích thực của Đức Giêsu, người Con độc nhất của Thiên Chúa, nơi thâm cung lòng mình. Ở các chương trước, tôi có nói rằng dấu chỉ chắc chắn nhất của Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng nằm trong hướng Kitô học của phong trào. Khi tuyên xưng «*Đức Giêsu là Chúa*», phong trào Canh Tân xác định rằng Đức Giêsu là Con độc nhất của Thiên Chúa. Như

thể, phong trào này khác biệt với vô số phong trào «trở về với Đức Giêsu», là những phong trào thích trình bày Đức Giêsu dưới chiều kích thuần túy nhân loại. Đó không phải là Đức Kitô mà Thánh Thần có sứ mạng mạc khải. Đức Kitô đích thực vẫn luôn luôn là Đấng được sinh ra bởi Thánh Thần và Mẹ Maria: Nhắc lại danh hiệu Mẹ Thiên Chúa và nhấn mạnh sự hiện diện của Mẹ là dấu chứng cho những chủ trương thật sự lấy Đức Kitô làm trung tâm.

Theo tôi, Thánh Thần chỉ có một sứ mạng là mạc khải cho chúng ta Chúa Con, và qua Chúa Con mạc khải Chúa Cha. Và dưới tác động của Thánh Thần, Đức Kitô càng ngày càng được mạc khải là một ngôi vị, một “ai” cụ thể. Tôi biết và còn hiểu rõ hơn nữa rằng Kitô giáo không phải là một chủ thuyết mà trước tiên là «*một ai đó*». Đó là một ân huệ ban cho tôi để có quan hệ thân thiết với Đức Giêsu. Đó cũng là lời mời gọi thôi thúc tôi cởi mở hơn với Đức Giêsu trong cuộc đối thoại với Ngài khi cầu nguyện, để lắng nghe, đợi chờ và sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Ngài. Các thánh đường của chúng ta thường vang lên điệp khúc: «*Tôi tìm khuôn mặt, khuôn mặt của Chúa, tôi tìm hình ảnh Ngài, ở tận thâm sâu tâm hồn các bạn*». Thánh Thần, Đấng làm ta thấy khuôn mặt ấy ngày càng rõ rệt hơn, đã ban cho chúng ta ân huệ mới mẻ để nhận ra Thiên Chúa ở giữa chúng ta.

Thánh Thần cũng mạc khải cho chúng ta biết Đức Giêsu là Lời. Chắc chắn trước đây mỗi lần đọc Thánh Kinh, tôi đều cố gắng tìm hiểu ý nghĩa phổ quát của bản văn nhờ đọc các chú giải. Việc đó rất cần thiết. Tuy nhiên còn có một cách đọc khác. Với cách đọc sau này, Thánh Thần như soi sáng từ trong nội tâm tôi, Ngài biến bản văn Kinh Thánh thành hiện thực sống động, thành bánh hằng sống nuôi dưỡng tôi. Dưới tác động của ân sủng, tôi bắt đầu mở Thánh Kinh ra đọc rất nhiều lần trong ngày với một hương vị mới lạ. Tôi không đọc vì mong tìm được ở đây một câu trả lời có sẵn cho những vấn đề cuộc sống, mà vì khao khát kết hiệp với Đức Giêsu qua Lời của Ngài, giống như người ta kết hiệp với Ngài qua bí tích Thánh Thể. Tôi đọc vì mong ước nhận ra âm giọng của lời Ngài, nắm bắt trực tiếp sứ điệp Ngài, để Ngài dội ánh sáng vào cảnh tâm tôi trong lòng tôi. Đôi khi tôi chỉ tiếp xúc với Ngài trong chốc lát, như người ta bật sáng que diêm để soi lối đi. Đường như Thánh Thần vẫn tiếp tục ban cho tôi bài học về chú giải không thể quên được mà Đức Giêsu đã dùng để giải thích cho hai môn đệ trên đường Ê-mau buổi chiều nọ: «*Bắt đầu từ Mô-sê rồi rảo qua các Ngôn Sứ, Ngài giải thích cho họ những gì liên can tới Ngài trong toàn bộ Kinh Thánh*» (Lc 24,27).

Thánh Thần Đức Giêsu là một vị thầy trong nội tâm. Mục đích Ngài đeo đuổi không gì khác hơn là mở lòng trí chúng ta để chúng ta hiểu được Kinh Thánh mà Ngài linh hứng. Chính Ngài đã soi sáng tâm trí, sưởi ấm cõi lòng khiến hai môn đệ kia phải thốt lên với nhau: «*Đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?*» (Lc 24,32). Vô số nhân chứng đã nói với tôi rằng sau khi có chứng nghiệm thiêng liêng về Canh Tân, thì ngay hôm sau Thánh Kinh đã trở nên nguồn nước hằng sống cho họ. Đến phiên tôi, tôi cũng xác nhận y như vậy.

Tôi cũng hiểu Thánh Thần rõ hơn trong hoạt động đoàn sủng rộng lớn của Ngài.

Tôi tin các ân huệ và đoàn sủng của Thánh Thần. Tuy nhiên có một số ân huệ và đoàn sủng được thể hiện như còn xa lạ với đời sống hàng ngày của Giáo Hội và cuộc đời tôi. Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng đã đánh thức đức tin còn mê ngủ nơi tôi, giúp tôi nhận ra Thánh Thần đang hoạt động nơi tất cả mọi thứ đoàn sủng. Phong trào buộc tôi phải tự đặt cho mình một số câu hỏi rõ rệt. Tôi có thực sự mong mỏi rằng Thánh Thần ngày nay vẫn còn đang nói và hoạt động qua các đoàn sủng tiên tri, chữa bệnh, chú giải, làm phép lạ không? Hẳn nhiên cũng cần phải có đoàn sủng phân định để nhận ra các đoàn sủng khác: nhưng từ thái độ cân nhắc đến việc quên lửng các đoàn sủng trên của Thánh Thần, thì khoảng cách quá xa! Tôi đã hiểu ra rằng chúng ta phải khám phá lại những kho tàng còn bị ẩn giấu đó.

Tôi đã khám phá ra rằng tôi thực sự chưa hết lòng tin vào lời hứa của Thầy Chí Thánh, khi Ngài bảo đảm rằng các môn đệ Ngài sẽ làm được những điều vĩ đại hơn cả chính Ngài, bởi lẽ chính Thánh Thần Ngài thực hiện những điều ấy nơi họ (x. Ga 14,12).

Các đoàn sủng của Thánh Thần lúc nào cũng có, hôm qua cũng như hôm nay. Chúng vẫn luôn luôn hiệu quả nếu người Kitô hữu biết đón nhận và làm chúng sinh hoa kết trái trong



đức tin sống động.

### **Cởi mở với tha nhân**

Cởi mở với Thiên Chúa giúp chúng ta cởi mở với tha nhân trong kinh nguyện và cuộc sống. Chúng nghiệm về lối hội họp đoàn sùng, cũng như chúng nghiệm lối cử hành Thánh Thể có đưa vào một số yếu tố của phong trào Canh Tân, đã giúp tôi hiểu rõ hơn rằng việc cầu nguyện thường ngày của tôi vẫn còn mang tính cách quá cá nhân: tôi cảm thấy không được tự nhiên khi cầu nguyện theo kiểu tự phát trong cộng đoàn, người bên cạnh cầu nguyện làm tôi khó chịu, làm náo loạn sự hồi tâm «của tôi». Nhưng sau đó tôi đã khám phá ra thế nào là cầu nguyện vừa riêng tư vừa hòa hợp với mọi người, và làm sao để lời cầu nguyện của mình hòa quyện nhịp nhàng với lời cầu nguyện của người khác. Cầu nguyện chung với nhau theo cách này hoàn toàn khác với việc cùng đọc vang lên một lời kinh cố sẵn. Tôi đã hiểu rõ hơn thế nào là tự do của con cái Thiên Chúa trước sự hiện diện của Đức Kitô. Điều đó không có nghĩa là không tuân thủ hoặc không tôn trọng những qui tắc phụng vụ. Nhưng thôi, chúng ta hãy giới hạn đề tài của chúng ta trong khuôn khổ đang trình bày.

Sau khi học cách cầu nguyện tự phát trong nhóm như thế, thỉnh thoảng tôi áp dụng lối cầu nguyện này ra bên ngoài, chẳng hạn khi có dịp đi thăm viếng riêng hoặc khi đi làm việc tông đồ. Lúc đầu, người ta cảm thấy lúng túng và ngần ngại khi mời một vị khách cùng tĩnh tâm với mình, cùng mở và đọc Thánh Kinh với nhau, cùng hiệp nhất với nhau trong một lời cầu nguyện do mình ứng khởi bằng chính lời lẽ của mình. Cầu nguyện như thế có vẻ rất xa lạ với thói quen cầu nguyện của tôi, dù đây cũng chỉ là ca ngợi, cảm tạ Chúa hoặc cầu xin Chúa soi sáng hầu quyết định một việc gì. Càng hiện diện sống động trước Đức Giêsu, tôi càng dễ dàng được thúc đẩy cầu nguyện theo lối này hơn. Chúng ta mong ước trong các phiên họp thượng hội đồng hay họp hội nghị, lối cầu nguyện này trở thành cái khung cho những công việc mà chúng ta phải cùng nhau hoàn thành, không những lời cầu xin lúc khai mạc mà hiện diện trong các buổi trao đổi thảo luận của chúng ta. Không bao giờ tôi quên được hội nghị ở Ann Arbor, có khoảng năm mươi đại biểu cùng làm việc với nhau. Rất nhiều lần, vị chủ tọa – là một giáo dân – yêu cầu chúng tôi tạm ngưng thảo luận một vài phút để hồi tâm trước mặt Chúa và để ngài xin Thánh Thần Ngài soi sáng cho những quyết định của chúng tôi. Lời cầu nguyện thầm thì chung với nhau – đôi khi bằng tiếng lạ – khiến chúng tôi chìm ngập trong một bầu khí siêu nhiên hiếm thấy.

Lạy Chúa, chúng con còn lâu mới tin thật... những gì chúng con tưởng là mình tin!

### **Đôi xử với chính mình**

Khi tham dự những buổi hội họp cầu nguyện đoàn sùng, ban đầu tôi bị đánh động và thậm chí bối rối vì thấy người ta biểu lộ những cử chỉ thể xác một cách khá thoải mái, chẳng hạn giơ cao tay lên trong một số trường hợp nào đó, và thỉnh thoảng vào cuối buổi họp họ cùng đặt tay lên một thành viên nào đó trong nhóm theo yêu cầu của người ấy.

Việc tùy nghi đặt tay này hiển nhiên không mang tính bí tích chút nào; đó không phải là chủ đích của cử chỉ ấy. Cử chỉ này kỳ thực đã được thực hiện trong Giáo Hội và chỉ diễn tả sự liên đới huynh đệ trong sinh hoạt cầu nguyện mà thôi. Còn việc giơ cao tay lên – giống như linh mục làm trên bàn thờ – chẳng qua chỉ là biểu hiện ra bên ngoài lòng sốt mến bên trong. Sự kiện ấy đòi buộc tôi phải xét mình về những động thái bên ngoài của tôi. Chúng ta – nhất là tôi – thường có thói quen kiềm chế cảm xúc, không muốn để ai nhận ra những gì đang xảy ra trong nội tâm mình. Tính nhút nhát, vị nể, e dè, nề nếp giáo dục: tất cả thứ ấy tạo nên thái độ dè dặt bề ngoài. Chúng ta muốn cầu nguyện bằng tâm hồn chứ không bằng thể xác của

mình. Giới trẻ chẳng hề có những mặc cảm ấy, nên họ tự biểu lộ tâm tình ra ngoài một cách thoải mái hơn chúng ta rất nhiều. Nghĩ đến điều ấy, tôi có cảm tưởng chính chúng ta đã kềm hãm lòng hăng say và đã làm cho sự việc vốn không xơ cứng thành xơ cứng. Trong kinh *«Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến»*, chúng ta vẫn hát câu *«Xin tưới chỗ khô khan... xin uốn lòng cứng cõi»*. Vì thế, chúng ta đừng ngạc nhiên... khi được Ngài nhận lời!

Kể từ đó, tôi càng chăm chú hơn khi đọc lời nguyện mà chúng ta vẫn dâng lên Chúa trong kinh nhật tụng:

*«Suốt đời con, nguyện dâng lời chúc tụng  
Và gior tay cầu khẩn danh Ngài  
Lòng thỏa thuê như khách vừa dự tiệc  
Môi miệng con rộn rã khúc hoan ca»* (Tv 62,5-6).

Chỉ cần đọc lướt qua Cựu Ước, ta có thể thu thập được khá nhiều những câu văn tương tự như thế.

Ta cảm thấy rất tự nhiên trong các cử chỉ biểu lộ bên ngoài về tình yêu hay tình bạn, còn biểu lộ tình cảm với Chúa thì lạ thay ta lại thấy bẽn lễn giả tạo. Bè bạn tôi nói rằng họ thấy tôi tỏ ra nồng nhiệt và vui tươi hơn lúc trước, khi đón tiếp và trò chuyện với mọi người. Tôi không biết, và để cho họ quan sát. Tôi chỉ biết là chính việc “quên cái tôi” của mình và sự thoải mái khi cầu nguyện giúp ta diễn đạt một cách thanh thản những tình cảm của mình với người khác. Thần học cho biết sự kiện ấy chẳng có gì đáng ngạc nhiên, bởi lẽ, theo định nghĩa, Thánh Thần là sự cởi mở, đón nhận, liên kết. Trong tương quan giữa con người với nhau, tất cả những gì đi theo chiều hướng tốt đẹp này đều do Thánh Thần làm nên.

Tuy nhiên, đó vẫn chỉ là một khía cạnh của vấn đề. Nhìn từ bên trong, kinh nghiệm tâm linh làm nền tảng cho phong trào Canh Tân mà biết bao người khác nhau đã trải qua, không phải là một ân sủng riêng lẻ, khác thường trong bối cảnh sinh hoạt của chúng ta.

Sự đổi mới tâm linh này tăng cường các ân sủng mà trước đây chúng ta đã nhận được qua các bí tích và gắn liền với các bí tích ấy. Riêng trong trường hợp của tôi, các bí tích ấy gồm từ phép rửa tội đến chức giám mục.

Một hôm, tôi xin một nhóm bạn đặt tay trên tôi để cầu nguyện cho tôi được ngày càng trung thành với Thánh Thần hơn, lúc đó tôi có cảm tưởng mình đang vâng lời Thánh Phaolô khi ngài mời gọi Timôthê: *«Tôi nhắc anh phải khơi dậy đặc sủng của Thiên Chúa, đặc sủng anh đã nhận được khi tôi đặt tay trên anh. Vì Thiên Chúa đã chẳng ban cho chúng ta một Thánh Thần làm cho chúng ta trở nên nhút nhát, nhưng là một Thánh Thần khiến chúng ta đầy sức mạnh, tình thương và biết tự chủ»* (2Tm 1,6-7).

Để trình bày trung thực cuộc hành trình của bản thân tôi, thiết tưởng tôi cũng phải kể đến những vấn nạn khác nhau về mặt tín lý đã nảy sinh trong tâm trí, khi tôi đến với Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng. Trước tiên phong trào này cần phải từ bỏ cách dùng chữ và một hướng thần học phát xuất từ Phong trào Ngũ tuần. Tôi đã tìm hiểu để nắm vững hơn ý nghĩa của các ân huệ và các đoàn sủng, vai trò và giới hạn của chúng, đặc biệt hơn, tôi đã nghiên cứu về những ân huệ đặc thù như ơn nói tiếng lạ và ơn chữa bệnh... Suốt quyển sách này, tôi đã ghi nhận kết quả của những suy tư ấy dù không mô tả chi tiết những tư tưởng qua lại khi nghiên cứu. Cần phải tiếp tục việc nghiên cứu này: các thần học gia của chúng ta có thể giúp ích rất nhiều. Đức Phaolô VI mời gọi tất cả chúng ta đào sâu môn Thánh Thần học hơn nữa. Tuy nhiên, để hiểu được chúng nghiệm về Thiên Chúa, điều thiết yếu là phải tự đặt mình vào chúng nghiệm ấy và khiêm tốn chấp nhận rằng: để giáo hóa chúng ta, Thiên Chúa có thể đào luyện dụng cụ ân sủng của Ngài ở nơi mà chúng ta không ngờ tới.

## **Kết luận**

Tôi đã trình bày tất cả những điều trên thật vụng về, vì người ta không thể dùng ngôn ngữ loài người để diễn tả những gì Thiên Chúa thực hiện trong chiều sâu các tâm hồn. Chúng

ta dễ pha trộn vào đó những gì phát xuất từ con người riêng tư của chúng ta. Chỉ một mình Mẹ Maria mới biết hát lên trong kinh Magnificat những kỳ công mà Thiên Chúa thực hiện nơi bản thân mình bằng một cung giọng thích hợp và trong suốt trước Thiên Chúa.

Nội dung của những dòng chữ mơn hèn mà tôi muốn gửi đến quý độc giả là: Chúa ở gần mình; Thiên Chúa không chết; Đức Giêsu đang sống; Thánh Thần luôn trung thành; Lễ Hiện Xuống vẫn tiếp diễn.

Khi viết những trang này, tôi nghĩ đến tất cả những ai đang cần can tâm niềm hy vọng, trong Giáo Hội cũng như trong thế giới hôm nay. Với các linh mục và các giáo dân, cũng như với các anh em giám mục của tôi trên toàn thế giới là những người phải thâm định, tôi xin nói những lời này: «Đức Gio-an XXIII và Đức Phaolô VI đã không luống công khi cầu xin Chúa ban một lễ Hiện Xuống mới». Lễ Hiện Xuống đang ở ngay trước mắt chúng ta như ánh sáng lờ mờ của hừng đông. Tuy nhiên ánh sáng ấy chỉ trở nên sáng ngời nếu chúng ta biết nhận ra nó, và chấp nhận nó trong tất cả mọi hệ quả. Chúng ta đang sống giờ hồng ân! Thiên Chúa tôn trọng tự do của chúng ta, nên Ngài không tông cửa mà vào. Tuy nhiên, Ngài đang gõ cửa! Như các môn đệ trên đường Ê-mau, chúng ta hãy nhận ra rằng Ngài đang đi bên cạnh chúng ta, và hãy thưa với Ngài: «Xin hãy ở lại với chúng tôi vì trời đã xế chiều và ngày sắp tàn» (Lc 24,29).

Ngày nọ, một ký giả Nam Tư đã hỏi tôi về cuộc họp Thượng hội đồng giám mục: «Theo Ngài, đâu là trở ngại lớn nhất cho việc phúc âm hóa thế giới?». Tôi đã trả lời không do dự: «Đó là: người Kitô hữu không dám tin vào bản chất Kitô hữu của mình, bản chất đã được tạo thành bằng ân sủng của Thiên Chúa». Tôi biết phúc âm hóa thế giới là một lối nói bao hàm vô số khía cạnh và đòi hỏi đủ mọi kiểu tiếp cận. Ân sủng không hủy diệt bản tính con người: ân sủng uyển chuyển đồng hành với những rắc rối và phức tạp của bản tính chúng ta. Tuy nhiên, nhờ quyền năng Thiên Chúa, ân sủng đưa bản tính chúng ta vượt hẳn lên trên chính mình.

Phải tôn trọng sự đa dạng của các ơn gọi: «Nhà Cha Thầy có nhiều chỗ» (Ga 14,2), nhưng các ơn gọi chỉ có một nền tảng duy nhất. Dù hoạt động trong môi trường nào, chúng ta hãy cho mọi người cái tốt nhất ở nơi bản thân ta, tức là cho họ Đức Kitô ở trong ta, theo sự thúc đẩy của Thánh Thần: đó chính là cứu độ thế gian.

Tôi cảm thấy đức tin của chúng ta cần thiết phải có chiều sâu để các Kitô hữu có thể đương đầu với thế giới hôm nay và đem Tin Mừng đến cho thế giới ấy. Thánh Phaolô nói: «Lòng yêu mến Đức Kitô thôi thúc chúng ta» (2Cr 5,14). Chúng ta cũng thế, chúng ta phải thể hiện tình yêu Chúa đang sục sôi trước một thế giới đang gặp hiểm nguy và một Giáo Hội đang đau khổ.

Trước đây, tôi có soạn ra một lời nguyện về niềm hy vọng cho các anh chị em trong giáo phận của tôi. Tôi muốn đọc lại lời nguyện ấy ở cuối sách này với một niềm tin tưởng mới mẻ. Tôi xin mời anh chị em cùng chia sẻ lời nguyện này với tôi trong môi hiệp thông tin, cậy, và mến.

### **Lời nguyện**

*Lạy Chúa, xin ban cho chúng con,  
Đôi mắt để thấy,  
Con tim để yêu,  
Và hơi thở để sống.*

*Xin cho chúng con đôi mắt để thấy,  
Khi xin Chúa ban cho đôi mắt để thấy*

*chúng con muốn xin Chúa ban đôi mắt của Chúa  
để có thể thấy thế giới, con người và lịch sử  
và cả lịch sử riêng của chúng con  
như Chúa thấy.*

*Xin cho chúng con biết sống phù hợp với tư tưởng của Chúa,  
ngày này qua ngày nọ, giờ này qua giờ kia.*

*Cho chúng con dần dần trở nên  
điều Chúa nhắm khi tạo dựng chúng con.*

*Xin cho chúng con chấp nhận  
sống theo quan điểm và cách nhìn của Chúa.*

*Xin giúp chúng con ngoan ngoãn vâng theo Lời Chúa,  
là lời sáng soi, biến đổi cả cuộc đời chúng con.*

***Xin cho chúng con một trái tim để yêu***

*Một trái tim bằng thịt chứ không phải bằng đá,  
để mến Chúa và yêu thương tha nhân.*

*Xin ban cho chúng con chính trái tim của Chúa  
để thật sự yêu thương trong quên mình.*

*Chúng con cần ghép trái tim Chúa  
vào trái tim chúng con  
vì trái tim chúng con đang liệt nhược  
khi nghĩ đến người khác.*

*Lạy Chúa, ước gì chính Chúa  
yêu thương qua bản thân chúng con.*

*Xin ban cho chúng con trái tim của Chúa  
để yêu mến Chúa Cha, Cha chúng con;  
Xin ban cho chúng con trái tim Chúa  
để yêu mến Mẹ Maria, Mẹ chúng con;  
Xin ban cho chúng con trái tim của Chúa  
để yêu mến anh chị em của Chúa  
cũng là anh chị em của chúng con;  
Để yêu ngay từ cõi đời này  
những người đã về trời trước chúng con  
– những người ấy rõ ràng để yêu hơn –  
Và cũng để yêu thương những anh chị em  
sống bên cạnh chúng con trên trái đất này  
những người đôi khi xô lấn chúng con  
một cách vô tình hay hữu ý.*

*Và lạy Chúa,*

***xin ban cho chúng con hơi thở***

*Để chúng con khỏi hụt hơi trên đường đời  
để buồng phổi chúng con luôn chất đầy dưỡng khí.*

*Để giúp chúng con tiến về phía ngày mai  
không nhìn lại đằng sau, không so đo hạn chế nỗ lực.*

*Xin ban hơi thở để chúng con đối diện  
với tất cả những gì mà mọi người – cả Chúa nữa –  
đang mong đợi nơi chúng con.*

*Xin ban hơi thở để chúng con hy vọng  
như thể cuộc sống mới bắt đầu sáng nay;  
Để hy vọng dù sóng gió bão bùng  
vì Chúa hiện diện và hứa hẹn,  
khi mang trong chúng con  
niềm hy vọng của con người  
và mang cả đau buồn của họ.*

*Xin ban cho chúng con hơi thở,  
hay đúng hơn là hơi thở của Chúa  
hơi thở Chúa gọi đến từ Chúa Cha  
là Thánh Thần Chúa, muốn thổi đâu thì thổi  
thổi liên tục hay thổi giật từng cơn  
hay thổi như một làn gió nhẹ  
khi Chúa mời gọi chúng con  
bước theo những gì Chúa thôi thúc.*

*Cho chúng con hơi thở của Chúa  
để thở bằng lời cầu nguyện thâm sâu  
đang bay lên nhan Chúa, Đấng ngự trong chúng con  
đang mời Chúa trở lại trong vinh quang  
đang khát khao sự viên mãn của Chúa.*

*Lạy Chúa, con cần đôi mắt Chúa  
Xin cho con một đức tin sống động.*

*Con cần trái tim Chúa  
Xin cho con tình thương vượt thử thách.*

*Con cần hơi thở của Chúa  
xin cho con niềm hy vọng của Chúa  
vì ích lợi của con và của Hội Thánh Chúa.*

*Để Hội Thánh hôm nay  
là một chứng tá cho thế giới,  
để thế giới nhận ra các Kitô hữu,  
qua cái nhìn rạng ngời và trong sáng,  
qua trái tim nồng nàn,  
qua niềm lạc quan bất diệt  
tuôn lên từ nguồn mạch ân giầu  
của hy vọng hỉ hoan nơi họ.*

*Amen.*

## LỜI KẾT

### *Thánh Thần dẫn lối gặp gỡ Đức Kitô*

Chúng ta biết rằng Thánh Thần hiện diện trong lòng Giáo Hội, nhưng thiên hạ vẫn thích đoán xem tương lai mà Ngài sẽ dẫn chúng ta đến là tương lai nào. Tìm hiểu tương lai bằng cách tìm kiếm những dấu chỉ thì thật là tuyệt. Người tuần canh phải cố nhìn xuyên bóng đêm. Nhưng thái độ nền tảng nhất của người Kitô hữu không phải thế. Thái độ ấy được nuôi dưỡng bằng một niềm hy vọng chẳng quan hệ gì đến những phỏng đoán, những tính toán dựa trên xác suất của chúng ta. Thái độ ấy là hoàn toàn tin vào Thánh Thần, Đấng đồng hành với Giáo Hội trên những nẻo đường hướng đến tương lai.

Thánh Thần ở ngay trong Giáo Hội để dẫn dắt Giáo Hội trong cuộc lữ hành tiến đến cánh chung; cũng như ngày xưa trong sa mạc, ban ngày cột mây đi trước dẫn đường cho dân Israel, còn ban đêm thì trở thành đám mây sáng ngời trong sa mạc. Thánh Thần vừa liên tục vừa mới mẻ, vừa truyền thống lại vừa tiến bộ.

### *Truyền thống*

Là truyền thống sống động, Ngài liên kết mọi thế hệ với Đức Giêsu, «*Đấng hiện có, đã có và đang đến*» (Kh 1,4). Thánh Thần giúp hiểu rõ những gì mà các môn đệ Đức Giêsu lúc bấy giờ chưa thể lĩnh hội được từ giáo huấn của Thầy mình, và dần dần Ngài kéo họ ra khỏi «*sự ngu dốt và cứng lòng của họ*» (Mc 16,14). Từ Lời duy nhất của Thiên Chúa, Ngài múc ra những gì thỏa mãn cơn khát cho từng thế hệ. «*Anh em sẽ múc nước từ các nguồn mạch của Đấng Cứu Độ*». Ngài nhắc lại và linh động những lời của Thiên Chúa, và tác động trực tiếp lên biến cố đang xảy ra. Ngài không bao giờ lặp lại những lời ấy theo cùng một cách: mỗi lần lặp lại, Ngài đều gắn cho những lời ấy một âm hưởng bất ngờ, khiến chúng lại trở nên mới mẻ, khẩn cấp. Thánh Thần nhắc nhở Giáo Hội giáo huấn của Đức Kitô một cách tích cực và thực tiễn. Kitô hữu nào cậy vào tài năng riêng của mình để tìm hiểu thì chỉ tìm ra những từ ngữ, nhưng sẽ không hiểu được sứ điệp của Ngài: Họ chỉ học được sứ điệp ấy nhờ Thánh Thần hướng dẫn.

### *Tiến bộ*

Là sự tiến bộ sống động, Thánh Thần luôn hướng về giai đoạn sắp tới. Ngài dùng quá khứ để xây dựng tương lai. Thánh Thần là nguồn phát sinh những quyết định lớn lao thúc đẩy Giáo Hội tiến triển trong sứ mạng của mình. Sách Công Vụ Tông Đồ ghi nhận sự hiện diện của Thánh Thần trong Công Đồng Giê-ru-sa-lem (Cv 15,28) và cho rằng chính Thánh Thần quyết định để Phaolô qua châu Âu loan báo Tin Mừng (Cv 16,6). Thánh Thần không ngừng ngăn cản Giáo Hội trong việc tự xem là cùng đích hoặc say sưa trong tự mãn. Ngài muốn các Kitô hữu lên đường mỗi buổi sáng với một hành trang tối thiểu. Đức Thượng Phụ Athénagoras từng nói: «*Giáo Hội không phải là Nước Trời mà là bí tích của Nước Trời*».<sup>58</sup>

<sup>58</sup> Olivier CLÉMENT, *Dialogues avec le patriarche Athénagoras* NXB Fayard, Paris 1969, trang 136.

Lòng canh cánh hướng về tương lai, đó là một phần bản chất Kitô giáo. Đích điểm của thời gian không phải chỉ là sự vén màn mạc khải, mà là một lời hứa phải được thực hiện trong tương lai. Thời gian trong Kitô giáo mở ra với tiến bộ, nhưng có Thiên Chúa cùng đồng hành với chúng ta.

Thánh Thần mang niềm hy vọng vào tương lai ấy nơi chính sứ mạng của Ngài. Vào một số thời điểm trong lịch sử của mình, Giáo Hội cảm thấy Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội tiến lên một cách nhiệm mầu. Chúng ta phải đặc biệt lưu tâm thời điểm ân sủng này. Henri Gouhier viết: «*Trong lịch sử, không bao giờ lại xảy ra điều gì vĩ đại hơn sự đổi thay niềm hy vọng*». Chúng ta đang chứng kiến sự đột biến của trật tự này. Nếu trung thành với tiếng gọi, Giáo Hội tương lai sẽ giống như Thiên Chúa của hy vọng, «*vừa trẻ trung mà cũng vừa vĩnh cửu*», y như lời ca tụng của Péguy. Không nên sợ hãi những bất ngờ đến từ Thiên Chúa, cũng như không nên sợ hãi những đổi mới cần thiết cho Giáo Hội của Ngài.

Chúng ta cũng nên khiêm tốn lắng nghe lời căn dặn của ngôn sứ I-sa-i-a vẫn thì thầm bên tai chúng ta:

*«Các người đừng nhớ lại những chuyện ngày xưa  
Chớ quan tâm những việc thuở trước  
Này ta sắp làm một việc mới, việc ấy mạnh mẽ rồi,  
Các người không nhận thấy hay sao?  
Phải, ta sẽ mở một con đường giữa sa mạc  
Khơi những dòng sông tại vùng đất khô cằn»*  
(Is 43,18-29).



# MỤC LỤC

## *Chương I*

### THÁNH THẦN, HỒI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI

- 1) Giáo Hội nào?
- 2) Hai chiều kích của Giáo Hội
- 3) Giáo Hội lắng nghe Thánh Thần

Đón nhận đoàn sủng – Chủ chăn và tín hữu đều được Thánh Thần tác động – Mở lòng đón nhận sự phê phán của Tin Mừng – Đón nhận tự do của Thánh Thần

## *Chương II*

### CHỨNG NGHIỆM VỀ ĐOÀN SỦNG TRONG GIÁO HỘI

- 1) Thánh Thần linh hoạt Giáo Hội thời sơ khai
- 2) Thánh Thần tuôn đổ các ơn
- 3) Chứng nghiệm về đoàn sủng qua các thế kỷ
- 4) Sự phục hồi tại Công Đồng

## *Chương III*

### THÁNH THẦN VÀ VIỆC CANH TÂN PHỤNG VỤ

Đức Kitô và Thánh Thần – Thánh Thể và Thánh Thần – Phụng vụ lời Chúa – Phụng vụ Thánh Thể – Phụng vụ bí tích – Cầu nguyện và chữa lành – Lễ Hiện Xuống trong phụng vụ và đời sống

## *Chương IV*

### THÁNH THẦN VÀ CHỨNG NGHIỆM VỀ THIÊN CHÚA

- 1) Giới trẻ và chứng nghiệm về Thiên Chúa
- 2) Thử nghiệm và chứng nghiệm]
- 3) Đức Tin và chứng nghiệm  
Tương phản? – Chủ quan? – Đi quá trớn – Bằng ngôn ngữ Thánh kinh – Thuyết thiên khai – Chứng nghiệm và đời sống Kitô hữu
- 4) Gặp gỡ Thiên Chúa  
Chứng nghiệm thông thường và phi thường – Gặp gỡ cá nhân

## *Chương V*

### THÁNH THẦN TRONG CHỨNG NGHIỆM TÂM LINH THỜI ĐẠI

- 1) Nguồn gốc
- 2) Chứng nghiệm
- 3) Thử phân tích một chứng nghiệm  
'Phép rửa trong Thánh Thần' là gì? -



Chúng nghiệm về Thánh Thần và đoàn sủng.

### **Chương VI**

#### Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHÚNG NGHIỆM

- 1) Hiện diện và suy xét cẩn trọng
- 2) Xem quả biết cây  
Đức Kitô làm trung tâm – Đời sống cầu nguyện – Cầu nguyện và «*nói tiếng lạ*» – Không kỳ bí... – Cũng chẳng bệnh hoạn... – Kỳ thực là gì? – Giá trị tôn giáo của ơn «*nói tiếng lạ*» – Cầu nguyện và hoạt động xã hội – Ý thức về cuộc sống Giáo Hội
- 3) Ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng nghiệm  
Kitô hữu «*bình thường*» – Sự thánh thiện «*thông thường*» – Những biểu hiện mà Thánh Thần hứa ban
- 4) Một luồng ân sủng đang thổi đến

### **Chương VII**

#### THÁNH THẦN VÀ KITÔ HỮU ĐÍCH THỰC

- 1) Thế nào là một Kitô hữu đích thực?  
Hoán cải và phép rửa – Gặp gỡ cá nhân – Gặp gỡ cứu độ – Gặp gỡ Đức Giêsu và nhận ra Ngài là Chúa – Đón nhận
- 2) Kitô hữu hiện đại: lý tưởng và thực tế  
Một phương trình cần xét lại – Hướng đến một kiểu mẫu Kitô hữu mới – Kitô hữu năm 2000
- 3) Hướng đến việc trở nên Kitô hữu đích thực hơn  
Một thay đổi triệt để – Đặt lại vấn đề: rửa tội trẻ em – Cần xét lại cuộc sống

### **Chương VIII**

#### THÁNH THẦN VÀ NHỮNG CỘNG ĐOÀN MỚI

- 1) Hình ảnh ban đầu của Giáo Hội: Tình huynh đệ Kitô hữu
- 2) Kitô giáo mang tính cộng đoàn  
Đời sống cộng đoàn và nhu cầu con người ngày nay – Cộng đoàn Kitô hữu cơ bản là gì?
- 3) Giáo xứ và cộng đoàn  
Cộng đoàn Kitô giáo và cơ cấu giáo xứ
- 4) Vai trò ngôn sứ của các cộng đoàn Kitô hữu sống động

### **Chương IX**

#### THÁNH THẦN VÀ NGƯỜI KITÔ HỮU TRÊN THẾ GIỚI

- 1) Một tình trạng xung đột  
Những căng thẳng – Những hình ảnh về Giáo Hội
- 2) Một điều mơ hồ cần giải tỏa
- 3) Đức Giêsu được gửi đến nhân gian bởi việc làm của Thánh Thần
- 4) Người Kitô hữu ở giữa thế giới dưới tác động của Thánh Thần  
Hiện diện giữa thế giới – Dấu chỉ thời đại – Một lá thư bàn về chiều kích xã hội của Kitô giáo – Sự hiện diện đặc biệt – Ngược đời – Căn nguồn sự ác – Vượt trên thế gian

### **Chương X**

#### **THÁNH THẦN VÀ HY VỌNG ĐẠI KẾT**

- 1) Thánh Thần, điểm hội tụ tâm linh
- 2) Thánh Thần, điểm qui tụ về tín lý
- 3) Thánh Thần và sự hiệp nhất sống động giữa các giáo hội

### **Chương XI**

#### **THÁNH THẦN VÀ ĐỨC MARIA**

- 1) Thánh Thần hay Đức Maria?
- 2) Mẹ Maria trong bối cảnh tác động của Chúa Thánh Thần
- 3) Mẹ Maria, Mẹ chúng ta  
trong Thánh Thần  
Mẹ Maria giúp bảo toàn nhân tính, lòng khiêm tốn, quân bình và khôn ngoan

### **Chương XII**

#### **THÁNH THẦN, NIỀM HY VỌNG CỦA TÔI**

Tuyên dương niềm hy vọng của mình – Sẵn lòng đón nhận Thiên Chúa – Cởi mở với tha nhân – Đối xử với chính mình – Kết luận – Lời nguyện

#### **LỜI KẾT** [255]

Thánh Thần dẫn lối gặp gỡ Đức Kitô –  
Truyền thống – Tiến bộ